BỘ 3 • SỐ 22 • THÁNG HAI, 1991

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

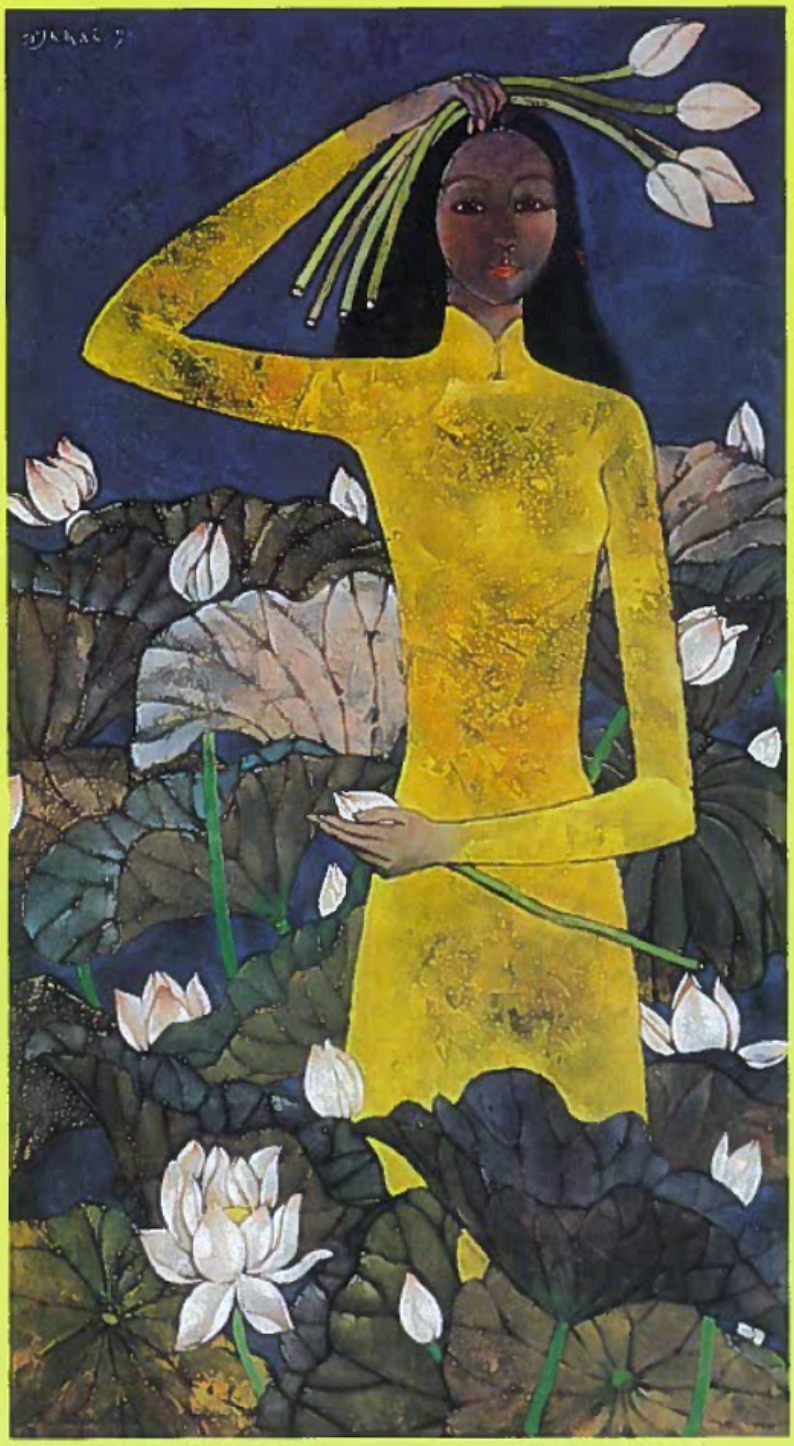

Xuân Tân Mùi

1991

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT!

• Quí Khách đi chợ nhớ đòi cho được một tấm giấy số
để dự cuộc sổ số cuối tuần
với nhiều tặng phẩm thiết dụng và đáng giá

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt cá rau tươi NHẤT
- Đầy đủ các hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người thích NHẤT

CÓ BÁN
LOTTO CẠO

California Lottery
Scratchers®

ĐI CHỢ TRẢ TIỀN ĐIỆN
Little Saigon Supermarket
là đại diện duy nhất của nhà đèn
trả tiền điện cho quí vị

Southern California Edison

LITTLE SÀIGÒN
SUPERMARKET
NGÔI CHỢ ĐANG ĐƯỢC
ĐỒNG HƯƠNG VIỆT NAM
ỦNG HỘ MẠNH NHẤT
TRONG VÙNG

• Mua tận gốc, Bán tận ngọn
• Quí vị được mua hàng với giá hạ nhất,
CHỈ CÓ TẠI CHỢ LITTLE SÀIGÒN

MỞ CỬA 7 NGÀY
TỪ 9AM ĐẾN 9PM

100 NGƯỜI NÓI, 1.000 NGƯỜI TIN, 10.000 NGƯỜI ĐẾN

MỘT SIÊU THỊ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI HẢI NGOẠI

9822 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 ★ Tel: (714) 531-7272

Design by Ngọc Phú

Kính chúc
bạn đọc và thân hữu
một mùa xuân
an vui, thịnh vượng

THẾ KỶ 21

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại **PHÁP:**
* 95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại **TÂY ĐỨC:**
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại **BỈ**
* Đông Sơn Center
1360 Chée De Wavre
RCB 523245
1160 Bruxelles
TVA 559-633-085

Tại **CANADA:**
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
10767 Street
Edmonton - T5H2M2
Canada
Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại **ÚC:**
* Tòa soạn báo Việt Luận
P.O. Box 415
Villawood, NSW 2163
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
PO Box 133 Pascoe Vale
South Vic. 3044 - Australia

* Saigon
Shop 17, Penny Arcade
Cabramatta góc Arthur St.
và Railway trong khu siêu thị
Franklin
Tel. 727-2609

* Mỹ Hóa
3710 Springvale Rd.
Vic. 3171
Tel. (03) 548-2216

Tại **NHẬT BẢN:**
* Mekong Center
F140 Tokyo - To,
Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262
Ichodanchi 72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại **HOA KỲ:**
Minnesota:
* Saigon Bookstore
2950 4th Ave. S.
Minneapolis MN 55408
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Nam Phương
1032 S. Jackson St. #B
Seattle, WA 98104
Tel. (206) 324-6364

Pennsylvania
* Kim Sơn
900 South 8th St.
Phila., PA 19147

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E. Colonial Dr.
Orlando, FL 32803
Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa, FL 33609
Tel. (813) 874-0526

New York:
* Tú Quỳnh
128 Hester St.
New York, NY 10002

Massachusetts:
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA 02122

Louisiana:
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey, LA 70058
Tel. (504) 340-4626

Missouri:
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO 64106
Tel. (816) 421-6838

Texas:
* Mỹ Linh
3512 Walnut
Garland, TX 75042
Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Aiport Blvd.
Austin, TX 78753

* Ngày Nay
8200 Wilcrest #5
Houston, TX 77072
Tel. (713) 568-6400

* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006
* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003
Tel. (713) 224-6615

* Tân Sơn Nhất Express
301 A S.Capitol Ave. #8
San Jose, CA 95127

* Thiên Nga
2929 A Milan St.
Houston, TX 77006
Tel. (713) 520-8013

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
Tel. (713) 650-1770

California:
* Thư Quán
Asian Pacific Plaza
6511 N. Inglewood Ave. #7
Stockton, CA 95207

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
496 S. 2nd St.
San Jose, CA 95113

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Hồng Bàng
1692 Tully Rd #16
San Jose, CA 95129
Tel. (408) 270-0865

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San Jose, CA 95112

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:
* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92543
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21, hoa hồng cao, xin vui lòng liên lạc với Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT
14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
Điện thoại (714) 892-9414

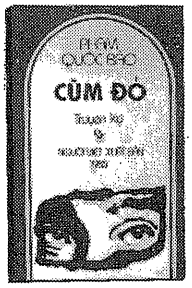

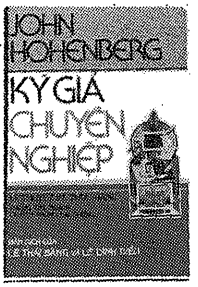

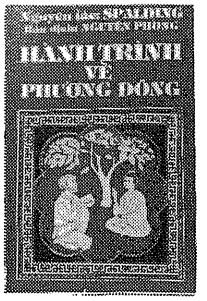

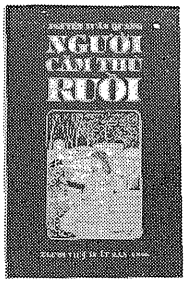

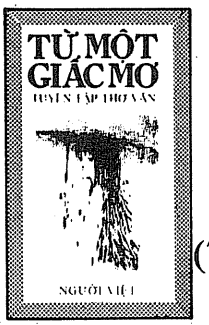

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT
14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

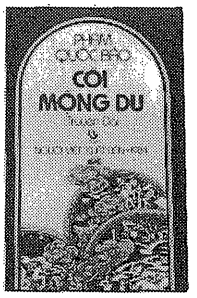

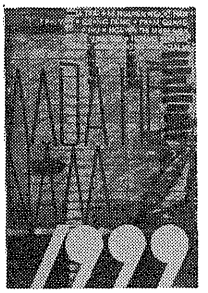

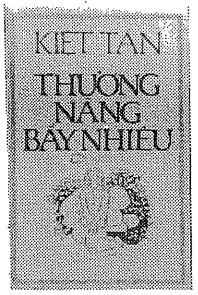

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

THƯ TÒA SOẠN

14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Chủ biên văn học:
Nguyễn Xuân Hoàng
Chủ biên biên khảo:
Lê Đình Điểu
Giám đốc mỹ thuật:
Nguyễn Đồng
Giám đốc trị sự:
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14891 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14891 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

Bạn đọc thân mến,

Thế Kỷ 21 số này đến tay các bạn trong tình hình toàn thế giới đang chăm chú theo dõi cuộc chiến Vùng Vịnh.

Ngày thứ Tư 16 tháng Giêng 1991, tòa Bạch Ốc loan báo các lực lượng đa quốc dưới sự hướng dẫn của Hoa Kỳ đã bắt đầu tấn công vào các mục tiêu tại Iraq và Kuwait. Ngày thứ Năm 17 tháng Giêng, hỏa tiễn Iraq đã trả đũa vào Tel Aviv của Israel.

Như vậy là sau bao nhiêu ngày hàng triệu con người theo dõi chiến sự trong lo âu và nghẹt thở, lò lửa Trung Đông đã nổ và đang bốc cháy.

Trong bài diễn văn trực tiếp truyền hình trên toàn quốc, sau khi phi cơ Mỹ dội bom xuống Baghdad gần 200 phút, Tổng thống Hoa Kỳ George Bush cho biết sẽ không có một cuộc chiến dai dẳng tốn nhiều tiền của và xương máu như cuộc chiến Việt Nam.

Việt Nam một lần nữa lại được người Mỹ, người Iraq và toàn thể thế giới nhắc nhở.

Cuộc chiến còn đang tiếp diễn, nhưng các nhà phân tích thời sự nói lò lửa này tuy cháy lớn sẽ bị dập tắt sớm.

Nhiều người hy vọng như vậy. Và chúng ta càng nên hy vọng như vậy. Bởi vì chúng ta đang chuẩn bị đón giao thừa, đón chào một năm mới. Và nếu tính từ cái đêm mà ánh đèn trên toàn thủ đô Baghdad đồng loạt tắt dưới trận mưa bom của lực lượng đa quốc cho đến đêm giao thừa của năm Tân Mùi 1991 thì cũng là đúng tròn một tháng.

Liệu Cuộc chiến Trung Đông có thể kết thúc trong một tháng chăng? Không ai biết. Nhưng mùa Xuân là mùa của hy vọng. Chúng ta, những người Việt Nam trên toàn thế giới, luôn luôn cầu nguyện hòa bình và chúc những điều tốt đẹp cho nhau trong dịp đầu xuân, chúng ta ước mong và tin tưởng toàn thể thế giới sẽ đón xuân năm nay trong hòa bình và an lạc.

Thế Kỷ 21 cũng xin chúc những điều tốt lành như vậy đến với toàn thể bạn đọc. K

Tranh bìa
Nguyên Khai
Trình bày bìa
Nguyễn Thị Hợp

MỤC LỤC

CHÍNH TRỊ / BÌNH LUẬN

VƯƠNG HỮU BỘT
Vang vang trời vào xuân / 7
HOÀNG LINH
Vài suy nghĩ cuối năm và cuối mùa / 15
TÔN THẤT THIỆN
Theo lý tưởng hay theo đảng? / 19
NGUYỄN HỮU CHUNG
Cương lĩnh / 24

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

LƯU ĐÌNH VONG / KHÁNH TRƯỜNG
Chân dung bốn nét / 26
MAI THẢO
Chuyến Metro đi từ Belleville / 28
BÙI GIÁNG
Thơ Xuân / 34
NGUYỄN NGỌC NGẠN
Tin đồn / 36
NGUYỄN ĐỨC LẬP
Con búp bê không nhồi bông / 42
ĐỖ QUÝ TOÀN
Thơ ở làng Cây Phong / 46
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Vu quy / 48
TRẦN DIỆU HẰNG
Nhìn lại Douala lần cuối / 52
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC
Một chàng phong nhã / 59
PHẠM XUÂN ĐÀI
Chùa là cái Thiện của Làng / 63
OCTAVIO PAZ / THẠCH CHƯƠNG dịch
Đi tìm hiện tại / 66

THƠ: HẢI LINH, BÙI GIÁNG, TRẦN SA, HUỲNH LIỄU NGẠN, ĐỖ QUÝ TOÀN, TRỊNH Y THƯ, TRẦN MỘNG TÚ

HỌA: KHÁNH TRƯỜNG, BÉ KÝ

HÍ HỌA: VẸT

BIÊN KHẢO: THẾ UYÊN, *Áp lực kinh tế của người Hoa đối với Việt Nam (Phần II) / 73*

CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

LÊ THỤY, Thời sự trong tháng / 80 • NGUYỄN NAM ANH, Sách báo trong tháng / 83 • THẾ KỶ 21, Mục lục chỉ dẫn từ số 19 đến số 21.

Vang vang trời vào xuân

VƯƠNG HỮU BỘT

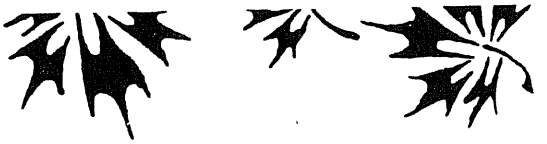

Hãy cứu trẻ thơ

Cách đây hơn nửa thế kỷ, Lỗ Tấn kết thúc *Nhật Ký của Người Điên* bằng một tiếng kêu hốt hoảng: "Hãy cứu bọn trẻ con". Tiếng kêu đó, bây giờ ở nước ta vẫn khẩn thiết.

Nhân vật Bé Hon của Phạm Thị Hoài chẳng hạn. Cô nhà văn rất làm dáng lại yêu nhân vật hài đồng rất hồn nhiên. Bé Hon "ban phát nụ cười mê hồn cho muôn vật... Thế giới vụt sáng trong và hiền lành, mang bộ mặt hài đồng ngủ trong nôi". Khi tập nói Bé Hon chỉ nói: "thơm nào! thơm nào!" nó muốn hôn tất cả mọi người. Bữa người anh cả nhận được giấy nhập ngũ trở lại, anh lo lắng thấn thờ. Bé Hon đến bên, đòi "Thơm nào". Anh gạt nó ra, tàn nhẫn: "Cút!". Bé Hon đi nằm, thiêm thiếp, chết lúc nào không ai hay. Mẹ nó cấm khẩu, suốt một tuần. Khi nói được trở lại, mẹ chỉ nhớ các lời nguyền rủa.

Một đám trẻ em, nhân vật của Trần Văn Thủy, phim *Chuyện Tử Tế*. Các em ngồi dán biểu ngữ, có hai chữ: VĨ ĐẠI. Nhà bình luận trong phim hỏi: "Các em có thấy cái gì vĩ đại bao giờ chưa?" Trẻ lắc đầu.

Một nhân vật không tên của Nguyễn Huy Thiệp, trong một truyện ngắn không phải truyện. Cô thiếu nữ X, 16 tuổi, ở với bố, bà mẹ mù, và ba đứa em. Cô giết bố, đốt nhà, làm chết ba đứa em.

Nghĩ đến trẻ em

Viết về tương lai nước Việt Nam, chúng ta quen viết cho người lớn đọc. Cho nên nghĩ đến người lớn. Bây giờ hãy nghĩ đến trẻ em, thương trẻ em, các nạn nhân của người lớn. Phạm Xuân Đài viết từ trong nước, gởi cho Xuân *Người Việt* năm ngoái, tả cảnh người ta phá ống nước công cộng, chửi nhau một cách thản nhiên. "Xã hội đối đãi với con người tàn nhẫn quá. Một nhân vật kịch của Lưu Quang Vũ bị bố hắt hủi, vì đảng bắt buộc bỏ gia đình bà vợ thuộc thành phần phản động. Nhân vật đó lớn lên nói: *"Ông không phải là bố tôi"*. Đến lượt con của nhân vật này, 18 tuổi, thế hệ thứ ba. Cậu thanh niên nói với bố: "Con không phải là con của bố. Nếu cần, con còn có thể mua được giấy tờ chứng minh rằng con là bố của bố nữa kia" Nhà dột từ nóc dột xuống. Cha ăn ở không xứng đáng làm cha, thì con hư hỏng. Nhưng người cha cũng có khi là nạn nhân thì sao?

Trong truyện dài *Ác Mộng* của Ngô Ngọc Bội, ông giáo Lê Đôn là một nạn nhân. Ông tham gia kháng chiến, có công, nhưng đến khi cải cách ruộng đất thì ông bị tố cáo là địa chủ kháng chiến. Vợ ông phải đấu tố chồng. Học trò ông tố thầy. Tòa án nhân dân muốn ông phải phạm đủ các tội của một địa chủ tiêu biểu. Hai đứa con ông, 16 và 11 tuổi đã bỏ làng đi, trốn lên miền núi, ở với người Mán. Mấy năm sau, sửa sai. Ông được đổi lại từ địa chủ cường hào ác bá thành địa chủ kháng chiến. Con rể ông, cũng là một cán bộ cải cách ruộng đất, đã đi lên tận miền núi để tìm hai em. Hai em đã biến thànhh người Mán hoàn toàn, không nhận anh, không nhận cha mẹ cũ, nhất định không trở về.

Chúng ta đang có cả triệu đứa con biệt xứ như vậy. Làm sao cho họ trở về? Một nhân vật của Ngô Ngọc Bội than: *"Bố mẹ chết rồi, anh em ly tán, máu mủ họ hàng chẳng biết thương nhau ... Cái đất nước này chỉ cần ba lần làm, ba lần sửa sai như thế thôi, nó sẽ trở thành một vùng hoang mạc"*.

Chúng ta là những đứa trẻ mồ côi, bố mẹ chết rồi, anh em ly tán, máu mủ họ hàng chẳng biết thương nhau...

Lửa hy vọng

Nếu thương nhau được thì chắc còn hy vọng. Chỉ đòi hỏi ít hơn thì nói: nếu bớt thù ghét nhau được thì vẫn còn hy vọng. Bớt thù hận, đối xử với nhau như người với người, dù chỉ là người dưng nước lã, cũng là quý lắm.

Truyện *Ác Mộng* chấm dứt cuối chương chín với một hình ảnh cảm động, khiến ta yêu con người, yêu người Việt, thương chính mình. Lúc đó gia đình ông giáo Lê Đôn đã được trở về căn nhà cũ. Nhà tan hoang. Mấy anh chị bần cố nông đã chiếm nhà ở mấy năm. Bọn đó lười biếng, chia nhau lấy đồ ở trong nhà đem bán. Bán hết đồ thì họ phá dần đến... nhà đã gỡ cả cánh cửa, cả bàn thờ đem đi bán. Thậm chí có cái bát hương của gia bảo, truyền giữ từ năm, sáu trăm năm, chúng nó cũng đem đi đổi lấy gạo. Đoạn chót, gia đình được phép cải táng cho ông giáo. Hai xương cánh tay bị trói bằng dây dù gỡ không được. Anh con

rể ghé răng cắn không đứt. "Khốn nạn quá, chả nhẽ lại không tháo dây trói cho thầy"Tác giả kể thêm "Đã có nơi người ta lấy đoạn dây thép về thờ,, địa phương phải cho người lẩn vào nhà ăn cắp để thủ tiêu. . . có anh cán bộ đã nhặt ba cái đầu đạn cất đi. Chi bộ phải dỗ mãi anh mớidem ra trả, rồi mang vứt xuống sông." Oán mờ trời đất, ai quên được. May mắn cho chúng ta, các tác giả như Ngô Ngọc Bội không bị bệnh mất trí nhớ mà nhà khoa học Phương Lệ Chi mô tả. Dân tộc ta cũng chưa mất trí nhớ. Buổi chiều, sau lễ cải táng, cả nhà ông giáo đang ăn cơm thì có một ông khách lạ lớn tuổi đến nhà, bước vào một cách rất tự nhiên. Ông lôi từ trong túi ra một cái bát hương cổ. Ông tự đặt lên bàn thờ:

"Tôi người xã bên, quen thân ông Lê Đôn từ nhỏ. Có người bên làng ta đem bán cho tôi cái bát hương nầy. Chẳng đáng bao nhiêu đâu, chỉ hai đấu gạo thôi. Tôi là người Công giáo, bên chúng tôi không thờ bát hương. Nhưng biết của gia đình ông Lê Đôn, của gia bảo, nên tôi đã trả hai đấu gạo, và giữ lại. *Hôm nay gia đình làm việc 'thay nhà' cho ông*". . . ông nghẹn ngào bật khóc, *"Tôi trả lại cho gia đình để thờ phụng tổ tiên, 'Uống nước nhớ nguồn!' Thứ này nếu tôi tham lam đem bán cũng có thể kiếm cho cháu chiếc xe đạp sang, nhưng tôi là người có Đạo, không bao giờ làm thế*. . . Ở vùng ta những người như ông Lê Đôn rất hiếm hoi. . . Tôi xin phép cắm một tuần nhang. . . tưởng niệm ông. . ."

Dân tộc ta còn trí nhớ. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có Đạo Lý, người bên lương hay bên giáo cũng *Có Đạo*. Sau bao nhiêu cơn Ác Mộng, Bàng Hoàng, diệt Trí Phú Địa Hào, Cải cách ruộng đất, đánh tư sản, nền Đạo Lý của con người Việt vẫn còn. Đó là một thông điệp của hy vọng. Cuốn tiểu thuyết của Ngô Ngọc Bội kể chuyện đau thương nhưng sau cùng vẫn không tuyệt vọng.

Đổi mới, về nếp cũ

Chúng ta thấy hy vọng vì trong cảnh cùng quẩn nhất con người vẫn đối xử với nhau ra con người. Cái đạo lý làm người nằm ở trong tâm, chẳng cần tìm đâu xa. Một người bên giáo, không thờ bát hương, nhưng hiểu cái bát hương gia bảo của người bên lương nó quý báu thế nào. Hiểu lòng người khác, suy ở lòng mình, thương xót nhau, giúp nhau mà không vì lý do nào khác ngoài cái tình con người với con người. Chúng ta còn giữ được những nền nếp đơn sơ đó chăng?

Trước khi có những khẩu hiệu đổi mới, một số nhà văn đã được phép viết về các cảnh băng hoại của đạo đức. *Mùa Lá Rụng Trong Vườn* của Ma Văn Kháng phơi bày cảnh thanh thiếu niên mất dạy, cảnh con hư chửi mẹ, xã hội sa đọa. Làm cách nào cứu vãn? Ma Văn Kháng đề nghị trở về từ nếp sống gia đình, giữ đạo đức từ trong gia đình. Vợ chồng, con cái thương xót nhau. Ma Văn Kháng coi đó là pháo đài cố thủ dân ta phải rút vào đó để tự vệ. Ở nước ngoài tôi đề nghị gia đình phải là một tổ ấm, có lẽ vì sức tấn công ở quanh nhẹ hơn.

Karl Marx coi tình cảm gia đình là thứ vụn vặt, giành cho bọn tiểu tư sản. Con người vô sản phải gạt bỏ. Marx viết cho An-nen-cốp ngày 28 tháng Mười Hai, 1846, khi phê bình Pru-đông, ông chê rằng: "Những lời huyênh hoang của ông ta về gia đình, về tình yêu vợ chồng, và những chuyện nhạt nhẽo kiểu ấy" (*Một số thư. . .*, Sự Thật xuất bản, Hànội 1976, trang 25).

Nhưng tình gia đình nó tự nhiên lắm, không ai tiêu diệt được. Trong năm bổn phận của thiếu niên, được mang truyền bá suốt 50 năm ở Việt Nam, không có bổn phận nào đối với cha mẹ. Thượng tọa Nhất Hạnh đã nêu lên nhận xét đó khi nói đến vai trò gia đình trong văn hóa Việt Nam. Nhưng vì tình gia đình tự nhiên quá, nên 50 năm "tẩy não" cũng không làm người Việt quên đi. Bây giờ chính các đảng viên cộng sản như Ma Văn Kháng, Ngô Ngọc Bội đi tìm lại cái nền tảng văn hóa xưa đó. Trần Văn Thủy nói ở Đức, tháng Tư năm 1990: *"Đổi mới tức là trở lại một số những cái cũ đã bị vùi lấp hoặc bỏ quên. . .* (những cái có) *trước năm 1975 tại miền Nam, hay ngay ở Hànội trước 54. . ."* Trước năm 1954 Trần Văn Thủy chưa 15 tuổi, chắc còn được học, và hấp thụ những giá trị đơn sơ như: cha mẹ phải yêu con, con phải kính trọng cha mẹ, thật thà là cha quỷ quái, thương người như thể thương thân. Sức mạnh của những luân lý cơ bản đó là nó ở gần lòng người. Cha mẹ yêu con vì con người vốn tính như vậy, không phải vì có một chủ nghĩa ưu việt nào dạy phải yêu con, không phải vì có chế độ nào hứa thưởng huân chương, dựng đài kỷ niệm. Khi cha mẹ được phép yêu con, thì con tự nhiên kính yêu cha mẹ. Cái nếp cũ đó có từ ngàn năm hay hàng vạn năm? Đâu có ai đặt ra? Ai mà diệt được?

Nói chuyện chữ Tâm

Trong phim *Hànội trong mắt ai* Trần Văn Thủy đã chiếu cảnh đền thờ vua Quang Trung. Nhà làm phim nhận xét: trên bức tượng vua Quang Trung dân ta không thờ chữ *Vũ* hay chữ Dũng, mà thờ chữ *Tâm* sáng chói. Nguyễn Du viết: "Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài". *Mấy ngàn câu thơ trác tuyệt của truyện Kiều kết thúc bằng chữ Tâm.* Một vầng trăng khuyết ba sao giữa giời.

Năm 1237, Trần Thái Tông bỏ ngôi vua, tìm lên núi Yên Tử xin vào chùa đi tu. Trần Thủ Độ mang quần thần đến chùa năn nỉ nhà vua trở về. Trước nỗi hoang mang của một thanh niên 20 tuổi mà phải gánh nhiệm vụ lãnh đạo quốc dân, vị thiền sư chùa Trúc Lâm đã dạy nhà vua rằng:

"Người làm vua phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy Tâm thiên hạ làm Tâm của mình. Bây giờ thiên hạ muốn ngài về làm vua, ngài không về sao được"

Đạo trị nước của tổ tiên chúng ta tóm tắt ở câu nói: "dĩ thiên hạ chi dục vi dục, dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm" Lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình, vua chúa bây giờ nên nhớ.

Năm 1945 tấm lòng của dân Việt muốn giành lại độc lập, ai đứng lên hô hào yêu nước, cứu nước, cả dân tộc sẵn sàng theo. Nhưng khi khẩu hiệu đổi thành "yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa" thì thiên hạ đã thấy là cả nước bị lừa. Đối với mấy người đã vô ý tham dự vào cuộc lừa đảo này, bây giờ là lúc phải quán chiếu lại tâm mình, và cùng nhau sám hối. Trong truyện ngắn đã dẫn ở trên, Nguyễn Huy Thiệp viết: *"Tội ác sinh ra tội ác ... Tội ác cứ nhận thêm. Và đến lúc nào đầy, trên cái mảnh đất khốn nạn này, trên cái mảnh đất yêu dấu của chúng ta, sẽ bốc lửa. Sự trừng phạt đến. Sẽ đến ngày phán xử cuối cùng".*

Nói chuyện sám hối

Lửa đã bốc trong lòng người. Nhà văn đã trông thấy. Lửa sám hối.

Cô gái 16 tuổi trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp dặn dò trước khi tự treo cổ chết: "Chú ơi, cháu có chết cũng chẳng ai thương. Cháu xin chú hai việc, chú mua cho cháu một vòng hoa, chú đọc cho cháu một bài kinh sám hối. Cháu muốn được chết như mọi người. Xuống âm phủ cháu chẳng quên ơn, cháu sẽ phù hộ cho chú suốt đời".

Tác giả đã vào chùa chép nguyên bài *Sám Hối Văn* bằng chữ Hán trong *Kinh A Di Đà*, ghi vào cuối truyện, với lời yêu cầu "tôi xin tờ báo nào in truyện ngắn này hãy vì linh hồn kẻ xấu số kia mà giữ nguyên văn bài kinh". Bài văn sám hối mở đầu:

Đại từ đại bi mẫn chúng sinh
Đại hỷ đại xả tế hàm thức
(Đại từ đại bi thương chúng sinh
Đại hỷ đại xả cứu muôn loài)
. . . . . .

Có người từ miền Bắc chạy qua đây kể chuyện rằng chùa chiền ngoài đó bị chiếm đoạt gần hết. Sư, ni bị đuổi đi, nhà nước cử mấy phế binh vào làm thầy cúng, họ ăn mặn, có cả vợ con ở ngay trong chùa. . .

Vậy mà sao một bài Sám Hối Văn, bằng âm Hán Việt tai nghe thấy khó hiểu, vẫn còn làm rung động lòng người?

Sở hữu chúng sinh thân, khẩu, ý
Kiến hoặc đàn báng ngã pháp đẳng
Như thị nhất thiết chư nghiệp chướng
Tất giai tiêu diệt tận vô dư

Ở miền Nam, linh mục Chân Tín cũng đọc ba bài "Sám Hối", cho mỗi cá nhân, cho giáo hội, và

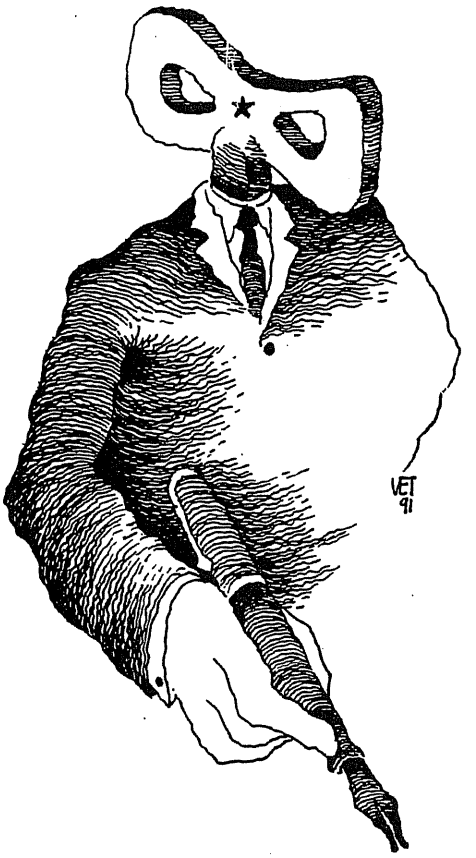

cho đất nước. Người Công giáo Việt Nam hay nói "ăn năn sám hối". Dù lương hay giáo, dân ta cũng là dân "Có Đạo".

Thượng vô lễ, Hạ vô học

"Chúng ta đang sống trong một đất nước mà bi kịch ở con người chủ yếu do khát vọng về miếng ăn và nhà ở gây ra. Đây là thứ bi kịch thảm hại nhất trong các bi kịch". Nhân vật kể chuyện của Nguyễn Huy Thiệp nói như vậy. Cô gái giết cha là người dân muốn nổi loạn.

Vào cuối năm ở nước ngoài, nhiều người Việt Nam đang băn khoăn không biết nên đi dự đám tiệc tất niên nào, mặc bộ nào, nên mời ai tới ăn mừng xuân mới. Ở trong nước, có nhiều người sáng thức dậy tự hỏi bữa nay có gì ăn, cho chồng, cho vợ, cho con ăn. Mánh mung ở đâu cho ra bát gạo? Ăn cắp ở đâu cho có miếng thịt? Lừa đảo ai để có đồng tiền đi mua đồ ngoại?

Cái khó nó bó cái khôn. Nó bó cả cái ngoan.

Trong một bài trước tôi viết tình trạng ở nước ta đúng là vô đạo, vô pháp, căn cứ vào câu "Thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ" của thầy Mạnh Tử. Từ nhỏ quen gọi ông cụ người Trung Quốc này là thầy rồi, bây giờ buột miệng ra vẫn gọi là thầy, nghe rất trìu mến, có thủy chung.

Trong thiên Ly Lâu Thượng, thầy Mạnh nói:

"Thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ
Triều bất tín đạo, công bất tín độ
Quân tử phạm nghĩa, tiểu nhân phạm hình
Quốc chi sở tồn giả, hạnh dã."

Xin tạm hiểu: "Trên không có Đường (Đạo) để mà theo. Dưới không có pháp luật để ràng buộc. Trong triều đình không tin đạo lý. Quan chức ở ngoài không tin ở luật pháp. Người trên phạm nghĩa. Kẻ dưới phạm luật. Một chế độ như vậy mà tồn tại được, thật là điều hiếm khi xảy ra."

Trong đoạn này thầy Mạnh không đóng vai một nhà luân lý đâu. Ông là một người quan sát cảnh xã hội, bây giờ gọi ông là nhà xã hội học. Ông không đủ ngã ái, ngã mạn để mà quả quyết một định luật như Karl Marx: "Cái quốc gia như vậy thì tất yếu sẽ giẫy chết!" Ông chỉ nói lên một nhận xét: "Nước đó mà còn, hiếm lắm!" Theo lối các nhà khoa học bây giờ, họ sẽ nói: "Xác suất để cho các chế độ đó tồn tại là xác suất rất nhỏ"—năm phần trăm? Mười phần trăm? Làm sao xác suất đó triệt tiêu?

Trong đoạn sau, thầy Mạnh đóng vai trò một cố vấn Bộ Chính trị, ông khuyên:

"Thành quách bất hoàn, binh giáp bất đa, phi quốc chi tai dã": Thành trì không đủ, binh giáp không nhiều, chẳng phải là tai họa của nước. Ruột đất chưa mở mang, đồ tiêu dùng không chứa nhiều, cũng chưa phải là tai họa. Nhưng:

"Thượng vô lễ
Hạ vô học
Tặc dân hưng
Táng vô nhật hĩ"

Dịch: Trên không lễ - Dưới không học - Số dân muốn làm giặc thì lên cao - Chẳng mấy ngày họa diệt vong sẽ tới.

Chẳng mấy ngày là bao lâu? Các nhà khoa học thường dè dặt, nhất là trong khoa học xã hội. Trong phòng thí nghiệm người ta có thể kiểm soát, giữ các điều kiện không đổi, cho một tác nhân thay đổi rồi chờ coi kết quả xảy ra thế nào. Trong xã hội, có bao nhiêu tác nhân trùng trùng hỗ tương ảnh hưởng. Đoán trước cái "hướng tất yếu của lịch sử" là việc làm hồ đồ, nhà khoa học không làm. Muốn thấy câu "táng vô nhật hĩ" thể hiện ra sự thật, chúng ta phải tự mình làm những tác nhân. Trước năm 1975 tôi đã nhắc đến (trong báo *Đại Dân Tộc*) câu tiên tri của Mạnh Tử "thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ, . . . quốc chi sở tồn giả, hạnh dã". Lúc đó miền Nam cũng hiện ra cảnh vô pháp, vô đạo. Mấy hôm gần đây nhờ ông bạn Hoàng Chiều Nhân đến ngồi cùng, đọc lại Mạnh Tử, bạn giải thích thêm đoạn sau. Nhờ thế trong ngôn ngữ phê bình xã hội của Mạnh Tử, ngoài chữ "vô đạo, vô pháp", tôi lại học thêm: "Thượng vô lễ, hạ vô học". Ở làng Kim Liên, quê cụ Hồ, một nhà báo hỏi cậu bé tại sao cháu bỏ học, em bé nói: "Học để làm gì?" (*Đất Quảng* số 62)

Tâm từ bi

Trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, tình trạng "Thượng vô lễ hạ vô học" được phơi bày lạnh lùng. Tác giả gọi nó là "Sự mông muội về tinh thần". Một tên đã cầm dao nhọn đâm chết hai mẹ con người hàng xóm. Tác giả tả rằng hắn trông thật hiền lành, lừ đừ như ông từ giữ đền. *"Hỏi vì sao hắn giết người hắn nghĩ ngợi một chút rồi bảo: "Dao vừa mới mài xong"*. Người phạm tội này trong mấy chục năm qua đã nghe bao nhiêu khẩu hiệu chiến đấu, thi đua. Anh ta có bao giờ được mẹ ôm trong tay ru những lời như "thương người như thể thương thân" hay chăng? Tội nghiệp anh biết bao!

"Trên cái mảnh đất yêu dấu của chúng ta", Nguyễn Huy Thiệp hỏi cô gái K, 16 tuổi, "Cô có biết tình yêu là gì không?" Cô ấy nói không. Trên mảnh đất yêu dấu đó, Thiệp nói "Tội ác không bao giờ biết đến tình yêu". Vậy ai yêu dấu mảnh đất đó? Ai còn biết yêu dấu? Người kể chuyện đã động lòng xót thương. Đã giữ lời hứa với cô gái, đã để một vòng hoa lên mộ cô, đã chép nguyên bài *Sám hối văn* vào cuối chuyện. Đọc tới dòng cuối của truyện "Tội ác và Trừng phạt", độc giả rợn người. Tôi đã đọc đầy đủ, từng chữ một, cả bài Sám hối văn, dù nhiều đoạn tôi không hiểu gì cả. Nhưng các âm thanh này nghe quen quá. Các âm điệu đã ở sẵn trong gene, trong hạt giống di truyền, từ bao kiếp rồi. Có một loài bướm ở Bắc Mỹ mỗi mùa thu bay xuống miền Nam theo nắng ấm, đến mùa xuân năm sau lại theo gió bay về phía Bắc. Những con bướm nhỏ bé xinh xắn đó trở về đúng cái thung lũng từng là địa điểm khởi hành. Không khác gì các loài chùn thiên di. Chỉ khác là kiếp bướm ngắn ngủi lắm. Từ lúc ra đi đến lúc trở về, tất cả là ba thế hệ. Ông bà ra đi, khi trở về quê cũ là cháu nội, cháu ngoại. Trong cái gene của con bướm đã chứa bảng chỉ đường trở về nơi ông bà xuất phát. Trong cái gene của loài người, của con người Việt Nam trong chúng

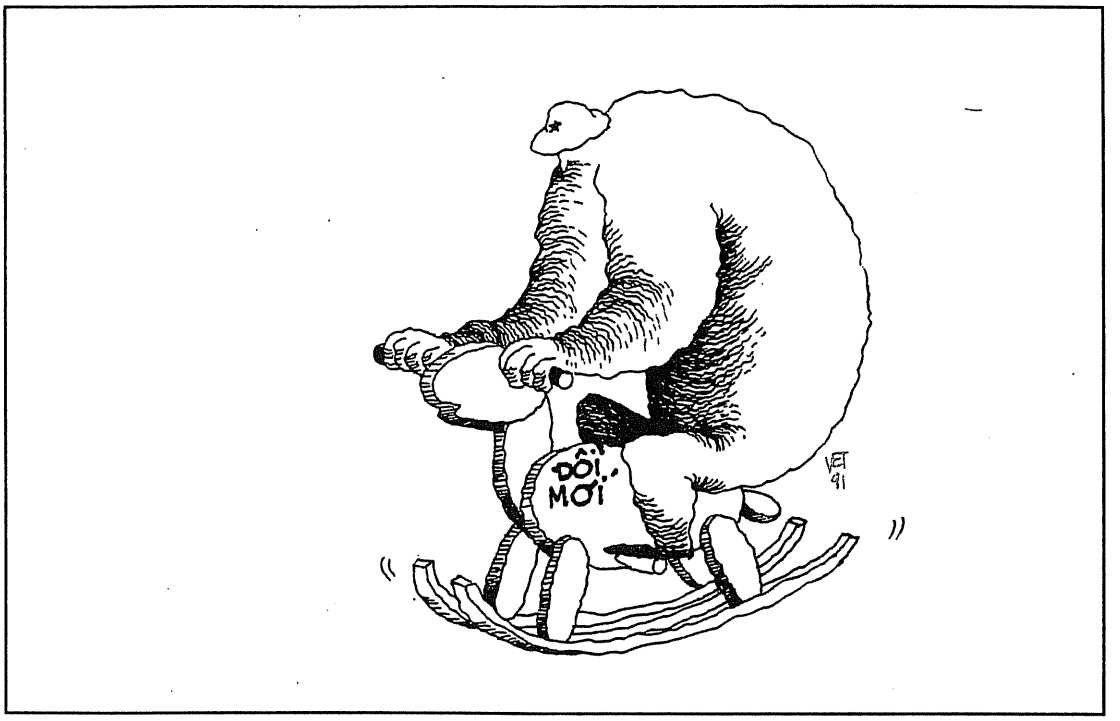

ta, chắc còn các âm thanh và rung cảm bài của Sám hối văn, đã reo rắc bao kiếp những dấu ấn chưa phai nhòa.

Đọc tới bài Sám hối văn trong truyện *Tội ác và Trừng phạt* thấy rợn người. Vì đây không còn là đọc truyện, là việc thưởng thức văn chương nữa. Độc giả tham dự bằng hành động. Người kể chuyện và người đọc chuyện cùng tham dự vào câu chuyện thương tâm này. Cả hai cùng bỏ công, người chép người đọc, một bài văn Sám hối. Họ có thể không tin đức Phật A Di Đà. Nhưng vì lòng quá xót thương cô gái 16 tuổi đã tự tử, vì xót thương đồng loại, xót thương đồng bào, nên tác giả thì chép đầy đủ bài kinh văn, người thợ in sắp đủ chữ cả bài, và người đọc bỏ công đọc từng chữ cả bài văn Sám hối. Một hành động xót thương không cần biện minh, lý luận, không cần giải thích, hoàn toàn vô vị lợi. Xót thương thuần, xót thương ròng, cho nên đó là tâm từ bi, vô lậu. Cử chỉ đặt vòng hoa cũng vậy. Có ai tin người chết sẽ về ngắm và ngửi bông hoa đâu? Nhưng đặt một vòng hoa.

Sám hối là đánh thức tình yêu thương ở trong mình. Bài Sám hối văn mở đầu bằng ý tưởng: "Đại từ đại bi thương chúng sinh". Chúng ta chỉ nghe thấy một lời tán dương: "Trên thế giới này có lòng từ rất lớn, có lòng từ bi rất lớn". Chúng ta cùng tắm trong dòng từ bi sông cả đó. Sám hối là chọn thái độ lạc quan, lấy tin yêu làm điểm khởi đầu. Người sám hối không phải chỉ nói: "tôi xấu lắm, tôi dơ bẩn, tôi ác lắm, tôi có lỗi". Người sám hối tán dương tình thương yêu để chính mình tắm trong tình thương yêu. Để ước mong muôn loài tắm gội bằng tình thương yêu. Đọc bài Sám hối cũng như đặt một vòng hoa. Lòng mình chân thành nên thế giới đã biến chuyển, thế giới được cứu rỗi. Một vị linh mục dòng Biển Đích, gốc Ái Nhĩ Lan, nói với tôi: "Cầu nguyện Chúa là biến mình thành lời nguyện" Tôi thưa tiếp: "Biến cả thế giới thành lời cầu nguyện".

Con đường

Tác giả câu chuyện có thể chỉ cần làm công việc tường thuật: Theo lời yêu cầu của cô gái, tôi đã đặt một vòng hoa lên mộ cô, tôi đã vào chùa xin sư ông tụng một bài kinh sám hối cho cô. Chấm hết. Tại sao tác giả cẩn thận chép cả một bài Sám hối văn, âm chữ Hán, và còn yêu cầu báo nào đăng truyện xin đăng nguyên văn?

Vì chúng ta không thể đóng vai khách bàng quan, kể chuyện mãi được. Nếu trên thế giới này có tội ác, thì chính chúng ta đang tham dự. Nếu trên mảnh đất yêu dấu của chúng ta con người làm điều ác, thì chính chúng ta phải sám hối.

Chúng ta phải lập một liên minh hòa bình để cứu đất nước bé bỏng kia. Có phải không? Nguyễn Huy Thiệp tự bỏ vai trò nhà văn, người quan sát. *"Cải tạo đời sống vật chất và tinh thần. Luôn đề cao ý thức hướng thiện. Đấy chính là con đường, là Đạo."* Nhà luân lý đang nói.

Đạo không ở nơi xa xôi nào, đạo bất viễn nhân. Đạo không phải là một chủ nghĩa ưu việt để người ta xụp lạy. Đạo bắt đầu ở trong lòng người. *Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân.* Nhờ chúng ta tự thấy đạo ở trong lòng mình, nhờ chúng ta thể hiện lòng từ bi tinh thuần, bất cầu, vô vị lợi, nên chúng ta đều là người Có Đạo. Đạo là nguồn suối nhân bản. Nhiều thế hệ nhà nho

thế kỷ 19 cứ tưởng mình theo thầy Khổng, nhưng đã quên "Nhân năng hoằng đạo", đã bắt con người phải khép nép tuân theo các lễ tục khô cứng. Làm cạn dòng nhân bản, bỏ mất đạo.

Đạo cũng không phải chỉ là ý tưởng, là lý thuyết trừu tượng. Đạo là hành động. Có thể tưởng tượng một người Công giáo mà không chịu phép mình thánh Chúa hay chăng? Người Phật tử mà không giữ gìn thân, khẩu, ý cho thanh tịnh có còn là Phật tử hay không? Lỗ Tấn đã nhớ đến câu nói của Trang Tử: *Đạo hành chi nhi thành*, con đường nhờ có người đi mà thành. Lỗ Tấn kết thúc truyện Cố Hương: "Trên mặt đất vốn không có đường. Nhờ có người đi mà thành ra đường".

Trên hành tinh của chúng ta có biết bao nhiêu con đường, bao thế kỷ, đã bao nhiêu người đi mà thành.

Dân tộc ta đang gởi hai triệu đứa con ra ngoài, đi trên khắp các ngả đường, khắp thế giới, khám phá ra các con đường mới. Không lẽ anh chị em chúng ta ở trong nước cứ đi theo mãi một đường độc - đạo, con đường cụt? Tìm trở lại con đường thênh thang là tìm lại lòng người. Sám hối để đánh thức lòng từ bi. Vì lòng từ giúp cho người thêm hạnh phúc. Vì lòng bi giúp cho người bớt khổ đau. Chúng ta phải bắt đầu lại. Đạo hành chi nhi thành, phải bắt đầu bước đi.

Từ Bi là "sớm cho người thêm niềm vui, chiều giúp người bớt khổ" (Văn Qui nguyện). Cái hạnh nguyện đó phát xuất từ trong lòng mỗi người, Tâm. Nguyễn Huy Thiệp mô tả Q. một cô gái trưởng giả mới, ở Hànội. Q. tốt nghiệp đại học, nói thạo tiếng Anh, tiếng Nga. Nhưng "sự buông thả bản năng và sự lơi lỏng ý thức hướng thiện đã biến Q. thành một con điếm thượng lưu" (Thượng vô đạo quỹ). Và Nguyễn Huy Thiệp nhận xét: "Trong tâm hồn cô, mất dần đi sự thông cảm với người bình dân, *mất cả khả năng xét đoán nội tâm mình và người khác*". Chúng ta cũng phải sám hối cho mấy cô điếm thượng lưu này.

Quán chiếu Lòng Mình

Sám hối cũng là xét đoán nội tâm mình và người khác, còn gọi là quán chiếu. Như vậy thì sám hối không phải là tự dằn vặt đầy vò, tự làm mình đau khổ? Sám hối là cởi trói, là tự lắng lòng mình, tự quán chiếu nội tâm mình, tự tìm ra những nguyên nhân gây ra oan nghiệt. Cả nền văn nghệ mới ở trong nước đang làm công tác quán chiếu tập thể đó. Dương Thu Hương, Ngô Ngọc Bội, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Duy, phải chăng họ đều đang tự soi lòng mình, tự hỏi tại sao đất nước mình lại đau khổ như thế vậy? Tất cả mấy tác giả, nhà đạo diễn cuối cùng, đều nói đến chữ Tâm. "Mạnh tâm linh trong sạch vô ngần", thơ Nguyễn Duy viết như vậy.

Nếu không nhờ di sản của văn hiến tổ tiên thì chúng ta không biết nói tới cái tâm trong sạch vô ngần đó.

Mỗi người mang trong mình một mảnh tâm trong sáng. Cả dân tộc soi chung cái tâm cộng đồng trong sáng từ mấy ngàn năm. Khi nhà sư chùa Yên Tử khuyên ông vua Trần Thái Tông, 20 tuổi, hãy "lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình", ông cũng dặn dò ngài phải thường xuyên quán chiếu cái tâm cộng đồng của dân tộc.

Lời khuyên trên rõ ràng không vẽ ra một sơ đồ cương lĩnh chánh trị, bảo người làm vua phải làm gì, làm gì. Vì các sơ đồ chánh trị, các học thuyết, sẽ tùy thời thay đổi. Xã hội thay đổi, nhu cầu và hiểu biết của mọi người thay đổi, cái đó loài người biết từ lâu. Nhưng Karl Marx là người có công quán chiếu xã hội Âu Mỹ vào thế kỷ 19 và ông thấy cái tâm của loài người không cho phép duy trì cảnh mạnh được yếu thua, tham lam vô độ, tha hóa, vong thân. Ông thấy rõ đời sống kinh tế, văn hóa, chánh trị ràng buộc mật thiết với nhau. Vậy cái sai lầm nào của ông đã gây tai họa cho nửa nhân loại? Vì trong lúc say mê với những phân tích thông minh của lý trí, ông đã đi xa dần dần tấm lòng đơn sơ của con người. Ông đã giả thiết rằng có thể tiến đến một xã hội hoàn thiện với các con người hoàn thiện. (Như khi đấng cứu chuộc giáng sinh). Nếu quán chiếu lòng người một cách bình tĩnh và có lòng xót thương hơn thì ta biết con người vốn bất toàn, có xấu, có tốt, rất tội nghiệp. Karl Marx giả thiết rằng một chế độ chuyên chính vô sản sẽ tự giải thể để tiến tới một xã hội hoàn thiện, vô giai cấp. Giả thiết đó bao hàm ý tưởng có thể dùng bạo lực để cứu thế, dùng cái ác để gây dựng cái thiện. Lòng người không giống như vậy. Thiện giả, thiện lai; Ác giả, ác báo, ta vẫn nghe nói.

Cho nên tư tưởng chánh trị rất đơn sơ của Trần Thái Tông vẫn là bài học mà chúng ta nên quán chiếu. Thể chế, luật lệ và tổ chức, sẽ tùy theo nhu cầu của thời đại mà thay đổi. Mỗi thay đổi, nên dựa trên lòng người, tìm cách nào đừng đi xa lòng người. Con người có lúc thiện, mà cũng có lúc ác. Vậy cơ chế xã hội chỉ dùng để ngăn cái ác, khuyến khích cái thiện, khuyến khích cách nào, ngăn ngừa cách nào, tùy thời thay đổi. Chế độ dân chủ được xây dựng mấy trăm năm qua thật là vá víu, hết sửa chỗ này, lại sửa chỗ khác. Những người duy lý và duy hệ thống chắc sẽ không hài lòng. Từ bản Magua Carta (1215) đến bản tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hiệp Quốc, lịch sử chế độ dân chủ không chịu theo một Cương lĩnh nào cả. Nhưng rốt cuộc mọi biến chuyển về thể chế đều nhắm làm cho có nhiều người được hạnh phúc hơn. Hạnh phúc của loài người không theo một cương lĩnh hay tư tưởng chỉ đạo. Phá được cái chấp đó thì mới biết yêu người, yêu mình, và cùng nhau mưu cầu hạnh phúc. Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân. Những nước có một nền dân chủ lâu bền như

nước Anh thể chế thay đổi mà không cần viết lên trên giấy. Người ta dễ ôm lấy mấy tờ giấy lộn đó mà giết nhau lắm. Loài người vốn bất toàn và rất hay nhầm lẫn.

Biết tánh bất toàn của con người, thì mới mở lòng thương xót. Trong thông điệp giáng sinh năm 1990, đức Giáo hoàng Jean Paul II đã dặn chúng ta phải coi chừng, Chủ nghĩa Cộng sản đang tan biến, nhưng hiểm họa sắp tới của loài người là khuynh hướng duy vật, hưởng lạc, chỉ chú ý đến đời sống kinh tế, tiêu thụ, mà quên cả cuộc sống tâm linh. Đó cũng là quán chiếu tập thể. Đức Giáo hoàng đã nói giúp cho tất cả chúng ta. Biết con người không hoàn toàn, nên lúc nào cũng phải cẩn thận. Có xót thương nhau mới không bắt nhau phải trở nên hoàn thiện, chỉ lâu lâu dạy dỗ, dặn dò nhau ngăn ngừa cái xấu.

Tâm hỷ xả

Bài Sám hối văn mở đầu nói đến tình yêu thương: "Đại Từ, đại Bi thương chúng sinh". Không phải chờ có ai ở nơi xa xôi đến thương mình, mà chính mình phải biết thương mình. Nhà thần học Thiên Chúa giáo ở Mỹ châu, Thomas Merton viết rằng: "Đức bác ái bắt nguồn từ lòng yêu thương chính mình". Mạnh Tử không phải là một triết gia nêu lên thuyết Tính Thiện đâu. Ông chỉ quán sát lòng người, và nói lên rằng: nếu chúng ta trông thấy một đứa bé sắp ngã xuống giếng sâu, ai mà chẳng động lòng muốn cứu. Ở trong mỗi con người đều có sẵn tánh thiện. Thiện căn ở tại lòng ta.

"Đại hỷ đại xả cứu muôn loài"

Hỷ là nhìn thấy, tạo nên, đạt được niềm vui trong lòng mình. Đi dậy ở khắp nơi, thượng tọa Nhất Hạnh nhắc đi nhắc lại câu này: "Nếu lòng mình không an vui thì không thể mang lại an vui cho người khác". Làm sao lòng an vui? Xả là cởi trói. Tự cởi trói mình, thoát khỏi những dây buộc ở bên trong, bên ngoài. Buông thả là gốc của an vui. Bài Sám hối văn cũng mở đầu bằng lời gọi hành động. Không phải ngồi yên đó mà đọc kinh sám hối. Hãy thực hiện Hỷ, Xả, và phát lòng từ, bi.

Một thế hệ đã cởi trói cho mình. Phạm Duy đã Cởi bỏ ngã ái, ngã mạn rồi mới biết hỏi: các anh đã *để lại cho em* những gì? Một nước tan tành, một nước tả tơi. . . Hai mươi năm trước, nhìn thấy gia tài của mẹ chỉ là một nước Việt buồn; hai mươi năm sau, vẫn là một nước Việt, buồn hơn. Cứ buồn mãi sao? Phải phát tâm hoan hỉ chứ?

Cởi trói lần thứ hai, sau khi đã xả được lòng kiêu mạn, thì phải xả nốt cả nỗi trằn trọc, dày vò đớn đau. Nếu lòng mình không an vui, làm sao để lại được cho các em niềm hạnh phúc? Thi sĩ viết: "Tôi xin bài hát - Thánh ca cuộc đời hôm nay". Phải là Thánh ca của lòng tự tin, của lòng hỷ xả, của tình thương yêu. Rumi, nhà thơ Ba Tư, thế kỷ 13, viết: "Tôi đã sống trên bờ môi / của cơn rồ dại / Tôi gõ, cửa mở ra / Cửa mở ra ngoài, tôi đã gõ từ trong".

Quán chiếu lòng nhau

Trên một tờ báo nghèo của thanh niên Việt Nam ở Plzen, Tiệp Khắc (*Điểm Tin Báo Chí* số 22), một bài ký tên tắt H.A. khiêm tốn, đặt câu hỏi về "Những khác biệt giữa chúng ta? Chúng ta đây là các anh bộ đội miền Bắc và các anh lính miền Nam. Bạn H.A. đã giúp các anh quán chiếu lòng nhau. Các anh ở miền Nam, các anh đừng nghĩ bộ đội miền Bắc là bọn cộng sản xâm lăng nữa. Khi họ tiến vào miền Nam, trong lòng, họ tưởng mình đang đi giải phóng đồng bào, họ thật tình có nghĩ như vậy. Còn các bạn ở miền Bắc, đừng nghĩ đến "lính ngụy" là tay sai của đế quốc. Họ đã chiến đấu vì muốn bảo vệ tự do, cho chính mình, cho đồng bào và đất nước".

Những tác giả ở trong nước đã nói rất nhiều đến các sai lầm trong quá khứ. Trong bao nhiêu cuốn tiểu thuyết các chuyện đấu tố tàn nhẫn được phơi ra. Nhưng chưa ai được phép nói thẳng về cuộc chiến tranh 30 năm. Trong một truyện ngắn, Dương Thành Vũ chỉ nói bóng gió đến hai bộ xương đào lên còn quấn lấy nhau, một Bắc, một Nam. Khi viên thủ trưởng bắt phải tìm ra cái xương nào là ngụy, xương nào là liệt sĩ, một nhân vật nói: "Thôi, sống thù chết bạn" và đề nghị chôn chung. Ở trong nước, không có cơ hội nói hết.

Nhưng ở đây có tự do. Tôi không sợ hãi khi tôi nói: phải giải oan cho tất cả những người đã chết. Cả triệu người chết trên mặt đất, trong đó có hai người anh ruột tôi, ở hai phía. Hàng trăm người chết ngoài biển, có bạn bè, con cháu, họ hàng. Giải oan cho họ, là giải oan cho chính thế hệ của mình. Tôi không oán trách ông nội tôi đã giữ nước không nổi, để cho quân Pháp chiếm đóng. Không trách cha mẹ tôi đã không đuổi được Pháp đi sớm để đến đời các anh tôi bị chết bom, chết đạn.

Chúng ta gõ lên cánh cửa, cửa mở ra. Cửa mở từ trong lòng mỗi chúng ta, mở ra ngoài.

Ở ngoài, thế hệ các trẻ thơ bây giờ chưa 15, chưa lên 10 tuổi, các em đang chờ đợi. Hãy gõ, cửa sẽ mở, chúng ta sẽ làm theo lời Chúa.

Sám hối với trẻ thơ

Ngẫm lại quá khứ, chúng ta biết các lỗi lầm, chúng ta sẽ biết cái gì phải tránh. Nhưng biết để tránh, chứ không phải để dày vò, đau đớn, oán trách. Nếu quá khứ là chia rẽ, thù hận, thì tương lai phải mở đầu bằng đoàn kết, tin yêu. Sám hối là nhìn về tương lai. Chúng ta không thể trói buộc cả mấy thế hệ trong một nỗi ân hận, oán thù, thế hệ tôi cũng như thế các các em bây giờ chưa 15

tuổi.

Khi nói dựng lại đất nước, là nói đất nước của các bạn trẻ bây giờ mới 15, 20 tuổi, của các cô gái tên X, của bé Hon, của các trẻ thơ đang ra đời. Ta cứ nói "mảnh đất yêu dấu của chúng ta". Mảnh đất đó trở thành yêu dấu vì có người ở, vì có trẻ thơ đang lớn lên. Các em đó không có tội, không sinh ra với một mối căm thù, hờn oán. Chúng ta không thể bắt các em phải gánh trên vai những chia rẽ, hận thù của cha, anh. Sám hối để xả hết những thù hận, cởi trói cho trẻ thơ, cho các em lên đường. Muốn lên đường về phía tương lai, các em phải có một niềm tin.

Vậy chúng ta đã có niềm tin nào chưa? Chúng ta làm gì để truyền một niềm tin cho các em?

Trong bài phỏng vấn của báo *Đức Việt*, Trần Văn Thủy tỏ vẻ bi quan. Sống ở trong nước anh thấy bao cái xấu, nhưng anh nghĩ nó là do chế độ chính trị (anh gọi tên: chủ nghĩa xã hội) sinh ra. Chứ còn dân tộc mình bản chất tốt. Ra nước ngoài gần một năm, anh lo lắng, vì ở ngoài cũng nhiều cái xấu quá. Nếu cái xấu là của chế độ thôi, thì khi chế độ biến mất, cái xấu cũng biến đi. Nhưng nếu ở đâu cũng toàn cái xấu "ai mà không giống mình thì dằn mặt, đánh hoặc bắn", thì Trần Văn Thủy lo "dân tộc mình khó mà khá lên được. . . những sụp đổ tinh thần sau bao năm chiến tranh, sau bao nhiêu sai lầm tôi e rằng không bao giờ có thể gây dựng lại được". Đó là lời Trần Văn Thủy.

Tôi không bi quan như vậy. Tôi thấy các bạn trẻ ở chung quanh tôi đang học tiếng Việt, học văn hóa Việt, học làm người Việt. Đọc Phùng Gia Lộc (Cái đêm hôm ấy đêm gì) tôi thấy ở một làng quê Thanh Hoá, trong cảnh nghèo đói, bị áp bức, người vợ vẫn nhường cơm cho chồng, con vẫn nhịn ăn để cúng mẹ. Một chế độ chánh trị có thể giết chết hàng triệu người nhưng không thay đổi được mầm đạo đức, tình yêu thương của con người Việt Nam.

Trần Văn Thủy tự soi chiếu lòng mình để thấy "*Đối với người Việt Nam, cái mất mát lớn nhất bây giờ là lòng tin*". Nhưng chính vì tin ở dân tộc Việt nam mà các anh làm phim "Truyện Tử Tế" đấy chứ?

Bây giờ chúng ta phải "làm một cái gì cho tử tế".

Phải gây dựng lại lòng tin, ở mình, ở dân tộc. Chúng ta có món nợ đó, phải trả cho các trẻ em đang sống ở trong nước cũng như ở khắp thế giới. Sám hối về quá khứ rồi, phải sám hối cả với tương lai.

Niềm tin

Một người tự tin không cần phải huyênh hoang, hò hét ầm ĩ. Một người tự tin thì không có mặc cảm, không sợ nhận mặt các sai lầm của mình trong quá khứ.

Sám hối là khởi đầu để lấy lại tự tin. Để rửa sạch các dằn vặt, mặc cảm trong chính mình. Dân ta không cần phải Vĩ đại. Chúng ta là một dân tộc bình thường, không hơn, không kém gì các dân tộc khác. Trong mỗi dân tộc đều có anh hùng, có người hèn, có người khôn, có người dại. Dân tộc nào cũng có lúc vinh quang, có lúc suy đốn. Chúng ta đang ở trong cảnh suy đốn.

Đứng vững không khuỵu chân
Trên mảnh đất nghèo khổ
Ta thở hít vô cùng
Say ngây đón hồng lạ
Vang vang trời vào xuân
(Thanh Tâm Tuyền)

Đó là những câu thơ viết trong nhà tù cải tạo. Thi sĩ đã soi chiếu lòng mình. Nếu như mỗi chúng ta vẫn đứng vững không khuỵu chân trên mảnh đất nghèo khổ, thì chắc là mùa xuân của tất cả chúng ta sẽ tới, sắp tới.

Chúng tôi ở bên ngoài thông cảm những trói buộc của anh chị em ở trong nước. Không cứ những trói buộc chánh trị, kinh tế, mà nặng nề nhất là các trói buộc trong tư duy, trong lề thói suy nghĩ.Tư duy bị trói nặng nề lắm.

Đây là lời Dương Thu Hương (tháng Năm, 1989): "Hệ tư tưởng chính thống đã lỗi thời, đã sai lạc. Hệ thống tư tưởng mới chưa có, làm sao lòng người không ly tán. . . một đất nước không tự xác định được một hệ quy chiếu tiến bộ và chuẩn xác về mặt tư tưởng, đất nước ấy không thể phát triển theo chiều hướng tốt đẹp".

Với tất cả lòng quý trọng, tôi phải nói cách chị suy nghĩ là sai lầm. Và đó là mối sai lầm rất quan trọng. Lòng người dân ly tán vì họ bị lừa dối nhiều quá, nghe hứa hão nhiều quá, chứ họ không cần biết có hệ thống tư tưởng nào, họ không cần hệ quy chiếu có chuẩn xác nào đâu. Dân ta vốn có đạo nghĩa mà.

Chỉ có những người trí-thức-quá-đáng, ôm mang những "sở tri chướng" nặng nề, mới loay hoay suy nghĩ bằng nửa bên trái của não bộ; và mất niềm tin vì mất một chướng ngại này mà chưa tìm ra cái chướng ngại khác để dựa vào. Người dân Việt bình thường, con người bình thường ở khắp mọi nơi, họ không chỉ sống bằng nửa trái não bộ, họ dùng cả nửa bên phải, họ sống bằng da, bằng thịt, bằng trực giác nữa. Trên mảnh đất nghèo khổ, chúng ta vẫn đứng vững không khuỵu chân. Nếu những Dương Thu Hương, Nguyễn Duy đứng vững không khuỵu chân thì chắc rằng niềm tin chung của mọi người vẫn còn đó. Sẽ vang vang trời vào xuân, tim ta sẽ cháy đỏ, rực sáng ánh trăng ngần. K

(Kỳ sau tiếp)

Vài suy nghĩ cuối năm và cuối mùa

HOÀNG LINH

Cuối năm 1990 giống cuối năm 1989 ở chỗ có nhiều biến cố quan trọng rồn rập xảy ra trên thế giới. Dường như Lịch sử chợt nhận thấy thế kỷ 20 sắp tàn nên hối hả thay màn đổi cảnh để còn kịp diễn tấn tuồng mới khi loài người bước vào thế kỷ 21. Nếu muốn gói ghém tất cả trong một câu, ta có thể ghi rằng quãng chót của năm 1990 đã chứng kiến nước Đức mau chóng hoàn thành thống nhất, nước Nga chìm dần vào tình trạng tan rã bần hàn, nước Anh đổi thủ tướng, Ba Lan đổi tổng thống, Hoa Kỳ đủnh đỉnh đi vào trì trệ kinh tế và chiến tranh Trung Đông, Nhật Bản âm thầm chiếm thêm những cơ sở kinh tế then chốt ở Tây Âu và Bắc Mỹ.

Những biến chuyển rồn rập ấy đã gợi lên trong óc kẻ viết bài này một vài suy nghĩ, có thể sẽ bị phê phán như cuối mùa và không hợp thời trang, có thể sẽ bị bài bác như những tàn tích của chiến tranh lạnh hay những mộng mị không tưởng, nhưng dầu sao cũng xin ghi lại ở đây để làm món quà cuối năm gửi bạn đọc xa gần.

Bài học Đức

Dân mình có tiếng là hiếu học. Nhiều khi học được cái hay, nhưng cũng có khi học được cái dở. Chẳng hạn, có người học được của Pháp tính kiêu căng ích kỷ và thói quý chuộng hư từ; có kẻ học được của Mỹ óc tôn sùng vật chất và nếp ăn sổi ở thì; lại có bọn học được của Nga thuật đàn áp đồng bào và làm nghèo đất nước. Bởi thế có lẽ cũng nên học thêm ở một vài trường khác.

Trước hết, ta hãy ngó sang nước Đức, nơi xảy ra biến cố lớn lao nhất và quan trọng nhất của hậu bán thế kỷ 20. Công trình thống nhất của quốc gia này đã được hoàn tất với một tốc độ siêu thanh, trong tự do và hòa thuận: ngày 1 tháng Bảy, thống nhất tiền tệ; ngày 3 tháng Mười, thống nhất trên mặt pháp lý; ngày 2 tháng Mười Hai, thống nhất trên mặt chính trị, với cuộc tổng tuyển cử toàn quốc đầu tiên từ sau năm 1932. Tuy nhiên, dư luận quốc tế, có lẽ vì quá quen với những thay đổi lớn lao trong thời gian gần đây, có xu hướng xem diễn tiến trọng đại ấy như một chuyện tự nhiên và bình thường. Thậm chí có người quả quyết rằng chiến tranh lạnh đã chấm dứt thì dĩ nhiên nước Đức phải được thống nhất và kết quả này xét cho cùng chỉ là một quà tặng của ông già Nô En tân thời có tên là Gorbachev!

Theo thiển ý của kẻ viết bài này, lối nhìn lịch sử ấy thực là hời hợt và phiến diện. Tệ hại hơn nữa, nó đưa đến thái độ lạc quan quá trớn và há miệng chờ sung. Nếu sự chấm dứt của chiến tranh lạnh đương nhiên và lập tức đem lại sự xóa bỏ những hậu quả của tình trạng ấy thì thử hỏi tại sao Bắc Hàn và Nam Hàn còn chia cắt, tại sao Fidel Castro còn ngự trị ở Cuba, tại sao Hun Sen vẫn ngồi yên ở Nam Vang. . .? Thực ra, nếu xét trên những khoảng thời gian dài năm ba trăm năm, có những biến chuyển tất yếu mà sức người không thể ngăn cản được, ví dụ sự cáo chung của chế độ nô lệ, sự hình thành và tan rã của những đế quốc thực dân, xu thế hoàn-cầu-hóa của những liên lạc kinh tế và tranh chấp biên cương. . . thì trái lại, trên một khoảng thời gian ngắn vài ba chục năm, không thể chối cãi phần *nhận định* trong những đổi thay trên thế giới. Vai trò của những cá nhân lãnh đạo và của những tập thể kiên quyết, trong việc gây ra và đẩy mạnh những thay đổi ấy, là một vai trò chẳng những không thể thiếu mà còn có tính cách quyết định.

Trở lại chuyện nước Đức, đã đành rằng nếu không có tình trạng hòa hoãn bang giao Nga-Mỹ thì không thể có chuyện thống nhất nước Đức (cũng như sau này không thể có việc đem quân vào vịnh Ba Tư hỏi tội Saddam Hussein). Mặt khác, nếu không có cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Đức và tài lãnh đạo khôn khéo của Thủ tướng Helmut Kohl thì việc thống nhất ấy chưa chắc đã có, mà dầu có như vậy. Có thể nói rằng

sự chấm dứt của chiến tranh lạnh chỉ mới tạo ra một khung cảnh thuận tiện cho việc thống nhất nước Đức, còn có thống nhất hay không, bao giờ thống nhất, thống nhất thật sự hay thống nhất giả hiệu. . . hoàn toàn tùy thuộc vào ý chí đấu tranh của dân Đức và khôn ngoan chính trị của người lãnh đạo quốc gia này.

Thật vậy, chúng ta hãy nhớ lại những gì đã xảy ra vào khoảng cuối năm 1989. Vào thời gian ấy, chiến tranh lạnh đã chấm dứt từ lâu, hiệp ước tài giảm hỏa tiễn có tầm trung bình đã được ký kết, Gorbachev và Shevardnadze đã trở thành những khách quý quen thuộc của Hoa Thịnh Đốn, nhưng vẫn không một ai nhắc đến chuyện thống nhất nước Đức, nhất là không một ai đề ra một thời biểu rõ rệt cho công cuộc này. Bỗng nhiên, vào khoảng tháng Tám năm 1989 hàng ngàn "du khách" Đông Đức kéo vào các sứ quán Tây Đức Đông Bá Linh, Budapest, Prague, Warsaw xin tị nạn, gây ra cuộc khủng hoảng ngoại giao trầm trọng. Chính quyền cộng sản Đông Đức Honecker không tiếc lời mạt sát bọn "phản cách mạng", "lưu manh chính trị" và yêu cầu các "nước anh em" Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Ba Lan giao trả đám người tị nạn để trừng trị. Sự phản kháng ấy thật ra chỉ là hành động rẫy chết của một chế độ đã bị lịch sử và nhân dân lên án. Phong trào đấu tranh của dân Đông Đức càng ngày càng lớn mạnh. Hàng trăm ngàn người tổ chức biểu tình hàng tuần ở những thành phố lớn như Leipzig, Dresden. . . vừa quy mô, vừa quy cũ, nên cả cảnh sát nhân dân (vopos) lẫn công an mật vụ (Stasi) đều phải bó tay. Trong khi đó thì số người bỏ đi tị nạn ngày một đông hơn, nhiều cơ sở sản xuất và phục vụ công chúng bị tê liệt vì mất gần hết cán sự và chuyên viên, cả bộ máy kinh tế Đông Đức có khả năng sụp đổ bất cứ lúc nào. Vì thế, nhà cầm quyền cộng sản ở Đông Bá Linh—và quan thầy của họ ở Mạc Tư Khoa—phải đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, đến ngày 9 tháng Mười Một, 1989, thì đành xóa bỏ bức tường ô nhục, để cho nhân dân tự do sang thăm Tây Đức. Bức tường ngăn cách đã sụp đổ thì sự chia cắt giả tạo cũng chẳng còn sống thêm được nhiều ngày. Bài học Đức đầu tiên là: *không có chuyện 'bất chiến tự nhiên thành', phải đấu tranh mới đạt được mục tiêu.*

Tuy nhiên, bài học Đức thật ra còn thâm thúy hơn thế. Thực vậy, ta không nên quên rằng không phải mọi người đều tán thưởng viễn tượng một nước Đức thống nhất. Phía cộng sản chống lại đã đành, vì Đông Đức vừa là khâu phòng thủ then chốt của hệ thống quân sự Warsaw, vừa là công xưởng quan trọng để cung cấp hàng hóa cho khối Cộng, vừa là cửa hàng trưng bầy những thành tựu của xã hội chủ nghĩa. Nhưng phía không cộng sản cũng chống lại viễn tượng ấy, một cách kín đáo hơn nhưng không kém mạnh mẽ: Anh, Pháp e ngại sự lớn mạnh của một đối thủ chính trị và kinh tế; Bỉ, Hòa Lan, Lục Xâm Bảo khiếp sợ sự phục hồi của xu hướng bá quyền; Ba Lan lo lắng cho sự tồn tại của ranh giới Oder-Neisse; Do Thái hồi tưởng đến sự khủng khiếp của vụ tàn sát tập thể (Holocaust). . . ngoài ra, tất cả đều thấp thỏm rằng cuộc vận động thống nhất Đức có thể làm phật ý Mạc Tư Khoa và do đó làm sống lại tình trạng chiến tranh lạnh. Bởi thế cho nên khi Thủ tướng Kohl bất thần công bố kế hoạch 10 điểm để thống nhất nước Đức, trong một phiên họp của Quốc hội Tây Đức ngày 28 tháng Mười Một, 1989, giới chính trị Tây phương đã dậm chân bứt tóc, lớn tiếng than thở về sự vụng về, ngu dại của vị "chính khách tỉnh nhỏ" này. Và để giữ tay, cầm chân Helmut Kohl trong công cuộc thống nhất mà ông thúc đẩy như một xe ủi đất, các khối óc chuyên gia của Tây Âu đã phác ra không biết bao nhiêu là dự án phức tạp: nào cả hai nước Đức đều gia nhập một tổ hợp quốc gia (Confederation); nào mở rộng Thị Trường Chung Âu Châu; nào một nước Đức nửa thuộc Liên minh Bắc Đại Tây Dương (NATO), nửa đứng ngoài, v.v. Trong khi đó Liên Xô cho biết không thể chấp nhận một nước Đức thống nhất ở trong khối NATO, và đề nghị hoặc nước Đức trung lập, không gia nhập một liên minh quân sự nào, hoặc nước Đức vừa ở trong khối NATO, vừa ở trong khối Warsaw. Tất cả những kế hoạch, dự án ấy đều có chung một đặc điểm là ngăn cản Đức thống nhất thật sự, bằng cách thực tế hạn chế chủ quyền của nước này.

Trước áp lực từ khắp nơi, Thủ tướng Kohl, đã can đảm trả lời: *"Không!"* Thay vì lo lắng nghe ngóng xem Hoa Thịnh Đốn muốn gì, Mạc Tư Khoa muốn gì, Ba Lê và Luân Đôn muốn gì. . . Helmut Kohl đã chỉ nghe ngóng xem người dân Đức muốn gì. Với đức tính quý nhất của người làm chính trị là cảm thông với quần chúng, ông đã nghe thấy rõ ràng là dân Đức muốn thống nhất mau chóng và thực sự. Vì thế cho nên, gạt bỏ ngoài tai những lời cảnh cáo của đối phương, những lời can gián của đồng minh, những lời thiệt hơn của chuyên viên, về gánh nặng thống nhất và giá trị đồng tiền Đông Đức, thủ tướng nhất định tiến hành mau chóng công cuộc thống nhất và đòi hỏi chủ quyền toàn vẹn cho nước Đức thống nhất. Dĩ nhiên, lập trường nguyên tắc vững chắc ấy không ngăn cấm một vài nhượng bộ thứ yếu như thừa nhận biên giới Oder-Neisse, hạn chế quân số của nước Đức thống nhất, trả tiền giúp đỡ lính Nga hồi hương. . . Kết quả Kohl đã đạt được mục đích tối hậu: nước Đức chính thức thống nhất từ ngày 3 tháng Mười, 1990, và tự do ở lại trong khối Bắc Đại Tây Dương. Chế độ xã hội chủ nghĩa của miền Đông nước Đức hoàn toàn bị thanh toán; tất cả nước Đức theo chế độ dân chủ và kinh tế thị trường.

David Rose/Graphic Impressions

Bài học Đức là một *bài học kiên định lập trường:* hành động chính trị không thể là một hành động vô nguyên tắc, đón gió hay cơ hội; người làm chính trị phải biết nghe nguyện vọng sâu xa của dân chúng, chứ không phải nhất nhất nghe lời khuyên bảo, chỉ dẫn của người ngoài.

Bài học Anh

Trong số các nhân vật chính trị của các nước dân chủ Tây phương, ít ai nổi tiếng như bà Margaret Thatcher và ít ai tồn tại ở địa vị lãnh đạo đất nước lâu như bà. Sự nghiệp to tát của bà được dư luận công nhận. Mặc dầu hai chữ cách mạng đã bị lạm dụng nhiều trong thời đại chúng ta, phải nhìn nhận rằng quả thực Margaret Thatcher đã thực hiện được một cuộc cách mạng ở nước Anh, biến đổi tâm lý ỷ lại thành tâm lý đua tranh, biến đổi nền kinh tế nửa chỉ huy nửa tự do thành một nền kinh tế thuần túy thị trường, giảm thiểu sức ép của các công đoàn, giảm thiểu sức ép của tập tục, tư hữu hóa kỹ nghệ, hiện đại hóa xí nghiệp, bảo vệ chủ quyền quốc gia ở quần đảo Falkland cũng như ở những hội nghị của Thị Trường Chung Âu Châu.

Những thay đổi sâu rộng ấy, nếu có lợi ích hiển nhiên là lôi được nước Anh ra khỏi quá trình suy thoái, thì cũng đem theo những hậu quả tiêu cực: mức sống giữa lớp người giầu và lớp người nghèo ngày một chênh lệch hơn; hệ thống giáo dục công cộng và y tế công cộng ngày một suy đồi vì thiếu tài trợ; trục lộ giao thông và thiết bị cộng đồng ngày thêm hư nát vì thiếu tu bổ. Trong khi ấy, trên đường quốc tế, tiếng nói của Anh ngày càng đơn độc trong cộng đồng Âu Châu vì các nước Pháp, Đức, Ý... có cảm tưởng là chính phủ Thatcher cố tình ngăn trở quá trình hợp nhất, còn các quốc gia đang mở mang ở Á và Phi thì nhận thức là Anh quốc lánh xa những vấn đề, những quan tâm của họ để đứng hẳn về phía các siêu cường. Hiển nhiên vào khoảng cuối năm 1990, Thủ tướng Thatcher đã không còn cùng nhịp với dân chúng trong nước và thế giới bên ngoài. *Vấn đề thay đổi người lãnh đạo do đó đã được đặt ra và được giải quyết theo đúng tập quán dân chủ của nước Anh,* qua những cuộc đầu phiếu ngay thẳng, trong một bầu không khí tương kính và không hận thù.

Không ai có thể ngờ là bà Thatcher đã bỏ cuộc vì ngán trách nhiệm hoặc ngại đấu tranh. Tuy nhiên, sau khi chứng kiến nhiều cộng tác viên thân tín như Michael Heseltine, Geoffrey Howe, Nigel Lawson công khai chống đối mình, sau khi thấy 152 trên 372 dân biểu Bảo thủ bỏ phiếu cho đối thủ của mình, bà đã ý thức được là mình không còn đủ hậu thuẫn cần thiết để tiếp tục lãnh đạo chính phủ và quốc gia nữa. Trong những điều kiện ấy, nếu cứ nhất định ngồi lại ở ghế thủ tướng, có thể Margaret Thatcher sẽ thắng phiếu ở vòng thứ hai hay vòng thứ ba, nhưng thắng như vậy để làm gì, nếu không phải để đưa đất nước đến những ngày khó khăn và đưa đảng Bảo thủ đến thất bại trong cuộc tổng tuyển cử sắp tới? Vì vậy, trong sự tôn trọng quyền lợi chung và tinh thần dân chủ, Thủ tướng Thatcher đã đệ đơn từ

chức, ngày 22 tháng Mười Một, sau mười một năm rưỡi điều khiển nội các, bình thản ra đi để nhường chỗ cho một khuôn mặt mới.

Hành động của Thủ tướng Thatcher chứng tỏ một lần nữa rằng đối với một chính khách trên chính trường cũng như đối với một kịch sĩ trên sân khấu, *không gì quan trọng hơnn là biết ra đi kịp thời và đúng cách*. Không nhân vật nào trong lịch sử có thể mãi mãi là cứu tinh của dân tộc hay người hùng của thời thế. Người làm chính trị phải sáng suốt tỉnh táo để biết rõ khi nào giờ ra đi của mình đã điểm, mà dẹp bỏ óc chủ quan, tính tự ái, lòng ham muốn, để rũ áo đứng lên. Không cay đắng, không giận dữ, không điệu bộ!

Bài học Anh không phải chỉ có vậy. Thực thế, sau khi Thủ tướng Thatcher từ chức, ba người đã ra tranh chức lãnh tụ đảng Bảo thủ: Michael Heseltine, cựu Tổng trưởng Quốc phòng, Douglas Hurd, Tổng trưởng Ngoại giao và John Major, Tổng trưởng Tài chánh. Cả ba đều vận động ráo riết để thuyết phục các bạn đồng viện thuộc đảng Bảo thủ bỏ phiếu cho mình, nhưng không vì thế mà nhục mạ hay mạt sát lẫn nhau. Mỗi ứng cử viên trình bầy lập trường của mình về những vấn đề sôi động như quan niệm tổ hợp Âu Châu hay cải cách thuế thổ trạch, nhưng không hề công kích đối thủ là phá hoại đảng hay núp bóng Thatcher. Đến vòng đầu phiếu thứ nhì ngày 4 tháng Mười Hai, Major được 185 phiếu, Heseltine 131 phiếu và Hurd 56 phiếu. Theo đúng nội quy của đảng Bảo thủ thì đáng lẽ phải có một vòng đầu phiếu thứ ba vì chưa ứng cử viên nào đạt được đa số tuyệt đối. Nhưng, để tránh cho đảng mình cảnh tượng bất hòa kéo dài và để tỏ ra tôn trọng ý kiến của số đông, cả Michael Heseltine lẫn Douglas Hurd đều tuyên bố rút lui khỏi cuộc tranh cử và ngợi khen John Major đã xứng đáng đắc cử. Và để chứng tỏ rằng cuộc tranh chấp nội bộ đảng không để lại một chút oán thán giận hờn nào, cả hai đều nhận lời tham gia nội các mới do Major thành lập, Hurd giữ bộ Ngoại giao và Heseltine giữ bộ Môi sinh (Environment). Bài học thường xuyên của sinh hoạt chính trị Anh quốc vẫn là: *đấu tranh chính trị không bó buộc phải đồng nghĩa với thù nghịch hay loại trừ*, và kết quả của một cuộc đấu tranh ngay thẳng phải được đón nhận với tinh thần thể thao, dù là thắng hay bại, chứ không thể được chối cãi bằng những lời la lối vu cáo hay những đe dọa trả thù bằng bạo lực.

Và bài học một người

Sau khi Chủ tịch Liên Xô Gorbachev đề ra chủ trương đổi mới *Perestroika*, một cái "*mới*" đã được phát triển trong cộng đồng người Nga tị nạn ở hải ngoại: đó là "mới" trở về thăm tổ quốc và người thân còn ở lại quê nhà (về thăm thôi, chứ không về ở hẳn). Đặc biệt nhộn nhịp là giới văn nghệ sĩ: kẻ về tấu nhạc cổ điển, người về múa vũ ballet, ông này về giảng dậy, bà kia về ca hát, v.v. . .

Giữa phong trào hồi hương tấp nập ấy, một người đã có thái độ khác với đám đông: đó là Alexander Soljenitsyn, tác giả của những sáng tác bất hủ như "Khu trị bệnh ung thư" (Cancer Ward) hay "Quần đảo Gulag". Trong năm vừa qua, chính quyền Mạc Tư Khoa, trong khuôn khổ chiến dịch tô điểm cho một chế độ đang rã rời suy sụp, đã làm nhiều cử chỉ nhằm khuyến khích Soljenitsyn trở về thăm đất nước, nào cho phép xuất bản và lưu hành sách truyện của tác giả trong Hội Nhà Văn gần đây lại còn trao tặng một giải thưởng văn nghệ cho Soljenitsyn để dụ tác giả về quê lĩnh giải. Tất cả những cố gắng ấy cho đến nay vẫn vô hiệu quả: Soljenitsyn nhất định không về nước chừng nào danh dự của ông chưa được công khai phục hồi và chừng nào đồng bào của ông chưa được tự do thưởng thức tác phẩm văn nghệ.

Thái độ của Soljenitsyn nhất định không phải do lòng nhát sợ, vì người đã từng thách thức cả bộ máy công an mật vụ của Brejnev trong thời kỳ toàn thịnh không có cớ gì để e sợ một chế độ đang lao đao và đang cố mang một bộ mặt cởi mở để làm vừa ý Tây phương. Thái độ ấy chắc chắn cũng không bắt nguồn từ một tâm lý vô tình, vì một nhà văn tha thiết với quê hương như Soljenitsyn hẳn không lúc nào nguôi đau buồn vì phải xa lìa đất mẹ: nhà cao cửa rộng nơi đất trích Vermont chắc không thể nào làm ông quên lãng cảnh hùng vĩ của phía Bắc Caucase, nơi ông đã ra đời.

Tôi nghĩ Soljenitsyn chưa trở về Nga vì, với cảm quan bén nhậy của người cầm bút, ông thừa biết ông sẽ ngượng ngập với chính mình nếu trở về thăm tổ quốc như một du khách thừa lương, nhởn nhơ hể hả giữa những đồng bào còn đang lầm than xiềng xích.

Đối với những người đã phải bỏ nước ra đi vì lý do chính trị, vấn đề có trở về thăm quê hương hay không, khi quê hương còn chưa được hoàn toàn giải phóng, thật là một vấn đề đau lòng nhức óc. Nói là nên cũng có lý do, nói là không nên cũng có lý do. Thực ra, lý luận đơn thuần không thể nào đem lại được lời giải đáp chắc chắn. Mỗi cá nhân phải trả lời lấy cho lương tâm mình nhiều câu hỏi, chẳng hạn như: những người đã nằm xuống có thể nghĩ gì về việc làm của ta, những người sinh ra sau này sẽ phê phán thế nào về thái độ của ta, v.v. Bài học Soljenitsyn là, *đối với người trí thức, trên cả chuyện khôn dại, trên cả lẽ thiệt hơn, trước hết phải nghĩ đến hai chữ "tiết tháo"*.

HOÀNG LINH

Paris, 31 tháng Chạp, 1990

Theo lý tưởng hay theo Đảng?

Người theo cộng sản vì yêu nước phải lựa chọn

TÔN THẤT THIỆN

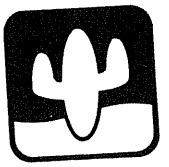

Trong một bài trước (*Thế Kỷ 21*, số 20) tôi có đề cập đến vấn đề "trung kiên với Đảng". Đây là một vấn đề đặt ra cho rất đông người, có thể nói là cho đa số người, đã theo cộng sản vì lý tưởng. Họ vì muốn tránh mang tiếng "phản bội" mà mắc kẹt với cộng sản, và đặc biệt là Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN). Họ là những người bị cộng sản lừa gạt và bóc lột, và sẽ còn bị cộng sản bóc lột dài dài—trong chế độ người bóc lột người kiểu mới này—nếu họ không nhất quyết thoát khỏi thế kẹt của họ.

Vì sao có tình trạng này?

Có tình trạng này vì họ lẫn lộn lý tưởng với công cụ, và tự đặt mình vào cái thế phải từ bỏ lý tưởng của mình để làm công cụ trung thành của Đảng.

Đại đa số những người này là những người đã gia nhập ĐCSVN trong thời gian 1945-1950, lúc họ vào lứa tuổi 20. Tuổi đó là tuổi đầy nhiệt huyết, đầy lý tưởng và bồng bột, hào kiệt và lãng mạn, không biết tính toán và cũng không cần tính toán.

Lý tưởng của họ là lý tưởng chung của thế hệ thời đó. Họ ước mơ một thiên đàng cho xứ sở, cho dân tộc, và cho chính bản thân mình. Họ ước mơ một nước Việt Nam độc lập tiến bộ, một dân tộc Việt Nam tự do no ấm, một xã hội Việt Nam bình đẳng công bằng. Và họ không ngần ngại tận lực tranh đấu, chấp nhận gian khổ, hy sinh cả cuộc đời để thực hiện lý tưởng đó.

Tất nhiên phải có công cụ họ mới thực hiện lý tưởng của họ được. Lúc đó, các nhân vật, đảng phái và tổ chức khác có từ trước đã bị thực dân và cộng sản loại trừ, lấn áp, và những nhân vật, đảng phái và tổ chức mới chưa xuất hiện, và khi xuất hiện cũng đã mất thế chủ động rồi. Nhìn quanh chỉ thấy có ông Hồ và ĐCSVN. Đồng thời, mắc lừa tuyên truyền xảo trá bịp bợm của ông Hồ và ĐCSVN, họ tin rằng công cụ có thể giúp họ thực hiện được lý tưởng của họ là ĐCSVN, và họ dấn thân gia nhập Đảng.

ĐCSVN *đã bịp bợm xảo trá thế nào?*

Bằng cách luôn luôn có hai lập trường: một lập trường công khai, dùng trong tuyên truyền hướng về công chúng, và một lập trường nội bộ, dùng để hướng dẫn hoạt động của đảng viên.

Công khai, ĐCSVN lập Việt Minh, kêu gào *đoàn kết dân tộc*, chủ trương "liên hiệp hết thảy các từng lớp nhân dân không phân biệt tôn giáo, xu hướng, đảng phái chính trị nào, giai cấp nào..." (chương trình Việt Minh) để tranh đấu cho độc lập thống nhứt xứ sở, và thực hiện dân chủ "rộng rãi" (mà ngày nay ta gọi là "đa nguyên") trong thể chế dân chủ cộng hòa.

Đằng khác, riêng trong nội bộ, lãnh tụ ĐCSVN bảo đảng viên rằng Việt Minh "không có hệ thống dọc, chỉ có hệ thống ngang", và đây chỉ là giai đoạn đầu trong chiến lược cộng sản chủ nghĩa. Khi cách mạng thành công, nghĩa là khi đã cướp được chính quyền và dành được độc lập rồi, Đảng sẽ "tiến lên" giai đoạn hai, nghĩa là giai đoạn *cách mạng dân chủ nhân dân*. Lúc đó, như Trường Chinh đã nói (Đại hội II, 1951) sẽ "sắp xếp lại" lực lượng xã hội, ấn định ai là bạn và thù mới, và thanh toán những thành phần phong kiến tư sản, nghĩa là thanh toán những đồng minh và "bạn" cũ của họ.

Nhưng giai đoạn dân chủ nhân dân cũng chỉ là một giai đoạn lót đường để đưa đến giai đoạn thứ ba là giai đoạn *thực hiện xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa*, mà đặc tính là chuyên chế vô sản. Đồng thời, bất kỳ ở giai đoạn nào người cộng sản cũng phải nhớ là mình phải làm tròn "nghĩa vụ quốc tế", tranh đấu cho cách mạng thế giới, và phải đặt nhu cầu cách mạng quốc tế,

nghĩa là của Liên Xô, "thành trì" và "tổ quốc của cách mạng" lên trên hết, vì cách mạng Việt Nam là "một bộ phận khăng khít" của cách mạng thế giới, và ĐCSVN chỉ là một chi nhánh của Quốc tế Cộng sản.

Ngay từ tháng Năm, 1941, xin nhắc lại: *tháng Năm, 1941*, nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII đã nói rõ rằng ĐCSVN lãnh đạo toàn dân đánh Pháp, đuổi Nhựt "đi đến thực hiện chủ nghĩa cộng sản". Cuộc cách mạng hiện tại là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, nhưng "không thể làm cách mạng giải phóng rồi ngừng lại mà phải tiến lên làm tròn nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền và chinh phục chính quyền vô sản". Như vậy "phải chuẩn bị ngay từ bây giờ" để "chuyển biến cuộc cách mạng". Với tình hình thế giới thuận lợi, "vô sản giai cấp sẽ bước những bước vĩ đại của lịch sử để tiến lên làm cách mạng vô sản, lập nền chuyên chính vô sản, kiến thiết xã hội chủ nghĩa để qua cộng sản chủ nghĩa".

Nghị quyết cũng nói rằng cách mạng giải phóng "chỉ là một chiến lược trong giai đoạn khúc khuỷu hiện tại của Đảng ta mà thôi. . . linh hồn của nó là theo chủ nghĩa Mác-Lênin. . ." Nhưng đồng thời, Đảng viên được chỉ thị rằng "lúc này không nên đưa chủ nghĩa cộng sản ra tuyên truyền", không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền xô viết "mà phải nói toàn thể nhân dân liên hợp và lập chính phủ dân chủ cộng hòa."

Theo luận điệu tuyên truyền của cộng sản ngày nay, ĐCSVN là đảng đã đem lại độc lập cho xứ sở, và ngoài ĐCSVN không có tổ chức chính trị nào làm nổi việc đó trong lịch sử Việt Nam. Cho nên công lao của họ rất lớn. Luận điệu này được Nguyễn Văn Linh nhấn mạnh trong diễn văn nhân ngày kỷ niệm 60 năm thành lập Đảng, ngày 2 tháng Ba, 1990. Ông ta nói:

"Trước những năm 1930, ở Việt Nam đã có nhiều đảng và phong trào ra đời. . . Tuy các tổ chức này và các lãnh tụ của họ không thiếu đức tính dũng cảm, hy sinh, quên mình, nhưng do hạn chế về thế giới quan và hệ tư tưởng nên rút cục bị thất bại và tan rã."

Từ năm 1930 trở đi, trên vũ đài Việt Nam lần lượt xuất hiện một số đảng phái khác (như Việt Quốc, Việc Cách, Đại Việt. . .) "nhưng những đảng này đã phản bội lợi ích dân tộc, cam tâm làm tay sai cho nước ngoài thống trị nước ta." (sic) Trái lại, "ngay từ ngày ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy được sức mạnh to lớn của nhân dân để làm nên những chiến công vĩ đại." (sic) Chỉ có ĐCSVN mới có khả năng lãnh đạo nhân dân hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân triệt để và từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. "Ngoài ĐCSVN ra, ở nước Việt Nam không có một đảng của giai cấp hoặc từng lớp nào đảm đương được vai trò đó". Và Nguyễn Văn Linh kết luận: "Lịch sử trước đây đã như vậy, hiện nay vẫn như vậy, và sau này vẫn như vậy."

Kết luận của Nguyễn Văn Linh bừa bãi, liều lĩnh, và phản khoa học. Theo sự kiện lịch sử thì sự thật khác hẳn.

Tại sao các phong trào tranh đấu để giải phóng Việt Nam trước 1945 đều thất bại thê thảm?

Vì lý do rất giản dị là với cục diện thế giới thời đó các phong trào giải phóng thuộc địa không thể nào thành công được. Trái lại.

Thời gian từ giữa thế kỷ 19 đến thế giới chiến thứ nhất (1914-1918) được các sử gia đồng tình gọi là "thời kỳ bành trướng thuộc địa của Âu Châu", hoặc "thời đại đế quốc". Trong thời gian này Anh và Pháp là hai trong năm đại cường quốc Âu Châu (bên cạnh Đức, Áo, Nga), và đồng thời là hai đế quốc lớn nhất thế giới. Sau thế giới chiến thứ nhất, Áo và Đức bị giáng hạng vì bại trận; Nga cũng mất hạng vì nội loạn; Hoa Kỳ theo đuổi chính sách tự cô lập. Trên vũ trường quốc tế chỉ còn Anh và Pháp, và hai quốc gia này vượt lên hàng đại cường quốc thế giới.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam bé nhỏ, lạc hậu, không hậu thuẫn quốc tế, làm sao đánh bại Pháp để lấy lại độc lập? *Trước năm 1945, không những các phong trào đảng phái giải phóng quốc gia đều thất bại, mà ngay cả ĐCSVN, hồi đó là Đảng Cộng sản Đông dương, cũng chẳng hơn gì.* Quốc Dân Đảng thất bại bi thảm trong vụ nổi dậy ở Yên Báy năm 1930. Nhưng cuộc nổi dậy của ĐCSVN ở Nghệ Tĩnh năm 1931 cũng chung một số phận. Những vụ nổi dậy khác của cộng sản ở Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương về sau, trong những năm 1940-1941, cũng chẳng đi đến đâu.

Ở Đông Dương hồi đó Pháp có 60,000 quân, trong số đó có 10,000 người Pháp. Trong khi đó, trước tháng Chín, 1945, ĐCSVN chỉ có 200 quân vừa được OSS (là tiền thân của CIA sau này) huấn luyện và trang bị cho khí giới đầy đủ. Nếu ngày 9 tháng Ba, 1945 Nhật không đảo chánh Pháp, tước khí giới và nhốt binh đội Pháp, đồng thời dẹp bỏ bộ máy cai trị của Pháp ở Đông Dương, kể cả cảnh sát công an, thì làm sao, với 200 binh chỉ trang bị carbine, Hồ và Giáp có thể đánh bại 60,000 quân của Pháp có súng liên thanh, trọng pháo, xe tăng, và máy bay?

Quan trọng hơn nữa, nếu Đức không đánh bại Pháp, giải giáp mấy trăm ngàn quân đội Pháp, thì làm sao Nhật có cơ hội ép Pháp phải cho họ vào Đông Dương tung hoành, làm cho dân chúng Việt Nam thấy rõ sự yếu sức của Pháp và bắt đầu tin rằng Pháp có thể bị đánh bại? Nếu không có sự tin tưởng này, đảng phái nào, phong trào nào có thể lôi cuốn đại chúng Việt Nam kháng Pháp? Kinh nghiệm một trăm năm lịch sử trước 1945

cho ta thấy rõ nếu không có sự tích cực tham gia của đại chúng không đảng phái nào, không phong trào nào có thể thành công trong cuộc giải phóng Việt Nam. Về phương diện này ĐCSVN cũng chẳng khác gì các đảng phái khác.

Sự kiện trên đây đã được Phạm Văn Đồng xác nhận. Trong một cuộc nói chuyện về Hồ Chí Minh vào tháng Tám, 1948, xin nói rõ: *tháng Tám, năm 1948*, Đồng tiết lộ rằng trong những năm đầu của kháng chiến nghĩa là từ 1946 đến 1948, Hồ phải ẩn nấp trong một cái hang trong rừng sâu, và phải luôn luôn sẵn sàng ba lô và máy chữ xách tay để chạy nếu có báo động. Ông Đồng nói rằng có sự thể như vậy "vì cơ sở quần chúng kém". Nói một cách khác rõ hơn: "hồi đó cộng sản chúng tôi không có hậu thuẫn của nhân dân".

Vì sao?

Vì trước khi Trung Cộng thắng Tưởng Giới Thạch và ào ạt viện trợ cho Việt Nam vào cuối năm 1949, chính phủ Hồ Chí Minh không có đủ sức lực, và đặc biệt là không có đủ hậu thuẫn dân chúng Việt Nam để đương đầu với quân Pháp. Dân chúng chỉ từ bỏ thái độ nghi hoặc và e dè chờ đợi sau khi thấy phong trào giải phóng dân tộc—lúc đó không bắt buộc là Hồ Chí Minh và ĐCSVN—có thể thắng Pháp.

Thêm vào đó, tuyên bố của Pháp, qua Cao ủy Bô-la-e tháng Chín, 1947, không đề cập đến độc lập Việt Nam; và thỏa hiệp Auriol-Bảo Đại tháng Ba, 1949, không dứt khoát về vấn đề trao trả ngay toàn chủ quyền cho Việt Nam, đó là những lý do lớn thúc đẩy rất nhiều thanh niên theo "kháng chiến" hồi đó, nghĩa là trong thực tế bước vào hệ thống kiểm soát của ĐCSVN và làm tăng thêm uy thế của họ.

Trên đây là một số sự kiện giúp những người đã vì lý tưởng lỡ theo cộng sản hiểu rõ luận điệu tuyên truyền cướp công giải phóng dân tộc của ĐCSVN. Còn một số sự kiện nữa, sẽ giúp làm sáng tỏ sự thật sau đây: *chỉ vì chính phủ Hồ Chí Minh hồi đó là cộng sản nên dân chúng Việt Nam mới bị đẩy vào hai cuộc chiến tranh khủng khiếp đem lại chết chóc, tàn phế, nghèo đói, nhục nhã, tuyệt vọng, cho nhân dân Việt Nam ngày nay, từ sau khi "chiến thắng" và "vinh quang" năm 1975.*

Trào lưu thế giới sau thế giới chiến thứ hai là trào lưu dân chủ, giải tỏa thuộc địa. Không chóng thì chầy các thuộc địa cũng được giải phóng và độc lập. Trào lưu này không cản được, nhất là từ năm 1946 sau khi Hoa Kỳ giữ lời hứa cho Phi Luật Tân độc lập, và Anh quốc chấp nhận độc lập của Ấn Độ. Với những gương này, Pháp khó mà kềm kẹp Việt Nam được lâu. Dù là Việt Nam chỉ được hưởng quy chế Pháp tuyên bố ngày 24 tháng Ba, 1945 đi nữa, với quy chế này Việt Nam có thể dùng quyền quyết định ngân sách và các quyền tự do khác tiếp tục tranh đấu trong ôn hòa và hợp pháp, và dần dần sẽ thâu hồi được độc lập "trong vòng 30 năm tối đa", trong sự tiếp tục xây dựng, thay vì đập phá, và dân chúng Việt Nam khỏi bị điên đảo cơ cực vì chiến tranh. Với sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc và sự yểm trợ của Ấn Độ và Phi Luật Tân, và đặc biệt của Hoa Kỳ và Liên Xô, thời gian này còn có thể rút ngắn đi nhiều, như trường hợp Nam Dương.

Nam Dương thu hồi được độc lập ngay từ 1945-1946, và hoàn thiện chủ quyền quốc gia trong vòng chỉ không đầy năm năm, vì ngay từ đầu, Nga và Mỹ đồng lòng đưa vụ này ra Liên Hiệp Quốc. Như vậy ta phải hỏi tại sao Việt Nam lại không được đưa Liên Hiệp Quốc giải quyết để trao quyền độc lập một cách êm thấm, nhanh chóng như vụ Nam Dương?

Lý do có vẻ rất ngỗ nghịch: vì lãnh tụ của phong trào giải phóng Việt Nam, ông Hồ Chí Minh, là cộng sản!

Năm 1945, lúc còn ở miền Nam Trung Hoa và trong rừng núi Thái Nguyên, ông Hồ và đồng đội chấp nhận làm những nhân viên Việt Nam đầu tiên của CIA bằng cách phục vụ OSS (tiền thân của CIA). Những người Mỹ chỉ huy OSS hồi đó, đặc biệt là Thiếu tá A. Patti, bị ông Hồ khéo léo lừa gạt, tin rằng ông ta chỉ là người "quốc gia" tranh đấu cho độc lập xứ sở, nên tận tình giúp đỡ. Sự giúp đỡ này trở thành công khai và lại nhiệt tình hơn nữa sau khi ông Hồ vào Hànội vào hạ tuần tháng Tám.

Nhưng đến cuối tháng Chín thì chính phủ Hoa Kỳ có đủ tin tức tình báo biết rõ rằng ông Hồ là cộng sản, nên ngoại trưởng Hoa Kỳ Dean Acheson ra lệnh cho Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ không được ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh; đám Patti thân Hồ được lệnh phải dời Việt Nam. Đồng thời Tổng thống Truman chấp nhận cho Pháp thay thế quân đội Trung Hoa ở Việt Nam. Tại Liên Hiệp Quốc, Hoa Kỳ hoàn toàn không đả động gì đến Việt Nam trong khi họ vận động rất ráo riết để giúp chính phủ cách mạng Nam Dương vì lãnh tụ phong trào giải phóng Nam Dương, ông Xô-Kác-Nô, là một người không cộng sản.

Thái độ Hoa Kỳ cũng dễ hiểu. Nhưng còn thái độ Liên Xô? Tại sao Liên Xô hăng hái đưa vụ Nam Dương ra trước Liên Hiệp Quốc mà lại hoàn toàn lờ Việt Nam, tuy ông Hồ hồi đó kêu gào về việc này rất gắt?

Lý do thật là kỳ quặc! Đó là vì lãnh tụ của chính phủ cách mạng Việt Nam hồi đó, ông Hồ Chí Minh, là một người cộng sản!

Lý do kỳ quặc thật, nhưng nếu ta xét kỹ cục diện thế giới hồi đó thì ta thấy thái độ Liên Xô rất là hữu lý: Stalin lo cho quyền lợi của Liên Xô trước hết. Mà điều lợi nhất cho Liên Xô hồi đó là bành trướng cộng sản ở Âu Châu, đặc biệt là làm sao cho Đảng Cộng sản Pháp (ĐCSP) lấy được chính quyền ở Pháp qua những thể thức dân chủ,

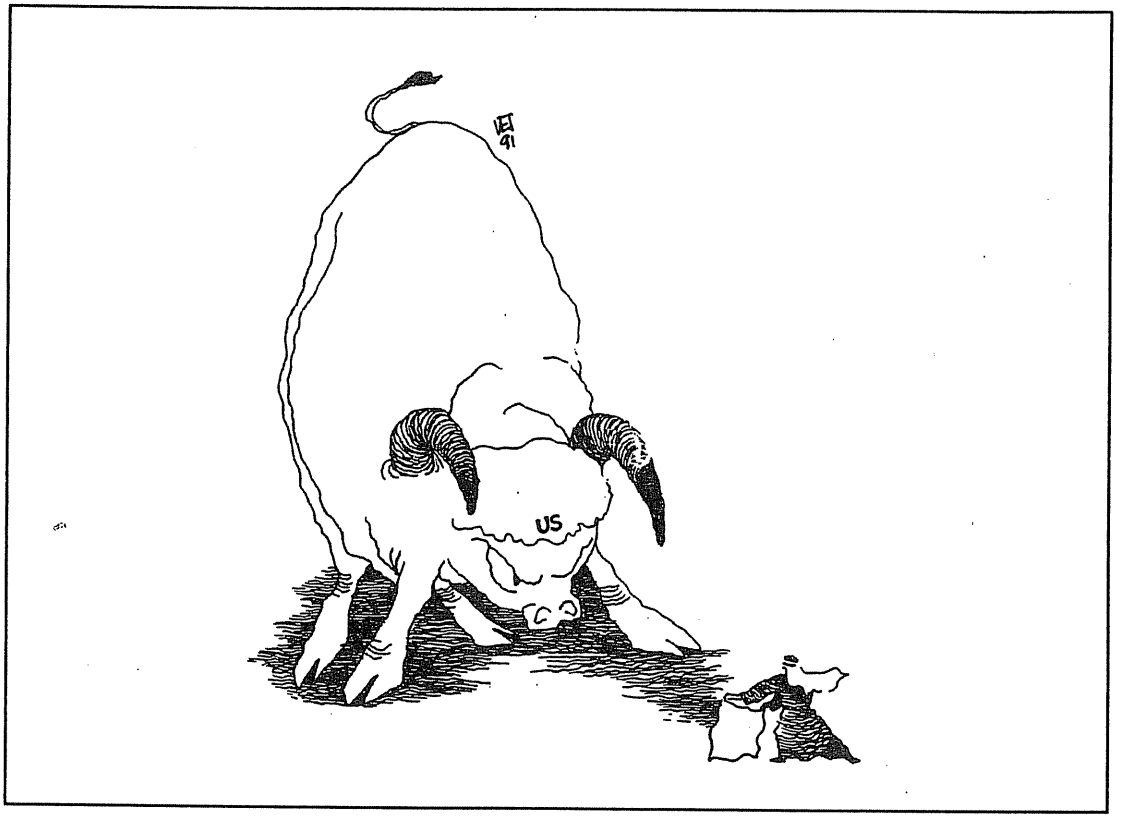

vì không thể dùng bạo lực được. Như vậy ĐCSP phải thâu được đa số phiếu trong những cuộc bầu cử sắp đến. Muốn vậy ĐCSP phải vuốt ve cử tri Pháp, đặc biệt là những cử tri còn luyến tiếc đế quốc và nghĩ rằng Pháp cần duy trì đế quốc để giữ địa vị cường quốc, mà số cử tri này hồi đó rất đông. Sau chiến tranh lãnh tụ CS Pháp Thorez là Quốc Vụ Khanh trong chính phủ và phe tả chiếm ba phần tư quốc hội, trong đó 26% là cộng sản.

Vì những lý do trên, cả Stalin lẫn ĐCSP đều không chủ trương vận động cho Việt Nam độc lập. Trái lại. Lãnh tụ ĐCSP lúc đó, tuyên bố rất rõ ràng với báo chí là ĐCSP không chủ trương "thanh toán đế quốc Pháp". Không những nói với báo chí Pháp mà còn nói ngay với cả Thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân đang viếng Pa-ri lúc đó, làm cho ông này kinh ngạc! Riêng với ĐCSVN, đảng "anh em" Pháp cảnh cáo là phải "đi cho đúng đường lối của Mốt-xcô-va", và không được quá khích. Ở Việt Nam, đại diện Liên Xô ở Hànội, là Solosieff, nói với đại diện Hoa kỳ, là Patti, rằng Liên Xô không thích những phần tử "quá khích", muốn họ phải thỏa hiệp với Pháp. Liên Xô không muốn can thiệp vào Việt Nam vì không muốn mất lòng dân Pháp, bất lợi cho đảng CS Pháp.

Những sự kiện trên đây đã được các tác giả thân cộng như Philippe Devillers và Bernard Fall tường thuật trong tác phẩm của họ, và Patti nói rõ trong hồi ký của ông ta.

Ông Hồ Chí Minh, một cán bộ của Đệ tam Quốc tế, đã theo đúng sách lược của Stalin, hỗ trợ cho Thorez bằng việc ký kết thỏa ước 6-Mars-1946, thỏa thuận cho quân Pháp đổ bộ vào Bắc Việt. Họ dự trù rằng khi cộng sản Pháp thắng cử và nắm quyền, Pháp sẽ trao trả Việt Nam cho Đảng CSVN và Hồ Chí Minh, hoàn thành cách mạng ở cả chính quốc lẫn thuộc địa. Khi những toan tính trên không thành tựu thì Hồ Chí Minh phải phát động cuộc kháng chiến, đúng theo chiến lược của Đệ tam Quốc tế, là tấn công chủ nghĩa tư bản từ các thuộc địa.

Như vậy, không phải nhờ ông Hồ và ĐCSVN mà Việt Nam được độc lập, mà chính vì ông Hồ và ĐCSVN mà Việt Nam không được độc lập ngay từ 1945-1946, và sau này tuy độc lập nhưng phải trả một giá đắt kinh khủng. Nếu không bị cộng sản chận đầu, Việt Nam đã được độc lập ngay từ 1945-1946, mà lại tránh được hai cuộc chiến tranh khốc liệt và tai hại.

Vậy những người yêu nước Việt Nam đã theo cộng sản thay vì cảm phục và ghi ơn họ thì phải oán hận họ đã làm tan nát cả xứ sở lẫn cuộc đời riêng của mình, vì không những họ đã bị hy sinh cả cuộc đời cho một chuyện vớ vẩn, mà lại còn góp phần vào những việc tai hại. Đó là nói về vấn đề độc lập.

Còn vấn đề công bằng xã hội, chấm dứt chế độ người bóc lột người, một khẩu hiệu vô cùng hấp dẫn với bao nhiêu thanh niên có lý tưởng cao

cả, thì sao?

Bây giờ nhìn lại, qua những tiểu thuyết của Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, những tố cáo của Câu Lạc Bộ cựu Kháng chiến, những ta thán của Bùi Tín trong bản kiến nghị tuyên bố ở Pa-ri, và nhứt là qua những gì mà chính những người sống ở Việt Nam đã được đau lòng mục kích trong thời gian cộng sản trị vì, ai cũng ý thức rằng ĐCSVN đã áp đặt lên nhân dân Việt Nam một chế độ phong kiến mới trong đó con người bị chà đạp còn tệ hơn thời nào hết trong lịch sử cận kim Việt Nam. *ĐCSVN đã thế chế độ bị lật đổ bằng một chế độ tồi tệ hơn: áp bức, thối nát, bóc lột hạng nhứt và toàn diện*—vì chính cả những thành phần công nhân và nông dân và cựu kháng chiến cũng không được tha. *No ấm, công bằng xã hội, ngày mai tươi đẹp*, chỉ là *những lời hứa* hẹn suông.

Chắc nhiều người còn nhớ những lời hứa của "Bác":

Năm 1947: "Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: kháng chiến thắng lợi rồi tôi sẽ ra sức cùng đồng bào sửa sang tu bổ lại hết."

Năm 1966: "Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn."

Năm 1969, trong di chúc: "Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười lần ngày nay."

Còn đồ đệ của ông ta thì từ hơn hai chục năm nay, và nhất là gần đây, vẫn không ngớt rêu rao: tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa.

Nay sự thật ra sao?

Những cái tốt, cái đẹp, những "ngày mai tươi sáng" mà Đảng đã hứa với nhân dân ở đâu? Còn tiến lên chủ nghĩa xã hội, bây giờ đã đến rồi đó (chính thức năm 1976 với đợt cải tạo tư sản), bây giờ cơm áo không có, làm gì nữa đây, tiến lên đâu nữa đây?

Âu là ngoài ngu xuẩn, dốt nát, ù lì, đám lãnh tụ ĐCSVN hiện tại lại "nhân danh xã hội chủ nghĩa để cố bám đặc quyền đặc lợi." Đây là lời nói không của ai khác hơn là Trường Chinh (tại đại hội đại biểu Đảng thành phố Hànội lần thứ X ngày 17-23 tháng Mười, 1986).

Nước Việt Nam ngày nay bị liệt vào hàng những quốc gia nghèo nhất thế giới. Dân Việt Nam nay sống như thú vật: ngoài lo kiếm ăn hằng ngày không còn trí óc nghị lực để nghĩ đến sự việc gì khác hết. Ảnh Bác Hồ không biết còn *lộng kiếng* không, chớ bao nhiêu kỷ luật xã hội, luật pháp, cương thường đạo lý đều bị *liệng cống* hết. Dân chúng Việt Nam ngày nay bình thản sống trong sự hỗn loạn và vô đạo.

Nếu người ta nói vì ĐCSVN mà sanh ra tình trạng như vậy, thì những người đảng viên đã cố sức làm việc cho Đảng để Đảng thành công nay nghĩ sao? Họ có trách nhiệm trong đó không? Nếu họ không đông đảo gia nhập Đảng và cố sức thi hành chính sách, đường lối của Đảng thì ngày nay có tình trạng đó không?

Chắc họ sẽ phủ nhận trách nhiệm này, và nói rằng họ gia nhập Đảng vì lý tưởng công bằng xã hội, vì muốn đưa Việt Nam lên địa vị đáng kính, vì muốn cho dân no ấm, tự do, hạnh phúc.

Đúng! Nhưng khi gia nhập Đảng, họ đã tuyên thệ chấp nhận đường lối của Đảng. Đường lối này đòi hỏi họ phải chấp nhận giai cấp đấu tranh, chuyên chế vô sản, và nhất là dân chủ tập trung. Chấp nhận nguyên tắc này họ đương nhiên dẹp bỏ bản chất một con người có lý trí, có lương tâm, để trở thành một công cụ ngoan ngoãn của Đảng. Phần đông không hy vọng gì lọt được lên hàng ngũ lãnh đạo, vì cơ quan lãnh đạo có quyền hành thực sự, Trung ương và Bộ Chính trị, chỉ có khoảng 150 chỗ. Muốn lọt vào đó phải là công nhân, hoặc có gốc ba đời bần nông, hoặc là đồ đệ thân tín của ông Hồ những năm ông hoạt động ở Quảng Châu (1925-1927). Như vậy họ sẽ không ảnh hưởng được chính sách của quốc gia tý nào, mà cũng không lên quá được hàm đại tá, chỉ phải làm công cụ suốt đời và phải cong lưng ngậm miệng làm những việc mà họ ý thức rằng hại dân hại nước.

Lối thoát duy nhất của những người đó nếu họ muốn duy trì lý tưởng của họ là dứt khoát đoạn tuyệt với ĐCSVN vì đảng này đã phản bội lý tưởng của họ; hoặc đòi hỏi những sự cải tổ thật sâu rộng, thật triệt để: thực sự đoàn kết dân tộc, dẹp bỏ vô sản chuyên chính, dẹp bỏ đấu tranh giai cấp, dẹp bỏ bạo lực cách mạng, dẹp bỏ độc quyền của ĐCS, dẹp bỏ dân chủ tập trung, chấp nhận dân chủ đa nguyên, chấp nhận tư hữu tư sản, kinh tế thị trường v.v.; hoặc tách ra cùng nhau lập một đảng mới với bản chất xã hội, dân chủ đa nguyên.

Muốn chấm dứt tình trạng làm công cụ của một chế độ bóc lột kiểu mới, áp bức, tàn bạo, phi lý, lạc hậu, bất lực và thối nát, để bảo vệ lý tưởng trong trắng của mình trong danh dự và trong sự kính nể của đồng bào trong và ngoài nước, để cùng với tất cả những người Việt có thiện chí, tài năng và vốn liếng tham gia thiết thực vào công cuộc xây dựng lại đất nước, họ không có con đường nào khác. Họ phải dứt khoát quyết định theo lý tưởng hay tiếp tục làm công cụ cho một đảng nay đã thành một cái gì bỉ ổi và không còn lý do tồn tại.

TÔN THẤT THIỆN

Montréal, Tháng Mười Hai, 1990

Cương lĩnh

NGUYỄN HỮU CHUNG

Đêm qua, sau khi đọc xong bản tin, người xướng ngôn của chương trình TV có mời bốn nhà bình luận nổi tiếng của những tờ báo lớn để "nhìn lại" những biến cố lớn của năm 1990. Khi được hỏi ý kiến về biến cố quan trọng nhất, có nhiều ý nghĩa nhất với mình thì bốn câu trả lời là: cuộc khủng hoảng vùng vịnh Ba Tư, việc thống nhất nước Đức, thỏa ước Paris về an ninh và hợp tác Âu Châu, và những gì đang xảy ra ở Liên Bang Xô Viết.

Quả thật bốn sự kiện mà quý vị này nêu ra đều rất quan trọng. Và còn những sự kiện khác cũng rất quan trọng như sự từ chức của bà Thủ tướng nước Anh, sự thắng cử của ông Walesa ở Ba Lan, sự mất chức của các Thủ tướng Ấn Độ, Thủ tướng Hồi quốc, của Tổng thống Bangladesh, v.v. Năm 1990 quả là một năm đầy biến cố.

Nhưng với hoàn cảnh của một người Việt Nam lưu vong, tôi lại thấy một sự kiện khác quan trọng hơn và nhiều ý nghĩa hơn. Đó là việc Tổng thống Ba Lan Jaruzelski tỏ lời xin lỗi nhân dân Ba Lan (hôm 15 tháng Mười Hai) "về những khổ đau và những bất công mà họ phải chịu dưới chế độ cộng sản". Xác nhận những sự sai lầm của chế độ cộng sản, chịu trách nhiệm trước lịch sử, xin nhân dân tha thứ, Tổng thống Jaruzelski nói rằng "sự cảm thông, sự hòa giải là giải pháp tốt nhất cho xứ Ba Lan", và ông chúc "tất cả mọi đình Ba Lan một đời sống sung túc hơn". Sau đó, trả lời câu hỏi của tạp chí *Times* là "ông nhận thấy chế độ cộng sản Ba Lan bắt đầu suy sụp từ hồi nào?", Jaruzelski đã nói như sau: "Sự kiện nhiều ý nghĩa nhất xảy ra hồi năm 1987 khi dân chúng Ba Lan bác bỏ những đề nghị cải tổ kinh tế của chánh phủ (CS) trong một cuộc trưng cầu dân ý; khi đó tôi nhận ra rằng chúng tôi không thể tiếp tục con đường cộng sản vì không có sự ủng hộ của dân chúng".

Tôi đã đọc những lời tuyên bố của ông Jaruzelski vài ba lần và đã ngồi yên chừng mười phút để suy nghĩ về những người Ba Lan.

Sau đó, tôi có dịp đọc một đoạn trích trong bản *"Dự thảo Cương lĩnh xây dựng Xã hội Chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ của đảng CSVN"* trong tờ báo *Economist*. Cương lĩnh viết:

"Vấn đề cốt lõi hiện tại vẫn là việc chuyển hóa từ Tư bản Chủ nghĩa sang Xã hội Chủ nghĩa trên toàn thế giới, hướng dẫn bởi cuộc cách mạng XHCN vĩ đại Liên Xô. Ở một số nước, đảng cộng sản đã mất vai trò lãnh đạo. Các thế lực thù địch đang lợi dụng những sai lầm và khó khăn để tiến hành cuộc phản kích nhằm xóa bỏ CNXH. . . CNXH sẽ lấy lại sức sống, và dù con đường đi là quanh co, cuối cùng sẽ dành lấy thắng lợi. . . Những mâu thuẫn căn bản của Chủ nghĩa Tư bản chẳng những đã không giảm bớt mà còn trầm trọng thêm và chắc chắn sẽ đưa CNTB đến chỗ sụp đổ không tránh khỏi. . ."

Tôi cũng đã đọc đoạn văn này ba lần và ngồi yên mười phút để mặc niệm đảng CSVN. Đảng CSVN đang giẫy chết. Tôi thành thật nói như vậy. Cái chết đó, người ta đã thấy từ lâu khi thấy rằng hơn mười năm sau khi chiếm được miền Nam, đất nước càng ngày càng suy sụp và CSVN càng ngày càng tồi tệ. Cái chết đó đã trở thành hiển nhiên sau những biến cố ở Đông Âu và Liên Xô, nhất là sau khi những người đã lớn lên và được nuôi dưỡng bởi chế độ cộng sản đã đứng lên chống lại nó. Hãy nghe những lời phát biểu của các anh em sinh viên và công nhân, những thành phần ưu tú mà đảng cộng sản đã chọn đưa đi học hay đi làm việc ở các nước Đông Âu. Những người này đã nói về bản chất, về Hồ Chí Minh, "vị thánh sống của đảng CSVN". (*Diễn Đàn* ở Praha, *Điểm Tin Báo Chí* ở Plzen, *Người Dân* ở Hoa Kỳ).

"Đảng cộng sản là một tập đoàn lừa bịp".

"Đối với thế hệ chúng em bây giờ, chúng em hoàn toàn không tin tưởng ở bác Hồ. Tại sao bảo đảng bảo bác Hồ là tài giỏi, là bao dung mà khi bác đang làm chủ tịch lại xảy ra những sự kiện đau lòng dân tộc như tàn sát dân chúng trong cuộc cải cách ruộng đất, tiêu diệt những nhà văn, nhà thơ v.v."

"Tất cả những bài hát mà bây giờ em còn thuộc, không có bài nào không có nói về bác Hồ. Mà thời đó là lúc bác còn sống. Chính bác mê danh vọng, thích người ta tôn thờ cá nhân nên mới cho làm những chuyện đó."

"Em chỉ sợ những người dân sẽ sẵn sàng lôi những người cộng sản ra tra tấn, đánh đập."

Tờ báo *Diễn Đàn Dân Chủ*, nội san của những công nhân CSVN ở Đông Đức đã viết trong số tháng Năm, 1990 như sau:

"Chúng ta đã hiểu biết sâu sắc nền dân chủ ở Tây Âu. Chúng ta có thể khẳng định rằng chỉ bằng con đường đa nguyên, xã hội Việt Nam mới phát triển được. . . Chỉ với một nền dân chủ như vậy Việt Nam mới trở thành một quốc gia phát triển nhanh được. . . Vì vậy các anh chị em ta hãy tranh đấu vì tương lai của đất nước, vì các thế hệ mai sau và cho sự phồn vinh của dân tộc. Chúng ta hãy bớt chút thời gian để suy nghĩ, hành động

làm thế nào để khôi phục tự do, phục hưng nền dân chủ ở Việt Nam. Các bạn đảng viên của đảng hãy suy nghĩ lại những điều đảng đã tuyên truyền. . . Đến giờ phút này các bạn sẽ không bị cắn rứt lương tâm khi rời hàng ngũ đảng. Chẳng còn nghị quyết nào của đảng mang lại niềm tin cho các bạn hết. Tất cả chỉ là những sự bưng bít và sự lừa dối".

Những người Việt Nam ở Đông Âu và Liên Xô hơn 200 ngàn người, là những người đã và sẽ trở về nước, sẽ truyền bá những tư tưởng dân chủ, sẽ đòi hỏi tự do, sẽ dẹp bỏ đảng. Xuất phát từ xã hội cộng sản, lời nói của họ sẽ không bị nghi ngờ. Họ không phải là những người sẽ tiếp tục sống ở nước ngoài, nói không ai nghe, nói rồi quên mất, như mấy ông cựu lãnh tụ của chúng ta, nay nói vầy, mai nói khác.

Tôi thấy cái chết của đảng CSVN khi đọc những lời phát biểu của những người từng là đảng viên cộng sản, như người ta thấy một cơ thể bị đâm chém, đầy máu me và gục ngã. Nhưng đó chỉ là cái thấy bề ngoài. Dự thảo cương lĩnh mà tôi vừa đọc cho tôi thấy cái chết ở bên trong, cái chết của óc, của tim. Một con người còn sống hay một tổ chức còn sống, khi thấy những biến cố, những nguy cơ, những áp lực xảy ra chung quanh mình, không thể tìm sinh lộ trong những vũng sình luận lý như vậy. Những điều lý luận của CSVN như phát ra từ một hình nộm có gắn một máy phát âm mà mỗi lần người ta nhận nút nó lại xổ ra mấy câu y hệt. Tôi đã để nhiều thì giờ quan sát sự sống, từ một mầm cỏ non hay một con kiến. Cọng cỏ non bất động, nhưng nhìn nó ta có thể thấy sự sống, thấy nó vươn lên tìm ánh sáng, thấy nó mơn mởn nuột nà. Nhìn con kiến tha một vật gì, ta thấy khi nó đi tới, khi nó thụt lùi, khi nó đi ngang. Nó luôn luôn tìm phương cách để chuyên chở gánh nặng vượt qua những chướng ngại. Con kiến tuy có một khối óc rất nhỏ nhưng nó biết sử dụng khối óc của nó. Đảng CSVN, trong một thời nào đó, cũng có một khối óc, nhất là vào thời đang lên, khi đảng thành công gạt gẫm hết người này tới người kia. Bây giờ thì rõ ràng, bộ óc của đảng đã chết.

Tới giờ này mà đảng CSVN còn nói tới thời kỳ "quá độ", về cuộc cách mạng vĩ đại tháng Mười bên Nga, trong khi sau 70 năm "quá độ" Liên Bang Xô Viết đã tới hồi tan rã và trong mùa đông này người tư bản đã chở đồ tới cho dân Nga ăn đỡ đói. Mơ mộng một cuộc cách mạng XHCN toàn thế giới, trong khi Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và Phạm Văn Đồng sang Tàu cầu viện đã không được phép tới Bắc Kinh và không được Đặng Tiểu Bình tiếp. Đảng CSVN đang đi lạy lục tư bản Mỹ, tư bản Nhật và Âu Châu để xin bang giao, xin viện trợ từ đồng mà cứ nói là tư bản sắp sụp đổ và cộng sản tất thắng. Đảng đang mê sảng. Đảng đang nằm đó, như một người "coma", sống nhờ vào những dây, những ống nối vào người. Thuốc thang mà những dây, những ống đó còn mang vào cơ thể đảng là một ít viện trợ của Liên Xô, tiền bạc, hàng hóa của người Việt ở ngoài nước gởi về, hệ thống tham nhũng và buôn lậu quốc doanh. Tất cả nguồn lợi quốc gia đều được thu hút vào cơ thể đảng, để 60 triệu người dân phải đói khát. Nhưng những thứ này không đủ để làm đảng sống dậy, chỉ kéo dài sự hấp hối của đảng CSVN.

Một người bạn tôi, sau khi đọc dự thảo cương lĩnh của đảng CSVN bảo rằng đảng CSVN đã hết biết xoay sở thế nào, chỉ liều nhắm mắt đưa chân, đảng đang giẫy chết.

Tôi xin lỗi mọi người khi đã nói về sự chết chóc trong số báo đầu xuân. Nhưng đó là thực tế Việt Nam. Thực tế là mùa xuân dân tộc chưa bao giờ đến. Trong nửa thế kỷ qua, dân tộc Việt Nam lúc nào cũng bị vây hãm bởi khổ đau, chết chóc. Hiện tại, hơn 60 triệu đồng bào ta đang chết mòn, chết đói. Chúng ta, những người đang sống ở ngoài nước, sống cuộc đời lưu vong cũng là đang chết hết nửa cuộc đời. Cái chết của đảng CSVN là phần cuối của tấn thảm kịch Việt Nam. Sở dĩ có tấn thảm kịch này là vì nửa thế kỷ trước, ta đã uống nhầm độc dược. Nếu cái tổ chức nắm được chánh quyền trong năm 1945 không phải là đảng cộng sản, công cụ của Staline và Đệ tam Quốc tế, thì đâu có tấn thảm kịch 45 năm qua. Biếtnhững điều đó nhưng tôi không nghĩ rằng giải pháp cho dân tộc Việt Nam là tiêu diệt những ai đã theo cộng sản và đem chôn những người đó cùng với đảng cộng sản. Chúng ta học những bài học từ lịch sử nhưng chẳng ai ôm lịch sử mà sống. Chúng ta phải biết thực tại để tìm lối hướng tới tương lai. Ta phải vươn tới tương lai. Tương lai đó của mọi người và cần có sự đóng góp của mọi người, ngay ngày hôm nay. Cần có sự đóng góp của những người từng là cộng sản, ngay ngày hôm nay, trong công việc chôn cất đảng cộng sản.

Tôi tôn trọng sự đau buồn của quý vị đã từng gắn bó với đảng CSVN. Tôi thông cảm với những lo sợ của quý vị. Nhưng tôi mong quý vị hiểu rằng cái chết là một hiện tượng bất phục hồi và vì vậy, quý vị nên để đảng chết một cách êm ái và dứt khoát. Đừng "đổ thêm sâm, sang thêm máu", đừng đem những con "mèo đen" cho nhảy qua nhảy lại trên xác chết để mong đảng đứng dậy, quờ quạng tay chân. Và hãy chôn sâu xác đảng xuống lòng đất lạnh như những xác chết khác, đừng muối xác, phơi khô, trưng bày, tưởng niệm, kéo dài sự đau khổ của chính quý vị và gây ô nhiễm cho tất cả mọi người. Chính sự sống mới là quan trọng, sự sống của 60 triệu đồng bào, của quý vị, của tôi. K

NGUYỄN HỮU CHUNG

31 tháng Mười Hai, 1990

Chân dung bốn nét

Thơ: LƯU ĐÌNH VONG
Họa: KHÁNH TRƯỜNG

Xuất hiện trong vòng năm năm qua, dưới bút hiệu Lưu Đình Vong, nhà văn Định Nguyên tự giới thiệu đến người đọc một khía cạnh khác của văn chương ông: Thơ chua, thơ đắng, thơ khét, Thơ Giập Mật. Là tác giả truyện dài Đường Xương Trắng *và tập thơ* Quê Hương, *trước đây Định Nguyên cũng đã giao cho nhà xuất bản Người Việt xuất bản tập* Thơ Giập Mật *của ông.*

Thế Kỷ 21 số xuân năm nay xin giới thiệu 20 khuôn mặt văn chương Việt Nam hải ngoại dưới "chân dung bốn nét" của Lưu Đình Vong, và "chân dung đôi nét" của họa sĩ Khánh Trường.

Khác với Lưu Đình Vong trong Thơ Giập Mật chuyên đánh, đâm, chẹt... người và việc vào một thế khó thở; cũng khác với những bài thơ tình ký dưới tên Định Nguyên, nhẹ nhàng, sướt mướt, tình tự... Lưu Đình Vong trong Chân Dung Bốn Nét *cho thấy ông đang đứng giữa một Định Nguyên và một Lưu Đình Vong. Trong những giòng châm chích này, Lưu Đình Vong đã nhìn các bạn văn với một nụ cười thân mến. Sự châm chọc, đùa bỡn, trêu ghẹo hoàn toàn dựa trên tình thân hơn là trên sự đả kích, châm biếm. Một nụ cười đầu xuân của một "Con ong lãng mạn".* (NXH)

Bùi Bảo Trúc

Miền Đông nổi tiếng Mít-tơ-Bùi
(Đọc giọng Ăng Lê giận tái người)
Nẻo Bắc hoa vàng anh có hái
Hay là kiếm đất Trúc trồng chơi!

Đào Trường Phúc

"Thi trung hữu nhạc" khổ anh Đào
Cái nghiệp cầm ca nó vận vào
Hỏi Ánh Trăng vàng đâu họa Phúc
Cứ về Phố Nhỏ biết tay nhau.

Đỗ Kh.

Ngồi viết thơ yêu tựa giá giò
Chầy bồm cối bộp vẫn ra thơ
Bây-rút mai về thăm xứ vợ
Giò chả đừng mang, dễ... ủ tờ.

Đỗ Ngọc Yến

Tử vi cung Mệnh ở... cuối trời
Ai ghét ai yêu cũng mặc người
Năm mới liệu chàng mua xế mới?
Coi chừng kiếng gió lại banh thôi

Hoàng Khởi Phong

Râu tóc tùm lum ấy chính chàng
Bóng người chưa thấy, thấy oang oang
Văn chương cũng có Ngày N Cộng
Đã chán trò chơi chữ nghĩa chăng?

Lê Đình Điểu

Kom-lê, kà-vạt nhất là... chàng
Giám đốc nhà ta lại dịu dàng
Nhưng viết tên ông nên cẩn thận
Chữ I mà thiếu giận quanh năm

Khánh Trường

Vẽ viết chung nhau mới lộn mầu
Chỗ đen thành đỏ, tái ra nâu
Chơi thơ men chán Hồ trường cũ
Chàng đẩy văn vào cõi... rất sâu

Mai Thảo

Chỉ có ông trời ngất ngưỡng say
Còn chàng cõi tục uống phây phây
Mai thơ anh vọng chuông đền miếu
Có nén nhang trầm cũng ngất ngây

Nguyễn Bá Trạc

Năm mới liệu đào có mới chăng?
Cung Thê anh lỡ ngộ sao... Đầm
Phần Lan, Thụy Điển, còn đâu nữa?
Hỏi đất Phi Châu có Cỏ Bồng?

Nguyễn Mạnh Trinh

Thi sĩ to con chỉ có anh
Nhà to chắc hẳn chẳng ai bằng
Làm thơ được Thế thơ như Thế
Viết Mạnh năm Mùi, Mạnh nhé Trinh

Nguyễn Mộng Giác

Vợ sang Ngựa Nản hết Chân Bon
Nước Lũ Sông Côn chảy lộn giòng
Bèo Giạt cả năm không thấy mặt
Bạn bè có Tố cũng Như không

Nguyễn Ngọc Bích

Những mảng văn chương cụ có thừa
Một bè chữ nghĩa của trời cho
Tước danh bao cục ông gom đủ
Có thiếu chăng là một củ thơ

Nguyễn Xuân Hoàng

Ai cũng ghen anh có lắm tài
Đã tài mà lại khá bô trai
Văn chương giàu quá tiền đâm rách
Có mấy giai lơ cũng khổ đời

Nhật Tiến

Đã chán làm chim hót mãi lồng
Người mong lấp biển lại dời non
Đá kia còn ớn mồ hôi đổ
Cánh cửa nào hơn cánh cửa buồng

Phạm Quốc Bảo

Cậu thấy người đi cậu cũng đi
Đông âu xứ ấy có vui gì
Sách in đẹp lắm nhưng vay nợ
Vợ tặng Cùm Xanh mệt kể gì

Trịnh Y Thư

Đọc sách đêm Trăng chán mớ đời
Hương Quỳnh thoang thoảng chỉ buồn thôi
Mở trang Văn Học sâu như biển
Mơ thấy đêm qua Cát lấp người

Túy Hồng

Mưa chợt thì thầm trên phấn hoa
Thông Đưa Tiếng Kệ lại la đà
Ai Nhìn ai nhỉ? Tường vôi lạnh
Hình ngẩn ngơ nhìn bóng ngẩn ngơ

Võ Thắng Tiết

Tu đâu hơn được cõi tu. . . nhà
In sách, in thơ lại nịnh bà
Đọc truyện Khánh Trường lên cảnh giới
Đạt Thiền nghe được tiếng. . . oa oa

Vũ Huy Quang

Ngất ngư tìm mãi lối lên trời
Xỉn quá thành ra lạc giữa đời
Dịch *Nhục Bồ Đoàn* xong mấy quyển
Chỉ ông Thắng Tiết thích in thôi

Tác giả tự họa

Cả quần cả áo chín mươi pao
Vợ mắng lâu lâu chả. . . tí nào
Máu rực Đường thi, xương Lục bát
Thịt thừa đâu nữa để cho nhau?

LƯU ĐÌNH VONG

Xuân con Dê 91

Đỗ Kh.

Hoàng Khởi Phong

Nguyễn Bá Trạc

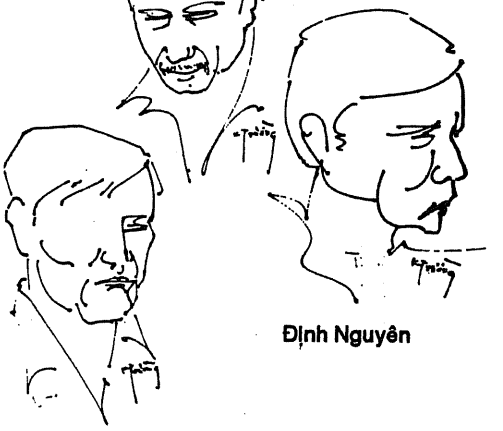

Định Nguyên

Vũ Huy Quang

Khánh Trường

Bùi Bảo Trúc

Trịnh Y Thư

Chuyến métro đi từ Belleville

MAI THẢO

Những hạt mưa lất phất đậu xuống mái tóc, bầu trời Paris thấp và xám ngắt, khu Belleville ướt át và đầy rác rến với những chiếc xe tải tấp nập đổ hàng vào những tiệm thực phẩm của người Trung Hoa, lúc này là gần 11 giờ sáng và Luật vừa từ một tiệm mì và hủ tiếu đi ra. Mặc dầu tiệm ăn được giới thiệu là xuất sắc và nổi tiếng nhất vùng Belleville, bữa điểm tâm với Luật không ngon miệng chút nào. Làm thất vọng nữa. Khiến Luật nhớ tới những tiệm mì tuyệt vời, đúng hương vị mì La-Cay Chợ Lớn đầy đặc khu Little Saigon chàng ở, đã 10 ngày rồi chàng không được thưởng thức vì đã 10 ngày rồi chàng ở Paris.

Gió thổi mạnh, dọc theo những hè phố nhớp nhúa. Trận mưa đe dọa nặng hạt. Cảm thấy khu Belleville, tuy khá sầm uất, vui mắt, như một Chinatown thu nhỏ của người Tầu giữa Paris bát ngát, không còn điều gì cầm chân chàng được lâu hơn nữa, Luật kéo cao cổ áo tơi mưa, ném tiền vào một sạp báo, nhặt vội lấy một tờ Figaro. Và đội tờ báo Pháp lên đầu, chạy rảo tới một cửa xuống tầu điện ngầm ở đó đã là một giòng người của Paris biển người đi xuống, đi lên ào ạt.

Từ một lòng hầm tối thẳm, chuyến tầu chạy trên tuyến đường Nation-Porte Dauphine như một con thú dữ hiện ra và ầm ầm lao tới. Chọn được một toa tầu trống nhất, Luật nhảy đại lên, đi tới cuối toa, ngồi xuống một cái ghế cạnh cửa sổ. Và trong nhịp lao đi lắc lư vùn vụt của đoàn tầu, mở tờ Figaro đã ẩm ướt hơi mưa ra đọc. Chàng đọc chăm chú một tin quan trọng đăng nơi trang nhất tờ báo, bản tin tường thuật lại những vụ đàn áp thô bạo đang diễn ra ở một trại cấm Hồng Kông, vì những thuyền nhân ở trại đã tuyệt thực, biểu tình chống lại cưỡng bách hồi hương của nhà cầm quyền Anh quốc.

Đọc hết bản tin, đặt tờ báo xuống, Luật mới nhìn thấy người thiếu phụ Á Châu ngồi đối diện với chàng.

Nàng lên từ trạm nào, Luật không rõ nữa. Một trạm nào đó sau trạm Belleville. Và trong khi Luật đã thôi đọc tờ báo, thì tựa vai vào thành cửa, mái tóc nghiêng nghiêng, hàng lông mày hình cánh cung hơi nhíu lại, nàng vẫn chăm chú với một cuốn sách mở rộng trên tay, cái đọc vừa tập trung, vừa trang nghiêm, như cuốn sách đang nói tới những điều kỳ lạ.

Luật rất yêu những người đàn bà đọc sách lúc đi đường, trong chuyển dịch. Khu Little Saigon của chàng ở Mỹ, mỗi lần có việc phải lấy bus đi Los Angeles, Luật luôn luôn ngắm nhìn với tất cả lòng yêu mến những bà già Mỹ, những thiếu nữ Mỹ, bước lên xe, ngồi xuống ghế là một cuốn sách được lấy ngay từ sắc tay ra và đọc liền ngay. Cái đọc im lặng, như một tự trọng. Cái đọc một mình, như một độc lập trong suốt của tâm hồn. Cái đọc không ngừng, suốt một lộ trình, như một tách rời tuyệt đẹp với tất cả ở chung quanh. Dưới lòng đất Paris, thiếu phụ ngồi trước mặt Luật, với một cuốn sách mở rộng trên tay, cũng đang cho Luật được ngắm nhìn thỏa thích một cảnh tượng tuyệt vời như thế.

Nàng không thuộc loại đàn bà có một nhan sắc chim sa cá lặn, đi trên một khúc đường, bắt tất cả những đàn ông đi qua phải tròn mắt huýt gió, quay đầu nhìn lại. Một khuôn mặt thanh tú mà sự trang điểm chỉ như một niềm ngờ vực. Một đường cằm tròn trĩnh. Vậy thôi. Và sự nổi bật thì là ở cách phục sức, rất trang nhã, rất Champs Elysées, rất đàn bà Paris. Với một cái áo len đen cổ cao, bó chặt lấy thân hình, khoác ngoài là một cái áo tơi mưa đất tiền màu xám nhạt, cái áo phủ trùm lên một cái váy

dạ màu tím rất rộng, và thả dài tới mất cá chân. Tất cả, trong một vẻ đài các kín thầm, tự nhiên, không phô diễn.

Sẽ không có chuyện gì xảy ra, với đoàn tầu tiếp tục vùn vụt lao đi trong lòng đất cho tới khi thiếu phụ hoặc Luật đi xuống, nếu cái đọc chăm chú của nàng không bị thình lình cản trở. Bởi hai thằng du đãng Ả Rập. Đầu tóc bù rối, râu ria lởm chởm, áo quần hôi hám nhầu nát. Chúng lên từ một trạm vừa ngừng. Một thằng sấn tới ngồi ngay xuống cái ghế trống cạnh thiếu phụ. Thằng kia chống nạnh, đứng cạnh bạn nó. Cả hai cùng chằm chằm nhìn người đàn bà Á Châu xinh đẹp, từ đầu đến chân, bằng một ngấm nhìn rất thô tục, khả ố. Rồi thằng đứng vụt vươn cánh tay ra và giật phắt lấy cuốn sách thiếu phụ đang cầm trên tay. Luật thấy thiếu phụ ngồi thẳng người lên. Nàng không nói một lời nào, chỉ xòe bàn tay, làm cử chỉ đòi lại cuốn sách. Nhưng thằng du đãng ngửa cổ cười lớn, cuốn sách nó đã không trả, còn giấu lại ở sau lưng. Luật biết chàng phải can thiệp rồi. Bằng tiếng Pháp và gằn giọng, chàng quát:

"Vị phụ nữ cùng đi với tao. Để cho bả yên và phải trả ngay cuốn sách."

Giây phút đó, khuôn mặt bừng bừng lửa giận của Luật chắc phải toát ra một vẻ dữ dằn không thể coi thường. Thằng du đãng nhìn chàng. Rồi kéo bạn nó đứng lên, ném trả cuốn sách. Và hai thằng đi ngay ra cửa toa, cùng nhảy xuống ở trạm ngừng sau.

*
* *

Đó là một trạm ngừng lớn, trong hệ thống đường xe điện ngầm chằng chịt nhiều tầng thiên la địa võng dưới lòng đất Paris, trạm Etoile-Charles de Gaulle. Thiếu phụ cũng đứng lên đi xuống và Luật cũng đi xuống theo nàng. Mấy bước đi chậm, tần ngần, giữa giòng người hối hả về hướng những lối ra. Rồi thiếu phụ ngước mắt, nói và nói bằng tiếng Việt Nam:

"Cám ơn ông đã can thiệp."

Luật, vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ:

"Cô là người Việt?"

Cười:

"Vâng, ông ngạc nhiên lắm sao?"

"Một ngạc nhiên hết sức vui thích. Nhưng cô, cô cũng thấy ngay tôi là người Việt? Bộ tôi giống thuyền nhân đánh cá Cà Mâu, Châu Đốc lắm sao?"

Cười thành tiếng, chỉ tờ báo Pháp Luật cầm trong tay:

"Ban nãy lên tầu, đi qua ông, tôi có liếc nhìn bài báo ông đang chăm chú đọc. Chỉ những người Việt chúng ta mới đọc một bản tin về trại cấm Hồng Kông một cách chăm chú và đầy quan tâm như thế. Bản tin ấy, tôi cũng đã đọc, trước khi ra khỏi nhà. Ông ở Paris?"

"Không. Tôi từ Mỹ sang chơi với một người bạn ở Quận 10."

"Ông tới lâu chưa? Đã sang Paris nhiều lần?"

Luật khởi sự nói dối, chàng đang tìm cách được ở gần người đàn bà xa lạ, thoạt thấy đã có một dáng vẻ thanh lịch đầy hấp dẫn, nhiều hơn là chỉ một đoạn đường ngắn cụt dưới métro:

"Tôi tới lần đầu và mới đêm qua. Đây là đâu vậy, cô?"

Cái nhìn thiếu phụ ném cho Luật là một tò mò khó hiểu. Thêm một chút đỉnh ngờ vực:

"Ông không biết đây là đâu sao?"

Luật tiếp tục nói dối, nói dối khơi khơi, nói dối như không:

"Hoàn toàn không."

"Trạm Charles de Gaulle. Bên trên là Khải Hoàn Môn, đầu lối đi xuống đại lộ Champs Elysées, được coi là đại lộ đẹp nhất thế giới."

Trạm đưa lên nhiều tầng cầu thang. Cầu thang rồi cầu thang. Gió từ cửa ra trên cao ào ạt trút xuống và cái váy rộng của người đàn bà đập phần phật theo chiều gió mạnh. Nàng bước thoăn thoắt. Một lúc nàng phải đứng lại chờ Luật ráng bước nhanh trên từng bực thang, để đuổi kịp nàng.

"Ông mỏi chân chưa?"

"Sắp, tôi chưa quen. Ở Mỹ, chúng tôi không phải leo trèo nhiều như thế này."

"Ông ở đâu ở Mỹ?"

"California."

"Thảo nào. Người ta nói dân Cali ba mươi triệu người đêm ngày ngồi trong ba mươi triệu cái xe hơi, không một ai đi bộ, phải vậy không?"

Luật gật gù:

"Gần là vậy. Cho nên California bị diễu là một tiểu bang gồm toàn những kẻ cụt chân."

Hai người cùng cười. Cảnh vật sáng rỡ trước tầm mắt. Đã ra khỏi hầm métro. Mặt đất trải rộng với những đường phố, những hàng cây, những dẫy công thự cổ kính như những tòa lâu đài và cái tháp Khải Hoàn Môn sừng sững. Trên đầu, bầu trời Paris quang đãng với những giải mây lớn đang trôi nhanh về một vòm trời khác.

Phố xá tanh ráo. Trận mưa dấy lên từ khu Belleville, trận mưa đã chấm dứt. Hai người cùng đứng lại. Và trong Luật, ý muốn kéo dài thêm sự gần gũi với người đàn bà mới gặp mãnh liệt hơn bao giờ, mãnh liệt nghìn lần hơn là ở dưới métro:

"Trưa nay cô bận gì không?"

Thiếu phụ đã hiểu ý nghĩa câu hỏi của Luật. Nàng tủm tỉm cười:

"Ông hỏi làm chi vậy?

"Tôi mỏi chân rồi. Muốn ngồi nghỉ một lát. Muốn được mời cô một tách cà phê trên hè đường Champs, Elysées danh tiếng này nữa. Cũng muốn nhờ cô chỉ dẫn cho cách thức đi métro Paris thế nào cho đúng hướng."

Nói tiếp, khẩn khoản, và vẫn khơi khơi gian dối:

"Tôi đến Paris lần đầu. Như lạc vào rừng. Cô không thể bỏ rơi tôi một mình như thế này được."

Câu nói đầy vẻ ngây ngô.

Thiếu phụ quay mặt đi, cố giấu một nụ cười. Nàng nghĩ rồi gật đầu:

"Được. Tôi cũng muốn ngồi nghỉ chân một lát. Cũng muốn uống một tách cà phê expresso ở đại lộ Elysées."

*

* *

Khởi đi từ cửa Khải Hoàn Môn, đại lộ danh tiếng hoàn vũ thoai thoải xuống thấp, khúc giữa phình lớn với những vỉa hè thênh thang đông kín, hai bên là những nhà hàng, những cửa tiệm, những rạp chiếu bóng tranh đua nhau về trang hoàng tân kỳ, lộng lẫy đã đồng loạt mở cửa, bên trong đèn lửa sáng choang. Du khách thế giới đã tới đây, trước Luật. Một biển người. Một rừng người. Một trường giang đàn ông chen lấn với một thác lũ đàn bà, như một cái chợ người bát ngát mênh mông, trong một nhịp chuyển động trùng trùng điệp điệp. Du khách Nhật Bản từng bầy, đồng phục, với mỗi nước Nhật một cái máy chụp hình toòng teng trước ngực. Du khách Mỹ hồng hào no ấm, bước đi mạnh mẽ, y phục sặc sỡ. Những đoàn sinh viên Anh, Đức, quần áo ngắn, dép mỏng cho đường xa, cái ba-lô tổ gộ trên lưng. Và Việt Nam là hai con người nhỏ nhắn bước ung dung giữa một rừng vai, rừng tóc.

Thiếu phụ ngừng bước trước một nhà hàng lớn, bề thế, mặt tiền chạy dài trên hai góc đường, vải bạt đỏ chói vươn dài thêm hàng hiên, phía dưới là năm bảy dẫy ghế mây và bàn tròn san sát. Và bên trong những khung kính, là bàn ghế, quầy rượu và những dàn đèn pha-lê của một tiệm ăn sang trọng hàng đầu của đại lộ Elysées. Tiệm Fouquet's. Luật đã tới Fouquet's nhiều lần. Một mình. Trước một ly khai vị. Ngắm nhìn Paris đêm, chói lòa một hội hoa đăng ánh sáng.

"Ông đã tới đây chưa?"

Sự nói dối đã lỡ. Phải tiếp tục. Tuy Luật đã cảm thấy ân

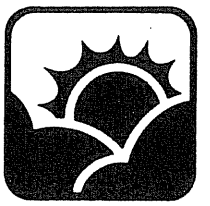

Tôi đi về phía mặt trời mọc

HẢI LINH

Từ phương Tây, phía mặt trời lặn,
Cảnh vật dịu dàng.
Tôi đi về phía mặt trời mọc,
lòng day dứt ngốn ngang!. . .

Nơi ấy, nắng cứ chói chang,
nắng như đổ lửa!
Trẻ thơ ra đời, miệng khô thèm sữa,
chín suối hồn người còn khao khát bữa cơm no!

Nơi ấy, bốn nhăm năm "độc lập tự do"!
Bóng Hỏa lò chồm lên vạn nẻo,
Khám Chí Hòa, xiêu vẹo những trần nhân!
"Ngọn lửa Mác-Lê" thiêu cháy cả nhân quần!

Nơi ấy, biết bao bậc danh nhân,
Không dựng tượng thắp hương, giữa tim dân,
lại đập lộn "một ông Tây mũi lõ"
Hợm mình, ở đâu cũng vung tay chỉ trỏ!

Nơi ấy, gương Hồ gươm ngày thêm xác xơ,
rùa vàng trốn bỏ, gươm thần cứu nước lặn đáy sâu!
Vắng bóng hải âu, biển đâu còn ca hát,
đồng xưa bát ngát, cánh cò chết dạt cùng ca dao!

Nơi ấy, mọi vật cứ sốn sao,
tất cả như đang lộn dòng lịch sử!
Quan ngồi ăn "quá khứ", dân lành táo tác, bơ vơ,
Sóng thuyền nhân con trẻ chẳng tới bờ!

Sao tôi vẫn mộng mơ,
trở về nơi mù lòa, cực nhọc,
với mái nhà lợp bằng tiếng khóc,
Bên đèn Hoa Kỳ, con ngồi học chờ cha?!

hận:

"Chưa từng."

"Fouquet's đó. Nổi tiếng đã từ lâu và khắp cùng. Chỉ bởi đây là nơi chốn thường lui tới của những minh tinh, tài tử lẫy lừng nhất của điện ảnh và kịch nghệ Paris. Những thần tượng. Như Belmondo, như Delon. Như Catherine Deneuve, Romy Schneider khi Romy chưa tự hủy.

Cười. Và lần đầu tiên đùa:

"Chúng ta cũng là hai đại tài tử màn bạc vừa từ Sàigòn sang. Và cũng chọn Fouquet's."

*

* *

Hơn nửa tiếng đồng hồ sau, sau hai tách cà phê expresso, thiếu phụ bằng lòng cho Luật mời thêm một ly rượu mạnh. Men rượu làm cho hai gò má nàng ửng hồng. Rồi chỉ thua một chút cái tốc độ vùn vụt của những chuyến xe điện ngầm dưới lòng đất Paris, bầu không khí hội hè, thoải mái của cái rừng người, rừng du khách ở Champs Elysées cùng với chuyện trò tự nhiên thôi gìn giữ đã đưa tới một thân mật mau chóng. Cách xưng hô nữa, từ xa lạ trở thành thân tình. Và từ tuyến đường métro Nation-Charles de Gaulle, một tuyến đường mới đã mở trước mắt Luật, tuyến đường của cuộc đời người đàn bà đang ngồi uống khai vị với chàng ở nhà hàng Fouquet's.

"Tên em là Ngà. Khánh Ngà. Anh là Luật à? Trùng tên với một người con ông bác ruột em, anh ấy đã tử trận ở Pleiku. Bố mẹ em mất cả rồi. Mẹ em mất một tuần trước khi em để trở vượt biển một mình. Cái tuần lễ mất mẹ ấy với em rất khủng khiếp. Chỉ muốn chết theo mẹ, định tự tử nhiều lần. Rồi thôi, chính vì lời bà cụ dặn lại: 'Con phải tìm đường đi thật xa đi, tìm lấy cho con một đời sống mới. Cấm con không được làm một điều gì dại dột.' Vượt biển không dại dột nhưng liều lĩnh. Gặp bão lớn ở Côn Sơn, ở Thái Lan, nhiều lần tưởng đã xuống đáy biển theo tầu. Rồi bọn em dạt được vào đất Mã Lai, được đưa đến trại tạm trú Galang. Thời gian em ở Galang tương đối rất ngắn. Nhờ nói được tiếng Pháp lưu loát, em là nữ sinh Couvent Des Oiseaux mà, em được mời làm việc với phái đoàn Pháp. Trưởng phái đoàn là một cặp vợ chồng Pháp già, cụ Delmont. Hai cụ rất thương yêu em, nhận em là dưỡng nữ và rủ em về Pháp, một trang trại ở vùng Bordeaux. Em đi theo. Rất buồn là trở về Pháp, chỉ hai năm sau, cả ông cụ bà cụ đều theo nhau từ trần. Em khóc quá đi. Thấy mình lại tứ cố vô thân. hai cụ cho em một căn nhà nhỏ ở vùng Lognes và một số chứng khoán ngân hàng giúp em tạm đủ sống."

"Lognes ở đâu?" Luật hỏi.

"Một vùng ngoại ô Paris. Từ Lognes lên Paris phải lấy bus ở đoạn đầu rồi xuống métro. Chiều nay em về cũng đi như thế. Mất ngót một giờ."

"Ngà ở một mình?"

Chớp mắt:

"Vâng, đang là như vậy. Nhưng rồi sẽ không là như vậy."

"Thế là thế nào?"

Cười:

"Chuyện em dài dòng lắm, anh chẳng cần biết làm chi. Sau đây anh đi đâu?"

"Ngà phải hỏi là chúng ta đi đâu."

Sự nói dối tiếp tục, vẫn một luận điệu đã dùng từ trạm métro Charles de Gaulle.

"Tôi mù tịt về Paris và rất muốn nhờ Ngà biết nó hôm nay. Ngà thừa thãi thời giờ, cho tôi xin từ buổi trưa này tới hết buổi chiều. Cái ơn ấy nặng một ngàn cân tôi cũng đội được."

Câu khôi hài làm buồn cười. Ngà cười. Và tiếng cười là sự bằng lòng.

"Không phải em dư thừa thời giờ đâu. Em đã đi học mấy khóa Lenôtre dạy nấu đồ ăn Pháp và làm bánh ngọt. Hàng ngày em làm việc ở một chi nhánh của Lenôtre trong vùng em ở. Chỉ riêng hôm nay, nghỉ cũng thích đi lang thang một ngày giữa Paris như anh. Được, đi cùng. Nhưng sáu giờ chiều thì em phải trở về Lognes."

*

* *

Cuộc đi dạo lang thang không chủ đích giữa Paris bắt đầu. Một bên là Luật, giả vờ đóng vai mán xá vào rừng. Một bên là Ngà, cái váy dạ rộng đập vui tai theo chiều gió, trong vai hướng dẫn viên thành thạo và cũng tìm được sự vui thích cho chính mình qua cuộc dạo chơi.

Luật đã tới Paris nhiều lần. Nhiều không nhớ hết. Và cái túi vải giang hồ trên vai, một mình đi lang thang khắp hang cùng ngõ hẻm ở Paris không biết đã bao lần, đến không còn điều gì làm chàng ngạc nhiên nữa. Vậy mà lạ lùng thay, lần này có Ngà, ngoan ngoãn đi theo sự hướng dẫn của nàng, lại như Luật mới khám phá thấy Paris lần thứ nhất trong đời, Paris với Ngà và qua Ngà, tưởng như là một Paris hoàn toàn biến hình, hoàn toàn mới lạ, không có một dấu vết nào của Paris những lần gặp trước. Hoàn toàn biến hình, từ những ngọn cỏ đường đến những hàng dây điện. Hoàn toàn mới lạ. Từ những hàng hiên đến những hàng cây. Như có Ngà, thành phố mới có một linh hồn. Như có Ngà, nó mới có một trái tim. Như có Ngà, nó mới có một đời sống. Và như vậy, lúc ở trên mặt đất, lúc đi xuống những cầu thang, lúc đi lên những thang máy, gặp lại những chuyến xe điện ngầm di chuyển vùn vụt dưới lòng đất Paris.

Khu Saint German des Prés. Hướng dẫn viên:

"Chúng ta đang đứng trước hai tiệm cà phê cùng danh tiếng như nhau, ngày đêm đông kín khách du lịch thế giới. Tiệm này là Floor. Tiệm kia la Aux Deux Margots. Danh tiếng vì những nhà văn lớn nhất của Pháp mỗi ngày lui tới. Như

Camus. Như cặp Beauvoir và Sartre. Bên kia đường là nhà hàng Brasseries, muốn có chỗ ngồi phải ghi tên trước cả tuần, khách hàng thường xuyên là những lãnh tụ của chính trường nước Pháp, từ tổng thống đến các tổng, bộ trưởng. Anh muốn ngồi quán nào?"

Mán xá vào rừng:

"Cả ba."

Khiến hướng dẫn viên cười rũ.

Khu Montmartre. Những con phố hẹp lòng. Những tiệm thực phẩm bầy bán tràn lan ra vỉa hè ồn ào những tiếng chào hàng, vừa dữ dằn vừa ngộ nghĩnh. Ngọn đồi và giáo đường Sacré Coeur, ở một bãi trống là đám họa sĩ đầu bù tóc rối, phong cách du mục, ngồi vẽ dưới những cây dù rách nát, và từ trên một tầm cao, Paris bát ngát trải rộng ở dưới thấp. Khu Saint Michel, Ngà nói là khu nàng yêu thích nhất trong mọi khu xầm uất ở Paris, với những hè đường đông đặc có những bóng cây làm cho tươi mát, những con ngõ khuất khúc cấm xe cộ lưu thông dẫn vào khu Quartier Latin, với lớp nhà cửa cũ kỹ đã được vẽ trong những họa phẩm bất hủ của Utrillo, mỗi căn là một nhà hàng. Luật kêu vừa mỏi chân vừa đói bụng. Chàng đùa:

"Nữ thị trưởng của thành phố Paris cho được ăn ngon ở một tiệm nào đi."

Ngà cười dẫn Luật tới một quán ăn nhỏ nhưng bài trí rất mỹ thuật, không khí ấm cúng. Bà chủ quán người Pháp béo mập, chắc đã nhận ra Ngà là một khách hàng quen, tới tận bàn chào và giới thiệu món ăn đặc biệt của ngày là món Choucroute garni nấu đúng kiểu Choucroute vùng Alsace.

"Và phải uống với bia Đức mới đúng đấy!"

Luật gật đầu nghe theo. Bữa ăn thân mật kéo dài giữa khu Quarter Latin tấp nập. Một lúc nào đó, Luật ngừng ăn nhìn sang người đàn bà bên kia bàn. Cảm thấy gia tăng ở chàng một tình cảm ngọt ngào chưa từng thấy, kể từ một chuyến xe điện ngầm đi từ Belleville. Và sự gia tăng ở Ngà, mỗi phút một rực rỡ, một đằm thắm hơn, như một bông hoa đang nở thêm từng cánh.

Một lúc nào đó, Luật hỏi:

"Ngà đã xem cuốn phim Vacances Romaines?"

Nàng gật đầu. Nói đã xem từ ở Sàigòn, lâu rồi nhưng vẫn nhớ. Vacances Romaines. Chàng phóng viên Mỹ. Nàng Công chúa trong chín tầng cung điện nguy nga như một giam cầm buốt lạnh, lẻn khỏi Hoàng cung và sự gặp gỡ tình cờ đưa tới một ngày đi chơi tay đôi tuyệt diệu. Nhìn Luật, nửa trang nghiêm, nửa đùa cợt:

"Nhưng tới buổi chiều, cuộc phiêu lưu thần tiên cũng phải chấm dứt. Nàng công chúa vẫn phải trở về với những cung điện lạnh lẽo của nàng, như em cũng phải trở về một mình với căn nhà buồn thảm của em ở một vùng ngoại ô Paris."

"Cho tôi đưa Ngà về."

Lắc đầu:

"Không tiện, anh. Và đừng hỏi em tại sao."

Nhìn đồng hồ:

"Em còn đưa anh đi được ngót hai tiếng nữa rồi phải về Lognes. Thôi, không ở trên mặt đất nữa. Cũng không ở dưới lòng đất, với những chuyến xe điện ngầm nữa. Mà thảnh thơi hơn, trôi trên giòng sông Seine, với một chiếc bateau-mouche, nhìn lên Paris từ một mặt nước. Hai người ngồi cạnh nhau, con tàu chạy chậm chậm, tiếng máy nổ đều nhịp, cùng chui qua những lòng cầu nối liền hai phía hữu và tả ngạn của Paris, với cây cầu Austerlitz danh tiếng óng ánh một màu vàng vương giả. Cùng ngắm nhìn cây cối, phố xá, những quán sách lộ thiên hai bên bờ sông, với giải đất bờ dưới thấp, từng quãng từng quãng là những người không nhà quần chăn ngựa cổ tu rượu như không thèm biết đến cuộc đời là gì nữa. Cùng lắng nghe những lời nói của người hướng dẫn: quý vị vừa đi ngang qua Nhà thờ Đức bà cũng là tựa một tiểu thuyết danh tiếng của văn hào Victor Hugo, cái ngôi nhà cổ nhỏ xíu như một bàn tay giữa những dinh thự đồ sộ kia là ngôi nhà nhỏ nhất trong hàng trăm ngàn ngôi nhà của Paris, do vậy nó đã trở thành một di tích lịch sử, mấy khung cửa sổ có đèn sáng kia không có một phút nào tắt đi là chỗ ở của nữ minh tinh Michèle Morgan, bà ta có một thích thú rất khác người là để đèn sáng suốt đêm ngày.

Đây là. Kia là. Khi tiếng nói của người hướng dẫn du lịch ngừng thì cũng là con tầu tắt máy và từ từ trở về bến đậu. Paris lên đèn. Buổi chiều đã xuống. Đồng hồ trên tay Luật chỉ đúng sáu giờ. Bay lên từ lòng sông Seine đã thẫm màu là những đợt gió chiều đã trở lạnh và cái váy rộng của Ngà lại phần phật đập theo chiều gió khi nàng đứng lại chờ Luật trả tiền lấy tấm hình người chụp hình dạo đã chụp hai người ngồi cạnh nhau từ khởi đầu chuyến đi trên sông.

"Ngà cho tôi giữ tấm hình làm kỷ niệm đem về Mỹ nhé!"

"Vâng."

Luật nhìn tấm hình, nói tiếp, không giấu được xúc động:

"Một kỷ niệm tuyệt vời mà tôi muốn giữ nhất của Paris."

Ngà nắm lấy tay Luật, cử chỉ thân mật đầu tiên và cũng là cuối cùng của nàng:

"Em cũng sẽ nhớ rất lâu đến tấm hình này. Bây giờ anh cho em trở về Lognes."

Hai người đi bộ qua cây cầu Austerlitz và cùng ngừng lại trước một cửa xuống métro. Lụa cười, chừng như không muốn phút chia tay trở thành trầm trọng:

"Chia tay với anh ở đây. Tình cờ mà chúng ta gặp nhau và đã có với nhau một ngày đi chơi cùng khắp Paris khá vui anh nhỉ?"

Cũng không muốn làm cho phút chia tay trở thành trầm

trọng, nghĩ như thế là không phải với Ngà, nhưng Luật không sao cười được. chỉ nhìn Ngà đăm đăm. Chỉ muốn đi theo nàng xuống hầm métro. Ngà cười nữa, chừng như còn muốn phút từ biệt là một từ biệt trong tươi vui đùa nghịch.

"Em hỏi anh một điều nhé! Và anh phải trả lời thành thật."

"Điều gì?"

"Có bao giờ anh bày đặt, anh nói dối đàn bà nhiều như anh nói dối với em hôm nay không?"

Luật ngẩn người:

"Bày đặt? Nói dối?"

"Còn không ư? Anh nói anh mới tới Paris lần đầu. Không biết đi métro thế nào cho đúng cách. Đây là ngày thứ nhất anh đi chơi một mình ở Paris và đòi em phải làm hướng dẫn viên. Anh đánh lừa em từ đầu đến cuối."

Luật bật cười theo:

"Ngà biết như vậy sao?"

"Từ đầu. Từ lúc em lên tầu trên tuyến đường Nation-Porte Dauphine và thấy anh. Chỉ riêng cái sự anh ngồi ung dung đọc tờ Figaro, không thèm nhận định trạm nào đã qua trạm nào sắp tới là anh tới Paris không biết đã bao lần và đã thuộc lòng mọi tuyến đường của hệ thống xe điện ngầm dưới lòng đất Paris. Thôi, em về Lognes.

Bước xuống một bực thang, người đàn bà quay đầu nhìn lại. Cái nhìn đầy tình cảm, như một niềm âu yếm muốn tỏ lộ:

"Nhưng em hiểu sao anh phải nói dối như vậy. Và đã để yên cho anh dối vì rất yêu sự nói dối ấy ở anh."

Ngà rảo bước xuống những bực thang, giữa giòng người lên xuống ào ạt. Vẫn một cửa hầm métro lộng gió. Vẫn tiếng động phần phật của cái váy rộng. Khi Luật bàng hoàng kêu lớn: "Ngà, Ngà" và đuổi theo nàng xuống cầu thang, thì lối đi đã chia thành nhiều ngả, tiếng métro ầm ầm tứ phía và chàng không còn nhìn thấy Ngà đâu nữa. Nàng Công chúa đã trở về Hoàng cung.

*
* *

Sau nhiều giờ đi lang thang một mình giữa Paris vào đêm đã rực rỡ một hội hoa đăng ánh sáng, trở lại lộ trình cũ cùng đi với Ngà, khu Saint Germain Des Prés, khu Saint Michel, khu Quartier Latin, vào ngồi lại cái quán ăn đã ăn trưa với nàng, như để kiếm tìm ở những nơi chốn đó những dấu vết Ngà còn để lại, nhớ tới nàng, đuổi theo hình ảnh đã xa và đã mất của nàng, Luật buồn rầu trở về nhà Tấn, người bạn chàng ở quận 10, thì đêm Paris đã vào khuya, đã quá 12 giờ đêm.

Tấn đã đi ngủ từ lâu. Riêng Châm, vợ Tấn còn thức. Chỉ mấy món ăn nguội lạnh trên bàn, Châm, giọng trách móc:

"Anh Tấn chờ anh tới 10 giờ. Rồi phải ăn và đi ngủ ngay vì mai phải 'đi cầy' sớm. Anh hẹn về ăn cơm chiều mà đi đâu tới bây giờ mới về vậy? Anh Tấn lo đấy. Sợ có chuyện gì xảy ra cho anh chứ! Anh đi những đâu. Chắc gặp người quen. Hay là bị cô nào bắt cóc?"

Luật lại phải nói dối nữa, vừa nói vừa nghĩ đến Ngà:

"Gặp ai đâu. Đi lang thang, một mình."

Châm lắc đầu, khó hiểu:

"Đi chơi một mình mà cả mười tiếng đồng hồ như thế. Phục anh thật. Anh đã ăn tối chưa? Cơm còn để phần anh đấy."

Luật tới bàn ăn, kéo ghế ngồi, làm cho vợ Tấn vui lòng:

"Chưa. Tôi ăn đây. Chà, mấy món chị nấu này tôi đều chịu lắm. Khuya rồi. Xin lỗi đã để cả nhà chờ. Chị đi ngủ đi."

Chỉ còn một mình chàng trong cái apartment vắng lặng, Luật gắng gượng ăn mấy món ăn Việt nguội lạnh, nhớ đến món Choucroute garni nấu đúng kiểu Choucroute Alsace chàng cùng ăn với Ngà ở khu Quartier Latin. Rồi buông đũa lấy rượu uống. Nhìn ly rượu im lìm với độc ẩm bâng khuâng, nhớ đến mấy ly khai vị uống cùng với Ngà ở nhà hàng Fouquet's, nàng đẹp rực rỡ lúc đó, men rượu làm cho hai gò má ửng hồng.

Đoạn, ly rượu trên tay, chàng rời khỏi bàn ăn, đi ra cửa sổ, vén rèm nhìn xuống. Ở phía dưới, những con đường của Quận 10 đã thưa vắng. Và trên những mái nhà, những tàng cây, những mặt nhựa bất động của đời sống, nàng Công chúa đã trở về Hoàng cung rồi, từ một lúc nào, một trận mưa phùn đã dấy lên. Mưa phùn ở Paris. Mưa phùn ở Paris khép kín trong đêm. Như cơn mưa đậu nhẹ xuống mái tóc chàng, buổi sáng ngờ rằng chuyến xe điện ngầm đi từ Belleville lại dẫn đưa tới một gặp gỡ tình cờ và tuyệt diệu. Nơi người thiếu phụ Á châu với cuốn sách trên tay. Nơi hai thằng du đãng Ả Rập. Giữa cái hệ thống xe điện ngầm nhiều tầng thiên la địa võng dưới lòng đất Paris.

Thật lâu. Rồi uống cạn ly rượu, Luật thả tấm rèm cửa xuống, tìm đến chỗ ngủ là một cái giường sắt nhỏ Tấn kê thêm trước mấy cái giá sách cho chàng, mỗi lần chàng tới Paris. Luật nằm xuống, tắt đèn. Paris ở trong chàng. Một Paris vẫn tuyệt đẹp và đầy hấp dẫn. Với những hàng quán, những hè phố của nó. Với những lòng đường lát đá và những công thự cổ vũ của nó. Với những đoàn xe điện ngầm đêm ngày vùn vụt lao đi trong lòng đất của nó. Khiến năm nào Luật cũng sẽ một lần trở lại Paris.

Nhưng Paris sẽ không bao giờ còn đem lại cho Luật một bất ngờ nào nữa. Phép lạ của Tình cờ chỉ đến một lần. Không có lần thứ hai. Không bao giờ. Trong sự xảy đến đột ngột của nó, như chuyến xe điện ngầm thình lình xuất hiện ở trạm Belleville, nó tới rồi vùn vụt lao đi và mất hút. Và chuyến tầu tình cờ ấy cũng là chuyến tầu vĩnh biệt. K

Thơ Xuân

BÙI GIÁNG

hoàng hoa

Hoàng hoa em ở lại nhà
Bến sông cố quận chiều xa mơ màng
Chớ đi em sợ nỗi buồn
Chớ về em sợ những lần đi qua
Hoàng hoa em ở lại nhà
Những lần mừng rỡ một tòa rộng thênh

Gò Công Châu Đốc, mùa Đông 73

đầu tiên

Đầu tiên anh gọi hoa vàng
Ngó em mừng rỡ như hàng lá xanh
Đồng hoa thiêm thiếp buông mành
Một bờ nước mọc một ngành ngủ yên

Châu Đốc Long Xuyên

thiếu nữ

Gió lặng buồn xa anh chớ đi
Bến sông bãi cỏ ướt nhu mì
Anh đi nhiều lần rồi đấy nhé

Vĩnh Long

thục nữ

Lá thư em gửi buổi chiều
Sáng ra nhớ lại thật liêu lĩnh thay
Tờ thư hoa mới phơi bày
Chùm xanh với nước bên ngày nhớ nhau

Châu Đốc Gò Công tái ngộ

chào xuân lục tỉnh

Dở vui giữa cuộc hội hè
Dở chiều như tỉnh bên Hè-Phố-Xuân
Dở chiều như Dại Khờ Xuân
Chào xuân ạ xuân từng có nghe.

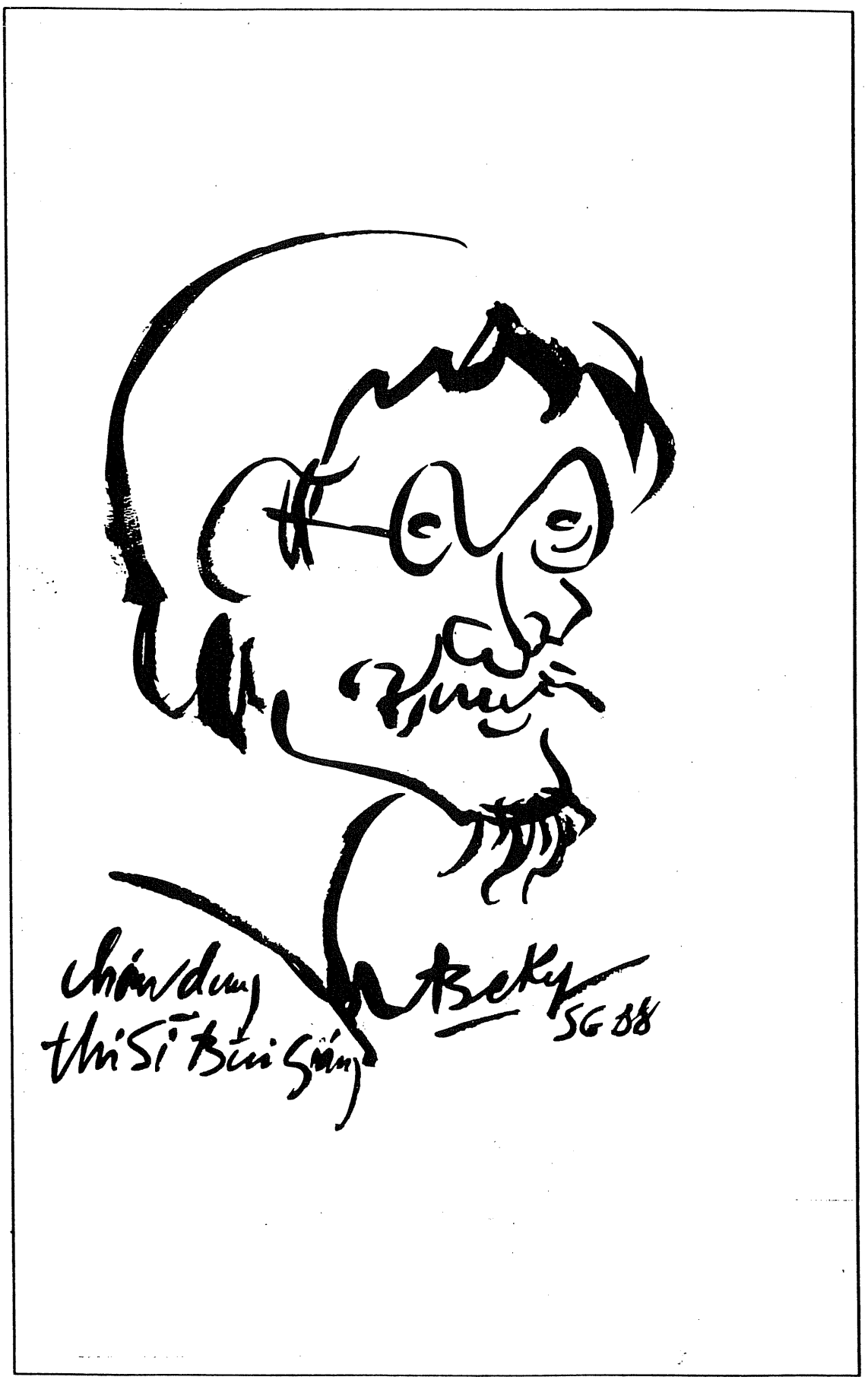
Chân dung
thi sĩ Bùi Giáng
Beky
SG 88

Tin đồn

NGUYỄN NGỌC NGẠN

Thông đi làm ở hãng điện tử, lương cán sự một năm hơn hai mươi ngàn. Thục, vợ chàng, đang đi học lại, cuối tuần làm thêm vớ vẩn phụ với chồng nuôi hai đứa con một trai một gái, bốn tuổi và bảy tuổi, đứa nào cũng thông minh ngoan ngoãn. Cuộc sống bình thường ngày này qua ngày khác chẳng có gì đáng nói. Mãi đến cách đây năm tháng, không khí trong nhà đổi thay một chút vì bà Diện, mẹ Thông từ Việt Nam sang đoàn tụ. Bà cũng báo trước là Minh con trai lớn của bà, sắp được nhận qua theo diện H.O. dành cho cựu tù nhân cải tạo. Vợ chồng Thông sẵn sàng đón anh về ở chung nhà.

Đặt chân lên nước Mỹ, bà Diện thực sự chỉ vui được có mấy hôm rồi bắt đầu nản chí. Bà cứ lẩm bẩm một mình. Trách móc thằng con đã đưa bà vào cảnh quạnh hiu, mặc dầu chính bà cũng biết là Thông chẳng có lỗi gì cả.

"Biết thế này thì tao đã chẳng thèm đi!"

Câu nói ấy được bà lập đi lập lại, có khi trước mặt hai đứa cháu, có lúc bày tỏ thẳng với Thông và lần nào Thông cũng chỉ cười an ủi:

"Cuộc sống bên này nó như thế đấy mẹ ạ!"

Bà Diện thì chưa thể thông cảm được. Thông phân giải thế nào bà cũng vẫn cứ cằn nhằn:

"Giá mày bảo tao trước thì tao sang đây để làm gì!"

Thông lại cười:

"Con có nói mẹ cũng chẳng tin. Với lại, nói ra thì mẹ lại tưởng là con không muốn bảo lãnh mẹ. Thành ra thôi, cứ để mẹ sang. Buồn một chút, nhưng lâu ngày mẹ sẽ quen đi."

Bà Diện thở dài rươm rướm nước mắt. Quen thế nào được! Cuộc sống gì mà lạ lùng quá! Sáng sớm vừa mở mắt ra đã thấy vợ chồng Thông lục đục chuẩn bị thức ăn, rồi quát tháo hai đứa con thức dậy đánh răng rửa mặt, nai nịt ra đi. Thằng Trí vào mẫu giáo, con My đi lớp ba. Tan học ở nán lại trường chờ mẹ đón về. Năm sáu giờ chiều cả nhà mới nhộn nhịp được một lúc, quây quần quanh phòng ăn. Một ngày dài đằng đẵng trôi qua, bà Diện chỉ chờ bữa cơm tối để giải tỏa nỗi sầu. Nhưng nói chuyện chưa được bao nhiêu thì Thục đã vội vã buông đũa buông bát, chạy vô phòng riêng đóng cửa lại để ôn bài. Không biết Thục học cái gì, nhưng tình cờ có lúc nàng mở hé cửa, bà Diện nhìn vào chỉ thấy đứa con dâu cắm cúi trước màn ảnh computer mà lúc đầu bà tưởng Thục lén coi TV một mình! Rồi hai đứa bé bu lấy cái truyền hình ở phòng khách, giành nhau mở đài, lắm hôm khóc om cả nhà. Thông luôn mồm nhắc:

"Vặn nhỏ chứ! Để mẹ học bài!"

Bà Diện ngứa mắt lắm. Đời thuở nào con trai bà lại phải đứng rửa từng đống bát để vợ nó ngồi học! Áo quần bỏ vào máy giặt máy sấy, hút bụi nhà cửa và bao nhiêu chuyện lặt vặt khác, thằng con bà làm hết! Chuyện ngược đời như thế mà nó để yên được thì kể cũng lạ! Mà phải chi con dâu bà còn son trẻ cho cam! Tuổi đã ba mươi, hai đứa con lớn tồng ngồng rồi, bày đặt đi học để trốn việc! Trai ba mươi tuổi đang xoan. Gái ba mươi tuổi đã toan về già! Bà có cảm tưởng thằng con bà xa bà có gần mười năm mà hình như ngu hẳn đi, cái gì cũng chiều vợ. Thật uổng công sinh thành dưỡng dục của bà! Ngay đến việc tắm rửa thay quần áo cho con, hối thúc con lên giường ngủ, Thục cũng không ngó tới. Nhất cử nhất động đều do bàn

tay. . . nội trợ của Thông. Bà cay đắng bảo:

"Mày làm hết mọi việc để con vợ mày nó 'ngự' ở trong ấy mà coi được à? Không sợ thiên hạ người ta chửi hay sao?"

Thông lại giải thích:

"Bên này như thế đấy mẹ ạ. Lúc trước con đi học, thì vợ con nó làm hết mọi việc. Bây giờ đến lượt nhà con đi học. Mai kia khi nhà con học xong thì mọi chuyện lại bình thường."

Ba Diện lạnh nhạt:

"Nó còn học bao lâu nữa?"

"Nửa năm nữa thôi mẹ ạ!"

Thông cũng biết mẹ cô đơn cho nên anh rán thu xếp công việc để ngồi bên cạnh chứ thật ra quanh anh còn biết bao nhiêu thứ phải làm. Ngày bà Diện chưa qua, anh cứ hy vọng sẽ có bà coi các cháu để anh rảnh tay việc nhà hoặc kiếm thêm job thứ hai, tăng lợi tức cho gia đình. Nhưng mấy tháng qua rồi, hai đứa nhỏ vẫn thấy bà nội là người rất xa lạ. Mà chính bà, hình như cũng chưa thấy mình có thể gần gũi với các cháu, mặc dầu chúng còn nói được dăm ba câu tiếng Việt. Vợ Thông không do bà cưới, bởi vậy bà thấy rõ giữa bà và Thục có một khoảng cách. Trong đầu bà vẫn lẩn quẩn một ý nghĩ cổ điển rằng, khi bà mẹ chồng không có quyền hành chi phối con dâu, thì không thể coi là đứa con dâu đích thực được! Thông thường khuyến khích nhắc nhở hai con quấn quýt bà nội. Nhưng có mặt chàng thì chúng nghe theo. Chàng vừa khuất mắt là cả hai lại lảng ra xa để nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh cho thoải mái. Bà Diện tuy chẳng nói ra, nhưng vẫn thầm chê con nít bên này hỗn quá, dám phê bình cả người lớn. Những ngày đầu, hai đứa trẻ nhìn bà bằng cặp mắt hết sức ngơ ngác. Thấy bà làm một cái gì lạ là nhăn mặt hô lên "yac!" hoặc mỉm cười "oh oh" với nhau. Thằng Trí bưng cho bà cốc nước, thấy bà không nói gì, nó thản nhiên hỏi Thông:

"Sao grandma không 'say thank you'?"

Thấy bà hắt hơi, con My thẳng thắn nhắc:

"Grandma phải nói 'excuse me'!"

Bà không hiểu gì, ngạc nhiên hỏi Thông. Chàng cười giải thích thói quen của Mỹ. Không ngờ bà cũng nổi giận mắng lại:

"Tao lại phải xin lỗi chúng mày à?"

Ở nhà buồn, thư từ bạn bè gửi đến cho Thông, bà tiện tay bóc ra xem trước. Con My đi học về, thấy vậy bình thản hỏi bà sao dám đọc thư của ba con. Bà bực quá quát lên:

"Tao đẻ ra bố mày, tao không có quyền xem thư của bố mày à?"

Những chuyện nhỏ nhặt ấy cũng làm bà tăng thêm nỗi bất bình và bà càng bực hơn khi thấy vợ chồng Thông rất kiên nhẫn và hiền hòa ngồi giải đáp cho con tất cả mọi thắc mắc vớ vẩn chúng nêu ra. Bà nhớ quê nhà mình đâu có vậy. Cha mẹ đang bận bịu và nhất là khi nhà có khách mà con cái cứ lại gần nói léo nhéo, thì thường bị vả cho mấy cái hoặc ít ra cha mẹ cũng mắt át đi:

"Hỗn! Đi chỗ khác cho người lớn nói chuyện!"

Sao đất Mỹ này làm người ta thay đổi quá. Con trai bà chẳng những sợ vợ mà hình như sợ cả con nữa! Thông đem câu chuyện vui kể cho mẹ: Hồi trước ở Việt Nam, có hai bố con ngồi đốt pháo ngày Tết. Thằng con thắc mắc hỏi:

"Bố ơi. Tại sao bố châm lửa, pháo lại kêu?"

Thay vì phải giải thích cho con nghe tường tận, ông bố quay lại nạt:

"Thế tao đốt vào đít mày, mày có kêu không?"

Và chàng kết luận:

"Như vậy là cả vú lấp miệng em, không giúp cho đứa nhỏ mở mang kiến thức mà trái lại để nó ôm mãi cái thắc mắc ấy trong đầu. Lối giáo dục bên này khác. Cha mẹ cũng như thầy giáo cô giáo rất nhẫn nại và chiều trẻ con. Chẳng biết mẹ thấy thế nào chứ con thấy hay hơn bên mình!"

Bà Diện chép miệng, cố cãi một câu:

"Đành rằng thế nào cũng hay. Nhưng mà trẻ con được đằng chân lân đằng đầu. Nói nhiều quá hóa ra hỗn!"

Thông không đồng ý với mẹ, nhưng không cãi. Chàng chỉ cốt kể chuyện vui cho mẹ khuây khỏa mà thôi. Chàng thêm:

"Ở bên này cảnh sát cấm cha mẹ không được đánh con!"

Bà cười khinh bỉ:

"Chả trách gì người ta không thèm đẻ!"

Ban ngày, mọi người đi vắng hết, căn nhà nhỏ cũng trở thành mênh mông. Bà cứ đi lên đi xuống, thơ thẩn ra sân rồi lại quay vào. Lâu lâu bật TV nhìn một lúc, chẳng hiểu thằng Mỹ nói gì mà khán giả cứ cười ầm lên, bà lắc đầu tắt đi rồi lại vớ lấy tờ báo ngồi đọc. Chồng báo biếu Thông ôm về mỗi chiều thứ Sáu, bà xem từng dòng từng chữ, rồi cũng chán vì những cái quảng cáo chẳng có gì thay đổi. Bà nhớ những ngày ở quê nhà, phố xá lúc nào cũng chật người, hàng xóm láng giềng chạy qua chạy lại như mở hội. Bây giờ đi đâu một bước cũng phải nhờ con cho quá giang. Bà thì dư thì giờ quá mà con cháu thì chẳng có lúc nào rảnh thành ra chung sống dưới một mái nhà vẫn như xa cách. Những ngày cuối tuần, Thông cố thu xếp công việc đưa mẹ ra khu phố Việt Nam, nhân tiện cũng là dịp để giải thích với mẹ về những khác biệt căn bản giữa hai xã hội Việt Mỹ, những va chạm văn hóa có thể có nếu người Việt qua đây mang theo đầu óc bảo thủ quá nặng, và nhất là lề lối suy nghĩ của trẻ em hấp thụ lối giáo dục ở bên này. Bà Diện hứng hờ ngồi nghe nhưng dĩ nhiên không thể chấp nhận nổi lý luận của con. Những nề nếp đã in sâu hơn sáu mươi lăm năm trong trí óc một con người, dễ gì một sớm một chiều gột rửa được. Rõ

ràng bà không vui. Lần nào nghe nói bà cũng kết luận bằng câu hỏi cũ:

"Sao mày không nói trước với tao hồi tao còn ở bên ấy?"

Thông lắc đầu cười:

"Con có nói mẹ cũng không thể hình dung được! Có những điều mẹ phải đối diện, phải nhìn thấy và cảm thấy, chứ nghe kể lại không được! Chính con cũng có lần định viết thư cho mẹ, nói hết đầu đuôi, nhưng nhà con cản lại vì sợ mẹ hiểu lầm là chúng con không muốn mẹ qua!"

Rồi bà nằng nặc đòi bay sang ở với thằng con thứ hai, anh của Thông tại một tiểu bang giữa nước Mỹ. Thông thực lòng không muốn, bởi đã có lời dặn của Hãn. Hôm mẹ sang, Hãn có bay qua gặp mẹ hai hôm rồi trở về vì vợ chồng Hãn rất bận. Anh có cái tiệm tạp hóa khá lớn, ngày mở 14 tiếng từ 8 giờ sáng đến 10 giờ đêm. Một người đứng bán thì quá vất vả mà lại nguy hiểm vì sợ mất cắp, tống tiền. Mướn công nhân ngoài thì không đủ lợi tức và cũng khó tin. Thành ra cả hai vợ chồng suốt ngày ôm cái tiệm, chẳng dám nhấc chân đi đâu. Bà Diện từ lâu vẫn có ý định sống với con út, cho nên Hãn cũng chẳng kèo nài mẹ sang bên mình, nhất là anh biết vợ mình vốn không đội trời chung với mẹ. Mỗi tháng anh len lén gửi biếu ít tiền, phụ với Thông nuôi mẹ là được rồi. Nhưng bà Diện đã muốn đi thì Thông không dám cản. Chàng mua vé, đưa mẹ ra máy bay và phone sang dặn Hãn ra đón.

Ở với Hãn, ngày lại càng dài hơn. Ra tiệm tạp hóa cứ ngồi vêu lên mà đếm thời gian và nhất là phải nhìn nét mặt lạnh nhạt của đứa con dâu. Có lúc bà uất ức bảo Hãn:

"Tao làm gì mà con vợ mày nó cứ vác cái mặt lên thế?"

Hãn khổ sở phân trần:

"Không đâu mẹ ạ. Nhà con, cái mặt tự nhiên nó như thế chứ đâu có giận dỗi gì mẹ! Mẹ sang chơi, chúng con mừng

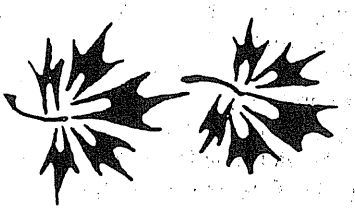

Đàn bà

TRẦN SA

Là đàn bà, hoa của Thượng Đế
Ngày kiêu hãnh yêu tình nhân mặt trời
Đêm sợ hãi cùng sương nhỏ lệ
Cái đẹp nàng ngắn chỉ một mùa thôi.

Tháng Mười, 90

Khi còn tuổi trẻ

Vâng. Khép mắt lại như vậy
Nụ hôn của tôi chính là tình yêu
Hãy nhận thật âu yếm
Như tôi đang gửi trao
Bằng trái tim nguyên vẹn

Vâng. Xin hôn trả tôi như vậy
Nụ hôn ấy chính là tình yêu
Hãy vẫn đáp lại thật âu yếm

Bởi không hạnh phúc nào bằng
Hạnh phúc được yêu nhau
Khi tóc vẫn còn xanh
Lòng còn đầy ước mộng

Vâng. Hãy hôn tôi nữa đi
Đời sống vẫn ngắn ngủi như bao giờ
Thời gian của chúng ta còn ngắn ngủi hơi như thế
Hãy ban tặng tôi những gì người có thể
Bởi khi không còn tuổi trẻ
Người sẽ thèm ban tặng đến bao nhiêu.

Vâng. Nụ hôn chúng ta chính là tình yêu
Hãy đáp nhận thật âu yếm.

TRẦN SA
Tháng Mười, 90

lắm! Có điều là làm nghề này vất vả quá, thành ra nhà con hay nhăn nhó. . ."

Hăn nói đúng một phần. Vợ anh không hề giận dỗi gì mẹ chồng. Nhưng chị cứ sợ mình tỏ ra vồn vã thì bà Diện sẽ hân hoan ở lại. Cho nên thà tỏ thái độ xa cách trước cho chắc ăn!"

Ngồi ở tiệm chán, bà bảo Hăn chở về nhà. Nhưng về nhà một mình lại còn vắng lặng hơn ở bên Thông bởi hai đứa con Hăn đã lớn, không nói được câu tiếng Việt nào, bất đắc dĩ phải chở bà đi đâu, cả hai phía đều cảm thấy lúng túng. Thành ra chưa đầy mười hôm, bà Diện lại đòi quay về với Thông. Hăn mời mẹ ở lại thêm một thời gian nữa, nhưng vợ anh trừng mắt ra nghiêm lệnh cho chồng không được níu kéo. Anh vợ chạy đi mua vé và tiễn mẹ quay về chốn cũ.

Ít lâu sau thì đến lượt Minh qua. Hôm ấy là một ngày thường, nhưng vợ chồng Thông đều nghỉ ở nhà để đi đón, cùng với bà mẹ và hai đứa con. Hội cựu Tù nhân địa phương cũng cử hai đại diện ôm quà ra chào mừng, nói dăm ba câu, vài tấm ảnh rồi tế nhị rút lui, hẹn sẽ liên lạc sau. Họ muốn dành cho gia đình Minh trọn vẹn phút ban đầu xum họp. Minh và Thông chia tay nhau tính ra đã mười lăm năm kể từ bữa cơm tiễn biệt trước ngày trình diện cải tạo. Thông chớp mắt cố ngăn dòng lệ vì mừng rỡ và thương cảm. Hình ảnh một sĩ quan tác chiến trẻ trung mới ngày nào, giờ đây trước mắt chàng chỉ còn là một người đàn ông gầy guộc đen đủi, tóc rụng lưa thưa. Bà mẹ, mới xa con đầu lòng có mấy tháng, cũng rươm rướm nước mắt, không phải vì mừng gặp lại mà vì tủi thân. Bà ôm Minh, sụt sùi ghé vào tai:

"Mẹ đã biên thư về bảo con đừng sang, con còn đi làm gì! Chán lắm con ạ!"

Minh ngạc nhiên gượng cười, đưa mắt nhìn quanh. Thục bảo hai con khoanh tay chào bác, rồi khuân hành lý ra xe. Thục nghỉ một buổi học để chuẩn bị cơm nước và dọn phòng cho Minh. Thông cũng gác lại mọi việc để quấn quýt bên anh. Nhà chỉ có ba buồng, tính đi tính lại mãi, Thông dành để mẹ nằm chung với hai đứa bé, dành riêng cho Minh một phòng vì anh thường khó ngủ và nhất là vì anh hút thuốc lá liên tục, Thục và hai con chịu không được.

Đêm đầu, Thông sang ngủ với anh, tâm sự đến mấy tiếng đồng hồ. Thông không đả động gì đến đời sống ở Mỹ, trước sau chỉ thăm hỏi chặng đường của Minh ở trại cải tạo và sau khi được tha ở quê nhà, những chuyện mà thực ra chàng đã biết gần hết bởi bà Diện đã kể nhiều lần. Chàng tránh nhắc đến bà chị dâu đã lấy chồng khác khi Minh ở trong tù, nhưng chính Minh lại gợi ra và bảo:

"Không trách được! Đó là một trong những cái mất dạy của trò cải tạo. Thà rằng đi tù có bản án, người đàn bà biết thời gian mà chờ đợi. Cải tạo là một loại tù không có thời hạn. Có thể là vài năm, cũng có thể là vĩnh cửu. Biết đâu mà chờ! Tụi Việt Cộng không thèm quan tâm đến khía cạnh băng hoại của xã hội, của gia đình, cho nên đã gây ra bao nhiêu đổ vỡ!"

Minh nói thế, một phần do ý nghĩ thực của anh, một phần nữa là bởi trước khi ra đi, anh cũng đã tìm được một mối tình mới, không còn vật vã như những ngày đầu mới trở về từ trại cải tạo. Khi được nộp đơn theo diện H.O. chuyện tình cảm đến rất dễ dàng, bởi tự dưng giá trị của anh tăng vọt, dù là giá trị giả tạo do cái nhìn nhầm lẫn của xã hội. Anh gặp Thi, cô gái thua anh hơn mười tuổi, giúp anh sống lại thời tuổi trẻ bồng bột. Ngày chia tay, anh hứa hẹn đủ điều, mà việc đầu tiên là gửi tiền về giúp đỡ. Nay mai chắc chắn anh sẽ phải làm công việc ấy, và vì chưa có ý niệm gì về tiền bạc ở Mỹ, cho nên anh dự trù đợt đầu sẽ tặng nàng một ngàn đô tiêu vặt! Giờ này nằm nói chuyện với Thông, thực ra lòng Minh cũng đang nhớ nhung lắm!

Quá nửa đêm, Thông mệt mỏi ngủ thiếp đi. Nhưng Minh không tài nào chợp mắt được. Một phần vì anh chưa quen giờ giấc, nhưng cái lý do chính là thật sự chiều nay anh có cảm thấy thất vọng, nỗi thất vọng hiện còn đang lảng vảng trong trí anh. Trước khi ra đi, thiên hạ đồn đãi đầy đường là những cựu tù nhân thuộc diện H.O. như anh, chỉ cần sang Thái Lan đã được tiếp rước hết sức trọng thể kèm theo một món quà giá trị gồm cả hiện vật và hiện kim. Rồi khi đặt chân lên đất Hoa Kỳ thì cảnh tượng lại còn nồng nhiệt hơn gấp bội. Những tin tức thổi phồng ấy đã làm bao nhiêu người như anh cực kỳ háo hức và bá tánh chung quanh nhìn anh thèm khát. Đến đất Thái, anh chẳng thấy gì ngoại trừ những thủ tục thông thường. Anh vẫn còn hy vọng cuộc tiếp rước ở Mỹ. Anh tưởng tượng mình sẽ bước xuống phi cơ trước sự reo hò của hàng trăm đồng hương, chưa kể đại diện chính quyền Hoa Kỳ, giống như hình ảnh chiến binh anh hùng giải phóng Âu Châu trở về sau cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, hoặc như những phi hành gia sau chuyến thám hiểm không gian. Giấc mơ quá lớn làm anh thật sự chơi vơi khi thực tế chẳng có gì đáng kể. Phi trường nườm nượp người đến và đi, chen chúc nói cười, chẳng cần biết anh là ai. Hai ông đại diện hội cựu tù nhân, thu xếp thì giờ chạy ra đón anh và hẹn sẽ đến mời anh đi ăn bữa cơm họp mặt chiều thứ Bảy, như thế đã là quý lắm rồi, nhưng anh không hiểu, nao nao bứt rứt trong lòng vì cảm tưởng người đi trước hững hờ với kẻ đến sau. Những tin đồn vĩ đại ngày chưa đi, anh cứ nghe và nhập tâm, chẳng bao giờ đặt lại câu hỏi rằng mình có là cái gì của Mỹ

đâu mà họ phải đón tiếp! Thiên hạ đánh giá anh cao quá và anh cũng không nỡ phủ nhận sự đánh giá ấy. Chính phủ Mỹ can thiệp cho đi là may lắm rồi, làm sao có quyền đòi hỏi! Chỉ vì không nghĩ được điều ấy, cho nên ngay đêm đầu ở miền đất tự do anh đã mất vui phần nào.

Nhưng, chuyện đón tiếp rồi cũng qua đi. Những ngày sau đó, bằng hữu cũ mới trong Hội cựu Tù nhân thay phiên nhau đến rủ anh đi phố, thậm chí có tờ báo đòi gặp anh để phỏng vấn làm Minh cũng khuây khỏa tinh thần. Chỉ những lúc về nhà ngồi bên mẹ, nghe bà Diện thở vắn than dài, anh mới lại nhìn vào thực tế, ưu tư đến tương lai dang dở của mình. Trâu chậm uống nước đục! Bạn bè nhiều người đã hoàn toàn ổn định. Anh thấy mình bơ vơ lạc lõng, tủi thân và đâm ra mặc cảm. Những đưa đón gặp gỡ cũng thưa dần, chỉ mấy tháng sau anh đã trở thành người cũ, "qua đường không ai hay!" Anh ghi tên học lớp Anh văn, nhưng nôn nóng muốn nhảy vọt làm tâm hồn cứ bị phân tán không học được. Vợ chồng Thông thì hết sức tế nhị, cố gắng không làm gì để anh buồn, mặc dầu sự có mặt của bà Diện và Minh thực sự có gây trở ngại cho hai vợ chồng. Đã lâu không quen sống chung đụng, bây giờ có thêm người mới, chẳng những Thục cảm thấy bất tiện mà ngay cả Thông cũng coi là một sự hy sinh, bởi cái không khí riêng tư không còn nữa. Đã thế, chi phí thường nhật trong gia đình cũng tăng. Ngoài những vật dụng căn bản không thể thiếu mà Thông phải sắm cho anh, lâu lâu chàng vẫn giấu vợ, dúi vào túi quần Minh một ít tiền mặt để anh tiêu vặt. Ấy thế mà hình như Minh vẫn không vui. Sẵn mang mặc cảm, anh hay buồn những chuyện vu vơ. Chẳng hạn hai đứa con Thông quen tính hồn nhiên bên này, một hôm mang cuốn sách có hình vẽ, chỉ cho Minh cái hại của thuốc lá mà cô giáo đã dạy ở trường, rồi khuyên Minh bỏ hút. Minh gật gù cho qua nhưng trong đầu đoan chắc là vợ chồng Thông xúi con nói với mình để đỡ tốn tiền cho bố mẹ nó! Ý nghĩ ấy làm Minh trở nên lầm lì, suốt mấy ngày chẳng nói chuyện với ai. Thà anh như người Mỹ, tức cái gì cứ nói ra hết rồi thôi thì lòng đỡ vướng bận. Anh không dám hé môi, ôm mãi sự dằn vặt trong tim để làm khổ mình và làm phiền kẻ chung quanh. Đã thế, bà mẹ lại hay tỉ tê riêng với Minh, bơm mãi vào đầu anh những tư tưởng buồn chán làm anh càng xuống tinh thần hơn.

"Hay là anh ấy nhớ vợ con!"

Thục thường hỏi chồng và cả hai tạm cho đó là lời giải đáp hợp lý. Để giúp Minh khuây khỏa, Thông giục anh đi học lấy bằng lái xe, rồi bàn với vợ thu xếp mua cho anh cái xe hơi cũ để anh tự do đi lại không lệ thuộc vào Thông. Thục tiếc tiền lắm, nhưng nể chồng cũng đành phải nghe theo. Thông ra phố, đưa về chiếc Toyota, giao cho Minh. Anh nhận xe, làm ra vẻ mừng rỡ nhưng thực sự hơi giật mình vì chiếc xe quá cũ. Bà Diện hỏi giá và cũng phàn nàn với Thông là xe cũ quá, nhưng bà hài lòng vì từ nay bà đi lại sẽ dễ dàng hơn bởi Minh còn nhiều thì giờ nhàn rỗi.

Một ngày cuối tuần, hai anh em rủ nhau đi uống cà phê. Thông hỏi anh:

"Qua đây mấy tháng, anh thấy thế nào?"

Minh hỏi lại:

"Mày ở Mỹ mười năm rồi, mày thấy thế nào?"

Thông cười:

"Em chả thấy thế nào cả. Có lẽ ở lâu quá thành quen, nên chả để ý đến nữa. Cuộc sống trở thành nề nếp, máy móc."

Minh thở dài:

"Tao thì tao chán lắm. Thấy nó thiếu cái gì đó!"

Thông chuẩn bị đã lâu, bây giờ mới có dịp bày cỗ:

"Vâng. Thiếu chứ, nhất là ở tuổi anh, một nửa đời người gắn liền với quê hương. Nhưng, tự căn bản tại sao mình phải đi? Có ai muốn sống xa quê cha đất tổ đâu! Ngày mới sang em cũng lao đao lắm. Nhưng nghĩ lại những nhọc nhằn lúc vượt biển, trốn chui trốn nhủi, ngủ bờ ngủ bụi năm lần bảy lượt. Ra khơi rồi vẫn chưa yên. Hải tặc cướp bóc và sóng gió biển cả, không biết có tới bờ bình an không. Đến được trại tị nạn, nằm chờ người ta nhận, lo âu không biết sẽ đi nước nào, thời gian nằm đợi bao lâu, có đủ sức khỏe để được đi định cư không. Đủ mọi thứ làm mình sợ hãi. Cái giá của tự do đôi lúc quá lớn, có khi là cả mạng sống của mình! Anh qua sau, nhưng đi bằng máy bay, dù sao cũng đỡ hơn hàng trăm ngàn người đi trước!"

Câu nói trơn tru như một bài diễn văn có soạn trước làm Minh hơi giật mình lúng túng, nhất là khi Thông nhấn mạnh hai chữ "máy bay". Có lẽ thằng em cố ý muốn khuyên dạy mình chăng? Anh khẽ đưa mắt nhìn Thông dò xét, nhưng Thông uống hớp cà phê rồi bình thản nói tiếp:

"Em không biết cái lúc sau này bên ấy cởi mở thế nào, nhưng khoảng thời gian 78, 79 lúc em chưa đi, tình hình khủng khiếp lắm. Những người ở trại cải tạo được thả về như anh, bị theo dõi rình rập dữ lắm. Công an suốt ngày bắt trình diện, đuổi đi kinh tế mới, sơ hở một chút là bị bắt lại ngay. Cũng khoảng thời gian ấy, hai năm 79, 80, chiếc tàu nào ra khơi hầu như cũng bị hải tặc. Chúng nó giết bao nhiêu là người, bắt đi bao nhiêu con gái ... Dù vậy, em thấy mình vẫn còn may. Hiện nay những người nằm ở trại tị nạn mới thật là đau khổ. Vượt bao nhiêu khó khăn, thế mà lại bị đe dọa trả về! Người ta mổ bụng để phản đối, để xin thế giới chú ý. Có một ông trung tá trốn trại cải tạo, qua được Hồng Kông, thế mà cũng bị xếp vào loại tị nạn kinh tế! Anh nghĩ có cay đắng không? Giá ông ấy đừng

vượt biển thì chắc cũng được đi theo diện H.O. như anh!"

Càng nghe em nói, Minh càng thấy cảm giác bối rối dâng lên rất nhanh. Con người quả thực rất mau quên! Ngày còn ở tù, anh chỉ có khát khao duy nhất là được tha. Được về rồi, anh mơ ra ngoại quốc, dù phải làm bất cứ việc gì miễn để đổi lấy không khí tự do, Ngày nay anh đã đạt được, bằng một chuyến bay bằng phẳng, may mắn hơn cả vạn người khác, anh lại quên hết ước vọng cũ, đòi hỏi phải thế này thế kia. Rồi biết đâu chỉ nay mai, anh sẽ yếu lòng nghênh ngang trở về, mua lấy chút hào quang theo lời mời gọi của người yêu trong lá thư anh mới nhận được. Sao anh không nghĩ tới mấy chục ngàn đồng hương còn đang ở trại tị nạn, chỉ khao khát được đi định cư như anh! Bất giác, anh cười khẩy, tự trách. Tuy vậy, anh không đủ can đảm nói thẳng ý nghĩ đó ra, bởi truyền thống Việt Nam không cho phép anh thú tội với một kẻ kém vai vế mình. Im lặng một lúc, anh hỏi:

"H.O. là cái gì vậy?"

Thông không rõ nhưng đoán đại:

"Viết tắt của hai chữ Humanitarian Operation, nghĩa là chiến dịch nhân đạo."

Chàng cười và tiếp:

"Chính phủ Mỹ đón các anh sang hoàn toàn vì nhân đạo chứ có phải vì mình có công trạng gì với nước Mỹ đâu!"

Chàng liếc mắt nhìn Minh ngồi cúi đầu đăm chiêu và chợt nhớ ra một việc:

"À. Anh Trọng điện thoại hai lần mời anh tối mai sang chơi ăn cơm. Anh Trọng, bạn cũ của anh ở sư đoàn 5. Anh có nhận lời thì cho anh ấy biết."

Minh thú nhận:

"Thằng đó bây giờ giàu quá. Tao cũng ngại, chả muốn gặp lại. Hồi đó tao làm tiểu đoàn phó thì nó là trưởng ban 3."

Thông thấy tội nghiệp muốn giúp anh giải tỏa những mặc cảm trong lòng mà chàng đoán là nguyên nhân của thái độ tiêu cực mấy tháng nay. Người ta đôi khi đau khổ chỉ vì cách nhìn một vấn đề sai lệch. Chàng giữ anh ở lại với mình, cố gắng hết cách mà thấy anh vẫn không vui. Hóa ra Minh buồn vì thấy mình thua kém thiên hạ về tiền bạc. Hèn gì những lúc gần đây rủ anh đi dự những buổi họp mặt, party ở nhà người quen, Minh thường lắc đầu thoái thác. Thông nhấn mạnh: "Anh qua sau, sánh với người đi trước thế nào được! Nhưng em cứ nghĩ, chủ đích chính của mình sang đây là để tìm tự do. Chuyện giàu nghèo chỉ là tình cờ, phụ thuộc. Anh bận tâm làm gì!"

Và chàng cười thoải mái:

"Đứa nào giàu, anh mặc kệ mẹ nó! Nó giàu thì giỏi lắm cũng mời anh được bữa cơm, tách cà phê. Mà anh em mình có nghèo thì cũng vẫn thừa sức mời lại bữa cơm chứ đâu đến nỗi như Việt Nam! Anh nhờ vả ai mà anh phải so sánh!"

Sau câu nói ấy cả hai lại im lặng. Thông đứng dậy lại quầy lấy cho anh gói thuốc, nhân tiện cũng muốn để anh ngồi một mình, suy nghĩ về những điều chàng vừa nói. Chàng không hề có ý trách cứ Minh. Chàng cảm thông những nhọc nhằn của Minh hơn mười năm qua kẹt lại trong nước và nhất là chuyện vợ con gẫy đổ. Nhưng chàng thường nghĩ, nói cho cùng thì cuộc bể dâu ấy chỉ là vận nước, là cái giá mà người miền Nam phải trả bởi đã không hết lòng trong cuộc chiến trước 75 mà thôi. Trách móc ai bây giờ! Chàng cầm gói thuốc trở lại bàn, chờ anh uống cạn ly nước rồi nói thêm:

"Ở bên này, nếu người ta quyết tâm xây dựng thì cũng có nhiều cơ hội. Thiếu gì người sang sau mà lại vượt cả người đi trước. Để rồi anh xem!"

Từ hôm ấy Minh phấn khởi hơn một chút. Những điều thằng em nói quả thực có tác dụng làm anh suy nghĩ, nhìn lại một số vấn đề và chính nhờ vậy, giúp anh thanh thản phần nào trong lòng. Anh gửi cho người tình một trăm đô và hứa chỉ nay mai sẽ bù đắp thêm. Anh sẽ cố gắng học thêm Anh văn rồi chuyển sang học một cái nghề gì đó để mai sau tách riêng ra, không ở chung với vợ chồng Thông nữa.

Chỉ có một điều sâu kín trong lòng nhiều lần anh định nói với Thông nhưng vẫn chưa dám. Dù nó là thằng em ruột, nhưng anh sang sau, như người nhà quê ra tỉnh, luôn luôn nể kẻ đi trước. Dĩ nhiên việc nó cưu mang anh, cư xử đậm đà với anh, anh chẳng cần phải mang ơn. Thậm chí đồ đạc xe cộ nó sắm cho anh, anh vẫn tỏ thái độ không bằng lòng vì toàn là thứ tiết kiệm. Tiền bạc Thông chu cấp, chẳng thấm vào đâu, tiêu gì cũng phải tính toán. Có lúc anh nảy ra ý định mướn nhà ở riêng, và anh tin là anh có khả năng làm điều đó, bởi vì đầu anh vẫn còn ẩn chứa một tin đồn quái ác mang theo từ Sàigòn mà thực sự anh không biết đó là tin đồn. Bà Diện lại càng trăm phần tin tưởng ở cái tin đồn ấy mà bà cho là điều hiển nhiên có thực. Cho nên một buổi chiều, mẹ con thủ thỉ với nhau rất lâu, rồi Minh lấy xe phóng đi, để mình bà Diện ở nhà, rón rén gặp Thông, run run thố lộ:

"Thông ạ! Trước ngày mẹ với thằng Minh đi, ở bên Việt Nam người ta có báo cho biết là những người thuộc diện tù cải tạo như thằng Minh, qua đây được truy lãnh tiền của chính phủ Mỹ! Con bảo lãnh nó, tất nhiên chính phủ giao cho con. Anh con nó ở tù chín năm tám tháng mười hai ngày, tính ra tổng số tiền lãnh rapel cũng không phải là ít. Thôi thì con đưa cho nó để nó có chút vốn mà lập thân. Con qua trước, đã sung sướng nhiều rồi, lấy tiền của anh con làm gì!" K

NGUYỄN NGỌC NGẠN

Con búp bê không nhồi bông

NGUYỄN ĐỨC LẬP

Tại tiệm ăn ấy, một tiệm ăn bình dân, bình dân theo cái giá biểu quảng cáo được viết bằng sơn đỏ trên mặt cửa kiếng. "$3.50, ba món", một buổi trưa, mọi thực khách trong quán đều trố mắt nhìn hai người khách mới bước chân vô.

Như mọi người, Thanh cũng trố mắt ra mà ngó. Hai người khách, một nam một nữ, do cách ăn mặc và trang sức của họ, đã gây một sự chú ý đặc biệt cho những người chung quanh.

Người đờn bà, tuổi đã sồn sồn, theo ước đoán của Thanh, có lẽ cũng bốn chục có dư, bận một cái áo thun ba lỗ, bày ra hai cánh tay và hai bả vai xương xẩu đen thui. Cổ áo lại xẻ quá sâu, phô bày một bộ ngực xẹp lép ở phần ức và thổn thện ở phần có mang nịt ngực. Người đờn bà còn bận một cái quần cụt, lai quần xé te tua. Đã mang tiếng là quần cụt rồi, cái quần còn quá ngắn, quá chật, khiến cho hai cái chun như hai cái ống điếu của người đờn bà phô bày không được thẩm mỹ cho mấy và ở những phần cần che đậy, miếng nào ra miếng nấy nổi lên cồm cộm.

Thanh nghĩ thầm, *giá như người ăn mặc bộ áo quần này là một cô gái còn xuân nheo nhẻo, mướt rượt nõn nường, thì đỡ khổ cho cặp mắt của mình biết mấy.*

Thanh tiếp tục quan sát người đờn bà. Trời hỡi, đất ơi, ở cái tuổi này rồi, không chừng đã có sui có gia, có dâu có rể rồi, mà bà ta còn nhuộm tóc nhuộm tai làm chi vầy nè, đỏ không ra đỏ, mà nâu chẳng giống nâu, lại chải theo kiểu dựng đứng, chỉa chỉa hung hung, giống như cái bờm ngựa mới cắt. Ở hai trái tai, bà ta đeo hai hột ngọc trai tùng tơn, màu xám, thiệt giả không biết, chỉ biết hột nào hột nấy to gần bằng đầu ngón tay cái. Ở cổ, bà ta đeo ít nhất cũng ba thứ, một xâu chuỗi ngọc trai, cũng màu xám, cũng thiệt giả khó phân, một sợi dây chuyền vàng tây, dẹp lép, bề ngang cũng cỡ bằng nửa lóng tay út, vàng mấy "carat" cũng khó biết lắm, và một dây chuyền cũng vàng tây, nhỏ sợi. Tận cùng của dây chuyền này, nỡ lòng nào mà bà ta treo vào đó một cái thánh giá nạm kim cương lấp lánh, đong đưa. Thanh kêu nhỏ thầm khi nhìn vô hai cái cổ tay và hai bàn tay của người đờn bà. Gia tài giá mạng chỉ có mười ngón tay mà bà ta đã gắn vô đó, ít nhất, cũng hết tám món nữ trang. Rồi, mỗi cổ tay cũng có ít nhất là ba bốn món.

Nhìn dáng điệu của người đờn bà, ngúng nguẩy, rướn tới rướn lui, lắc qua lắc lại, Thanh tưởng chừng như đang chứng kiến Cô Ba Thoải Mẫu hay bà Chúa Thượng Ngàn về nhập xác.

Thanh thấy mình đã để quá nhiều thì giờ chú ý vào người đờn bà. Thiệt ra, anh chàng thanh niên đi bên cạnh bà ta mới đáng phải chú ý hơn. Y ta còn quá trẻ, da dẻ trắng sáng mịn màng, người vạm vỡ, cao ráo cân phân. Mặt y đẹp trai quá lẻ. So với những tài tử Hồng Kông đang nổi tiếng như Miêu Kiều Vỹ, Huỳnh Nhật Hoa, không chừng y dám ăn đứt.

Cũng như người đờn bà, chàng thanh niên bận một cái áo thun ba lỗ và một cái quần ngắn. Với kiểu ăn mặc như vậy, người đờn bà có vẻ mỉa mai mỹ thuật, trái lại, người thanh niên đã làm tăng vẻ đẹp của áo quần. Cái áo của y ta khá rộng, phần khoét hai bên nách xuống tới sát lưng quần. Kiểu áo đó, hầu như không có che đậy được cái gì hết. Nhìn từ hông, Thanh có thể thấy được một cái bớt son lớn gần bằng ngón tay cái, nằm bên cạnh đầu vú trái của y ta. Đồng thời, Thanh cũng có thể thấy cái lỗ rún nhỏ xíu nằm cách lưng quần của y chừng ba phân. Cái quần của y cũng quá ngắn mà lại rộng ống, ngắn tới nỗi cái quần lót màu đỏ ở bên trong mấp mé lòi ra ngoài.

Đồng ý là mùa hè, cũng nên mặc áo quần ngắn, rộng cho mát, cho ánh sáng mặt trời thấm vào da thịt, nhưng ngắn, rộng như kiểu này thì hơi quá mức. Thanh nghĩ thầm, mắt vẫn không rời hai người khách. Lạ một điều là chàng thanh niên lúc nào cũng nhìn xuống, không liếc ngang hay ngẩng lên bao giờ.

Quán chỉ còn một bàn trống duy nhất sát bên cái bàn mà Thanh đang ngồi. Người đờn bà

ngồi quay lưng về phía Thanh. Người thanh niên ngồi đối diện. Y ngồi theo kiểu bắt chưn chữ ngũ. Dù không cố ý, Thanh vẫn thấy cái đáy quần lót của y bày ra như chào hàng.

Quán không có những tấm thực đơn để đưa cho khách. Tất cả các thức ăn trong ngày được bày ra trong một quầy bọc kiếng. Khách nào muốn ăn món gì, cứ việc ngó vô đó mà gọi. Chỉ có một món không được bày ra, nhưng rất ngon rất nổi tiếng, khách hàng quen đều biết là món bún bò Huế.

Người đờn bà cất giọng thẻo thọt, đỏng đảnh:

"Bữa nay em không ăn cơm đâu. Ăn cơm hoài, chán thấy mồ, em ăn bún bò Huế thôi."

Cái giọng này coi bộ không phù hợp với gương mặt dày dạn và với tuổi tác của bà ta một chút nào. Hình như đó là cái giọng bà ta dùng để nói riêng với người thanh niên.

Khi nói với cô chủ quán, giọng bà ta sắc và cứng hơn nhiều.

"Một tô bún bò, bỏ huyết nhiều nhiều. Nhớ cho mấy trái ớt... ừ, quên nữa, cho giá trụng nghen, đừng cho giá sống..."

Cô chủ quán đứng đợi người thanh niên kêu món ăn. Cô nhìn người thanh niên chăm chăm. Chẳng biết nhìn nhằm chỗ nào trên thân thể gần như trần trụi của người thanh niên, gương mặt không son phấn của cô thoáng ửng đỏ. Và, cũng chẳng biết có điều gì phật lòng hay không, người đờn bà tằng hắng hai ba cái liền.

Giọng bà ta hơi chói tai:

"Anh ăn cái gì thì kêu đi, cho người ta dọn ra..."

Thủy chung vẫn không ngước mặt lên, người thanh niên lí nhí:

"Bún bò Huế."

Cô chủ quán vừa quay đi, người đờn bà nhổm lên, chồm mình qua mặt bàn, đưa hai tay vuốt lên mái tóc uốn gợn sóng của người thanh niên. Giọng bà ta nhõng nhẽnh như giọng con gái mười tám:

lục bát mùa xuân

HUỲNH LIỄU NGẠN

cuối năm

cuối năm
nhìn đám mây bay
lòng tôi
con nước trôi đầy
nhớ nhung.

nương tử

anh về chép
nốt
tờ thư
gởi cho nương tử
mùa thu trong hồn

từ bi

nghe chiều
giọt nắng từ bi
rớt qua
tóc mẹ phân
ly một đời

bóng trăng

thôi em
nửa bóng trăng
gầy
làm chi vọng động
để đầy tiếc thương.

làm thơ

anh ngồi làm thẩn
ra Thơ
làm Thơ ra Thẩn
để thờ phượng
anh.

"Làm cái gì mà mặt mày bí xị vậy? Cười lên một chút hổng được sao?"

Thanh cúi mặt mỉm cười. Trong hát bội có màn "Lữ Bố hí Điêu Thuyền", nhưng tại đây, trên đất Mỹ, trong quán ăn chật chội đông đúc nầy, có một màn ngược lại, "Điêu Thuyền hí Lữ Bố", mà "hí" giữa chốn thập mục sở thị, chớ không cần kéo nhau ra Phụng Nghi Đình vắng vẻ.

Làm như chồm lên như vậy vẫn chưa thỏa mãn vì cũng còn một khoảng cách, người đờn bà kéo ghế ngồi khít rịt bên chàng thanh niên. Bà ta choàng hẳn một tay, ôm lấy vai người thanh niên.

Chàng thanh niên vẫn tỉnh bơ. Mặt mày y ta không có một dấu hiệu nào tỏ ra bối rối hay mắc cỡ. Có điều, cặp mắt y ta vẫn nhìn xuống.

Người đàn bà đưa ra một đề nghị:

"Ăn rồi, mình đi biển, nghen."

Không đợi người thanh niên trả lời, bà ta nói luôn một hơi:

"Đừng thèm đi Newport Beach. Chịu khó đi xa một chút, xuống Laguna Beach khoái hơn. Ở dưới đó không có đông người mà lại có nhiều cảnh đẹp. . ."

Vừa nói, bà ta vừa cho mấy ngón tay mân mê cái vành tai của người thanh niên. Hình như y ta hơi khó chịu. Mặt không đổi sắc, nhưng cái cổ của y ngọ nguậy luôn.

Người đờn bà có vẻ phật ý. Giọng điệu của bà ta nửa hờn nửa nhõng nhẽo:

"Người ta thương thấy mồ mà cứ làm bộ hoài."

Người thanh niên để hai tay lên bàn. Ở mỗi cổ tay là một cái "lắc" vàng lớn xộn. Bên tay trái, còn có thêm một cái đồng hồ đen thui.

Cô chủ quán bưng thức ăn ra. Cô bày biện các thứ trước mặt người đờn bà và người thanh niên. Cô hỏi như muốn trêu chọc:

"Bà và cậu cần gì nữa không ạ?"

Người đờn bà rít lên the thé, giọng còn muốn chua hơn là dấm Tiêu:

"Sao lại kêu anh ấy bằng cậu: Kêu tôi bằng bà, phải kêu anh ấy bằng ông chứ."

Bà nầy giả mà mở tiệm bán dấm, chắc phải giàu nức đố đổ vách. Đâu có cần vốn liếng làm chi, mỗi sáng bà ta chỉ cần hứng đầy một thùng nước, rồi chõ miệng nói vô đó mấy tiếng, nước sẽ thành ra dấm chua hạng nhứt, chỉ cần đong vô hũ để bán hay ngồi đợi người ta xách chai tới mua. . . Thanh nghĩ thầm.

Cô chủ quán quay vội. Thanh thấy hai môi cô mím chặt, hai vai cô rung rung. In tuồng như cô cố giữ để khỏi bật cười thành tiếng.

Người đờn bà bực dọc, lầu bầu cái gì đó trong miệng, Thanh nghe không rõ. Nhưng, chỉ thoáng một cái, bà ta lấy lại sự vui vẻ rất mau. Bà ta lấy giấy lau hai đôi đũa và hai cái muỗng. Bà ta đưa đũa và muỗng tận tay người thanh niên. Cử chỉ bà ta có vẻ ân cần chăm chút. Trong khi người thanh niên chểnh mảng, ơ hờ.

Người thanh niên cầm lấy một trái ớt. Người đàn bà ngăn lại tức thì:

"Ăn ớt vô, nóng trong người, coi chừng mụn mọc đầy mặt đó."

Giọng bà ta õng ẹo, chớt nhả:

"Mụn mà nổi lên thì còn gì là khuôn mặt đẹp trai. . ."

Nói chưa dứt câu, bà ta đưa bàn tay lên vuốt vào một bên má của người thanh niên. Mặt y ta thoáng đỏ. . .

Thanh cố nhớ để coi đã bắt gặp một cái cảnh tương tự như vậy ở đâu. . . Phải rồi, ở lớp "Bá Ấp Khảo dạy đờn". Người đờn bà nầy đã có những điệu bộ y hệt như lúc con cửu vĩ Hồ Ly Đắt Kỷ giở trò "dê đạo bộ" anh chàng hoàng tử đẹp trai Bá Ấp Khảo đây mà. Cảnh nầy đã từng làm cho mấy bà già trầu mê hát bội chửi rủa con Đắt Kỷ không tiếc lời. Có nhiều bà, tánh nóng nảy, dằn không được, lấy vỏ dưa, xác mía nhắm con Đắt Kỷ trên sân khấu mà chọi. Báo hại cho cô đào yêu nghề, tận dụng sở trường ra mà lột hết vai tuồng, bị ghét bị chửi, bị ăn xác mía, vỏ dưa oan mạng.

Thanh nhìn quanh. Trong quán không có bà già trầu nào. Chỉ có các thanh niên và một số đờn ông sồn sồn. Hình như ai cũng có vẻ thích thú với màn bi hài kịch diễm tình đang diễn ra trước mắt. Vả chăng, vỏ dưa với xác mía, ở xứ Mỹ này, trong lúc bất ưng, không dễ gì mà kiếm.

Người đàn bà tỏ ra rất sống động và chí thú trong lúc ăn. Bà ta khua đũa, khua muỗng, húp xì xụp, nhai chanh chách. Người thanh niên, trái lại, tướng tá thì sầm sầm, mà ăn uống lại nhỏ nhẻ như con dâu mới trước mặt cha mẹ chồng. Y ta đổi bộ ngồi, hai chưn dạng ra tét bét, cái quần lót đỏ gần như được triển lãm nguyên con.

Không biết tại sao Thanh cứ phải vừa ăn vừa liếc chừng cái cặp nam nữ trước mặt nầy hoài: *Cũng thường thôi mà, tình yêu đâu có phân biệt tuổi tác. Ban ngày chị chị, em em tối cà rem chấm mút" cũng là chuyện thường thôi mà. "Ngựa kia trổ mã thành rồng, em nuôi trổ mã thành chồng chị nuôi" thì cũng đâu có phải là chuyện lạ. Thời buổi nầy, xứ sở nầy, chuyện gì lại không thể xảy ra. Cái câu hằn học buộc tội của Vân Trường Quan Tiết Đinh San khi nổi cơn ghen với thằng con nuôi Tiết Ứng Luông, nói sát rạt vô mặt Phàn Lê Huê: "Ban ngày thì mẹ mẹ con con, đêm tối thì chồng chồng vợ vợ", thiệt là đã xa mút tí tè, đâu hồi đời Đường lận, có còn ăn thua gì đối với thời nay.*

Người đờn bà càng lúc càng trổ mòi đạo lộ. Giữa quán ăn đông đúc như vậy, dưới mấy chục cặp mắt quan chiêm như vậy, bà ta hết vuốt má, tới vỗ đùi chàng thanh niên một cách

tỉnh bơ. Hình như bà ta cũng biết mình đang làm xốn mắt thiên hạ, nên bà ta làm tới luôn cho lại gan. Nếu quả như vậy thì đây là cái thứ đờn bà đứt dây trên trời rớt xuống, hay cũng thuộc vào cái cỡ thiên lôi đánh không chết, hà bá mới thấy mặt đã chạy muốn tét ghèn. Thỉnh thoảng bà ta còn ngước mặt lên, đảo mắt một vòng khắp quán, ngó vào tận mặt từng người ra cái vẻ thách thức: "Bà là vậy đó, ai không chịu được thì chịu khó nhắm mắt lại, chớ làm đách gì được bà".

Nhiều người đã ăn xong, xỉa răng uống nước xong, trả tiền xong, nhưng vẫn còn ngồi lì, chưa chịu rời tiệm. Hình như ai cũng muốn chứng kiến cái cảnh tình yêu gay cấn, nóng bỏng, có hơi trật bàn đạp, tới lúc hạ màn.

Cô chủ quán cứ đi qua đi lại, giữa hai dãy bàn, vừa đi vừa cười chúm chím. Thỉnh thoảng cô lại liếc xéo về phía người đờn bà và chàng thanh niên. . .

Người đờn bà không thèm tới quày tính tiền. Bà ta móc bóp quăng một tờ giấy hai chục lên bàn, rồi kéo người thanh niên đứng dậy. Cặp mắt bén ngót của bà ta quét hết một vòng. Bà ta cố tình nói lớn tiếng:

"Đi, anh. Đi ra biển cho mát. Ở đây *hầm hơi* thấy mồ. . ."

Chàng thanh niên quàng tay, ôm vai người đờn bà. Không chậm, người đờn bà bỏ tay, ôm eo ếch chàng thanh niên và cứ xà nẹo như vậy, hai người ra khỏi tiệm.

Không hẹn, các người khách trong quán bật lên cười một lượt. Đã gọi là quán cơm bình dân mà. Thực khách đều tánh tình rất bình dân, và hầu hết đều quen mặt nhau. Một ông mập ú, đầu sói sọi, ngồi ở ngay cửa, nói oang oang:

"Hèn chi người ta nói 'sống lâu thấy lắm chuyện kỳ'. Tới chừng tuổi nầy rồi, tôi mới thấy cảnh nầy là lần thứ nhất. Trời đất ơi, một đàng giờ đã muốn cúp bình thiếc, một đàng còn trai tơ nheo nhẽo, vậy mà sao đeo dính được với nhau như sam vậy kìa?"

Một ông, áo "vest", "cà-vạt", kiếng trắng, đàng hoàng, nghiêm trang, tề chỉnh, ngồi ở giữa quán, cũng góp tiếng:

"Qua tới đây rồi, mọi sự đảo lộn hết trơn. Vợ già, chồng trẻ thời nào lại không có. Nhưng, ở Việt Nam, ai mà đem nhau ra giữa đường giữa chợ, bẹo hình bẹo dạng như vầy?"

Một chị đờn bà sồn sồn cười ngặt nghẽo:

"Canh bầu nấu với cá trê, anh ăn cho phỉ, anh mê con vợ già; tối anh nằm, anh bóp vú da. . ."

Thanh bật cười thành tiếng vì câu ca dao mà người đờn bà vừa đọc. Tuy nhiên, Thanh thấy những nhận xét và dị nghị của mấy người khách, dường như, không đúng với trường hợp vừa rồi. Thanh chỉ linh cảm như vậy, mà không thể giải thích tại sao. . ."

Mỗi miệng góp một câu, những thực khách tiếp tục góp lời "thanh nghị""

"Mấy chuyện như vậy, tưởng đâu chỉ thấy trên 'mu-vi', do Mỹ diễn xuất, ai dè đâu, thấy tận mắt, mà do đào già kép trẻ, mũi tẹt da vàng, đóng thiệt ngoài đời, mới đau chớ. . .

"Cái đó là bởi tại mấy ông. Ai biểu mấy ông, cũng già quá mạng rồi, cứ đi tìm đào trẻ không, đi 'cua' mấy cô tuổi đáng con đáng cháu không, mấy bà già phải đi tìm trai mới lớn chớ. . ."

"Cha, lại giở trò 'phụ nữ đòi quyền sống' phải không? 'Nam nữ bình quyền' phải không? Đòi cái gì thì đòi, nhưng cũng đừng có lấy kim mà đâm vô mất thiên hạ chớ. . ."

Cô chủ quán, khôn ngoan, không nói gì cả, chỉ cười, tủm tỉm hoặc sằng sặc. Một người khách, hình như không muốn cô chủ quán khi không mà được hưởng những trận cười như vậy, tìm cách kéo cô vô câu chuyện:

"Chắc cô thấy cái cảnh nầy hoài, phải không?"

Cô chủ quán nhún vai, không trả lời thẳng vô câu hỏi:

"Mấy ông mấy bà là rồi hơi. Chuyện thiên hạ hơi đâu mà bàn dữ vậy?"

*
* *

Độ hai tuần sau, cũng tại cái quán ăn bình dân đó, Thanh lại gặp người đờn bà đó. Lần nầy thì bà ta ăn mặc lịch sự và kín đáo hơn. Tuy tóc bà ta vẫn đỏ đỏ, hung hung, vẫn dựng đứng như cái bờm ngựa mới cắt, khắp người bà ta vẫn dát đầy nữ trang, nhưng bà ta đã mất đi cái vẻ kệch cỡm, thô bạo giống như lần trước.

Người đờn bà ấy không đi một mình. Cặp tay bà ta đi vào quán cũng là một người thanh niên, không phải người thanh niên lần trước. Người thanh niên nầy, mặt mũi non choẹt, có thể đoán tuổi tác vào chừng mười tám, hai mươi là cùng. Nếu người đờn bà ấy không cặp tay âu yếm, không "anh anh, em em" ngọt xớt với người thanh niên, thiên hạ nhìn vô, chắc tưởng bà ta đi với cháu ngoại.

Rồi, cũng tại cái bàn đó, cảnh cũ lại diễn ra. Lần nầy, Thanh không thể nào cho rằng đây là một màn "Điêu Thuyền hí Lữ Bố" được nữa. Chàng nhớ tới một cảnh khác, cũng trong hát bội. Đó là cái cảnh "Nơi vườn dâu, Chung Vô Diệm cợt Tề Vương". Nếu cứ thấy cảnh nầy mà nhớ tới "Lữ Bố, Điêu Thuyền" hoài thì nghĩ tội nghiệp cho cô con gái nuôi của Tư Đồ Vương Doãn thời Tam Quốc biết mấy.

Thanh ngửa mặt nhìn lên trần, cười vu vơ với ý nghĩ chợt đến:

"Người đờn bà nầy thích chơi búp bê, những con búp bê không nhồi bông và không cần gắn *pin* để cử động được. . ."

NGUYỄN ĐỨC LẬP

Thơ ở làng Cây Phong

ĐỖ QUÝ TOÀN

Làng Cây Phong là một khu đất trong vùng núi non Cantons de l'Est (các tổng miền Đông), tỉnh Québec, Canada. Nhiều người Việt và người Canada góp công thiết lập "làng" để làm nơi tập sống an vui, thanh tịnh. Có hồ, có núi, có mạch suối, có thỏ và nai, có nhiều cây phong, cây bạch dương, tùng bách, mùa ấm có hoa dại, mùa đông có tuyết. Tên làng Cây Phong nghe giống những tên bình dân, mộc mạc: Quán cây dừa, ngã ba cây thị, Phường cây mít, Mỹ cây nhãn v.v.

Mấy bài sau đây được trích trong tập **Thơ ở làng Cây Phong.**

Cây Báo Xuân Chiều

(Evening Primrose)

Cây Báo Xuân Chiều mọc tháng sáu
Trong rừng mùa hạ nai ẩn náu
Đêm đêm nai tìm ăn quanh hồ
Bên đường đi có hoa hiền hậu.

Mai gặm những đọn lá tươi non
Những cành mới nhú búp tơ măng
Những nụ hoa vừa xinh chúm chím
Hoa chỉ tìm ăn cây báo xuân.

Cây Báo Xuân gân xanh gầy guộc
Thân mảnh mai nhuộm hồng dưới gốc
Lá tua tủa trên cành xum xuê
Từ những chùm nai ăn chưa hết.

Nếu nai bỏ sót những nụ non
Thì khi mặt trời lên trong rừng
Nụ hớn hở chờ tia nắng gọi
Mở bung ra những bông hoa vàng.

Cây Báo Xuân thắp đóm hoa vàng
Những cụm mặt trời nhỏ tí hon
Để cho mùa hạ về rực rỡ
Từng bày cánh nhỏ ong hân hoan.

Sau tháng chín khi trời lạnh lẽo
Cây Báo Xuân bắt đầu úa héo
Từng chùm trái đen hạt li ti
Ngả xuống như tuổi già nặng chĩu.

Cuối thu khi tuyết phủ phân vân
Không còn dấu vết Cây Báo Xuân
Gió thổi mặt hồ tung bụi trắng
Bên đường đi tuyết ngập gót chân.

Nhưng ta biết dưới tầng lá mục
Hạt cây khô đã vùi dưới đất
Nắng vẫn dấm kỹ dưới tuyết dày
Những mặt trời tí hon bí mật.

Ánh mặt trời ẩn trong từng hạt
Hoa báo xuân vẫn chờ dưới đất
Còn đàn nai rủ nhau về nam
Tìm lá cành xanh tuyết bỏ sót.

Để đến mùa sau nai trở về
Cây Báo Xuân trổi lên mừng rỡ
Nai gọi nhau từ núi rừng khe
Về dự tiệc Xuân rừng mới mở.

Cho nên Cây Báo Xuân trong rừng
Với đàn nai từ bao ngàn năm
Vẫn thong thả đi về chẳng nghỉ
Mỗi lần nắng mới ong hân hoan.

Cho nên khi ta trở lại làng
Ta đứng ngó hàng Cây Báo Xuân
Ta thấy cả ngàn năm qua lại
Bên hồ tĩnh lặng núi an nhiên.

Gặp hoa Báo Xuân trong thành phố

Buổi sáng đứng chờ chuyến xe lửa
Bỗng đưa mắt nhìn xuống bên đường
Một nụ hoa vàng chói rực rỡ
Nhìn kỹ, đúng là hoa Báo Xuân.

Hoa Báo Xuân đầy ở làng mình
Nơi đây có mỗi một bông lẻ
Khép nép trong bụi cỏ rối ren
Bao người qua lại chẳng ai ngó.

Cúi xuống nhìn bông hoa lặng lẽ
Nắng lóng lánh những bụi tinh thể
Cánh hoa xòe mở như mỉm cười
Hoa bảo: Cứ sống mãi trên đời
Có ngày sẽ gặp người tri kỷ.

Vu quy

NGUYỄN MỘNG GIÁC

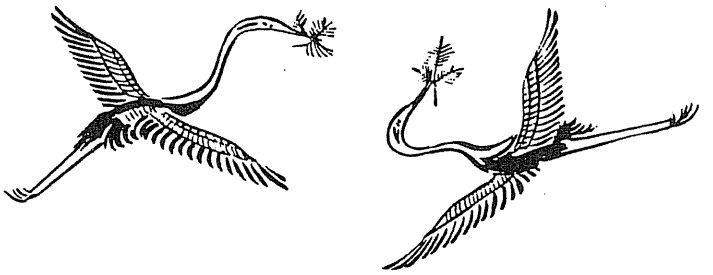

Như đã định trước, sáng mồng 10 tháng Bảy năm Bính Ngọ, viên Hình bộ Thượng thư đưa lễ vật và tờ tâu vào điện Vạn thọ.

Vua Lê Hiển tôn sai Hoàng tử đón nhận lễ vật, định hôm sau sẽ đưa dâu. Rồi Ngài truyền chỉ các vị hoàng thân, hoàng phi, công chúa, và các quan văn võ, ai nấy đều phải sắm sửa xe ngựa, sáng mai để ở cửa điện để đưa Ngọc Hân Công Chúa về phủ.

Sáng sớm hôm sau, Nguyễn Huệ lại sai quan đệ một tờ tâu vào triều xin làm lễ nghênh hôn. Một mặt Nguyễn Huệ đốc quân lính đứng sắp hàng ở suốt hai bên đường, từ cửa điện đến cửa phủ. Trai gái kinh thành đi xem đông như nêm cối, ai nấy đều cho là việc ít có xưa nay. (1)

Giờ đưa dâu sắp đến mà Công chúa chưa sắp xếp xong tư trang, quần áo, đồ đạc vào cái hòm sơn then. Suốt ba đêm nay, Công chúa không tài nào nhắm mắt nổi. Gần một tháng dồn dập biến cố, tuy là gái, Công chúa cứ thấp thỏm lo lắng đủ điều. Thế nước nghiêng ngửa nên cảnh hoàng gia phải thường xuyên xao động. Tin Vị hoàng mất, tiếp theo là tin xấu từ thủ phủ trấn Sơn nam. Các hoàng phi, hoàng tử bàn tán với nhau nên chạy loạn ra khỏi kinh thành hay nên ở lại. Tờ mật tấu Nguyễn Hữu Chỉnh cho người đem vào Thăng long trước khi phố Hiến mất có khiến hoàng gia bớt lo đôi chút. Nhưng, tin sao được người ngoài? Gia đình chia thành từng phe phái ý kiến chống báng nhau. Ngọc Hân còn nhỏ không dám lạm bàn việc lớn. Nhưng nhà vua càng ngày càng mệt. Công chúa thương cho nước, và thương cả cha già. Tự tay Công chúa sắc thuốc, giặt khăn cho nhà vua, giành việc của bọn cung nhân và quan thị. Thế nước tạm ổn thì đến chuyện vu qui. Công chúa vừa hãnh diện vừa sợ hãi. Con người đã từng đánh Nam dẹp Bắc trăm trận trăm thắng ấy là chồng của Công chúa sao? Từ ngày kinh thành thất thủ, Công chúa được nghe kể biết bao nhiêu chuyện về con người lừng lẫy ấy, chuyện tốt có mà chuyện xấu cũng không thiếu. Kẻ tiêu diệt họ Nguyễn ở Gia định, phá tan mấy vạn quân Xiêm, hạ thành Phú xuân nội trong một đêm, và lấy Bắc hà trong vòng mười ngày! Con người ấy là chồng của Công chúa sao?

Lần đầu Nguyễn Huệ vào ra mắt vua Lê Hiển tôn, thái độ khoan thai tự tin mà lại nhún nhường, lời đối đáp khéo léo uẩn súc, tất cả mọi chi tiết của cuộc diện kiến lịch sử ấy, Công chúa được nhiều người kể lại. Mỗi người kể mỗi khác, nhưng Công chúa có đủ thông minh để loại bớt các phần thêm thắt vô lý. Phần còn lại đẹp đẽ quá, Công chúa nhớ từng cái dáng ngồi khép nép, từng lời nói nhún nhường sâu sắc. Con người ấy là chồng của Công chúa sao? Hư hay thực đây?

Ba ngày đêm Công chúa sống mà như đang mơ ngủ, lòng dạ rối bời, chân bước trên một thứ mặt đường uốn lượn bập bồng như đám mây ảo. Ngọc Hân không hiểu mình đang cảm thấy điều gì, vui hay buồn, không biết cả điều đang nghĩ. Công chúa cứ hỏi: Làm sao đây? có thực như thế không? Trời hỡi! Làm sao tôi gánh nổi hạnh phúc và trách nhiệm to tát như vậy! Tôi bé bỏng, ngu ngơ, hời hợt, làm sao đây? Làm sao đây?

Lại có cung nhân vào giục! Công chúa hoang mang nhìn đống gương lược, quần áo, sách vở bày bừa bãi trước mặt, quên mất mình phải làm gì. Cung nhân thưa:

"Hoàng tử bảo sắp tới giờ rước dâu rồi. Công chúa đã cho tất cả vào hòm chưa? Ủa, tại sao bừa bộn thế này?"

Ngọc Hân rơm rớm nước mắt, gần như sắp khóc. Công chúa hỏi người cung nhân già:

"Làm sao đây nhũ mẫu? Đem thứ gì theo?"

Người cung nhân già nói:

"Chóng lên, rồi còn trang điểm nữa. Nào, cho vào đi. Không, cho quần áo vào trước đã. Đem theo làm gì cái áo này, người ta cười cho."

Công chúa buồn rầu nói:

"Tiếng là hoàng gia nhưng nếp nhà đạm bạc thế nào, Nhũ mẫu biết rồi. Không đem theo lấy gì mà thay đổi."

Nhũ mẫu cười lớn rồi bảo:

"Ối! Về bên ấy khối gấm vóc, mặc sức mà thay. Nội lễ vật không thôi đã hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, hai mươi tấm đoạn! Khiếp. Cả kho bên phủ Chúa chắc không nhiều đến chừng ấy!"

Công chúa cười cho sự ngây thơ của nhũ mẫu. Người cung nhân già giục:

"Nào, cho gương lược vào đi. Còn son phấn đâu? Lại cái gương nứt này nữa. Cái gương lớn khung bạc hằng ngày đâu rồi?"

"Các chị đã đòi lại rồi, Nhũ mẫu ạ!"

"Đòi! Các công chúa lớn nỡ xử với cô em sắp vu qui như thế à? Mà thôi! Về bên ấy, khối! Nhanh lên! Còn gì nữa không?"

"Còn mấy quyển sách."

"Đem theo làm gì?"

"Cứ đem theo đi, nhũ mẫu. Con quí nó lắm. Cuốn Chinh phụ ngâm khúc của Đặng tiên sinh đấy."

"Lại ngâm khúc! Già này đến điên mất thôi. Có quan thị vào kìa. Không khéo đã đến giờ mất rồi! Nhanh lên, lại đây cho già vấn tóc và trang điểm. Lên kiệu hoa mà tóc tai như tổ quạ mặt mũi bần thần nhếch nhác như thế, Thượng công lại tưởng Công chúa bị đày về nhà chồng."

Ngọc Hân để mặc cho nhũ mẫu chải tóc, vấn đầu, thì thào nói:

"Con sợ quá, nhũ mẫu. Làm vợ khổ không nhũ mẫu?"

Người Cung nhân già cười:

"Làm vợ mà lại khổ! Các cô dâu khóc là khóc giả vờ đấy! Không nghe người ta bảo:

Khóc như thiếu nữ vu qui nhật

Tiếu tự thư sinh lạc đệ kỳ

hay sao?"

"Nhưng. . . nhưng Nguyên súy như thế, con như thế. . ."

"Chẳng thế này thế khác gì cả. Đã là vợ chồng, ông Trời cũng phải xuề xòa làm hòa với vợ. Để rồi Công chúa xem."

Vừa trang điểm xong, một quan thị đến bảo có lệnh của nhà vua triệu Công chúa lên dặn dò trước lúc lên kiệu hoa. Công chúa không cầm được nước mắt, khi nghĩ từ đây Công chúa không được đích thân chăm nom thuốc thang cho cha già.

*
* *

Khi xe Công chúa đi tới cửa phủ, Nguyễn Huệ ngồi kiệu rồng vàng ra đón, hết thẩy các lễ đúng theo như lệ thường các nhà.

Công chúa vào phủ, Nguyễn Huệ đặt tiệc ở ngoài để thết các hoàng thân, hoàng phi, và các quan đi đưa dâu. Trên tiệc mọi người đều theo thứ tự mà ngồi. Tan tiệc, Nguyễn Huệ sai Lãng sắp hai trăm lạng bạc đưa ra ngỏ lời kính tặng các vị nhà gái và tiễn ra khỏi cửa phủ. Các quan ra về, lại họp tại nhà công đường bộ Lễ. Ai nấy đều khen nhà vua kén được được giai tế. Từ nay nước Nam có một nước thông gia. (2)

Khách khứa nhà gái về hết rồi, Nguyễn Huệ mới vào cung gặp Công chúa. Nghe tiếng chân Nguyễn Huệ bước vào phòng tân hôn, Công chúa cúi đầu hồi hộp, không dám ngửng lên nhìn cho rõ mặt chồng, hai bàn tay vân vê mãi chéo áo lụa. Ánh hoàng lạp chiếu vào khuôn mặt thẹn thùng của Công chúa, cho phép Nguyễn Huệ được ngắm một mái tóc đen mướt, cái mũi thon nhỏ thanh tú, và vành môi dưới mọng đỏ. Cổ áo lụa in lên trên một làn da trắng hồng.

Nguyễn Huệ xúc động đến nỗi nhịp tim đập mạnh, khi nhớ Công chúa có một chiếc cổ cao và trắng y như cổ một người con gái thời xưa, thời An Thái.

*
* *

Tuy cung điện Hoàng gia và phủ Chúa cách không bao xa, nhưng từ nhỏ đến lớn chưa bao giờ Ngọc Hân Công chúa được bước chân qua phủ. Cho nên khung cảnh tráng lệ ở đây thật là bất ngờ.

(3) Bốn bề tám phía chỗ nào trong phủ cũng có cây cối um tùm. Trong cuộc giao tranh hôm 26 tháng Sáu, phủ Chúa không bị thiệt hại gì, nên trong những chiếc lồng đủ cỡ lớn nhỏ sơn màu vàng, các giốngchim quý đua nhau hót. Vườn hoa nở rộ đưa hương thoang thoảng. Hành lang, lan can quanh co nối tiếp nhau. Những người lính giữ cửa, lính nội hầu đi lại tíu tít như mắc cửi. Ngoài cửa cung, vệ sĩ canh gác cẩn mật, ai ra vào phải có thẻ. Nơi trước kia là điếm "Hậu mã quân túc trực" bây giờ cũng dùng làm nhà khách dành cho những người đến hỏi việc ngồi chờ đến lượt mình. Mà trong buổi giao thời, không biết bao nhiêu người đến xin lệnh của Nguyễn Huệ. Do đó, điếm lúc nào cũng đông đúc, tấp nập kẻ đi người đến. Điếm cất bên cạnh một cái hồ lớn. Trong hồ có nhiều hòn đá đẹp, trồng nhiều cây lạ. Trong điếm, cột và bao lơn quanh cơ lượn vòng, kiểu cách rất khéo.

Đi khỏi hành lang phía Tây thì đến cung Quyển bồng, một dãy nhà lớn rất cao rộng, hai bên để hai cỗ kiệu. Mọi đồ nghi trượng đều sơn son thếp vàng như bên hoàng cung, nhưng cách chạm trổ tinh vi hơn, hình dáng to lớn uy vệ hơn. Gian giữa đặt một sập ngự thếp vàng. Chung quanh bầy biện bàn ghế đóng bằng gỗ quí đủ kiểu lạ mắt.

Công chúa ở trong một cái gác cao và rộng, tức là Tử các, trước đây là chỗ ở của Thế tử Trịnh Cán. Trong gác từ giường đến cột đều sơn son. Các cửa lớn cửa sổ vẫn còn treo nhiều lớp trướng gấm.

Công chúa đưa mắt nhìn khắp phòng, lòng lo âu vu vơ khi nghĩ tại nơi này, mấy đời Chúa Trịnh đã nối tiếp nhau an hưởng phú quí và hành sử uy

Bóng tối

TRỊNH Y THƯ

Đường em đêm lầy trơn. Bóng tối
Chụp lên vai mùa tỏa con lộ đen.
Tôi bắt gặp tôi lần mò giữa
Hố sâu tháng hoảng. Trước mặt
Những con đường vun vút về đâu?

Gió quất ngang mặt, tóc rũ thẳng.
Hạt mưa quay quắt dưới mái hiên,
Em ở trong kia đèn thắp đỏ,
Tôi đứng ngoài này bóng tối câm.

Bóng tối tôi như đất trời vô lượng
Bóng tối tôi niềm cô độc
Như dao ngọt chém ngang.
Bóng tối tôi đằm đằm. Và trong đó
Mọi nỗi bất hạnh trở thành
Định mệnh của nhau. Khoảng cách
Nghìn trùng có khác gì với sự
Cận kề trong gang tấc lắm đâu?

Em hãy thiết tha với đời sống
Như thể sáng mai thần Atlas
Sẽ ngủ quên để khối tinh cầu này
Trôi giạt về cõi huyền tẫn xa xăm.
Nơi đó bóng tối sẽ đời đời
Và tình yêu trở nên vĩnh cửu.

Tôi bước vào bóng tối em,
Những bước lầy trơn nghiệt ngã.

Tôi nằm dưới bóng tối em,
Vì tôi biết
Đó chính là mộ phần tôi được tiên tri.

quyền. Những giấc mộng vá trời lấp biển thành hình tại đây, và cả những tội ác kinh tởm cũng manh nha tại đây. Công chúa nhìn lên từng mảnh ngói trên trần nhà, từng cái rui gỗ đen bóng vì năm tháng, từng miếng gạch lót trên nền, rờn rợn nghĩ đến linh hồn của những vật tưởng là vô tri giác. Phải, nếu chúng có linh hồn (mà tại sao lại không có) nếu chúng biết nhìn thì viên ngói kia sau khi chứng kiến bao nhiêu kẻ đi người đến trong căn gác này, nó sẽ nghĩ gì. Nghĩ thế nào về kẻ đã qua? Về mình? Và chờ những ai sẽ đến?

Những suy nghĩ mông lung ấy khiến Công chúa ray rứt thêm. Công chúa đã có quá nhiều nỗi xao xuyến trong mấy ngày qua.

Sau bao nhiêu năm sống vô tư trong một thứ thanh bình mà bây giờ mới biết là giả tạo mong manh, Công chúa bị đột ngột ném vào một thế giới hoàn toàn khác. Chưa kịp tĩnh tâm sau một thử thách xa lạ, thì thử thách khác đã đến, liên tiếp dồn dập như những đợt sóng thần. Mười sáu năm ở đời trong khung cảnh thu hẹp của hoàng gia không chuẩn bị trước cho Công chúa sức chịu đựng và cái nhìn xa để đón nhận bấy nhiêu thử thách. Những văn chương thơ phú Công chúa từng đọc cho vua cha nghe, những kinh truyện từng nắn nót chép hết năm này sang năm khác trên những tập giấy hoa tiên, những lời khuyên răn của nhũ mẫu chỉ lặp đi lặp lại bấy nhiêu trăng hoa, liễu tuyết. Làm sao đây? Tại sao không ai dạy cho ta biết trên đời sẽ gặp những cảnh huống này, những tâm trạng mù mờ không phải hạnh phúc mà cũng không phải là đau khổ, không phải là một tai họa đáng sợ hãi, lại càng không phải là một diễm phúc đáng mơ ước! Nó là cái gì? Ngọc Hân không trả lời được. Những kinh truyện, thi phú Công chúa yêu dấu cũng không dùng để giải đáp được. Cho nên Công chúa cảm thấy cô đơn, và bàng hoàng. Nước mắt đoanh tròng, Công chúa lơ đãng nhìn tấm trướng mầu ngà treo ở cửa sổ, lòng nặng trĩu một nỗi hoang mang!

Công chúa nhớ lại những gì đã xảy ra đêm hợp cẩn.

Khi Nguyên súy vào, Ngọc Hân sợ quá không dám ngước lên nhìn, cũng không dám thở mạnh. Trước mắt Công chúa, đôi hài thêu của Nguyên súy khẽ lay động, nhất là chiếc phía bên trái. Ngọc Hân chờ, nín thở mà chờ. Thật lâu, Nguyễn Huệ không nói gì cả. Công chúa tự biết không thể cứ cúi đầu mãi thế này! Phải ngước lên mỉm cười với Nguyên súy. Phải giúp người "xếp bào cởi giáp" như những người vợ hiền trong cổ thư đã làm. Phải. . . phải cung kính ngoan ngoãn "tay nâng ngang mày" như nàng Mạnh thị. Dù có nghĩ vậy, Công chúa vẫn không có can đảm ngước lên nhìn thẳng vào khuôn mặt Nguyên súy.

Đôi hài trước mắt Ngọc Hân hơi xoay hướng, như dợm bước về phía cửa phòng. Nhưng sau đó, đôi hài vẫn bất động. Rồi đột nhiên, Ngọc Hân cảm thấy có một bàn tay đặt lên vai phải mình. Nguyên súy đặt yên bàn tay lên vai Công chúa một lúc, rồi bóp nhẹ lên cái vai mềm. Bàn tay mơn man ve vuốt khắp bên vai phải, rồi vuốt nhẹ lên chiếc cổ trắng. Công chúa hồi hộp liếc nhìn, trong hoảng hốt chỉ nhận ra được ống tay áo

gấm đỏ và một bàn tay gân guốc da ngăm.

Ngọc Hân xúc động đến nghẹn thở, hoang mang, lúng túng chưa biết phải làm gì, nói gì. Đúng lúc đó, bất ngờ Nguyên súy quỳ chân xuống trước sập, úp mặt vào hai đầu gối của Công chúa. Ngọc Hân không ngờ Nguyên súy làm như vậy, đôi tay chới với không biết phải làm gì, phải đặt vào đâu. Mái tóc dày và quăn phủ lên vạt áo lụa của Công chúa. Một sức mạnh huyền bí xa lạ thôi thúc, khiến Công chúa đưa tay ôm lấy vai Nguyên súy.

Nguyễn Huệ ngửng lên vui mừng, và lần đầu tiên, Công chúa bị cuốn hút vì ánh nhìn đam mê đến cuồng nộ của vị danh tướng vừa làm đảo lộn cả Bắc hà.

Nguyễn Huệ nhìn đăm đăm vào khuôn mặt sượng sùng thảng thốt của Công chúa, miệng mỉm cười gượng gạo như cách cười một kẻ phạm tội, nói nho nhỏ:

"Công chúa còn nhỏ quá, và đẹp quá. Như một cái bông búp. Đừng lo âu. Ta biết Công chúa đang lo âu đủ điều. Ta sẽ không cho phép bất cứ ai, dù là quỷ thần, được làm cho Công chúa khổ. Công chúa hãy yên tâm."

*
* *

Nguyễn Huệ nói thế nhưng chính ông cũng không yên tâm!

Sau khi tiễn khách nhà gái về hết, quay trở vào điện Quyển bồng đèn hoa rực rỡ, ông có cảm tưởng mọi người, từ tên lính hầu cho đến Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh, đều nhìn mình một cách khác thường. Họ cười mà không phải cười, liếc nhìn ông rồi vội quay đi, cử chỉ thái độ vừa chế giễu vừa khuyến khích đồng lõa.

Ông nói vài lời vô nghĩa với Tả quân Vũ văn Nhậm, sau này ông nhớ mang máng là có dặn Nhậm tăng cường việc tuần tra ban đêm ở các cửa ô và khu có các cung điện, phủ liêu, dinh thự. Vũ văn Nhậm đi rồi, Nguyễn Hữu Chỉnh lại, hấp tấp y như một người chết đuối bám vào cái phao vô tình trôi đến trước mắt. Chỉnh lấy làm lạ, nhưng cũng rán ngồi lại. Hai người bàn những chuyện không đâu vào đâu. Chỉnh nóng ruột, một là sợ mình làm phiền Chủ tướng không đúng lúc, hai là ngại nói chuyện như thế lại gây cho Nhậm sự ganh tị, ngờ vực. Phải khéo nói lắm Chỉnh mới được Nguyễn Huệ tha cho về.

Lúc đó, Nguyễn Huệ không còn con đường nào khác ngoài hành lang dẫn về Tử các. Ông bước chậm, thật chậm. Dù vậy, đã đi thì phải tới. Ngọn hoàng lạp trong phòng tân hôn tỏa ánh sáng êm dịu ra cả ngoài hành lang. Trong phòng hoàn toàn yên lặng. Nguyễn Huệ dừng lại cách cửa phòng vài bước, im lặng nghe ngóng. Không có dấu hiệu của sự sống trong kia! Ông bước thêm vài bước nữa, lòng hồi hộp, rộn rã pha lẫn ngại ngùng. Một nàng công chúa đang đợi ông? Dù là công chúa của một ông vua suốt mấy mươi năm khoanh tay rũ áo vừa được chính ông gây dựng lại quyền hành, nhưng vẫn là công chúa. Lúc rước dâu, ông có thoáng thấy dáng người nhỏ nhắn thanh nhã của công chúa, nhưng giữa cảnh xe ngựa tấp nập nghi lễ phiền phức, ông không được nhìn kỹ gương mặt của người vợ trẻ tuổi. Ông chỉ ghi nhận thêm được bước đi ngại ngùng như cách một đứa bé sẽ sàng bước trước đôi mắt nghiêm khắc của mẹ. Tự nhiên ông cảm thấy thương hại, ông bần thần suốt buổi lễ vì ý nghĩ mình là kẻ vũ phu, kẻ có tội. Lúc này, sắp bước vào đêm hợp cẩn, ông lại có ý nghĩ đó.

Nguyễn Huệ bước vào phòng. Trước mắt ông, rõ ràng hiển hiện hình ảnh một đứa trẻ lạc loài. Một nàng tiên nhỏ lỡ mê cảnh tục lụy lạc lại cõi thống khổ! Đôi vai nhỏ ấy, dáng ngồi thu mình để sẵn sàng chịu đựng tất cả bất trắc ấy, khuôn mặt non nớt sượng sùng cúi xuống và đôi tay chới với tìm bấu vào chéo áo, nhất là chiếc cổ cao và trắng nuốt yếu đuối, bao nhiêu hình ảnh cam chịu giữa cảnh màn trướng lộng lẫy khiến Nguyễn Huệ bối rối chùn bước. Lạ lùng thay, ông cảm thấy bất nhẫn. Yếu đuối. Hổ thẹn nữa. Ông nghĩ nếu mình làm bất cứ điều gì, dù là đưa chân bước tới hay phát một cử động nhỏ cũng phạm cái tội tày trời là phá phách sự toàn mỹ của trời đất. Những gì xảy ra sau đó, ông chỉ ý thức được có một phần rất nhỏ. Đôi vai yếu, chiếc cổ trắng của Công chúa thu hút, lôi cuốn ông. Khi đặt tay lên vai Công chúa, ông cảm thấy lần vải mịn mơn man mấy ngón tay, và một thứ ấm áp dịu dàng truyền qua bàn tay lan man khắp người ông. Bàn tay đưa lên vuốt ve cổ công chúa nhè nhẹ. Ông sợ mấy vết chai trong lòng bàn tay làm sướt làn da non nớt trinh bạch đó, nhưng đồng thời, có một thúc giục ma quái xui ông nắm chặt lấy chiếc cổ ấy. Ông hoang mang, sợ hãi. Máu chạy rần rật trong người ông. Cho nên khi quỳ xuống gục mặt vào đầu gối công chúa, ông làm đúng cử chỉ của một kẻ sám hối.

Làm sao Ngọc Hân có thể hiểu được ý nghĩa những điều bất thường ấy, nơi một viên tướng từng xô ngã cả hai triều đình ở phương Nam và phương Bắc, và sẽ còn đảo lộn trật tự của một đất nước ổn định, dù là ổn định vá víu, suốt mấy trăm năm.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(trích Sông Côn Mùa Lũ tập 4, sẽ phát hành đầu tháng Ba, 91

(1) Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch của Ngô Tất Tố, tr. 103

(2) Dựa theo Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố, tr. 104

(3) Khung cảnh phủ Chúa dựa theo Thương Kinh Ký Sự của Lê Hữu Trác, NXB Hà Nội 1977, tr. 31-32

Nhìn lại Douala lần cuối

TRẦN DIỆU HẰNG

*** Tặng bạn văn Lê Thị Huệ**

Trước khi nhận việc làm ở Douala, tôi đã viết kín năm trang giấy những giòng sau đây: "Nỗi cô đơn là điều không thể tránh được. Hãy sống với nó, nhận chịu tất cả một cách êm ái."

Hải viết thư hỏa tốc từ Mỹ qua để ngăn cản cái quyết định mà nó cho là điên rồ ấy. Tôi không trả lời bạn cho đến khi ở yên trong căn chung cư nằm trên lầu ba của một tòa cao ốc trong thành phố Douala quốc gia Cameroun; tìm thấy nó, cái miền đất ranh giới chỉ rộng non nửa triệu cây số vuông đó bằng cách rà ngón tay trên bản đồ châu Phi, dọc theo bờ biển Đại Tây Dương, gần nơi in hàng chữ Gulf of Guinea. Douala là một chấm đỏ nhỏ xíu, như Saigon cũng là một chấm đỏ nhỏ xíu giờ đã mất tăm trên những tấm bản đồ mới tinh của thế giới.

Hải là người bạn gái từ thuở nhỏ và cũng là người thân duy nhất ở ngoại quốc mà tôi còn giữ liên lạc sau khi trốn khỏi nước. Ở trại tạm trú bên Phi Luật Tân cũng như khi đi qua đến nước Pháp, tôi viết thư kể cho nó nghe rất nhiều điều, về những năm sống buồn bã và nhục nhằn ở quê nhà, về những giấc mộng rách nát, về trăm nỗi nguy khốn trên đường vượt biên, nhưng tôi đã không kể nổi một lời nào về mối tình kéo dài gần nửa năm với Thắng. Thật ra thì mối tình đã chấm dứt ngay khi nó bắt đầu, nhưng tôi tô hoa vẽ bướm, cố vật lộn với mình để giữ nó lại, như giữ một manh áo không người mặc, một mộ phần không xác chết cũng chẳng có quan tài. Rốt cuộc, tôi nhận lời đi Cameroun năm năm, có lẽ để kiếm tiền, thật nhiều tiền, nhưng cũng là để tự trừng phạt cái phần khác ở trong tôi, cái phần dễ thương, lãng mạn, ngây thơ, ngu xuẩn, và bất trị. Đôi khi tôi thật giống con người Cộng sản ở sự hoang tưởng; điều khác biệt là tôi biết và dám nhận sự hoang tưởng của mình, người Cộng sản không những không nhận nổi sự thực, họ bắt người khác phải nhận nổi hoang tưởng của họ là sự thực.

Đi Douala, là một quyết định tự dìm tôi trong nỗi cô đơn ghê gớm hơn nỗi cô đơn trước đó với hy vọng trở thành miễn nhiễm. Nếu tôi có thể sống ở một nơi không người đồng hương, đừng nói đến gia đình và bè bạn, tôi sẽ trở thành một tảng đá biết đi, hoặc sẽ chết lặng lẽ mất tăm tích. Nhiều người Việt trốn khỏi nước cũng đã rời khỏi mặt đất này trong cách thế như thế. Một tảng đá ngầm làm vỡ tung con thuyền nhỏ, một lũ hải tặc điên cuồng đầy thú tính, một cơn bão tình cờ của thiên nhiên, hay một nỗi im lặng nghẹt thở của sự cô đơn đều giống nhau, đều có thể lấy đi sự có mặt của một người nào đó trên trái đất. Phút trước và phút sau, vụt một cái, X. không còn nữa, không hiện hữu, như thể chưa hề có X. Như thể chưa hề có tôi.

Đi Douala là đi vào vực thẳm của nỗi cô đơn để tránh nỗi đau đớn của sự còn chịu đựng được nỗi cô đơn. Đi Douala là lao thẳng vào trung tâm của một cơn bão.

Tới thành phố này trong một tâm trạng như thế, tôi không biết nên buồn hay vui khi tình cờ gặp gia đình ông Tốn. Cựu lục sự tòa án, công chức từ thời Pháp thuộc, đã vào dân Tây, ông Tốn cùng vợ đã chọn Douala để sống những ngày cuối của cuộc đời họ. Ba người con trai đều lấy vợ đầm, ông bà Tốn không thể sống chung với bất cứ người nào. Một người Pháp, vốn là bạn cùng nhiệm sở cũ này có cổ phần lớn trong một công ty sản xuất đồ hộp đặt trụ sở tại đây đã nhường lại với một giá gần như tặng không cho vợ chồng ông Tốn căn chung cư nhỏ nằm ven bờ sông Sanaga. Với số tiền hưu trí khiêm nhường, ông bà Tốn cảm thấy đời sống ở Paris quá đỗi mắc mỏ. Vả lại, sự thăm viếng cầm chừng thảng hoặc của những người con không đem lại cho hai vợ chồng già cái

cảm giác còn được cần thiết và yêu mến cho bằng chính họ, nhờ mãnh lực của đồng franc ở miền thuộc địa, đôi khi đem một lô quà cáp trở về thăm đám con cháu vô tình.

Tôi tự nhủ rằng vợ chồng bác Tốn đã ở ngoài sân khấu cuộc đời, họ chỉ có thể cho tôi cái cơ hội đôi khi còn được nói tiếng mẹ; ngoài ra, họ quá già nua để tham dự vào bất cứ niềm vui nỗi buồn nào, của tôi. Tôi vẫn còn nguyên tôi trong nỗi cô đơn gần như tuyệt đối. Ngoại trừ sự có mặt của Sybil.

*
* *

Khi tôi ra khỏi phòng tắm, Sybil đã chờ ở đó tự lúc nào, trên chiếc ghế bành mầu huyết dụ đặt đối diện cửa sổ. Nàng cầm trên tay cuốn sách bìa mầu tím xẫm nhưng mắt lơ đãng ngó ra ngoài khung cửa. Không quay lại nhìn tôi, Sybil cất tiếng đọc chậm rãi, giọng nhỏ vừa đủ nghe, "hồi đó tôi còn trẻ, những gì tôi đòi hỏi phải toàn bích. Nhưng rồi tôi lại tự nhủ, cũng không hẳn là như vậy. Dù thế nào thì kết quả đưa đến cũng giống nhau: đối với tôi, những người đàn ông chỉ dễ mến trong một thời gian ngắn." (*)

Tôi ngồi xuống mặt giường, gỡ tấm khăn lông trùm đầu ra, chà xát mái tóc ướt. Sybil không nói gì và tôi cũng không hỏi nàng đến tự bao giờ. Sự có mặt bất chợt của bạn đã trở thành quen thuộc. Mặt vẫn hướng về phía cửa sổ, Sybil đọc tiếp, "Có vài lần, tôi tham dự những bữa tiệc Ariadne tổ chức khoản đãi đám bạn trai của cô ta, cố gắng tự thúc đẩy mình, giống như thi hành một biện pháp kỷ luật, để có thể cảm thấy thích thú hấp dẫn về sinh lý đối với bọn đàn ông. Tôi có thể làm được chuyện đó bằng cách cố gắng bịt kín lại tất cả những khả năng phán đoán phê bình bên trong tôi, ngoại trừ những giác quan dùng để nhận ra một giọng đàn ông ấm áp và một bộ vó bên ngoài dễ thương. Trời. Những cơn say sau đó thật là dễ sợ." (*)

Tôi thở dài, gieo người xuống mặt nệm.

"Bạn còn biết uống rượu và còn có thể say. Tôi không làm nổi chuyện đó. Tôi chỉ có thể đắm mình trong nỗi đau đớn tự hành phạt."

Sybil quay lại nhìn tôi, đôi mắt xanh biếc đầy vẻ thông minh của nàng thoáng vẻ ái ngại, "Tại sao?"

"Vì tôi không đóng trò, cũng không sống thật. Tôi không thật sự yêu được họ, nhưng cũng không thể không cần họ. Tôi là một đạo diễn kiêm diễn viên cực dở, luôn luôn bị kẹt trong chính vai trò và vở kịch của mình."

"Bạn muốn nói bạn không giống tôi chút nào?"

"Tôi rất giống và rất khác bạn. Như bạn, tôi cũng cần phải bịt kín tất cả những giác quan phán đoán và phê bình lại để có thể thích những người đàn ông. Như bạn, cũng không phải là tôi không quan tâm đến những thỏa mãn về thể xác. Nhưng ở bạn là sự không thích sự thích thú, tệ hơn nữa là sự chán chường, nó có sẵn trong bạn tự bao giờ. Ngược lại, ở tôi, sự chán chường là điều tôi phải nhận vì tôi không thể tìm thấy điều tôi muốn tìm. Nó là hậu quả, không phải là nguyên nhân. Ồ, mà dù khởi đi từ chỗ nào thì chúng ta cũng gặp nhau ở điểm hiện tại."

"Có lần, trong một cơn cúm nhiệt đới, tôi cũng đã nghĩ tới chuyện sẽ lấy chồng lần nữa, có thể, nếu tôi gặp được người vừa ý. Nhưng rồi ngay tại ý nghĩ "người đàn ông hợp ý" ấy, tôi cảm thấy một cảm giác tuyệt vọng ngoài sức chịu đựng khiến tôi run lên bần bật. Có phải đó cũng là cảm giác của bạn bây giờ?"

"Đúng. Cảm giác của tôi và bạn giống nhau, nhưng hành động thì khác. Bạn tỉnh táo và bạn làm được sự chọn lựa. Tôi tỉnh táo nhưng tôi không làm nổi sự chọn lựa. Tôi cố tự thuyết phục mình chấp nhận những gì không đúng ý, để ra khỏi mặc cảm cho rằng tôi là một kẻ chỉ đòi hỏi những điều toàn bích. Và rồi ngay cả sự việc có vẻ đã là một chọn lựa đó cũng không trọn vẹn là một sự chọn lựa nữa. Cứ thế, mọi sự hỏng bét cả."

Sybil cười, "Cũng như tôi đã cố gắng phi thường trong hai năm với ba cuộc tình để thoát ra khỏi mặc cảm tội lỗi vô phái tính. Bạn còn nhớ chứ, tôi đã từng tự nhắc nhở bao nhiêu lần rằng chàng thi sĩ xoàng xoàng hạng ba kiêm quản lý điều hành nhà máy sản xuất nước Đam Mê đóng hộp là một người cũng tài hoa lắm lắm."

"Ừ. Hắn giận điên người vì bạn bảo thơ hắn thiếu tôi luyện."

"Sau lần đó thì tôi cứ phải khen thơ hắn hoài. Sống trong sự giả dối quá lâu tôi đâm mất tự tin ở sự phán đoán của mình. Cũng may là tôi còn một lần được dịp nói thật."

"Đó, Sybil, bạn may mắn hơn tôi hoặc là vững vàng hơn tôi, bạn làm được điều bạn muốn vào đúng lúc. Thảm hại hơn bạn, tôi bị chôn sống trong sự tự thuyết phục mình, tôi để hành động của kẻ khác dứt điểm sự tuyệt vọng. Tôi không có can đảm xác định, tôi cố chờ sự nghĩ tưởng trở thành sự thật, rốt cuộc, tôi trở thành bại trận với chính tôi!

Sybil bước ra khỏi ghế bành, đến gần bên giường.

"Bởi vì bạn quá cần một điều gì đó. Bạn quá nồng nhiệt với đời sống. Bạn vừa là một kẻ cực kỳ bướng đầu vừa là một đứa trẻ con vô cùng yếu đuối."

Tôi khẩn khoản nắm tay Sybil.

"Hãy cho tôi một chút quái thú trí thức của bạn. Hoặc là cho tôi sự ngu xuẩn tầm thường của Desirée. Hoặc là tặng cho tôi sự chán chường băng giá của bạn. Để tôi có thể kết thúc chuyến đi."

"Trễ rồi. Chúng ta đi song

Bánh thánh tình yêu

TRẦN MỘNG TÚ

Chàng có
một trái tim
hạnh phúc,
Chàng bẻ
cho tôi
một mảnh.

Tôi ngậm
mảnh tim chàng
trên môi,
như tín đồ
ngậm
bánh thánh.

Bánh thánh
cho tín đồ
niềm tin,
sự hứa hẹn
thiên-đường.

Mảnh tim chàng
cho tôi
tình yêu,
kèm với
một vết thương
không có
lời hứa hẹn.

Tôi ngậm
mảnh tim chàng
đến
gõ cửa thiên đường
tìm vào
xin
chữa trị.

Cửa mở,
chàng đứng
sau lưng Chúa
mỉm cười,
ngửa bàn tay
cho tôi
nhả vết thương.

Chàng đặt
vào
môi tôi
một trái tim nguyên
và
một bông hường.

Tôi
bình phục,
tìm lối
về
trần thế.

New York tháng Mười Một, 90

song một đoạn đường nhưng tâm tưởng bạn lỡ hướng về một chốn khác. Trừ khi bạn bỏ hết, để làm lại từ đầu."

Bàn tay tôi tuột khỏi tay Sybil.

"Tôi không thể. Dường như tôi không thể làm nổi điều đó. Tôi khởi đi từ phương Đông. Đường quá xa làm sao không có trạm nghỉ? Tôi cần một trạm nghỉ. Tôi cần một Quê Nhà."

"Bạn nói gì? Tôi không hiểu."

"Tôi cảm thấy mệt. Nhức đầu nữa. Thôi bạn về đi, mai tới tôi chơi."

Sybil mỉm cười. Tôi nhắm mắt lại. Có tiếng xoay nắm cửa rất khẽ và rồi tất cả chìm vào sự yên lặng. Tôi biết nàng đã rời khỏi. Hoàng hôn tắt hẳn bên ngoài khung cửa sổ. Những ngọn đèn đường bật lên thắp sáng thành phố Douala. Biển Đại tây dương tím xẫm ngoài kia, sông Sanaga ngày mai vẫn chói chang nắng và tôi nằm yên trong bóng tối đang dần lan khắp căn phòng.

*
* *

Vợ chồng bác Tốn khẩn khoản nhờ tôi đưa ra phi trường đón Định. Ông Tốn nói, "Nó là con ông anh ruột của tôi, thằng cháu hồi nhỏ tôi thương nhất nhà. Dễ đã mười mấy năm không gặp. Trong thư nó nói vừa trải qua một cuộc ly dị, muốn sống thật yên lặng trong một thời gian. Nghe nói ở Mỹ bây giờ các cặp vợ chồng bỏ nhau như cơm bữa. Thật lạ lùng. Thời của chúng tôi chẳng mấy khi có chuyện ấy."

Đột nhiên, tôi có ngay cảm giác bị đe dọa. Tôi tới Douala là để trốn. Xa. Biệt khỏi những mối quan hệ với người đồng hương. Nhất là với những người đàn ông. Tôi sợ hãi và khinh bỉ họ. Khi tôi nói với Sybil điều này, nàng nhìn tôi với đôi mắt hóm hỉnh chế diễu. Ai bảo bạn đặt họ quá cao. Hoặc quá thấp. Ở cực nào cũng vẫn là một hình thức của sự quan tâm. Chán chường chính sự quan tâm đó thì bạn sẽ đi ra khỏi nó." Tôi cáu kỉnh trả lời nàng, "Bạn có biết tôi phải chiến đấu với cái gì không? Với cả một truyền thống xã hội lâu đời. Tôi sợ hãi vì họ là kẻ được ban phát thế thượng phong từ khi lọt lòng. Tôi khinh bỉ vì họ dùng ưu thế ấy để cố tình đàn áp chúng tôi. Nhưng tôi cũng lại thương xót cho họ, những kẻ nhẩy múa trên xác chết của tâm hồn mình, giống như những tên mọi ăn thịt đồng bạn xong rồi hành diện ca hát. Mà cũng không hẳn thế. Có khi hành động hung hãn ấy chỉ cốt để che đậy một bản chất thật sự yếu hèn. Hoặc là những bộ óc lười hoạt động thì không trăn trở để suy nghĩ về những điều họ đã được dậy dỗ từ khi ấu thơ." Sybil bảo, "Nếu bạn phải thật sự chiến đấu với chừng ấy thứ thì thái độ của tôi vẫn tốt hơn cả." Tôi làu bàu, "Sybil, ở miền thuộc địa hiếm đàn bà da trắng này, bạn có một lô đàn ông để lựa chọn, cho nên bạn muốn cố gắng tới gần họ cũng được, bạn muốn thản nhiên với họ cũng xong. Thái độ nào của bạn cũng hợp lý. Còn tôi. Tôi không có một lựa chọn nào ngoài sự trốn chạy và trừng phạt chính mình. Tôi là một kẻ lưu đầy hoàn toàn bị

tước đoạt vũ khí."

Tôi khất với ông bà Tốn hôm sau sẽ trả lời, viện cớ phải xem lại thời khóa biểu ngày hôm đó. Buổi tối, tình cờ gặp Sybil ở quán Yaounde, trong lúc nói chuyện tầm phào, tôi kể cho nàng nghe chuyện ông bà Tốn nhờ và nói sẽ từ chối. Sybil nheo nheo cặp mắt. Lại cái ánh nhìn hóm hỉnh chế diễu ấy.

Hôm sau, tôi nói với hai người bạn già, "Vâng, cháu có thể đưa hai bác ra phi trường."

*
* *

Chúng tôi đi săn nai trong cánh rừng chạy dọc ven bờ sông Sanaga. Thật ra chỉ có Alain là thợ săn thật sự. Tôi và Sybil đeo khẩu súng săn trên vai làm cảnh. Tôi biết bắn, nhưng chỉ mới thực tập vào bia, chưa hề nhắm vào một vật chuyển động bao giờ.

Alain làm chung với tôi ở sở sản xuất đồ hộp. Có thể Alain thích tôi vì nơi đây hiếm đàn bà da trắng. Mấy bà thư ký già da thịt chảy nhão nhoẹt hẳn không thể là đối tượng của chàng. Sybil thì đến và đi đột xuất, lơ đãng. Nàng không nói tiếng Pháp và Alain không biết tiếng Anh. Vả lại, vẻ đẹp trí thức nhưng thản nhiên đến độ lạnh lùng của Sybil không hợp với Alain. Chàng thuộc loại đàn ông thích biểu dương sức mạnh về cả hai phương diện, tinh thần lẫn thể chất. Thân hình nhỏ con nhưng không gầy gò của tôi có lẽ đã cho Alain cái cảm giác chàng là người hùng. Về tinh thần, Alain còn cảm thấy chàng vĩ đại hơn nữa, chàng có bổn phận phải che chở cho một cánh hoa đào trước gió. Ôi, một cánh hoa phiêu bạt không gia đình không người thân và không quê hương.

Duy có một điều Alain không hiểu, rằng nhìn sâu vào tận đáy mắt chàng, tôi vẫn không nhìn thấy tôi, và cũng không hề nhìn thấy chàng. Alain có một chiếc miệng tươi đẹp, có lẽ khi hôn sẽ rất thích thú. Dù vậy, tôi chưa để Alain hôn bao giờ. Kể ra chàng cũng khá kiên nhẫn. Alain đã đợi mấy năm ròng để có được một cơ hội riêng tư với tôi. Rốt cuộc, vụ đi rừng hôm nay tôi cũng xách theo Sybil cho bằng được, mặc dù đi chơi bộ ba như thế thật quái đản làm sao.

Tôi tự hỏi tôi đang làm gì đời mình? Đầy ải tinh thần tôi bằng cách sống ở một miền đất hoàn toàn xa lạ. Đầy ải thân xác tôi bằng cách từ chối mọi nhu cầu sinh lý bình thường. Tôi chứng minh được điều gì? Rằng tôi là một người nữ cần được tôn trọng? Rằng tôi vẫn chờ đợi chàng, người đàn ông hợp lý? Rằng tôi vẫn tin có tình yêu? Tôi dự định sau vụ đi săn nai ngày hôm nay, sẽ bàn luận với Sybil về tình yêu ở phương Đông. Tôi sẽ bắt cái vầng trán thông minh trí tuệ ấy cau lại trong sự suy nghĩ và đôi môi xinh đẹp luôn thoát ra những lời đối thoại thản nhiên nhẹ nhàng vững chắc của nàng phải ngập ngừng khó khăn trong cách trả lời.

Chúng tôi hạ trại, căng lều vào buổi trưa. Trong lúc tôi loay hoay sửa soạn bữa ăn cho ba người, Sybil lặng lẽ đi biến. Tôi biết được điều đó khi vòng tay của Alain từ phía sau lưng tôi ôm choàng tới. Chưa kịp phản ứng, tôi bị đẩy dựa lưng vào một gốc cây, bàn tay mạnh mẽ của Alain ôm trọn cằm tôi, đôi môi của chàng chụp xuống, mải miết. Bàn tay Alain rời cằm, ve vuốt xuống cần cổ, xuống ngực, bụng, rồi khoảng giữa hai đùi tôi. Sự mê đắm của Alain đầy vẻ thô bạo và chiếm đoạt.

Linh hồn tôi thoát lên những tàng lá rừng gào khóc âm thầm. Terésa và người tình một lần bất đắc dĩ, sự "không thể chịu đựng được" của Kundera, lưỡi dao giải phẫu vô hình của Tomas. Từ sâu thẳm linh hồn tôi vang lên câu hỏi như tiếng búa nện đinh. Tôi đang chọn sự tò mò của Tomas? Tôi không có quyền tò mò như vậy? Tôi có quyền vì không còn gì ngoài sự tò mò? Tôi tự sát đi để nhập vào Alain? Tôi cần một người chồng. Một người nữ cần một người nam? Một cách vùi chôn quá khứ? Từ biệt Đông lên đường về Tây? Tất cả ở lại trong quá khứ? Tất cả cũng đã bị vùi chôn trong quá khứ? Tương lai là Alain? Tương lai cất tiếng cười gượng gạo với hiện tại và trố mắt ngơ ngác nhìn quá khứ? Tương lai đơn giản, dễ thở, dung dị, vui đùa? Tôi cố gắng đẩy Alain ra, nói trong tiếng thở gấp, "Sybil quay lại kìa."

Dĩ nhiên là chàng phải thôi. Alain vác khẩu súng trường lên vai đi sâu vào rừng. Sybil bước tới với nụ cười cố hữu. Tôi không muốn nói chuyện với Sybil trong lúc này. Tôi cảm thấy cực kỳ cô đơn. Đứng nguyên ở vị trí cũ dựa lưng vào gốc cây tôi ngước mắt nhìn lên. Những tia mặt trời nóng rẫy bị thu nhỏ lại, hiền hòa qua kẽ lá. Sybil đứng ngay phía sau, nhưng tôi không quay lại. Tôi cất tiếng với niềm say sưa của một người điên: Thiếp như hoa đã lìa cành. Chàng như con bướm lượn vành mà chơi. Chúa xuân rằng đã có nơi. Ngắn ngày thôi chớ dài lời làm chi. . . Ới hoa ơi đẹp này ới hoa xinh. Ới tình là con bướm lượn. Ới tình là con cá lội í a. Ơ cái duyên có ai ru hời. Bướm lượn rồi bướm ới à nó bay. Cá lượn rồi cá ơi à cắn câu. . .

Một đoạn Kiều lẩy, một khúc dân ca hát lạc lõng giữa cánh rừng Phi Châu. Douala. Cameroun. Ai đưa tôi đến chốn này?

Tôi nói với Sybil rằng tôi mới nhận được thư Hải. Cô ấy bảo thời hạn ký hợp đồng với hãng sản xuất đồ hộp sắp chấm dứt, tôi nên nhân cơ hội này qua Mỹ chơi. Hải sẽ kiếm cho tôi một người chồng, trên giấy tờ hay thật sự trong cuộc đời luôn càng tốt. Tôi sẽ được ở lại Mỹ, ở gần Hải, ở một vùng nhiều người đồng hương. Hải sẽ dẫn tôi đi ăn bún bò Huế, bánh

cuốn Thanh Trì, phở Tầu Bay, chả cá Thăng Long. Ngày Tết chúng tôi có thể chơi bài tam cúc, chơi bầu cua cá cọp. Mọi điều có thể tạo dựng lại gần giống như những gì chúng tôi từng có hai mươi năm về trước.

"Chắc cô ấy yêu đời sống gia đình lắm," Sybil nói.

"Đúng thế. Hải yêu chồng. Sợ chồng nữa là đằng khác."

"Vậy làm sao cô ấy có thời giờ cho bạn?"

Tôi ngẩn mặt suy nghĩ.

"Có thể. Có thể cô ấy vẫn có chứ."

Giọng Sybil đầy vẻ đùa cợt. "Dường như bạn có vẻ thích đời sống yêu và sợ một ông chồng như bạn của bạn."

Tôi lúng túng.

"Tôi ấy à. Tôi. . .không có cái may mắn đó. Vả lại, tôi đâu có yêu ai."

Sybil hỏi tới, "Yêu là sao? Thế nào là yêu?"

"Tôi không biết, chưa biết."

"Không thể có tình yêu khi không có một quan hệ tương xứng giữa đôi bên. Hãy nhìn chung quanh bạn, trên những tờ báo, ở mọi mục quảng cáo, người đàn bà vẫn còn bị nhìn như một đồ vật xử dụng cho một mục đích nhục cảm. Nếu họ có được tôn xưng một cách tạm thời và giả tạo, là vì sau đó, họ bị biến thành những con thú nuôi xinh đẹp giúp vui cho chủ nhà. Điều làm tôi ghê sợ hơn nữa là có những người đàn bà tự nguyện đặt mình dưới cái nhìn ấy. Đó là nguyên do nỗi chán chường của tôi, có lẽ."

Món đồ xử dụng cho mục đích nhục cảm. Sự tàn bạo. Những khuôn mặt dữ dằn. Sóng biển. Trời nắng. Con thuyền rập rình. Những tiếng cười khả ố. Nhưng tên đàn ông cực kỳ ngu đần kiêu hãnh cướp đi nhân quyền của tôi? Không phải. Của ai đó. Những mối tình giả dối, tạm bợ. Những lời tán tụng như một vở tuồng trên sân khấu cải lương. Gì nữa? Quả thật không hề có tình yêu trên trái đất. Vậy sao? Còn những bản viết? Hàng triệu bản viết viết về điều gì?

Tôi nghiến răng, bặm môi hỏi lại Sybil,

"Rồi bạn đối phó cách nào?"

"Sự kiêu hãnh. Trí tuệ. Một trí tuệ nói với một trí tuệ. Một sâu thẳm tâm hồn gọi một sâu thẳm tâm hồn khác."

"Vậy sao bạn chán chường?"

"Tạm thời dùng nó cũng được."

"Sybil, ở phương Đông, người ta tin rằng người đàn bà bao la như biển. Biển mẹ. Mẹ chịu đựng hết mọi phũ phàng. Thứ tha hết mọi lầm lẫn. Mẹ âm thầm, chịu đựng, hy sinh. Mẹ câm nín không lời đòi hỏi. Phải chăng như thế sẽ thắng được những người đàn ông hung bạo?"

Sybil cười khẽ,

"Ồ, bạn nhỏ. Tội nghiệp bạn. Những triết gia phương Đông thật là thâm trầm. Người ta nhốt các bạn vào trong những căn phòng kín rèm che trướng rủ, coi bên ngoài thật là diễm lệ nhưng bên trong tịch mịch không khác chi một nhà tù. Các bạn được dán nhãn hiệu và được phong thánh. Nhà tù ấy thật bảo đảm sự chắc chắn nếu những bà thánh thật sự kém thông minh."

Tôi ôm đầu, nằm lăn xuống giường,

"Sybil. Tôi không muốn sự chán chường của bạn. Tôi cũng không muốn được phong thánh. Tôi muốn được đầu hàng trước tình yêu, không phải trước những giáo điều. Tôi không chịu được sự hung bạo và ý muốn thống trị. Tôi vẫn tin. Tôi muốn tin ở tình bạn, ở sự cảm thông. Phải có một nơi còn sót lại điều đó."

Giọng của Sybil nhuốm vẻ thương hại.

"Những nỗi nhục nhằn bạn đã gặp trên đường đi, những vết thương trí mạng bạn đã phải gánh chịu trong quá khứ chưa đủ để bạn rời bỏ sự tìm kiếm đó sao? Bạn từng khẩn khoản yêu cầu tôi cho bạn sự khinh bạc, nỗi chán chường, con quái thú trí thức. Bạn thân mến ơi, bạn không thể thong dong bước vào cuộc chơi của tôi trong khi bạn vẫn cố nuôi hy vọng xây đắp một thế giới khác."

Yên lặng. Dường như nàng rời khỏi phòng.

Tôi nghĩ đến Hải. Khuôn mặt Hải bình thường, phẳng lặng, không một nét duyên dáng, không một niềm ước mơ. Một mặt nước hồ không xao động. Tại sao tôi không là Hải? Vứt bỏ bản năng phản động, tôi sẽ sống được như Hải. Như nhiều người đàn bà bình thường trên trái đất. Đầu hàng giấc mơ không tới của tôi. Quay lưng không nhìn nụ cười trí tuệ của Sybil. Tôi sẽ chăm chỉ đẻ con, làm tình, nấu cơm, lau nhà, rửa chén, vâng dạ, mua nhẫn hột xoàn. Và không nghĩ gì cả. Mệt.

*
* *

Tôi trốn Sybil trong nhiều ngày. Nghe tiếng gõ nhẹ nhàng quen thuộc trên cánh cửa phòng, tôi biết nàng tới nhưng vờ ngủ mê, không trả lời, không mở cửa.

Tôi biết Sybil rất giận tôi. Tôi biết nàng biết tôi đi chơi với Định. Sybil không hiểu. Tôi cũng chưa chắc tôi đã hiểu tất cả những nguyên nhân đưa tôi đến quyết định ấy.

Ồ, nói theo Sybil, Định là một người đàn ông có giọng nói ấm áp và một bộ vó bên ngoài khá dễ thương. Rồi tôi có bịt kín mọi khả năng phán đoán và phê bình lại để có thể thích chàng chăng? Không cần. Miễn. Thay vào đó là lòng nhân từ của người mẹ phương Đông. Chàng là một con thú đang bị thương. Phần tôi, có lẽ vết thương đã liền sẹo. Vậy tôi có bổn phận làm người y tá?

Cũng không hẳn chỉ có thế. Như một tia chớp, trước khi tôi kịp nhận ra nó, tôi đã đầu hàng trước nỗi khát khao được nghe tiếng người đồng hương, nhất là một giọng nam khá trầm ấm,

tuy đôi khi thoáng vẻ luống cuống, bộp chộp, lúc khác lại đầy vẻ đam mê tới độ hung hăng. Hậu quả của năm năm sống hãm mình!

Cuộc nói chuyện gay cấn sau cùng với Sybil đã đẩy tôi tới một quyết định mới mẻ: sang bên kia chiến tuyến. Tôi muốn cố gắng là Hải. Tôi muốn thử tước bỏ bản năng phản động của mình. Tôi muốn dừng lại ở một trạm nghỉ, như một kẻ sau đoạn đường mệt mỏi quá dài, vội vàng chôn dấu hết những hành trang vô dụng của mình, để thảnh thơi bắt đầu một con đường khác.

Định nói, "Sau một lần ly dị, tôi hiểu rõ hơn bao giờ hết, rằng để có hạnh phúc, người đàn bà phải được tôn trọng. Không có sự chinh phục, mà chỉ có sự cảm hóa. Khi tôi yêu em, tôi biến mất. Không còn tôi là tôi Nguyễn Định, mà chỉ còn tôi-người-yêu-em trong em. Tôi sẽ không yêu em vì tôi nhưng sẽ yêu em vì em. Dường như em có tất cả những điều tôi hằng tìm kiếm. Dường như em là năm người đàn bà khác nhau hợp lại. Ồ. Nếu không gặp em, vết thương của tôi sẽ không bao giờ lành. Bây giờ tôi có thể làm lại tất cả. Tôi là một người mới tinh khôi. Tôi phải cám ơn em. Cám ơn vị bác sĩ tâm lý thần sầu."

Nụ cười mỉm của Sybil thấp thoáng. Trời. Sybil, nàng phải hiểu rằng đã năm năm rồi, nghe lại cái âm hưởng ngọt ngào của quê hương với một nội dung quá ư riêng tư như thế là một cú nặng nề mà tôi khó chống đỡ lắm chứ.

Dường như có chút lửa ấm nào đó trở về cõi lòng lạnh lẽo của tôi. Tôi điểm phấn tô son, mua một số quần áo mới. Định nói, "Một tháng nữa em theo tôi về Mỹ, tìm hiểu thế đủ rồi, tụi mình sẽ cưới nhau."

Đêm đó, Sybil đập cửa phòng tôi rầm rầm.

"Bạn mở cửa ra. Mở cửa cho tôi, mau lên."

Tôi nằm chết cứng trên giường, hét bằng một giọng run rẩy,

"Sybil, tôi muốn dừng lại. Tôi muốn là Hải. Hãy để tôi yên."

"Bạn đừng làm một hành động tương tự như tự sát."

"Tôi đã."

"Chưa. Dừng lại vẫn còn kịp."

Giọng Sybil trở nên dịu dàng, van lơn,

"Hãy trở về với tôi. Dù sao, chúng ta vẫn có thể yên thân trong nỗi cô đơn kiêu hãnh đó. Về với tôi. Chúng ta sẽ đi gặp Kundera, García Marquez và Spark. Chúng ta sẽ rủ thêm nhiều bạn nữa. Thế giới vui từ mỗi lẻ loi kia mà. Nghe tôi đi nào, bạn mến thân ơi."

Tôi bật khóc như một đứa trẻ.

"Sybil. Tôi cần một quê nhà. Các bạn không thể thay thế nơi chốn ấy. Các bạn làm sao hiểu được nước mắt trong lòng biển Đông."

Một phút im lặng. Hay một phút điếu tang? Rồi tiếng gõ cửa sau cùng cất lên yếu ớt, rã rời.

"Nơi ấy không phải chỗ trú thân cho bạn. Bạn không được hiểu, và bạn cũng không được phong thánh."

"Sybil, có khi tôi chỉ cần một người biết nghe khúc dân ca tôi đã hát trong cánh rừng bên giòng Sanaga."

Nàng tuyệt vọng bỏ đi.

Đêm lạnh chẩy nước mắt.

*

* *

Tôi đi dọc theo hành lang của tòa nhà chung cư với cảm giác sung sướng của một người mẹ phương Đông. Tôi sẽ được nói những lời dịu dàng, an ủi. Tôi sẽ trở thành biển mẹ. Chịu đựng hết những sự giận dữ của Định, tôi sẽ tìm thấy tôi mới. Chỉ khi nghĩ, thở và đau được nỗi đau của kẻ khác, tôi mới thật sự quên vết thương cũ của chính mình. Điều này có vẻ xa lạ với Sybil, tôi nghĩ vậy, nhưng ít nhất, nàng cũng không thể coi thường.

Định giận tôi đã hơn một tuần. Nguyên nhân gần thì thật tức cười: bó hoa của Alain do anh tớ trai của chàng đem tới và một vài câu nói vô tình mà Định cho rằng "chạm tự ái người đàn ông một cách nặng nề." Nguyên nhân xa thì phức tạp và mơ hồ. Dường như Định bực bội vì cái cảm giác chàng chưa phải là điều tôi thật sự kiếm tìm. Dường như Định rất không ưa Sybil dù chưa bao giờ gặp mặt. Có lần nhắc tới nàng, Định cười nhạt, "Bà ấy thông minh tài hoa cho đến nỗi vượt quá cả thiên chức làm vợ và làm mẹ." Tôi điếng người. Rõ ràng là Định ở bên này và Sybil ở bên kia của một giòng sông bao la. Tôi gần như chết đuối ở giữa. Tôi nhắm hướng bơi về phía Định. Tôi bảo tôi bơi về phía Định. Sybil khoanh tay đứng nhìn. Nàng có cái vẻ tự tin của một kẻ biết mình nắm chân lý. Nàng ruồng bỏ tôi hay tội nghiệp tôi?

Sau một tuần suy nghĩ, tôi quyết định liều mạng. Đã chọn một chiến tuyến đối nghịch với Sybil, tôi phải làm cách nào coi cho được. Tôi hăm hở khoác lên người tấm áo lông êm mượt của người đàn bà kiên nhẫn, của người bạn chân thành thiết tha. Tôi muốn tới để nói với Định rằng tôi không hề bao giờ có ý coi thường hoặc tội nghiệp chàng, vì tôi đã từng ở đó với Định, dưới tận cùng vực sâu của nỗi khổ đau và thất vọng, rằng chúng tôi hãy thương xót cho nỗi khốn cùng của cuộc đời nhau. Tôi muốn là bạn của Định. Tôi muốn chúng tôi đứng đối diện nhau trần truồng không vũ khí không áo giáp không vướng bận bất cứ sản phẩm tê tái nào của cuộc đời bất toàn, vì chưng sự toàn bích nằm ở trong ý hướng về nó, không ở trong sự thật. Sự toàn bích ở trong nỗi hoang tưởng, và ngược lại với con người Cộng sản hủy diệt kẻ khác để thực hiện ý muốn đổi nỗi hoang tưởng thành sự thật, chúng tôi

sẽ chỉ nhìn nhận nỗi hoang tưởng ấy và thương xót nhau biết bao vì đã gánh chịu nó trên suốt đoạn đường đã qua của cuộc đời mình.

Chừng đó ý nghĩ hãm hở diễn hành qua đầu tôi, nhưng đôi giầy cao gót của tôi vấp phải một khe hở của nền xi măng trên hành lang, chân trái tôi khuỵu xuống, và tiếng cười khẽ của Sybil cất lên.

"Bạn tin rằng bạn có thể đối thoại được với Định ư?"

Tôi dừng lại, cởi giầy, đi chân trần.

Đứng trước cửa căn chung cư của ông bà Tốn, tôi nghe thấy nhịp tim mình dập dồn, nhưng không ai nghe, biết sự có mặt của tôi.

Tiếng Định vẳng ra từ sau khung cửa sổ mở rộng, "Bác đừng nghĩ cháu cần một người an ủi, hay cần một người vợ. Cả hai điều đó cô ta đều không thể làm được. Người lúc nào cũng kiêu hãnh tự phong thì làm thế nào an ủi được ai. Còn làm vợ ư? Biết rõ quá khứ của cô ấy thì không thể chấp nhận được . . ."

Tiếng cười của Sybil òa vỡ như tiếng bể của trăm ngàn chiếc ly thủy tinh. Quê nhà. Trạm nghỉ. Khúc dân ca. Nỗi hoang tưởng. Ồ. Là vậy.

Bằng những bước chân trần, tôi chạy như bay ra khỏi hành lang, ra khỏi tòa chung cư, ra khỏi Douala Cameroun. Ra. Đi. Biệt.

*
* *

Tôi nằm bệnh nhiều ngày. Cơn cảm sốt nhiệt đới dìm tôi vào từng cơn mê hoảng. Sybil đến thăm. Nang mặc áo trắng, nét mặt buồn bã.

"Cuộc cãi lý giữa chúng ta đã xong rồi. Bạn ráng bình phục đi. Chúng ta sẽ đi thăm nhiều người bạn mới."

Tôi ngoảnh mặt vào tường, không trả lời.

"Tôi nhìn thấy giọt nước mắt của bạn. Chẳng lẽ bạn không thể sống khác sao?"

Tôi không thể nói gì với Sybil. Lòng tôi tràn ngập những yêu dấu, hổ thẹn, kính phục, tái tê và giận dữ với nàng. Nhưng không phải tôi cứng đầu, tự ái đến độ không thể nói một lời ân hận với Sybil. Chỉ là vì tôi không hạnh phúc. Trái tim thắt lại từng hồi muốn nghẹt vì nỗi đớn đau.

Tôi biết tôi cần đến một nơi khác, gặp một người khác. Không phải là Sybil.

*
* *

Chuyến bay đưa tôi trở lại thành phố cũ. Sương mù ẩm ướt những bậc thềm trên lối đi vào nhà Toàn. Tôi gõ. Cửa mở. Toàn nói, "Em đã về." Chúng tôi đứng sững một phút. Nhiều năm trôi qua nhưng trông chàng vẫn thế, vẫn nguyên dáng vẻ của một con gấu hiền từ.

"Em vào đi kẻo lạnh," Toàn bảo.

Chàng giang rộng hai cánh tay. Tôi rơi thẳng vào đó.

Không biết bao lâu sau, Toàn nhẹ nhàng dìu tôi ngồi trên chiếc ghế cũ kỹ bên lò sưởi. Chàng bắt đầu nhóm lửa, miệng se sẽ ngâm, "Đốt lò hương cũ se tơ phím này. . ." Tôi nói, "Em trở về làm vợ của anh." Chàng bảo, "Thưa cô nương, tôi rất vui lòng." Tôi nói tiếp, một mạch không ngừng, "Em muốn quét nhà, rửa chén, lau bếp, may vá quần áo rách cho anh. Buổi chiều, em sẽ nấu những bữa cơm ngon. Buổi tối, anh sẽ nằm trên đùi em và nghe em hát những bản tình ca. Chúng ta sẽ đọc sách, ngâm thơ, chơi đàn. Chúng ta sẽ làm tình với nhau bằng tất cả tâm hồn và thân xác và ý thức của những nền văn hóa. Chúng ta là vợ chồng, cha con, anh em, người tình và tri kỷ suốt đời của nhau. Nơi đây, không ai cần được giải phóng vì chúng ta đều bình đẳng an vui trong sự hồn nhiên của cỏ, và của tình yêu thực sự từ trái tim con người."

Toàn đến gần, trong yên lặng và với một nụ cười, chàng vuốt ve mái tóc tôi. Tình yêu và nỗi xót thương dường như tỏa ra từ mỗi ngón tay chàng. Nước mắt tôi chẩy thành giòng, ấm nóng như sự sống.

"Anh không có thật."

"Vì em không bao giờ tin anh có thật."

"Hãy dậy em biết yêu người đàn ông."

"Điều đó thật dễ dàng. Anh chỉ cần mở cánh cửa một căn nhà đã có sẵn."

"Làm thế nào để chúng ta được sống gần nhau? Không phải là một lục địa này, một đại dương kia, một thế giới khác."

Chàng nói, "Anh vẫn chờ em ở đây, bất cứ lúc nào."

*
* *

Rồi thì tôi cũng trở lại Douala một lần để chấm dứt hợp đồng làm việc và thu xếp hành trang. Sybil đã rời khỏi thành phố nhiều màu sắc chói chang ấy. Nàng để lại cuốn sách bìa mầu tím xẫm trên bàn viết của tôi, có lẽ như một quà tặng và cũng như một lời từ biệt.

Buổi tối cuối cùng ở Douala, tôi viết cho Sybil một lá thư ngắn.

. . . Sybil, chỉ có một cách duy nhất: xóa bỏ biên giới giữa đời sống và bản viết. . .

Tôi vừa viết thư cho Sybil vừa nhấm nháp ly nước Đam Mê chàng thi sĩ xoàng xoàng hạng ba đã tặng cho nàng và Sybil đã đem tới tặng lại tôi tháng trước. Để bảo đảm một giấc ngủ ngon không suy nghĩ, tôi dùng thuốc ngủ.

Một trang giấy. Một ngụm nước. Một viên thuốc.

Một trang giấy. Một ngụm nước. Một viên thuốc.

Bản viết bắt đầu.

TRẦN DIỆU HẰNG

06/90

Trích "Truyện ngắn của Muriel Spark"

Một chàng phong nhã

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

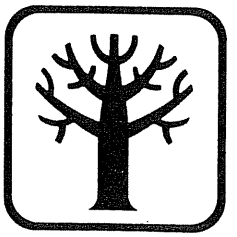

Một buổi sáng Chủ Nhật nhẹ nhàng thong thả tuy hơi trống rỗng một tí đang đến. Lê Công Kiểm ngắm nghía mình trong gương: ba mươi tám tuổi, tóc chưa hề có sợi nào bạc, mái tóc dợn quăn tự nhiên không cần uốn, chàng vuốt lại mớ tóc phủ trước trán mình và tới sát trước gương nắn lại chiếc cà-vạt đỏ. Áo sơ-mi trắng hãy còn bỏ ngoài quần cho thoải mái, chiếc quần màu xám nhạt may ở một tiệm lớn thủ đô, trông chàng lúc nào cũng tươm tất đúng điệu. Bọn dạy học cùng trường vừa ghen tị vừa hăm dọa thường đùa với chàng:

"Toa mà qua dạy trường nữ thì chỉ có nước mấy cô giáo với nữ sinh bên đó tha hồ đánh lộn!"

Sáng nay chàng hơi buồn, định thay đồ tìm một chỗ đi chơi nhưng chưa biết đi đâu. Tối hôm qua chàng nhận được thư của vợ, đúng hơn là thư của luật sư của vợ báo cho biết cuộc ly dị như vậy là đã kết thúc. Chàng thở dài, không biết là mình đang buồn rầu hay nhẹ nhõm, nhưng sao thì sao mọi việc cho nó xong đi. Ở trong vụ này chàng như người ốm, cứ phải ở mãi trong một căn phòng bệnh viện suốt ngày nghe tiếng dao kéo lách cách và ngửi mãi cái mùi thuốc hăng hắc cay nồng khó chịu, chàng chỉ muốn bước ra tìm một nơi nào thoáng mát dễ chịu hơn mà hít cho đầy một phổi không khí. Đó là lý do vì sao đang ở thủ đô, chàng một mình xin ra dạy học nơi đèo heo hút gió này. Nói cho công bình thì tỉnh lỵ này cũng chẳng phải là một nơi khỉ ho cò gáy gì cho cam, thành phố xinh xắn, dân cư thanh lịch, học trò là những cậu bé vừa lớn tóc mới dưỡng rẻ, không khí học hành thanh khiết và có vẻ mầu nhiệm thiêng liêng như một thứ tôn giáo. Những cảnh buôn chữ bán nghĩa bát nháo như ở các trường tư ở đô thị lớn chưa kịp lan tới đây, nên học đường hơi có vẻ hơi cổ kính gò bó như một thánh địa, rất trái ngược với cái không khí dạy dỗ cũ của chàng ở thủ đô. Kiểm chặc lưỡi, ngay từ đầu chàng biết mình sẽ chán nhưng mặc kệ, chàng cứ nổi hứng bất tử hoán chuyển với một thằng đồng nghiệp, cứ đi xa một chuyến rồi mới biết mình sẽ làm gì muốn gì.

Kể ra thì đời sống ở đây cũng không đến nỗi tệ, mỗi tuần chàng chỉ dạy đủ số giờ quy định dồn lại trong ba ngày liên tiếp, bốn ngày còn lại trong tuần vui thì chàng ở lại chơi, buồn thì chàng ra lấy vé xe về thủ đô la cà ở các trà đình tửu điếm, thỉnh thoảng một đôi khi ghé đến nhà thăm con. Hai đứa con, một trai một gái ở với vợ chàng, cũng ngoan và xinh như mẹ nó, tiền lương chàng vẫn đều đều chia đủ cho họ, mãi rồi cũng quen, ai có đời sống nấy, không ai can thiệp đến chuyện của ai. Những lần chàng đến thăm, người vợ cũ thường hay kiếm cớ lánh mặt, lúc đi chợ lúc sang nhà bà ngoại, nghe lũ con bảo thế nhưng chàng biết là cô ta đang đứng đâu đó trong bếp hay nằm im trong phòng ngủ. Có lẽ cô ta không muốn gặp mặt mình, cũng không sao!

Liên Hương cô bồ thân cũ, tuy không nói ra nhưng Kiểm biết cô vẫn chờ đợi và chấp nhận Kiểm nếu chàng ngỏ lời muốn xin cưới cô. Tuần nào Kiểm lười không về được thì trong tuần thế nào Kiểm cũng nhận được một lá thư cô gửi xuống trách móc và hờn dỗi mãi vì *"anh không chịu về chắc là đang theo con nào dưới đó"*. Lần nào trở về, gặp Liên Hương chàng cũng ráng an ủi bằng mấy câu diễu cợt"

"Có cái con. . . khỉ nào đâu! À, mà quên, Chủ Nhật tuần rồi anh bận chấm bài thi, ở lại, có hai ba. . . con đến thăm anh."

Liên Hương nhảy phóc xuống từ trên giường, đè lên mình chàng lúc bấy giờ đang ngồi dựa ngửa trên cái ghế bành, hỏi dồn dập"

"Con nào? Con nào thế? À, bây giờ anh mới chịu khai thật ra phải không?"

Kiểm đáp tỉnh queo:

"Ừ, thì hai ba con. Con. . . dán!"

Cũng tương tự như vậy, một lần chàng về trốn Liên Hương không đến, không ngờ Liên Hương thấy được chàng chở cô em họ đi chợ. Vậy mà nàng cũng ghen:

"Hôm thứ Sáu tuần trước, anh có về mà không ghé em. Lúc em đứng ở tiệm thuốc tây ngang hông chợ, em thấy anh chở một. . . bà. *Bà* nào vậy?"

Hôm đó, Kiểm có nhác thấy bóng Liên Hương nhưng ngại phiền cô em nên chàng đi luôn.

Nhưng đàn bà đối với nhau họ xấu thật, cô em họ chàng mới hơn hai mươi tuổi, tóc rẻ ngôi giữa bỏ xõa xuống, mắt tròn tươi cười trông như một thiếu nữ mười lăm, so với Liên Hương già dặn đứng đắn chỉ đáng là em út, vậy mà Liên Hương cố tình hạ giá đối thủ tưởng tượng của mình bằng cách gọi cô ta là "bà".

Kiểm vừa buồn cười vừa cáu kỉnh một chút nên tìm cách trêu Liên Hương:

"Có, anh có chở một *bà*. *Bà* thêm chữ *n* đó mà!"

Về sau khi hai người đã chia tay, kể lại những chuyện ghen tuông cãi cọ đó với bạn bè, Liên Hương thường khóc lóc:

"Ảnh duyên dáng đa tình như vậy đó, ai mà ghét ảnh cho được!"

Kiểm loay hoay với cái cà-vạt một lát rồi đâm nản. Nhìn ra ngoài, thấy nắng chói chang, chà, nắng này mà đi lang thang thì chỉ có mồ hôi mồ kê nhỏ giọt như. . . phu xích lô, thế thôi, mình ở nhà, nấu một cái gì ăn đỡ dạ rồi nằm đọc sách coi bộ thú hơn.

Kiểm dạy Sử và tốt nghiệp Sư phạm Sử nhưng thật ra sách gì chàng cũng đọc. Tủ sách một mớ chàng gửi lại ở nhà cha mẹ mình, một mớ chàng mang theo ra đây, vậy mà ở cái tỉnh lẻ này, chàng nổi tiếng là người có lắm sách. Tính chàng lại xuề xòa dễ dãi, người quen nào cần quyển nào chàng cũng vui vẻ cho mượn. Chàng quý sách, tốn tiền mua sách cũng nhiều như tiền may quần áo, quần áo thì trừ vài bộ đồ vía phải may, chàng cũng thường lựa thứ hàng mặc mát, giá tiền vừa phải để tiết kiệm bớt. Nhưng đối với sách thì chàng không hề tiếc, thích quyển nào, dù đắt mấy chàng cũng mua ngay. Có lẽ nhờ vậy mà *duyên văn nghệ* chàng với sách không đến nỗi tệ. Những lúc hết trò chơi, chàng đi lang thang ở mấy hàng sách cũ trải bán bên lề đường, chàng thường nhặt được mấy cuốn vừa mới, vừa thích ý lại được giá hời. Có lần chơi ở nhà mẹ, một chị ve chai đi cân giấy báo cũ về ghé ngang nhà, Kiểm tò mò lật đống giấy coi, lại vớ ngay được mấy tài liệu sử của Pháp thuộc loại quý giá. Lâu lâu như những người hay cho mượn sách, Kiểm cũng không tránh khỏi cái nạn mất sách—có những người quen mượn rồi vờ quên hay quên thật—đã không trả. Nhưng cũng không sao, bù lại, lâu lâu mấy đứa học trò biết chàng thích sách, không biết tìm kiếm được ở đâu vác đến cho chàng một đống. Về điểm này, ông trời cũng không đến nỗi bất công với chàng lắm!

Kiểm đứng lên ngần ngừ ngắm mình trong gương nửa muốn đi nửa muốn ở nhà, định thay đồ ra nằm khểnh chân đọc sách thì có tiếng gõ cửa. Chàng vội nhét cái áo sơ-mi rộng vào trong quần, tháo vội chiếc cà-vạt vắt lên thành ghế dựa rồi mang dép ra mở cửa.

Thắm đi với Út, hai cô con gái nhỏ của ông bà hàng xóm đối diện rối rít chào chàng ở ngưỡng cửa:

"Thưa thầy! Thưa thầy!"

Thắm, Hường, Út, ba đứa con gái của ông bà Trần Văn Trắc, hai đứa lớn học nữ Trung học, Út còn nhỏ học tiểu học, cả ba tuy không đứa nào học với chàng nhưng biết chàng đi dạy học, cả xóm ai cũng gọi là thầy. Những tuần phải về thủ đô, căn phòng nhỏ bỏ lại, Kiểm thường gửi chìa khóa cho bà Trắc, mẹ của ba đứa bé.

Ban đầu bà Trắc có vẻ bỡ ngỡ vì sự tin cậy quá đáng của chàng, ở tỉnh lẻ, không ai biết tông tích cuộc đời tình ái của mình ra sao nên có lẽ họ thường dành cho mình một sự kính nể quá đáng. Chàng phải đùa cho bà bớt ái ngại:

"Cháu gửi bác chiếc chìa khóa thế mà hay, lỡ khi cháu về đi chơi bị móc túi mất hết, thì về còn chiếc chìa khóa mà chui vào nhà chứ!"

Bà Trắc rưng rưng cảm động:

"Cậu đừng nói giỡn vậy, không nên đâu. Thôi đưa chìa khóa đây, khi nào rảnh tui biểu tụi trẻ qua mở cửa dọn dẹp giùm cho cậu."

Lúc đó thì Kiểm kinh hoàng quá, chàng muốn lấy lại chiếc chìa khóa nhưng không còn kịp nữa, chàng tìm cách chối:

"Bác đừng làm vậy, cháu không dám. . ."

Chàng nghĩ mình nên nói toạc ra còn hơn để bà già lấn tới:

"Với lại đồ đạc cháu, coi bề bộn lộn xộn vậy chứ có thứ tự riêng của cháu, dọn dẹp lại là cháu lại mất thứ tự, muốn tìm cái gì thì lại khó mà tìm ra."

Dù bà Trắc đã gật đầu xác nhận là chỉ giữ chìa khóa giùm cho Kiểm thôi, một lần sau đó chàng đã giật mình khi nghe Thắm hỏi:

"Thầy để hình ai trên tủ sách của thầy vậy? Hình của cô hả thầy?"

Kiểm bật cười:

"Đó là ảnh của một cô tài tử hoa hậu Phi-líp-pin đó, vợ tôi đâu có được đẹp như vậy!"

Chàng vẫn thích cái vẻ đẹp sắc sảo mà hơi man dại của các cô gái hải đảo, Thắm hơi hơi có những nét như thế, nước da ngăm đen, mắt to màu nâu với hàng lông mi rất rậm, đôi lông mày hơi thô tự nhiên không sửa sang cạo gọt, những hôm trời nắng, nước da hồng quân của con bé ửng lên thật xinh.

Thắm cười, hai cái răng cửa hơi chồm ra đằng trước một ít nhưng khép miệng lại thì vẫn duyên dáng, kín đáo:

"Thưa thầy, tụi em. . ."

Thắm ngập ngừng có vẻ khó nói, Kiểm phải khuyến khích:

"Có chuyện gì, cứ tự nhiên nói đi!"

Kiểm hơi cau mày nghĩ ngợi vì muốn giúp cô bé một tí:

"Hay ngày nghỉ, ở không muốn đọc tiểu thuyết hả? Muốn quyển nào, lại lấy đi!"

Thắm vẫn ngập ngừng nhìn Kiểm rồi nhìn Út cầu cứu. Út thì vẫn để mắt đăm đăm không rời cái chụp đèn bằng giấy có vẽ

hình hai cô Nhật. Kiểm hơi mỉm cười ngắm Thắm đang đỏ mặt lên và lúng túng.

"Thưa thầy. . . chắc thầy có coi báo và biết mấy hôm nay cái vụ. . . hành hương đang xảy ra tới tỉnh mình rồi. Hiện giờ không phải ở suối Ô Loan nữa mà ở ngay kế bên mình, suối Nước Đổ đó thầy!" Cái gì mà ở suối Ô Loan? Và cái gì mà ở suối Nước Đổ? Kể ra con bé cũng thông minh láu lỉnh, nó khôn ngoan không dám nói *Phật Bà* hiện ra ở đó vì nó biết chàng vốn là người không tôn giáo chẳng mấy khi chàng bước tới nhà thờ hay viếng chùa vì lý do đi lễ.

Sợ con bé ngượng chàng nói giúp:

"Em muốn đi. . ." Kiểm ngập ngừng, chàng cố nhớ lại con bé vừa dùng chữ gì đó mà chàng nghe qua rồi không nhớ.

Thắm lại đỏ mặt nhưng lần này nó có vẻ bình tĩnh cương quyết, làm như tới phiên nó, nó muốn giúp chàng:

"Đi. . . hành hương!"

Kiểm đính "à" lên một tiếng nhưng vẫn đứng im nghe con bé *thuyết pháp*. Giọng nó vừa cương quyết vừa bệu bạo nghe rất lạ, khác hẳn với những lần trước nó sang chơi mượn chàng quyển sách, vui vẻ cám ơn hay lớn tiếng tinh nghịch chào Kiểm mỗi khi tình cờ gặp chàng đâu đó ngoài phố. Kiểm lắng tai và tuy cả hai cùng đứng gần chỉ cách nhau có cái bàn mà Kiểm vừa nghe vừa hoang mang tự hỏi không biết cái bộ điệu vừa nũng nịu vừa cương quyết, cái giọng trong trẻo rõ ràng của cổ họng con gái mười bảy tuổi cùng ánh mắt to, say mê khao khát như hướng về kỳ vọng một chân trời nào đó của Thắm lúc này, chàng tự hỏi rồi tự trả lời: bộ điệu này chắc là giống với một nhân vật xi-nê nào đó trong một cuốn phim chàng coi đã lâu mà không còn nhớ:

"Đi hành hương," Thắm nhấn mạnh, "thầy coi, cả nước, cả tỉnh, bạn bè của em ai cũng được gần như đi gần hết. Cả má em và mấy bà bạn hàng xóm lần trước cũng đã đi ở đầm Ô Loan rồi, lần này ở suối Nước Đổ, họ còn tính đi thêm lần nữa. Vậy mà. . . thưa thầy. . . ba em nhất định chống đối việc này và không cho tụi em đi."

Thắm nói một cách quyết liệt như nói một lần rồi không còn gì để nói nữa:

"Ba nói hành hương cái con khỉ già, chỉ là trò mê tín dị đoan thôi, còn. . . con gái lớn như em mà đòi đi là. . . chỉ có đi. . . *ngựa trai* thôi."

Kiểm ngạc nhiên mà thấy nó nói toạc, nói thản nhiên và có vẻ khinh bỉ ra mặt như vậy.

Xong rồi, nó giương mắt long lanh nhìn chàng. Chàng trơ mặt ra không hiểu con bé muốn cái gì đây? Nó nhìn chàng bình tĩnh và thách thức:

"Ba nói: chỉ trừ khi có một điều kiện: Tao mà thấy thầy Kiểm đi hành hương là tao cho tụi bây đi liền!"

Hốt nhiên chàng vịn vào cái tay ghế lúc nãy có khoác cái cà-vạt, không phải Kiểm đứng không vững và muốn té, chàng cũng không hiểu tại sao mình lại làm vậy, Kiểm lại cầm chặt cái ghế hơn và một thoáng rất mau, chàng bình tĩnh lại. Thắm vẫn đứng trước mặt, bướng bỉnh năn nỉ, nó rủ chàng, chẳng còn ra cái thể thống thầy trò gì hết, nó nói ngang hàng như nói với một người bạn:

"Thầy chịu đi với tụi em không?"

*
* *

Kiểm không nghĩ là Thắm có tình ý riêng gì với mình, nó mê mình, không thể nào được, nó chỉ lớn hơn con trai lớn của mình có ba tuổi, mình xem nó như con, vậy mà chàng vẫn ngây ngây thích thú. Đáng lẽ Hường cũng đi nhưng tới phút cuối nó đau bụng hành kinh thình lình, bà Trắc không dám cho nó leo núi khi hành kinh. Vả lại đi hành hương là đến chốn thiêng liêng, đàn bà con gái trong *ngày ô-uế* đi ngang bàn thờ còn phải tránh, dám đâu xúc phạm thánh thần mà đến chốn linh thiêng! Hường khóc và nhìn Thắm ghen tị còn Thắm thì chỉ nói vắn tắt với Kiểm:

"Nó *kẹt* rồi thầy ơi, thôi mình đi!"

Con bé thật đáo để! Gần tới dốc núi phải leo lên nó bảo:

"Mình đi hành hương mà như đi chùa Hương thầy nhỉ?"

Kiểm đùa dai chút:

"Sao lại đi chùa Hương?"

Kiểm bẻ cây tuốt lá làm gậy đưa cho Thắm, nó vừa khòm lưng chống gậy vừa nói:

"Nếu thầy không chịu cho em đi chùa Hương thì em đi. . . Hội nghị Diên Hồng đây."

Chàng kinh hồn xúc động, cố dằn, đi chậm lại và kinh hoảng: Không khéo mình mê con bé này mất!

Từ đó Kiểm giữ vẻ mặt lầm lì ít nói và Thắm thì thở phì phò vì mệt nên cả hai đều im lặng đi.

Suối Một rồi Suối Hai, người đi chen nhau từng bước trời còn sớm nên kẻ đi lên thì nhiều mà người đi xuống thì chẳng thấy. Kiểm phân vân tự hỏi và cố truy nguyên cái tin đồn ác hại này ở đâu mà ra: từ một cái miệng nào mà sức mạnh của nó có thể lôi cuốn đến một đám đông ùn ùn hàng ngàn người như thế. Mờ sáng hôm nay, lúc Thắm sang gọi, chỉ mới hơn bốn giờ sáng vậy mà đường mòn, xa lộ. . . đều đầy nghẹt cả người. Xe cộ đủ loại: xe ca, xe buýt, xe đạp, xe lam chen chúc nhau nổ bánh lẫn lộn với người đi bộ. Cuộc hành hương như nước chảy xô mọi người về chung một cái đích. . .

Kiểm dạy Sử lại hay đọc đủ mọi loại sách nên những công trình nghiên cứu lẫn nghệ thuật của con người liên quan đến tôn giáo không phải là điều mới mẻ gì đối với chàng. Nhưng với sự kiện hàng hàng lớp lớp người tiến lên hăng hái hướng về một con suối, mà tới nơi, dù vẫn cố giữ thái độ nghiêm trang kính cẩn, Kiểm vẫn không thấy

có gì khác lạ nơi giòng suối vẫn lờ đờ vàng đục, nước chảy chậm và hai bên bờ vướng đầy những rác rến rong rêu. Kiểm nhăn mặt sợ hãi khi thấy mấy người kính cẩn quỳ xuống nghiêng thùng vào lòng suối múc nước, rồi hai tay trong một cử chỉ sùng kính nâng thùng nước lên uống dài một ngụm. Rồi lại cúi xuống cố múc cho đầy. Nước bay mùi cỏ thối ứ đọng lâu năm đã đành, Kiểm còn như thấy cả đống vi trùng thương hàn sốt rét đang lổm ngổm bò vào trong bụng mọi người. Chàng cố nuốt ực nước miếng và nghẹn ngào quay đi. Có người thì lại khom lưng đào mấy củ cỏ dại, thứ cỏ lâu năm lá sắc như dao củ to như mấy củ khoai mà họ kính cẩn gọi là *sâm bà*, thứ sâm của Phật Bà ban cho đem về xắt lát phơi khô uống trị bách bịnh và cũng là một thang thuốc bổ giá trị vô lường. Những người vội đi không chuẩn bị kịp được dao để đào củ thì ngắt lá, bất cứ thứ lá gì mọc nơi Suối có Phật Bà xuất hiện thì cũng được thấm nhuần phép lạ và có sức vạn năng cứu khổ con người.

Bỗng nhiên, Kiểm nghe mình như đang đau khổ. Lúc mới tốt nghiệp trung học, chàng đã có ý theo học Y khoa. Trong lúc nói chuyện với nhau, một tên bạn đã tâm sự với chàng:

"Cái nghề bác sĩ, nó đứng lên trên mọi dị biệt về thành phần, chính trị, tôn giáo. Mày theo đạo gì hay mày thuộc hữu phái tả phái, quốc gia hay cộng sản, tới chừng mày đau bụng, đau đầu đau lưng thì cũng đau chừng đó chuyện à. NÓ là một cái nghề nhân bản nhất, nếu mày chịu khó giữ đúng theo lời thề với Hypocrates.

Kiểm chịu là nó có lý nhưng dạo đó chàng kẹt tuổi quân dịch lại nghĩ mình tính hay lông bông ham chơi, bảy năm trời đằng đẵng ở Y khoa liệu mình có chịu theo nổi không, nên Kiểm thi vào Sư phạm vừa học cho nhanh vừa được trốn lính.

Vậy mà sau đó, Tuấn, Nghiêm Sĩ Tuấn, tên bạn *nhân bản* của chàng đã chết đứt đầu ở mặt trận Quảng Trị sau khi nó ra trường mới được một năm vào Quân Y phục vụ ở mặt trận. Tuấn để lại mấy bài thơ cổ kính, cảm động chân thành và nghiêm trang như con người của nó ở tạp chí Tình Thương của trường Y Khoa. Kiểm không hiểu tại sao lúc này mình lại nhớ đến nó. . .

Kiểm bần thần và bỗng ngạc nhiên quay lại khi thấy Thắm đưa mời chàng mấy múi cam:

"Thầy ngồi xuống đây đi thầy. Nghỉ mệt một lát rồi ta đi tiếp!"

Kiểm càng ngạc nhiên sững sốt:

"Thắm muốn đi nữa à? Leo lên cao nữa để làm gì?"

Vô tình, Kiểm làm như Thắm đã xác nhận với chàng là cô ta cũng chẳng thấy có điều gì linh hiển lạ lùng hết. Bằng cớ là cô bé đã không múc nước, hái lá hay đào củ sâm như tất cả mọi người.

Kiểm hơi gượng gạo vì sự sơ ý của mình. Dù chàng chỉ coi cuộc hành hương này như đi picnic nhưng chàng đã đi. . . tay không, không có thức ăn cũng không nước uống. Bộ tiềm thức chàng đã chuẩn bị lên ăn củ sâm và uống nước suối thần linh chăng?

"Làm sao em biết nước bẩn uống không được mà lại đem theo cam?"

Thắm không trả lời nó vừa bóc cam vừa chuyền cho thầy, mặt tỏ vẻ nghĩ ngợi mông lung. Kiểm nhìn nó nghi ngại rồi lần đầu tiên chàng cảm thấy thẹn thùng trước một con bé hỉ mũi chưa sạch như thế này. Đàn bà, nhất là loại đàn bà trẻ con, Kiểm xấu hổ, vì trước đó chàng nghi Thắm cũng là một con bé *học đòi Lolita tỉnh lẻ*, nét mặt Thắm có vẻ nghiêm trang bức rức làm Kiểm vừa ngại ngùng vừa khó xử. Chàng vốn ghét loại đàn bà lắm chuyện, đối với Kiểm, quan hệ giữa đàn ông đàn bà nói cho cùng, dù ngụy trang dưới chiêu bài nào đi nữa cũng chỉ cuối cùng là một cái giường. Một cái giường, càng êm ái, giản dị chừng nào càng tốt chừng đó!

Có lần để phá đám một cô bạn sinh viên học ban Triết, xinh đẹp trí thức đeo kính cận thường hay nhả khói vi vu trong những lần sinh viên họp mặt, chàng đã nói thẳng thừng về cô nàng:

"Tôi không thể nào hôn vào một cái gạt tàn thuốc như thế được!"

Không biết cô bạn có nghe tới tai không nhưng bọn nam sinh viên cùng trường với chàng dạo ấy đều ầm ĩ hoan nghênh câu nói. . . bất hủ!"

Rồi hôm đó, Thắm cũng lội được chàng lên đến Suối Ba. Ở đây núi cao, ít người lên tới, cây cối không bị xác xơ chà đạp vì dấu chân người, suối dường như trong hơn một tí, không khí dườngnhư cũng thanh khiết mát mẻ hơn.

Về đến nhà, lúc đứng trong buồng tắm dội nước, nhớ đến vẻ mặt của Thắm trên đường trở về, vẻ mặt trở lại thơ ngây trẻ con của một con bé mười bảy tuổi, Kiểm nghĩ: dù sao nó cũng là một con bé con, hay vòi vĩnh, tò mò hiếu kỳ háo hức, tìm thấy cho được điều muốn biết. Và dù không tìm được gì trông nó cũng có vẻ hết sức mãn nguyện. Nó cứ nhìn chàng như biết ơn và thỉnh thoảng lại nhắc đi nhắc lại hoài cái câu:

"Cám ơn thầy, cám ơn thầy nhiều lắm! Nhờ thầy chịu khó mất thì giờ đi với em mà em thấy được. . . cảnh Suối Đổ?"

Khi chàng xoa đến phần dưới thân thể mình bằng viên xà phòng thơm, vẫn nhớ đến cái điệp khúc *cám ơn* đầy trong trẻo và phấn khích của nó, Kiểm thấy rằng mình thật điếm nhục khi nghĩ rằng: "Đi cả ngày bên cạnh em bé mà chả ăn cái giải nào cả." K

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Chùa
là cái Thiện của làng

PHẠM XUÂN ĐÀI

Trong truyện ngắn *Người Ở Làng Pháo* đăng trên một tờ báo Sàigòn năm 1990, tác giả Nguyễn Khải đã cho nhân vật chính, một bí thư huyện ủy có tinh thần đổi mới tại một địa phương miền Bắc nói những lời này:

"Làng tôi có nghề pháo là nghề của Tổ cho, thì nhà nhà đều được quyền làm pháo, cấm thế quái nào được. Đình là cái gốc của làng, tôi hô hào dân bỏ tiền ra tu sửa, soạn lại thần phả. Chùa là cái Thiện của làng, tôi mời sư về trông nom, tối một hồi chuông, sáng một hồi chuông, thằng ăn cướp nghe chuông mãi cũng có lúc phải hồi tâm nghĩ lại. Có cơm để ăn, có Phật để lễ, người ngợm lại khác ngay, lại hiền lành tử tế không đâu bằng."

Cái làng pháo mà tác giả tả là hình ảnh thu nhỏ của xã hội Việt Nam sau mấy mươi năm trong chế độ cộng sản: cái gốc bị phai mờ, tình cảm tốt đẹp nhân hậu giữa người với người không còn, kinh tế kiệt quệ, người ta chửi rủa nhau, hãm hại nhau, chia bè chia cánh, cường hào (tức cán bộ lãnh đạo đảng và chính quyền địa phương) nổi lên thi nhau bách hại dân cúng. Thật giống như anh em sinh đôi với xã hội Trung Hoa dưới thời Mao đã được một tác giả Trung Hoa viết gần đây:

"Cố gắng lớn nhất của chúng ta mười mấy năm nay không phải là cải thiện mối quan hệ giữa người với người mà là cắt đứt mọi sự qua lại chiều ngang giữa con người với con người. Thậm chí tớ cho rằng đó là điều tai họa lớn nhất mà chúng đã gây ra. Chúng đã phá hoại sạch trơn mọi thứ tin cậy, thiện ý, nhân đạo và nghĩa hiệp khí khái giữa con người với con người, đã biến con người thành cáo và chó sói." (Trương Hiền Lượng, trong tiểu thuyết *Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà*, bản dịch xuất bản ở Sàigòn năm 1989).

Tác giả Nguyễn Khải đã tạo ra một mẫu người lãnh đạo mới tại địa phương để mong cứu vớt cái xã hội gớm ghiếc ấy tại xứ sở mình. Mẫu người này rõ ràng không phải là người cộng sản chính cống theo giáo điều, vì với giáo điều "tôn giáo là thuốc phiện của dân chúng" thì anh ta không thể cho rằng "Chùa là cái Thiện của làng". Người này cũng không phải là một kẻ thực dụng, trước cảnh phá sản tinh thần và vật chất của địa phương mình vội vã tìm bất cứ phương thuốc gì để cứu chữa, kể cả thuốc phiện, vì rõ ràng anh ta trực giác được—thông qua truyền thống nằm trong vô thức của anh—những giá trị nhân bản rất sâu xa mà cộng đồng người nào trên trái đất này cũng cần để phát triển bình thường: thờ kính tổ tiên, tôn trọng truyền thống, nâng niu đời sống tâm linh và không ép người dân trong làm ăn sinh hoạt. Người này chỉ đơn giản là đặt lại đúng vấn đề, "đặt lại" mọi chuyện như nó vốn có, sau mấy mươi năm đảo lộn tứ tung.

Đặt lại vấn đề như nó vốn có trong xã hội Việt Nam cổ truyền thì phải xem tôn giáo là một yếu tố quan trọng. Những người cộng sản Việt Nam khi áp dụng chủ nghĩa duy vật và đưa đất nước vào một cuộc phiêu lưu mới, đã dứt khoát phủ nhận vai trò tích cực của tôn giáo trong xã hội. Họ tạo ra một cái thang giá trị đạo đức khác với cái mà loài người đã tạo ra qua lịch sử tiến hóa của mình, trong đó kinh nghiệm tâm linh đã được khẳng định nhiều ngàn năm như là một khát vọng và một khả năng của con người hướng về cõi Thiện tuyệt đối. Người duy vật hạ cái điểm tuyệt đối ấy xuống thấp, cụ thể, có thể nhìn thấy dễ dàng. Đảng lãnh đạo, tức đảng cộng sản, thành điểm tuyệt đối của mọi tình cảm đạo đức: đó là nguồn gốc của mọi lẽ Thiện. Nó sẽ định ra mọi tiêu chuẩn cho đời sống tinh thần và vật chất. Nhưng việc đầu tiên là phải biết căm thù. Người ta học tập căm thù, thao dợt căm thù. Căm thù là tiền đề cho sự xây dựng một xã hội mới, trong đó có cái gọi là đạo đức. Rồi sau đó đến yêu đảng, yêu lãnh tụ, yêu giai cấp, tất cả phải là nền móng đầu tiên và là điểm vươn xa cuối cùng cho tình cảm đạo đức của một con người sinh ra trong xã hội ấy. Các tình cảm khác là thứ yếu, hoặc có thể là tàn tích xấu xa của quá khứ, cần tiêu diệt. Sự

thể nghiệm đời sống tâm linh hoàn toàn không cần thiết cho người cộng sản, nếu không nói là một yếu tố phản động. Trước đây ở miền Bắc họ tìm mọi cách khống chế các tôn giáo, không cho dân chúng, nhất là lớp trẻ sinh hoạt tín ngưỡng. Họ không chịu hiểu cái phía bên kia của sự hợp lý, không chịu hiểu cái khả năng ngoài lý trí và tình cảm thông thường mà con người mang trong nó (hoặc hiểu mà muốn tiêu diệt đi).

Tôn giáo có cái công dụng thực dụng mà nó đem lại cho xã hội: vì sợ hãi sự trừng phạt ở thế giới bên kia mà người dân hiền lành hơn, không làm việc ác. Nhưng sức mạnh chính của tôn giáo không phải là răn đe, dù là một cách êm dịu. Sức mạnh đó là *cảm hứng về thể nghiệm điều Thiện nhờ việc hành đạo.* Các lý thuyết chính trị, xã hội, triết học (kể cả môn đạo đức học) dù có khát khao cũng không làm điều đó được—tức làm tự thân con người vươn cao một cách tự giác—vì chỉ đụng đến vùng lý trí chứ không phải vùng tâm linh của con người. Lý trí chỉ biếu cho con người sự hợp lý để phục vụ đời sống, trong khi thể nghiệm tâm linh giúp cho con người bay bổng, như sự khác nhau giữa một bài luận chứng kinh tế và một bài thơ. Tôn giáo là cái cửa mở lên trời của ngôi nhà nhân loại. Nhờ cái cửa ấy ánh sáng nội tại trong con người được khêu lên làm rực rỡ ngôi nhà của mình.

Năm 1975, khi người miền Bắc xã hội chủ nghĩa vào chiếm miền Nam, một trong những phát hiện đầu tiên của họ là: trẻ con miền Nam lễ phép quá và các thành phố miền Nam, đặc biệt là Sàigòn rộng lớn, lại trật tự, kỷ luật quá, (trong khi chúng ta, người miền Nam, đã cảm thấy Sàigòn lộn xộn quá rồi, vào thời điểm ấy). Điều ấy có nghĩa là đạo đức xã hội chủ nghĩa, không biết đã được thực hiện ra sao ở miền Bắc, chứ sự biểu lộ sơ đẳng của một nền đạo đức là tính lễ phép nơi trẻ con và tinh thần trật tự trọng pháp luật trong một đô thị thì hình như từ lâu rồi đã biến mất, và vào thời điểm 75 đã thành một "của lạ" đối với con người miền Bắc. Như vậy có thật là có một "nền đạo đức" đã được thành hình ở miền Bắc không?

Hồi chúng tôi mới ra ở một trại cải tạo trong tỉnh Thanh Hóa, một viên công an trẻ dẫn đội tôi đi lao động đã bảo một người bạn của tôi lẻn vào nhà kho của trại ăn cắp cho anh ta một món gì đó, người bạn của tôi từ chối, đã được người công an ấy "dạy" cho rằng: "Các anh vẫn không chừa cái thói tư sản: lương tâm, danh dự, rụt rè. Nói thật với các anh, nếu các anh vẫn giữ cái thói ấy thì các anh không sống được với xã hội này đâu." Sau này chúng tôi mới thấm thía vì đó là sự thật hoàn toàn!

Có một câu thiệu thường được nhắc đến để chứng tỏ là có một nền đạo đức xã hội chủ nghĩa: "mình vì mọi người, mọi người vì mình". Về ý nghĩa câu ấy nửa có tính cách vị tha, nửa như gợi ý một sự đổi chác. Đó chỉ là lời kêu gọi một thứ đạo đức thực dụng. Ánh sáng của cái Thiện hầu như đã tắt ngấm khắp nơi.

Cuộc giao lưu hai miền Nam Bắc năm 1975 đã làm nổi bật sự khác biệt giữa con người hai miền. Người miền Nam nhân hậu hơn, người miền Bắc nói chính trị giỏi hơn. Nhìn chung đời sống tinh thần thì người miền Bắc có cái gì ngắn hơn, hẹp hơn người miền Nam. Điều này dễ hiểu vì miền Bắc bưng bít thông tin triệt để, dân chúng chỉ được nghe và đọc những gì nhà nước cung cấp. Nhưng không chỉ có thế. Họ còn thiếu cả cái vẻ nhẹ nhõm mộc mạc mà người ta có thể gặp ở một số dân tộc bán khai tuy ở biệt lập với thế giới bên ngoài mà vẫn tự do trong sinh hoạt tâm linh. Tức là người dân trong xã hội miền Bắc không những bị ngăn chận thông tin với thế giới bên ngoài mà còn *bị ngăn chận với thế giới bên trong của họ:* họ thiếu tôn giáo, thiếu hẳn sự thể nghiệm, sinh hoạt cái tâm thức vô cùng sâu thẳm và phong phú vốn con người ai cũng có. Thoạt đầu họ hãnh diện về điều này, cho là họ đã đạt một bước tiến bộ hơn dân miền Nam hãy còn nhiều mê tín, lạc hậu, nhưng năm tháng trôi qua, trong điều kiện dễ dãi hơn, họ bắt đầu tự khai mở và thăng hoa khả năng về tâm linh, vốn chỉ có nó mới cho con người một ý niệm đạo đức thật sự và khiến con người nhân đạo hơn. (Con gái ông Trường Chinh, một kiến trúc sư, bây giờ ở Đà Lạt, đang thờ Phật trong nhà, tôi cho chẳng có gì là lạ). Khi mới thoạt tiếp xúc với xã hội miền Nam họ ngạc nhiên trước điều đình, chùa, nhà thờ, miếu mạo được xã hội công nhận thật sự là chỗ tôn nghiêm và được dân chúng sùng kính một cách thành thật và công khai. Rồi ký ức cá nhân hay tập thể nơi họ dần dần hồi phục mách bảo họ rằng những điều ấy chẳng có gì là lạ cả, nó chỉ là một nếp văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam mấy mươi năm qua được tiếp tục ở miền Nam mà thôi.

Quan hệ giữa chính quyền cộng sản và tôn giáo luôn luôn là một quan hệ căng thẳng chứ không bao giờ là một sự hòa hợp. Đó là sự ở chung một nhà của hai kẻ không bao giờ thừa nhận nhau mà chỉ chờ ngày cáo chung của nhau. Những giáo hội thầm lặng cố gắng nuôi dưỡng đức tin trong một cõi giống như địa ngục, cố gắng vừa hòa hợp vừa chống chọi với hàng ngũ "tu sĩ quốc doanh" của nhà nước tung ra để mác-xít hóa các tôn giáo, và người ta hay dùng chữ "yêu nước" (Phật giáo yêu nước, Công giáo yêu nước. . .) để che giấu ý đồ này, làm như các tôn giáo tự nó không bao giờ biết yêu nước là gì. Chùa chiền cổ ở miền Bắc rất nhiều nhưng đều biến thành các di tích, và không thiếu các nhà thờ ở thôn quê biến thành nhà kho nông nghiệp. Cuộc tranh đấu không cân sức giữa chính quyền và các giáo hội dằng dai một cách không ngờ, một bên đầy đủ quyền hành, thủ đoạn

và ý chí bóp chết bên kia, một bên chỉ còn một vũ khí duy nhất là cái ánh sáng bên trong, tuy không lộ ra là một sức mạnh áp đảo, nhưng bền bỉ vì được "tu luyện" hàng ngàn năm nên bên kia thổi mãi vẫn không tắt được.

Người ta kể cho nhau nghe mẩu chuyện giữa một cán bộ cộng sản cao cấp và một giáo sĩ Thiên Chúa người Tây phương tại Sàigòn, năm 1975:

"Các ông đã thấy sự thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa cộng sản chưa? Mới ra đời có hơn một trăm năm nó đã toàn thắng trên nửa quả địa cầu, và vừa rồi toàn thắng trên cả nước Việt Nam. Còn đạo Thiên Chúa của các ông, ra đời đã hai ngàn năm, vẫn không đem lại được một cái gì cụ thể cho nhân loại như là cuộc cách mạng vô sản của chúng tôi."

Vị linh mục trả lời:

"Những điều ông nói đều đúng. Nhưng tôi tự hỏi hai ngàn năm nữa thì chủ nghĩa cộng sản có còn là gì không, như là đạo Thiên Chúa đã tồn tại hai ngàn năm qua?"

Vị giáo sĩ ấy bị trục xuất ngay khỏi Việt Nam. Vì sao? Tôi nghĩ vì ông ta đã gieo một nỗi run sợ cho người cán bộ cộng sản khi đưa ra một viễn tượng *ngoài khả năng nhìn* của họ.

*

* *

Đảng cộng sản Việt Nam trong năm 90 vừa long trọng khẳng định lại địa vị độc tôn của mình, quyết không từ bỏ chủ thuyết Mác-Lênin và cuộc cách mạng vô sản, khẳng định lại là chủ nghĩa tư bản "sẽ giẫy chết" (thay vì đang giẫy chết). Người ta không phủ nhận thời gian này vẫn là thời kỳ quá độ, nghĩa là mọi cái không phải thuộc tính của chủ nghĩa cộng sản chỉ là tạm thời, là thỏa hiệp giai đoạn. Như vậy ai mà biết được cái cơ chế kinh tế theo thị trường và cho phép tư hữu như hiện nay sẽ tồn tại được bao lâu trước khi đảng thấy có thể lại quay trở về tập thể hóa, diệt tư hữu, đánh tư sản v.v. . . vốn là cái cốt lõi của chủ nghĩa cộng sản? Nhiều cái còn mập mờ. Vấn đề tôn giáo cũng thế. Cho đến nay, đảng cộng sản không bao giờ chính thức thừa nhận sự cần thiết của nó. Chính sách có phần dễ dãi cho tôn giáo hiện nay có vẻ là: sở dĩ tao cho mày sống chỉ vì tao chưa giết được mày đó thôi. Trong khi đó các tôn giáo ngày càng chiếm lĩnh quần chúng ở mọi cấp độ; một số không ít đảng viên đã đến với tôn giáo và hầu hết đều quay về với sự thờ cúng tổ tiên mà họ đã rất lơ là hàng mấy chục năm, trong khi sự quyến rũ của chủ nghĩa cộng sản trong dân chúng xem như đã triệt tiêu. Cái duy nhất nó còn lại là bộ máy quyền lực khá mạnh để duy trì một cái đảng treo lơ lửng vì không có chỗ đứng trong lòng người dân.

Các nhà văn, nhà văn hóa trung thực ở đây đã nhìn thấy sự cần thiết mở rộng và nâng cao tâm thức của người dân, điều mà chỉ có tôn giáo hoặc một thực hành theo lối tôn giáo mới có thể đạt được. Nhà văn Nguyên Ngọc trong một bài báo phê phán sự nông cạn, hẹp hòi, vụ tuyên truyền của chương trình văn học trong nhà trường, đã kêu gọi đào sâu hơn nữa về cổ văn, mở rộng việc chọn lựa tác phẩm giảng dạy, và độc đáo hơn, gợi ý cả việc giảng dạy kinh Phật và kinh Thánh, vốn là những kho báu của nhân loại chứa đựng những cảm hứng vô tận về những vấn đề nhân bản.

Còn tác giả Lê Ngọc Trà trong một bài bàn về sự thách thức của văn hóa khi nó được mở rộng và phát triển đối với lực kềm kẹp của chính quyền, đã kết luận: "*Người có văn hóa càng cao thì lòng nhân ái và chữ tâm lại càng phải sáng.*"

Và trên tạp chí *Sông Hương* số 3/90 (số cuối cùng trước khi bị đóng cửa), Nguyễn Huy Thiệp đã viết: "*. . . Từ sâu trong thâm tâm, bản chất của nhân dân là vô thần. Việc nhấn mạnh tính chất vô thần ấy trên các trang sách nghĩa là tưới dầu vào lửa. Ý thức tín ngưỡng hướng thượng khác với mê tín dị đoan. Tôi đã thấy những thành kiến tôn giáo làm cho tư tưởng các nhà văn ở ta thấp kém đi như thế nào. Những nhà văn tiến bộ không ủng hộ thần quyền nhưng cũng không giữ những thành kiến tôn giáo. Ý thức tín ngưỡng, hướng thượng, vươn lên sự cao cả, chân lý, cái đẹp, sự tuyệt đối phải là những hòn than đỏ ủ trong tác phẩm nhà văn.*" (Khoảng Trống Ai Lấy Được Trong Tư Tưởng Nhà Văn).

Cái công thức; "Có cơm để ăn, có Phật để lễ, người ngợm lại khác ngay, lại hiền lành tử tế không đâu bằng" của anh chàng huyện ủy trẻ tuổi xem ra đơn giản mộc mạc nhưng không phải là không sâu sắc. Nó thâu tóm những gì rất người, mà lại rất Việt Nam. Điều khó hiện nay là chỗ này: "Chùa là cái Thiện của làng, *tôi mời sư về trông nom. . .*" Sư đâu mà mời, trong cả nước và nhất là miền Bắc hiện nay, sự đào tạo tu sĩ vẫn còn hạn chế, khó khăn lắm! Niềm ao ước bức thiết của mọi người—của xã hội ta—bây giờ là có thật nhiều các bậc chân tu. Để đạt được điều đó, ngoài cố gắng tự thân của các giáo hội, còn phải có sự yểm trợ của toàn xã hội, của người Việt trong và ngoài nước. Chắc chắn phải gặp nhiều thử thách gay go. Cần phải kiên trì. Đến ngày nào mỗi làng Việt Nam, nhất là ở miền Bắc (vì sự phá sản ở đây nặng nề nhất) sớm chiều có tiếng chuông ngân nga, chùa là cái Thiện của làng, lúc ấy người Việt Nam, với tâm thức được khai mở trở lại về cội nguồn uyên nguyên của dân tộc, mới thực sự ở ngưỡng cửa của một mùa xuân mới, và chỉ lúc đó mới có thể bắt đầu trở lại một cuộc đời tốt đẹp.

K

PHẠM XUÂN ĐÀI

Sàigòn 31-10-1990

Đi tìm hiện tại

Bài thuyết trình Nobel 1990

OCTAVIO PAZ
THẠCH CHƯƠNG *dịch*

Tôi bắt đầu bằng hai chữ mà mọi người đã thốt ra từ buổi hừng đông của nhân loại: cảm ơn. Ơn huệ là thứ được ban cho;đó là một tặng vật. Người nhận được tặng vật, kẻ được đặc ân, biết ơn vì nó, và nếu như hắn không hèn kém, hắn biểu tỏ lòng tri ân. Ấy chính là điều tôi đang làm đây, ở thời điểm này, bằng những ngữ từ không trọng lượng đó. Tôi hy vọng rằng cảm xúc của tôi bù đắp được cái không trọng lượng của chúng. Giá như mỗi lời tôi nói đã là một giọt nước, thì quý vị ắt có thể nhìn xuyên qua nó và thoáng thấy được điều mà tôi đang cảm thấy: sự biết ơn, lòng cảm tạ, và cũng là một hỗn hợp không thể định nghĩa được gồm sợ hãi, kính trọng, và ngạc nhiên thấy bản thân đang đứng trước mắt quý vị, giữa chốn này, là gia cư của cả kiến thức Thụy Điển lẫn văn học thế giới.

Ngôn ngữ là những thực tại rộng lớn siêu bạt những thực thể chính trị và lịch sử mà chúng ta gọi là dân tộc. Các ngôn ngữ Âu Châu mà chúng tôi nói tại các châu Mỹ minh chứng điều này. Cái vị trí đặc biệt của nền văn học các xứ chúng tôi, khi đem so với c ác nền văn học Anh, Tâybannha, Bồđàonha, và Pháp, tùy thuộc đúng ở sự kiện cơ bản này: chúng được viết bằng các tiếng nói được cấy ghép. Ngôn ngữ được phát sinh ở, và trưởng thành từ, vùng đất quê hương; chúng được nuôi dưỡng bởi một lịch sử chung. Tuy nhiên, một số ngôn ngữ Âu Châu đã được bật rễ khỏi vùng đất quê hương chúng và khỏi truyền thống chúng, và được đem trồng ở một thế giới không được biết tới và không tên. Chúng đã bén rễ ở những vùng đất mới, và trong thời gian lớn lên bên trong những xã hội ở Mỹ châu, chúng đã được biến chất. Chúng vẫn là cùng một loài cây, vậy mà là một thứ cây khác. Văn học chúng tôi đã không thụ động chấp nhận những vận mệnh đổi thay của những ngôn ngữ đã được trồng cấy đó; chúng đã tham dự vào tiến trình, và còn làm gia tốc tiến trình ấy nữa. Và chẳng bao lâu chúng đã không còn chỉ là những phản ánh xuyên-Đại-tây-dương mà thôi. Đôi khi, nền văn học chúng tôi đã là hủy thể của những nền văn học Âu châu. Thường khi hơn, chúng đã là một lời đáp.

Thế nhưng, bất chấp những lao động ấy, mối liên lạc chưa hề bị đứt bao giờ. Những tác phẩm kinh điển của tôi là những tác phẩm trong ngôn ngữ tôi, và tôi tự coi tôi như một hậu duệ của Lope de Vega và Quevedo, giống như bất cứ một nhà văn Tâybannha nào khác. Vậy mà tôi không phải là một người Tâybannha. Tôi nghĩ rằng hầu hết những nhà văn tại Mỹ châu Tâybannha, cũng như những nhà văn tại Hợp Chủng Quốc, Brazil, và Canada, chắc sẽ cũng nói như thế về những truyền thống Anh, Bồ, và Pháp. Để hiểu rõ cái vị trí đặc thù của nhà văn tại các châu Mỹ, có lẽ ta nên nhớ lại sự đối thoại giữa những nhà văn Nhật-bản, Trung Hoa, và Ảrập và các nền văn học khác nhau của Âu Châu. Đó là một cuộc đối thoại nó cắt ngang nhiều ngôn ngữ và nhiều nền văn minh. Cuộc đối thoại của chúng tôi, trái lại, lại xảy ra bên trong cùng một ngôn ngữ. Chúng tôi là người Âu châu, vậy mà không phải Âu châu. Thế thì chúng tôi là gì?

Khó mà định nghĩa chúng tôi là gì, nhưng tác phẩm của chúng tôi nói giùm cho chúng tôi. Trong lĩnh vực văn học, cái điều mới mẻ lớn lao của thế kỷ hiện tại đã là sự xuất hiện của các nền văn học Mỹ châu. Xuất hiện trước nhất đã là văn học nói tiếng Anh, và rồi, trong nửa phần thứ hai của thế kỷ hai-mươi, văn học Mỹ châu La-tinh trong hai nhánh lớn của nó, Mỹ châu Tâybannha và Brazil. Dù rất khác nhau, ba nền văn học này có một nét chung: sự xung đột, mang tính chất ý thức hệ hơn là văn học, giữa chủ nghĩa thế giới và chủ nghĩa địa phương, giữa đặc tính Âu châu và đặc tính Mỹ châu.

Di sản của cuộc tranh luận này là gì? Những cuộc luận chiến đã biến mất; tác phẩm thì còn lại. Ngoài sự tương đồng tổng quát ấy, những sự khác biệt giữa ba nền văn học này thì nhiều và sâu xa. Một trong số những khác biệt đó thuộc về lịch sử hơn là vănhọc: sự phát triển của văn học Anh-Mỹ đã trùng hợp với sự thăng trưởng của Hợp Chủng Quốc trở thành một cường quốc thế giới, trong khi sự thăng trưởng của nền văn học chúng tôi lại trùng hợp với niềm bất hạnh chính trị và xã hội của chúng tôi, với những biến động đột ngột của các dân tộc chúng tôi. Sự việc này chứng tỏ, một lần nữa, những hạn chế của thuyết quyết định xã hội và lịch sử: sự suy trầm của những đế quốc và những xáo trộn xã hội đôi khi lại trùng hợp với những giờ phút nghệ thuật và văn học huy hoàng. Lý Bạch và Đỗ Phủ đã chứng kiến sự sụp đổ của triều Đường; Velázquez đã vẽ cho Felipe IV; Seneca và Lucanus đã là kẻ

đương thời và cũng là nạn nhân của Nero.

Những khác biệt kia thì có tính chất văn học. Chúng thích ứng với từng tác phẩm riêng biệt hơn là với đặc tính của mỗi nền văn học. Nhưng ta có thể nói rằng các nền văn học có một đặc tính hay không? Chúng có một tập hợp những nét chung nổi bật khiến phân biệt chúng với những nền văn học khác không? Tôi không tin như vậy. Một nền văn học chẳng thể định nghĩa được bằng một đặc tính tưởng tượng, mơ hồ nào hết; đó là một xã hội những tác phẩm độc nhất, và xã hội này được kết hợp bởi những quan hệ đối nghịch và thu hút.

Sự khác biệt cơ bản thứ nhất giữa văn học Mỹ-Latinh và văn học Mỹ-Anh nằm trong tính đa dạng của nguồn gốc chúng. Cả hai đã bắt đầu bằng những phóng chiếu của Âu châu—trong trường hợp Bắc Mỹ, phóng chiếu của một bán đảo. Hai vùng đất đều có tính cách dị kỳ [*eccentric*] về địa lý, lịch sử, và văn hóa. Nguồn gốc của Bắc Mỹ thì ở Anh quốc và thuộc thời Cải cách [*Reformation*]; của chúng tôi thì ở Tâybannha, Bồđàonha và thuộc thời Phản Cải Cách [*Counter-Reformation*]. Về trường hợp Mỹ châu Tâybannha, tôi phải nói vắn tắt về những gì phân biệt Tâybannha với các xứ Âu châu khác khiến mang cho nó một căn cước lịch sử đặc biệt độc đáo. Tâybannha dị thường không kém gì Anh quốc, nhưng sự dị kỳ này lại thuộc loại khác. Cái dị kỳ của Anh quốc thì có tính đảo, và đặc điểm của nó là cô lập: ấy là một sự dị kỳ độc chiếm. Sự dị kỳ Tâybannha, ngược lại, thì có tính bán đảo và gồm có sự chung sống của những nền văn minh khác nhau và những quá khứ khác nhau. Ấy là một sự dị kỳ bao gồm. Tại một xứ mà sau này trở thành Tâybannha Công giáo, dân tộc Visigoth đã có hồi theo dị giáo Arian (1), và thiết tưởng ta cũng nên lưu ý đến những thế kỷ thống trị bởi nền văn minh Ảrập, chịu ảnh hưởng văn hóa Do-thái, rồi cuộc Tái Chinh phục, cùng những nét đặc thù khác của lịch sử Tâybannha.

Sự dị kỳ Tâybannha đã được sao lại và làm sinh sôi nảy nở tại Mỹ châu, nhất là tại các xứ như Mêkhicô và Pêru, nơi đã từng có những nền văn minh cổ xưa và rực rỡ. Tại Mêkhicô, người Tâybannha đã đối diện với lịch sử cũng như địa lý. Lịch sử ấy hiện vẫn còn sống; đó là một hiện tại hơn là một quá khứ. Những đền đài và thần thánh của Mêkhicô thời tiền Colombo (2) hiện nay là một đống tàn tích, nhưng cái tinh thần nó đã truyền sức sống vào thế giới đó thì chưa biến mất. Nó nói với chúng tôi trong cái ngôn ngữ khép kín của thần thoại, truyền thuyết, những hình thức sống chung xã hội, nghệ thuật, dân gian, tập tục. Là một nhà văn Mêkhicô có nghĩa là lắng nghe cái tiếng nói của hiện tại đó, của hiện diện đó. Lắng nghe nó, nói với nó, giải mã nó, phát biểu nó.

Có lẽ bây giờ chúng tôi mới có thể nhận thức được rõ hơn cái quan hệ đặc thù nó gắn bó chúng tôi vào, và tách chúng tôi ra khỏi, cái truyền thống Âu Châu. Cái ý thức về sự phân ly này là một đặc điểm bất biến thuộc lịch sử tinh thần của chúng tôi. Sự phân ly đôi khi được kinh nghiệm như một vết thương đánh dấu một ly gián nội tâm, như một ý thức đớn đau nó mang đến sự tự vấn. Ở những lúc khác, thì nó lại là một thách thức, một mũi nhọn khích giục chúng tôi hành động, đi tới và đối diện với những kẻ khác và thế giới bên ngoài.

Đúng: cảm giác về phân ly thì có tính phổ biến, chứ không riêng biệt cho người Mỹ Tâybannha. Nó sinh ra từ lúc ta ra đời: lúc ta bị lôi giật ra khỏi cái Toàn Thể, ta rớt vào một miền đất xa lạ. Kinh nghiệm này trở thành một vết thương chẳng bao giờ lành. Nó là vực sâu không lường nổi của mỗi một con người; tất cả những hành động và mộng mơ của ta, là những nhịp cầu được bắc lên đặng vượt qua nỗi phân cách đó và hợp nhất chúng ta với thế giới và những kẻ đồng loại của ta. Mỗi một đời sống con người, và lịch sử tập thể của loài người, có thể được xem như một cố gắng xây dựng lại cái trạng thái nguyên sơ đó. Một cuộc điều trị bất toàn và vô tận cho cái tình cảm phân ly của ta. Thế nhưng ý định của tôi không phải là cống hiến thêm một bản mô tả nữa về cái cảm giác ấy. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng, đối với chúng tôi, thì cái tình trạng sinh tồn ấy tự phát biểu bằng những quan hệ lịch sử. Nó trở thành một ý thức về lịch sử chúng tôi.

Cảm giác ấy xuất hiện cách nào và bao giờ, và nó được biến thành ý thức ra sao? Ta có thể trả lời câu hỏi hai lưỡi này dưới hình thức lý thuyết hoặc dưới hình thức bằng chứng cá nhân. Tôi ưa cái hình thức nói sau này hơn: lý thuyết thì có nhiều, mà không một lý thuyết nào có được sức thuyết phục hoàn toàn. Cảm giác về phân ly được bó chặt với cái ký ức lâu đời nhất và mơ hồ nhất của tôi: tiếng khóc đầu lòng, mối sợ hãi thứ nhất. Như bất cứ đứa trẻ nào, tôi đã dựng lên những nhịp cầu cảm xúc trong trí tưởng đặng nối liền tôi với thế giới và những người khác. Tôi đã sống trong một tỉnh vùng ngoại ô Thành phố Mêkhicô, trong một căn nhà xiêu vẹo, với một mảnh vườn giống như rừng và một căn phòng đầy sách. Những trò chơi đầu đời và những bài học đầu đời. Chẳng bao lâu khu vườn đã trở thành trung tâm của thế giới tôi; thư viện, một hang động thần tiên. Tôi hay đọc sách và chơi với các anh em họ và bạn học tôi. Có một cây sung, một ngôi đền thảo mộc sum xuê; và bốn cây thông, ba cây tần bì, một cây cà dược, một cây lựu, cỏ dại, và những cây có gai làm da xước đỏ thẫm. Những bức tường gạch nung. Thời gian co giãn, không

gian là một bánh xe quay tơ.

Mọi thời gian, quá khứ hay vị lai, có thực hay tưởng tượng, đã là hiện diện thuần khiết. Không gian tự biến dạng khôngngừng. Bên kia đã là ở đây, tất cả đã ở đây: một thung lũng, một ngọn núi, một vùng quê xa, một khoảng sân trong của nhà hàng xóm. Những cuốn sách có hình vẽ, nhất là sách lịch sử, được giở trang háo hức, đã cung cấp những hình ảnh về sa mạc và rừng rú, dinh thự và lều tranh, chinh phu và công chúa, kẻ hành khất và bậc vương giả. Chúng tôi đã bị đắm thuyền cùng với Sindbad và Crusoe (3), chúng tôi đã đấu gươm với D'Artagnan (4), chúng tôi đã chiếm thành Valencia với el Cid (5). Dạo ấy tôi đã ao ước biết bao được sống mãi mãi trên đảo Calypso! Mùa hè, những cành cây sung xanh mướt nghiêng ngả như những cánh buồm một con thuyền hay một con tầu hải tặc. Trên ngọn cột buồm cao, gió thốc, tôi đã nhận ra những hòn đảo và những lục địa, những vùng đất vừa mới thoáng hiện đã biến đi ngay. Thế giới vô hạn, mà đã luôn luôn trong tầm tay với; thời gian đã là một chất dễ uốn, dệt thành một hiện tại trinh nguyên.

Cái bùa mê ấy đến khi nào mới giải? Dần dà, chứ không đột ngột. Thật khó mà chấp nhận rằng một người bạn đã phản bội ta, rằng một người đàn bà ta thương yêu đã lừa dối ta, rằng ý tưởng về tự do lại là chiếc mặt nạ của một bạo chúa. Cái chúng ta gọi là "tìm ra" là một quá trình chậm chạp và rắc rối, bởi lẽ chính ta lại là đồng lõa với những sai lầm và lừa dối của ta. Thế nhưng, tôi còn nhớ được khá rõ một việc xảy ra bất ngờ, nó đã là cái dấu hiệu thứ nhất, dù đã bị nhanh chóng quên đi. Năm tôi lên sáu, chắc thế, có một người chị họ, lớn hơn tôi đôi chút, đưa cho tôi coi một tờ tạp chí Bắc Mỹ có in hình lính tráng đang diễn hành trên một đại lộ vĩ đại, có thể là ở New York. Người chị nói:"Họ vừa đi đánh giặc về đấy". Cái nắm chữ này đã làm tôi bối rối, tưởng chừng như chúng báo hiệu ngày tận thế, hoặc Ngày Trở Lại của Chúa Kytô. Hồi ấy tôi biết lơ mơ rằng ở chốn nào xa xôi lắm một cuộc chiến đã chấm dứt mấy năm trước đó, và rằng đoàn quân này đang diễn hành để mừng thắng trận. Nhưng chiến tranh đã xảy ra ở một nơi nào khác và thời nào khác, chứ không phải nơi đây và bây giờ. Bức hình ấy đã bẻ gẫy lý luận của tôi. Tôi cảm thấy thân xác tôi bị ném văng ra khỏi thời hiện tại.

Từ lúc đó, thời gian bắt đầu rạn nứt. Và muôn vàn không gian hiện hình. Kinh nghiệm này được lậplại mỗi ngày một thường xuyên hơn. Bất cứ mẩu tin nào, một câu nói vô hại, một hàng tít trên một tờ báo: thảy đã đều chứng minh sự hiện hữu của thế giới bên ngoài, và cái không có thực của chính tôi. Tôi cảm thấy thế giới bên ngoài, và cái không có thực chính tôi. Tôi cảm thấy thế giới đang nứt vỡ, và tôi không cư ngụ trong thời hiện tại. Thời gian có thực thì ở nơi nào khác. Thời gian của tôi, của khu vườn, cây sung, những trò chơi với bè bạn, giấc ngủ lơ mơ trong đám thảo mộc dưới cơn nắng ban trưa, một trái sung bóc vỏ toang ra (màu đen và đỏ như một hòn than hồng, nhưng lại ngọt và mát): đó là thời gian giả tưởng. Bất chấp những điều mà các giác quan tôi bảo cho tôi biết, thời gian ở bên kia—thời gian thuộc về những người khác—mới là có thật, mới là thời gian của hiện tại có thật. Tôi đành chấp nhận cái không thể tránh được. Tôi đã trở thành một kẻ trưởng thành.

Và, như thế, tôi đã bắt đầu bị trục xuất ra khỏi hiện tại. Nói là bị trục xuất ra khỏi hiện tại nghe coi bộ nghịch lý, nhưng đó là một cảm giác mà hết thảy chúng ta đều đã biết đến. Có người trong chúng ta đã kinh nghiệm nó lần đầu như một sự trừng phạt mà sau này ta biến nó thành ý thức và hành động. Đi tìm hiện tại chẳng phải là đuổi theo một thiên đàng thế gian hay một vĩnh cửu vô thời gian; mà là đi tìm một thực tại có thực. Đối với chúng tôi, là người Mỹ Tâybannha, thời hiện tại có thực đã không ở trong chính xứ sở chúng tôi. Thời gian ấy, những người khác đã sống: người Anh, người Pháp, người Đức. Đó là thời gian của New York, của Paris, của London. Chúng tôi đã phải ra đi tìm kiếm nó và mang nó về nhà. Đó là những năm tôi khám phá được văn chương.

Tôi bắt đầu làm thơ. Hồi đó tôi không biết điều gì đã xui khiến tôi làm thơ; tôi đã bị khích động bởi một nhu cầu nội tâm khó định nghĩa. Chỉ bây giờ tôi mới hiểu được rằng giữa sự tôi bị trục xuất khỏi thời hiện tại và việc tôi làm thơ đã có một quan hệ ẩn mật. Thi ca yêu thương khoảnh khắc, và muốn sống lại nó trong bài thơ. Bởi vậy nó tách rời khoảnh khắc ra khỏi thời gian liên tục và biến nó thành một hiện tại cố định. Nhưng trong những năm đó tôi viết mà không tự hỏi tại sao tôi viết. Tôi đang đi tìm cái cổng ngõ dẫn vào hiện tại; tôi đã muốn thuộc về thời gian của tôi và thế kỷ của tôi. Ít lâu sau nỗi ám ảnh này đã trở thành một ý tưởng cố định: tôi muốn trở thành một nhà thơ hiện đại. Và việc tôi đi tìm cái hiện đại đã bắt đầu.

Hiện đại là một từ ngữ mơ hồ. Có bao nhiêu xã hội là có ngần ấy loại hiện đại. Mỗi xã hội có thời hiện đại riêng của nó. Nghĩa của từ này không chắc chắn và có tính tùy tiện, giống như tên một thời kỳ đã đi trước nó, Thời Trung Cổ. Nếu như ta hiện đại so với thời trung cổ, thì liệu ta có phải là Thời Trung Cổ của một thời hiện đại tương lai không? HIện đại là một từ ngữ đang đi tìm ý nghĩa của nó. Đó có phải là một ý tưởng, một ảo tượng, hay một phút chốc của lịch sử? Ta

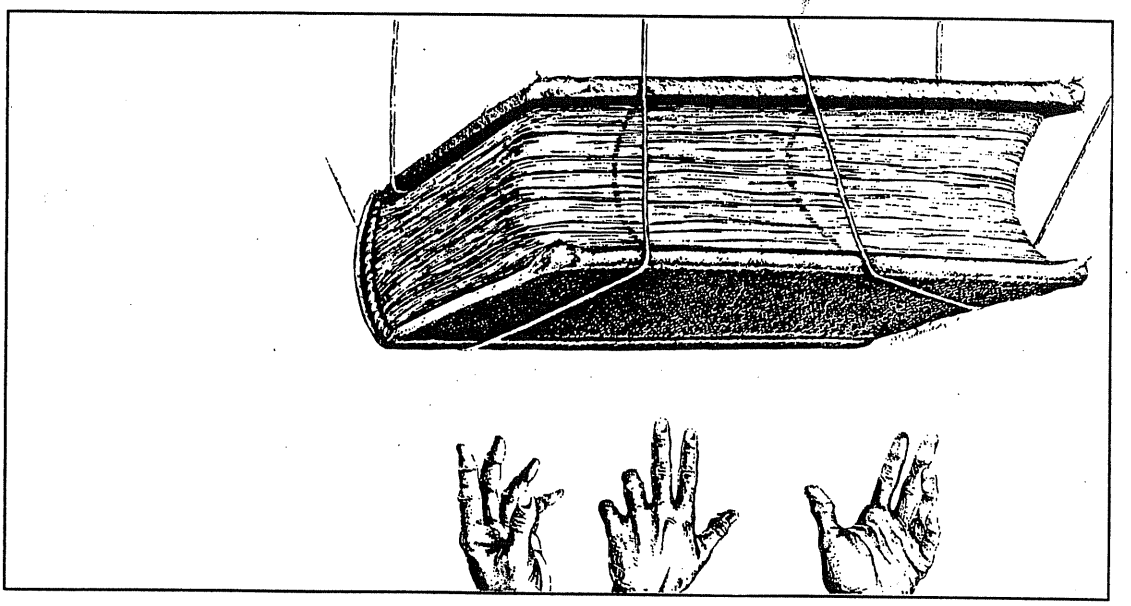

là con đẻ của hiện đại hay là kẻ sáng tạo ra nó? Không ai biết chắc. Nó chẳng hệ trọng gì mấy: ta đi theo nó, ta đuổi bắt nó. Đối với tôi, trong những năm đầu viết văn, hiện đại đã hợp nhất với hiện tại, hay đúng hơn đã sản xuất ra nó: hiện tại đã là đóa hoa cuối cùng lớn nhất của nó vậy.

Trường hợp của tôi đã chẳng phải là ngoại lệ. Kể từ thời Tượng Trưng, nhà thơ hiện đại đã đuổi theo cái bóng hình nam châm lẩn khuất và quyến rũ ấy. Baudelaire là người đầu tiên. Ông cũng là người thứ nhất được đụng chạm tới nàng, khám phá thấy rằng nàng chẳng là gì khác ngoài thời gian bóp vụn trong tay ta. Tôi sẽ không kể những câu truyện phiêu lưu của tôi trong cuộc săn đuổi nàng hiện đại; chúng cũng chẳng khác gì nhiều câu truyện của những nhà thơ khác ở thế kỷ hai-mươi. HIện đại đã là một đam mê phổ biến. Từ năm 1850, nàng đã là thần nữ của ta và yêu nữ của ta. Mấy năm gần đây người ta đã thử làm lễ xua đuổi nàng đi, khi nói tới "chủ nghĩa hậu hiện đại". Nhưng hậu hiện đại là gì nếu không phải là một hiện đại hiện đại hơn?

Với chúng tôi, người Mỹ Latinh, cuộc đi tìm kiếm cái hiện đại thi ca chạy song song trong lịch sử với những nỗ lực liên tiếp hiện đại hóa xứ sở chúng tôi. Khuynh hướng này đã khởi sự vào cuối thế kỷ mười-tám, và nó cũng còn bao gồm cả Tâybannha. Mỹ-lệ Hợp Chủng Quốc đã được sinh ra trong hiện đại, và tới năm 1830, như Tocqueville đã từng nhận xét, nó đã là tử cung của tương lai rồi; nhưng chúng tôi đã sinh vào một thời mà Tâybannha đang rời đi khỏi hiện đại. Vì thế người ta thường hay nói đến việc "Âu hóa" xứ sở chúng tôi: cái mới thì ở bên ngoài, nó phải được nhập cảng.

Trong lịch sử Mêkhicô, tiến trình này đã khởi sự trước cuộc Chiến tranh giành Độc lập. Về sau nó trở thành một cuộc tranh luận lớn, sôi nổi, về ý thức hệ và chính trị khiến làm chia rẽ xã hội Mêkhicô suốt dọc thế kỷ mười-chín. Một biến cố đã là đặt nghi vấn không phải về tính hợp pháp của vận động cải cách, mà về phương thức thực hiện việc cải cách đó: ấy là cuộc Cách mạng Mêkhicô. Không giống những cuộc cách mạng tương đương trong thế kỷ hai-mươi, Cách mạng Mêkhicô thực ra đã chẳng phải là sự biểu lộ một hệ ý thức không tưởng mơ hồ nào hết. Mà là sự nổ tung của một thực thể đã từng bị đồn nén trong lịch sử và trong tâm lý. Nó không phải là công trình của một nhóm ý thức hệ gia nào có ý định du nhập những nguyên lý rút ra từ một chủ thuyết chính trị, mà là một cuộc nổi dậy của nhân dân nhằm tháo gỡ cái mặt nạ của những gì đã bị che giấu. Vì lý do nó, nó là một phát giác hơn là một cách mạng. Mêkhicô lúc ấy đang đi tìm cái hiện tại ở bên ngoài, mà rồi lại tìm thấy nó ở bên trong, đã từng bị chôn vùi nhưng vẫn còn sống. Cuộc đi tìm cái hiện đại đã dẫn chúng tôi khám phá ra cái cổ xưa của chúng tôi, khuôn mặt giấu kín của dân tộc. Tôi không dám chắc rằng cái bài học lịch sử bất ngờ này đã được mọi người học lấy—rằng giữa truyền thống và hiện đại có một nhịp cầu bắc ngang. Khi cô lập với nhau, thì truyền thống ứ đọng và hiện đại bốc hơi. Khi nối liền với nhau, thì hiện đại hà hơi cho truyền thống, trong khi truyền thống đáp ứng bằng chiều sâu và trọng lượng.

Cuộc đi tìm cái hiện đại trong thi ca đã là một cuộc Lùng Kiếm, trong cái nghĩa ẩn dụ và có tính anh hùng hiệp sĩ mà chữ này đã có trong thế kỷ hai-mươi. Tôi đã không tìm thấy cái Chén (6) nào cả, mặc dù tôi cũng có đi qua bao nhiêu vùng hoang địa, thăm thú những lâu đài kiếng, và cắm trại với những bộ lạc ma. Vậy mà tôi đã khám phá được cái truyền thống hiện đại. Bởi hiện đại

chẳng phải là một trường phái thi ca, mà là một dòng dõi, một gia đình tản mát trên nhiều lục địa, từ hai thế kỷ nay đã sống sót qua được biết bao thay đổi và biết bao bất hạnh: lạnh nhạt, cô lập, và những tòa án nhân danh nền chính thống tôn giáo, chính trị, học thuật, và giới tính. Vì nó là một truyền thống chứ không phải một chủ thuyết, cho nên nó đã có thể sống sót và đồng thời thay đổi. Cũng vì thế mà nó đa tạp như ta thấy: cuộc phiêu lưu thi ca nào cũng riêng biệt, nhà thơ nào cũng đã gieo hạt giống một thảo mộc khác nhau trong khu rừng kỳ diệu của những loài cây biết nói.

Nếu như những tác phẩm có tính đa tạp và mỗi đường đi riêng biệt nhau, thì cái gì nó đã gắn bó tất cả những nhà thơ ấy? Chẳng phải là một thẩm mỹ, mà là một cuộc đi tìm. Cuộc tìm kiếm của riêng tôi đã chẳng lạ kỳ, mặc dù cái ý niệm về hiện đại là một ảo tưởng, một bó phản chiếu. Một hôm tôi khám phá rằng tôi đang trở về điểm bắt đầu thay vì đi tới, rằng cuộc đi tìm nàng hiện đại đã dẫn tôi đi ngược về nguồn cội. Nàng hiện đại đã dắt tay tôi về cái nguồn khởi đầu của tôi, về cái cổ xưa của tôi. Phân ly hóa thành hòa giải. Bởi thế mà tôi đã khám phá ra rằng nhà thơ là một mạch đập trong dòng chảy nhịp nhàng của những thế hệ.

Ý tưởng về thời hiện đại là một phó sản của quan niệm của ta về lịch sử, coi nó như một quá trình tiếp diễn duy nhất và trực tuyến. Căn nguyên của quan niệm này nằm trong truyền thống Dothái-Kytô, nhưng nó đoạn tuyệt với chủ thuyết Kytô. Trong đạo Kytô, thời gian có chu kỳ của những nền văn hóa đa thần được thay thế bởi lịch sử không thể lập lại được, có một khởi đầu và một chấm dứt. Thời gian liên tục đã là thời gian thế tục của lịch sử, một đấu trường cho những hành động của loài người sa ngã, thế nhưng vẫn bị kiểm soát bởi một thời gian thiêng liêng chẳng có một khởi điểm cũng chẳng có một chung điểm. Và sau Ngày Phán Xét, sẽ không có tương lai trên thiên đàng cũng như dưới địa ngục. Trong địa hạt của vĩnh cửu thì không có sự tiếp nối, bởi mọi sự vật *là tự thể*. Bản thể thắng hóa sinh.

Thời gian mới, quan niệm của chúng ta về thời gian, cũng có tính trực tuyến như quan niệm của đạo Kytô, nhưng nó mở ra tới vô cực, và không hề quy chiếu về Vĩnh cửu. Thời gian của ta là thời gian của lịch sử phàm tục bước về hướng vị lai chứ không về hướng tận cùng của nó. Mặt trời của lịch sử là thời vị lai. Tiến bộ là tên gọi của chuyển động đưa tới vị lai vậy.

Người theo đạo Kytô nhìn thế giới—hoặc nhìn cái mà ngày xưa thường được gọi là *seculum* hay trần thế—như một nơi thử thách: trong thế giới này, linh hồn có thể bị mất hay được cứu rỗi. Theo quan niệm mới, trái lại, chủ thể lịch sử chẳng phải là linh hồn cá thể mà là cả nhân loại, đôi khi được coi như một cái toàn thể và đôi khi qua một nhóm đã được tuyển chọn làm đại diện: những nước đã phát triển ở Tây phương, giai cấp vô sản, giống người da trắng, hoặc một thực thể nào khác. Truyền thống triết học đa thần và Kytô giáo đã tán dương Bản thể như là sự toàn hảo bất biến tràn đầy sung mãn, nhưng ta lại sùng bái biến đổi; nó là động cơ của tiến bộ và mô hình cho những xã hội chúng ta. Sự biến đổi tự biểu thị bằng hai cách: tiến hóa hoặc cách mạng. Bước đi nước kiệu hoặc bước nhảy vọt. Hiện đại là mũi nhọn của vận động lịch sử, hiện thân của tiến hóa hoặc cách mạng, hai bộ mặt của tiến bộ. Và tiến bộ thì xảy tới qua phương tiện một hành động kép—khoa học và kỹ thuật—áp dụng vào lãnh địa của thiên nhiên và vào việc sử dụng những tài nguyên bao la của nó.

Con người hiện đại đã tự định nghĩa mình là một sinh vật lịch sử. Các xã hội khác lại chọn tự định nghĩa họ dựa theo những giá trị và ý niệm khác với sự biến đổi: người Hylạp tôn sùng *pólis* [thành quốc] và đường tròn, thế nhưng họ đã không hề có ý thức về tiến bộ. Giống như tất cả những nhà Stoic (7), Seneca đã rất phiền khổ về sự trở đi trở lại vĩnh viễn; Thánh Augustino tin rằng ngày tận thế đã gần kề; Thánh Thomas [Aquinas] thiết lập một thang sinh vật, nối liền tạo vật nhỏ bé nhất với Tạo hoá; vân vân. Hết thảy những ý niệm và tín ngưỡng này đã dần dần bị loại bỏ. Tôi có cảm tưởng rằng ngay cả cái ý niệm của ta về Tiến bộ cũng đang bắt đầu suy tàn—và, do đó, cả cái nhìn của ta về thời gian, lịch sử, và chính bản thân ta nữa. Chúng ta đang chứng kiến buổi hoàng hôn của tương lai.

Sự suy tàn của ý tưởng về tính hiện đại, và sự phổ thông của một khái niệm mơ hồ như "chủ nghĩa hậu hiện đại", là những hiện tượng có ảnh hưởng đến chẳng những văn học và các ngành nghệ thuật mà thôi. Chúng ta đang kinh qua cuộc khủng hoảng của những ý tưởng và tín ngưỡng chủ yếu đã từng hướng dẫn loài người từ trên hai thế kỷ nay. Thứ nhất, người ta đặt nghi vấn về cái quan niệm cho rằng có một tiến trình mở ngõ tới vô cực và đồng nghĩa với sự tiến bộ bất tận. Tôi khỏi cần nhắc đến cái điều mà ai cũng biết: rằng tài nguyên của thiên nhiên thì có hạn và sẽ hết một ngày nào đó. Ta đã gây thiệt hại có thể coi là vô phương cứu chữa cho môi sinh thiên nhiên, và ngay đến chủng loại chúng ta cũng đang gặp hiểm họa. Khoa học và kỹ thuật, hai dụng cụ của tiến bộ, đã chứng tỏ rõ ràng, đến độ làm ta hốt hoảng, rằng chúng có thể dễ dàng trở thành những sức mạnh hủy diệt. Sự hiện hữu của vũ khí hạch nhân là một lời biện bác đối với ý tưởng cho rằng tiến bộ là vốn có trong lịch sử—một lời

biện bác có tác dụng đúng nghĩa là tàn phá.

Thứ hai, ta phải tính đến số phận của chủ thể lịch sử, là nhân loại, trong thế kỷ hai-mươi. Hiếm khi nào mà các dân tộc hoặc cá nhân lại chịu nhiều đau khổ đến như thế: hai cuộc thế chiến, những chính thể bạo ngược trải dài suốt năm lục địa, bom nguyên tử, sự nảy nở của một trong những định chế tàn bạo nhất và giết người nhất mà con người từng thấy: trại tập trung. Kỹ thuật hiện đại đã mang lại vô số lợi ích, chắc chắn như vậy rồi, nhưng ta chẳng thể nhắm mắt trước sự tàn sát, tra tấn, làm nhục, làm mất phẩm giá, và tất cả những điều sai trái xấu xa đã gây đến cho hàng triệu con người vô tội trong thế kỷ chúng ta.

Và thứ ba, lòng tin vào sự cần thiết của tiến bộ đã bị lay chuyển. Đối với thế hệ cha, ông chúng ta, những tàn tích của lịch sử—cảnh những xác chết, những chiến trường thê lương, những thành phố bị tàn phá—đã không hề vô hiệu hóa cái hảo tính cơ bản của tiến trình lịch sử. Những đoạn đầu đài cùng những chế độ bạo ngược, những cuộc xung đột cùng những cuộc nội chiến man rợ, đã là cái giá phải trả cho tiến bộ, là tiền bằng máu hiến dâng cho Thượng đế của lịch sử. Thượng đế? Vâng, đúng thế, chính lý trí đã được thần thánh hóa và đã hoang tàn trong những hành vi xảo quyệt độc ác, theo Hegel. Nhưng giờ đây, cái được cho là thuần lý tính của lịch sử đã biến dạng. Và ngay trong lãnh thổ của trật tự, của quy tắc, và của mạch lạc (trong các khoa học thuần túy như vậy lý học), quan niệm về ngẫu nhiên và tai biến đã tái xuất hiện. Sự phục hồi làm xáo trộn này khiến tôi nhớ đến những nỗi kinh hoàng đánh dấu sự xảy tới của thiên niên kỷ, nhớ đến niềm lo âu của dân tộc Aztec vào lúc cuối mỗi chu kỳ vũ trụ.

Mục chót trong bảng liệt kê vội vã những yếu tố tạo thành cuộc khủng hoảng của chúng ta hiện nay đánh dấu sự sụp đổ của hết thảy mọi giả thuyết triết học và lịch sử đã từng tự cho là tiết lộ được những quy luận chi phối hướng đi của lịch sử. Đám tín đồ, chắc chắn rằng họ đã nắm được những chìa khóa của lịch sử, đã dựng nên những nhà nước đầy quyền uy trên những kim tự tháp làm bằng xác chết. Những công trình xây dựng ngạo mạn này, trên lý thuyết có mục tiêu giải phóng con người, đã mau chóng được biến thành những nhà giam khổng lồ. Ngày nay ta đã nhìn thấy chúng suy sụp, bị lật đổ chẳng bởi những kẻ thù ý thức hệ của chúng, mà bởi lòng thiếu kiên nhẫn và khát vọng tự do của những thế hệ mới. Đây phải chăng là ngày cáo chung của mọi không tưởng? Đúng hơn, nó là ngày cáo chung của cái ý tưởng cho rằng lịch sử là một hiện tượng mà hậu quả của nó có thể biết được trước. Thuyết quyết định lịch sử đã là một hoang tưởng tốn kém và vấy máu. Lịch sử không thể đoán được trước, bởi vì tác nhân của nó, nhân loại, là hiện thân của tính không xác định.

Cho nên rất có thể là chúng ta đang ở vào giai đoạn cáo chung của một thời kỳ lịch sử và giai đoạn mở đầu một thời kỳ khác. Sự cáo chung một Thời đại Mới, hay chỉ là một hoán chuyển? Thật khó nói. Dù sao thì sự sụp đổ của những ý đồ không tưởng đã để lại một khoảng trống lớn, không phải tại những xứ mà hệ tư tưởng này đã minh chứng là thất bại, mà tại những xứ có nhiều người đã ôm lấy nó với tất cả nhiệt tình và hy vọng. Lần đầu tiên trong lịch sử, loài người đang sống trong một thứ hoang vu tâm linh, không còn ở dưới bóng mát của những hệ thống tôn giáo và chính trị đã từng an ủi ta dù rằng cũng đã từng áp bức ta. Mọi xã hội đều mang tính lịch sử, nhưng mỗi xã hội đã sống dưới sự hướng dẫn và hứng cảm của một mớ tín ngưỡng và ý niệm siêu lịch sử. Thời đại chúng ta hiện nay là thời đại đầu tiên sẵn sàng sống mà không có một chủ thuyết siêu lịch sử.

Dù là tôn giáo hay chính trị, đạo đức hay thẩm mỹ, những cái tuyệt đối của ta không có tính tập thể, mà có tính cá thể. Đây là một kinh nghiệm nguy hiểm. Cũng không thể biết được, một khi được buông thả và diễn trình tư nhân hóa những ý niệm, những thực hành, và những tín ngưỡng xưa nay đã từng thuộc về lãnh vực công cộng, liệu những mối căng thẳng và xung đột rồi đây sẽ có phá hủy cơ cấu xã hội hay không. Con người rất có thể lại bị ám ảnh một lần nữa bởi con cuồng nộ tôn giáo cổ xưa, hoặc bởi chủ nghĩa dân tộc cuồng tín. Sẽ thật là kinh hoàng nếu như sự sụp đổ của thần tượng trừu tượng là hệ tư tưởng kia sẽ lại báo hiệu sự phục hồi của những xúc cảm mãnh liệt, đã bị chôn vùi, về bộ lạc, phe phái, và giáo hội. Bất hạnh thay, những dấu hiệu hiện nay khiến ta lo ngại.

Sự suy tàn của những nhà ý thức hệ mà tôi đã gọi là siêu lịch sử—tôi muốn nói đến những người ấn định cho lịch sử một tiêu đích và một hướng đi—hàm ý một sự mặc thị bỏ rơi những giải pháp toàn cầu. Hiện nay ta hướng dần dần về những biện pháp cứu chữa giới hạn cho những vấn đề cụ thể, và đó là điều hợp lý. Kiêng làm luật cho tương lai, ấy là thận trọng. Thế nhưng, thời hiện tại đòi hỏi nhiều hơn là chỉ lưu tâm tới những nhu cầu tức thời. Nó đòi được một sự suy ngẫm nghiêm nhặt hơn. Đã từ lâu tôi tin chắc rằng hoàng hôn của tương lai báo trước sự xảy tới của cái bây giờ. Và muốn nghĩ về cái bây giờ thì, trước hết, phải khôi phục lại cái trí tưởng tượng có phê phán. Chẳng hạn: thắng lợi của nền kinh tế thị trường (thắng lợi vì đối thủ của nó đã bỏ cuộc) chẳng thể chỉ là lý do để ta hân hoan. Là một cơ chế, thị trường thì có hiệu năng đấy;

nhưng, giống mọi cơ chế, nó thiếu lương tâm và tình thương. Ta phải tìm ra một con đường cho nó hòa nhập vào xã hội đặng để nó biểu lộ được hợp đồng xã hội và trở thành một dụng cụ của công bằng và bất thiên vị. Những xã hội dân chủ tiên tiến đã với tới một mức thịnh vượng đáng ghen, nhưng đồng thời họ lại là những hòn đảo phong nhiêu trong cái đại dương nghèo khổ chung.

Vấn đề thị trường lại gắn chặt với vấn đề làm hư hỏng môi sinh. Ô nhiễm tác hại chẳng những khí trời, sông ngòi, rừng rú, mà nó còn ảnh hưởng tới tâm hồn chúng ta nữa. Một xã hội bị ám ảnh bởi cái nhu cầu điên cuồng sản xuất nhiều hơn đặng tiêu thụ nhiều hơn thì có khuynh hướng biến tư tưởng, cảm xúc, nghệ thuật, tình yêu, tình bằng hữu, và ngay cả con người nữa, thành những hàng tiêu thụ. Bất cứ cái gì cũng trở thành một đồ vật để mua, dùng, và ném bỏ vào đống rác. Không xã hội nào khác đã từng sản xuất nhiều đồ phế thải—vật chất và tinh thần—bằng xã hội của chúng ta.

Suy nghĩ về cái bây giờ không ngụ ý là từ bỏ cái sắp tới hay quên đi cái đã qua: hiện tại là chỗ gặp gỡ của cả ba hướng thời gian. Nó cũng không thể lẫn lộn với chủ nghĩa hưởng lạc hời hợt. Cây khoái lạc không lớn lên trong quá khứ hay trong vị lai, mà chính ngay giữa lúc này. Vậy mà sự chết cũng là một trái cây của hiện tại. Không thể chối từ nó, bởi chính nó cũng là một phần của đời sống. Chết an lành hàm ý sống an lành. Ta phải học cách ngó thẳng vô mặt sự chết. Hiện tại có lúc sáng chói, có lúc ảm đạm, giống như một quả cầu nối liền hai nửa phần của nó là hành động và suy tưởng. Cho nên, cũngnhư ta đã có các triết thuyết về quá khứ và về vị lai, về vĩnh cửu và về trống không, ta nhất định sẽ có một triết thuyết về hiện tại.

Kinh nghiệm thi ca có thể là một trong những nền móng của triết thuyết đó. Ta biết gì về hiện tại? Chẳng biết gì hết, hay hầu như chẳng biết gì hết. Thế nhưng các nhà thơ có thể biết ít nhất một điều: rằng hiện tại là nguồn của những hiện diện.

Trong cuộc hành hương của tôi đi tìm cái hiện đại, tôi đã lạc vào nhiều chốn, chỉ để rồi lại tìm thấy chính mình. Tôi đã trở về nguồn và khám phá thấy rằng cái hiện đại không ở bên ngoài ta, mà ở bên trong ta. Nó là hôm nay và là thời cổ đại xa xưa nhất; nó là ngày mai và là lúc khởi đầu của thế giới; nó đã một ngàn tuổi và cũng mới sơ sinh. Nó nói bằng tiếng Nahuatl (8), vẽ bằng chữ tượng ý Trung Hoa từ thế kỷ thứ chín, xuất hiện trên màn ảnh truyền hình. Cái hiện tại còn trinh nguyên đó, vừa đào lên mới đây, rũ đi lớp bụi của những thế kỷ, mỉm cười, và bỗng cất cánh bay, biến dạng qua cửa sổ. Một trạng thái đa nguyên đồng thời của thời gian và hiện diện: cái hiện đại đoạn tuyệt với quá khứ gần gũi nhất chỉ để lại phục hồi một quá khứ đã già một thời đại, và để biến hóa một tượng vật sinh sản tí hon từ thời Đá Mới thành thời hiện đại của chúng ta.

Ta đi tìm nàng hiện đại trong những biến hình không ngừng, mà ta chẳng bao giờ chụp bắt được nàng. Nàng luôn luôn trốn thoát; mọi cuộc gặp gỡ chấm dứt bằng một cất cánh bay xa. Ta ôm nàng, và nàng biến đi ngay tức khắc: đã chỉ là một chút khí trời. Con chim ở khắp mọi cõi mà chẳng ở nơi nào hết, ấy là khoảnh khắc. Ta muốn bắt sống nó, nhưng nó cất cánh và tiêu tan thành một nắm vần chữ. Rốt cuộc ta chỉ còn tay không. Và rồi những cánh cửa nhận thức hé mở và thời gian kia hiện về, cái thời gian có thực, thời gian mà ta vẫn từng đi kiếm hoàn mà không hay: ấy là hiện tại, ấy là hiện diện. K

THẠCH CHƯƠNG

dịch theo bản dịch Anh ngữ
của Anthony Stanton,
đăng trong The New Republic,
số đề ngày 7 và 14 tháng Giêng, 1991
Cơ sở Nobel

Chú thích của người dịch

(1) *Arianism,* sáng lập bởi Arius (280?-336?), một giáo sĩ Kytô tại Alexandria, Bắc Aicập. Arius chủ trương một học thuyết cho rằng Giêxu Con không cùng một thể chất (*"consubstantial"*) với Giêxu Cha.

(2) Cristoforo Colombo (1446?-1506), nhà hàng hải và thám hiểu Ý, phục vụ triều đình Tâybannha, theo truyền thuyết là người đã khám phá Mỹ châu năm 1492.

(3) Các nhân vật tiểu thuyết: Sindbad trong *Ngàn lẻ một đêm*, những chuyện dân gia Árập, và Crusoe trong *Robinson Crusoe,* của Daniel Defoe (1660-1731).

(4) Một anh hùng trong *Ba chàng ngự lâm pháo thủ* của Alexandre Dumas (1802-70).

(5) El Cid Campeador (1030?-99), anh hùng dân tộc bán-lịch-sử bán-huyền-thoại của Tâybannha. Kỳ công chủ yếu của el Cid là chiếm lại được Thành Valencia khỏi tay người Môr (Árập lai Berber và da đen ở Tây-Bắc Phi) sau chín tháng bị vây hãm.

(6) Bôi đựng rượu. Theo truyền thuyết thời trung cổ, bôi này được cho là có nhiều thần lực, nhất là cải lão hoàn đồng và, sau đó, tinh thần thanh khiết của đạo Kytô, và đã được các tầng lớp hiệp sĩ thời trung cổ đi lùng kiếm. Người ta cho chén này là chén Giêxu đã dùng trong Bữa Tiệc Cuối, mà người Công giáo thường gọi là "Bữa Tiệc Ly".

(7) Người theo chủ thuyết stoic của nhà triết học Hylạp Zeno (khoảng 340tcn-265tcn), theo đó con người phải tự giải thoát khỏi mọi đam mê, không để cho tình cảm (như vui, buồn) chi phối, và cam chịu mọi đau khổ, bất hạnh, không tránh được trong đời.

(8) Ngôn ngữ của một nhóm bộ lạc thổ dân Mêkhicô và TrungMỹ, kể cả sắc tộc Aztec, gọi chung là ngành ngôn ngữ "Uto-Aztec" ở Bắc và Trung Mỹ, bao gồm tiếng Ute, Hopi, Nahuatl,và Shoshone.

Thế lực kinh tế của người Hoa đối với Việt Nam

THỂ UYÊN

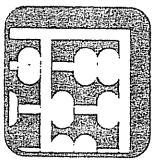

Phần III. Người Hoa sau tháng Tư, 1975

A. Tại miền Nam

Cái thế thua của Việt Nam Cộng Hòa, người Hoa, do hệ thống tin tức trải rộng khắp thế giới, đã biết trước từ lâu nên gia đình nào cũng may sẵn cờ Mặt trận của Nguyễn Hữu Thọ, nửa xanh nửa đỏ với ngôi sao vàng ở giữa, và cờ của Trung Hoa lục địa với nền đỏ và năm sao vàng, cùng tích trữ sẵn pháo bông khi bắn tỏa ra cờ. Khi đạo quân chiến thắng của miền Bắc tiến vào Sàigòn và các đô thị miền Nam, nhà người Hoa nào cũng cắm hai cờ: cờ Mặt trận và cờ Trung Hoa lục địa. Và đến tối liên hoan của đạo quân chiến thắng, người Hoa đã bắn rất nhiều pháo bông tỏa hình quốc kỳ của Trung Hoa lục địa.

Dĩ nhiên chính quyền CSVN đâu có thể để người Hoa "trở cờ" (hiểu theo nghĩa đen) dễ dàng như vậy. Họ nhắc nhở ngay cộng đồng Hoa là họ tiếp thu miền Nam theo nguyên trạng chế độ cũ để lại, nghĩa là không có cộng đồng Hoa kiều nào cả, chỉ có những người Việt gốc Hoa được đối xử bình đẳng như những người Việt khác. Anh đã mang Việt tịch, anh là người Việt chứ không phải là người Trung Quốc. Những lá cờ đỏ năm sao vàng được dẹp nội trong 24 giờ.

Đến năm 1978-79, đảng CSVN phát động đấu tranh giai cấp đúng theo bài bổn Lenine và Mao đã dạy, và dĩ nhiên không hề phân biệt tủ cách Hoa với tư sản Việt. Cứ tư sản là tịch thu tài sản, và nếu là tài phiệt, thì tống giam. Đảng nắm vững tâm lý của từng loại tư sản. Thí dụ như tư sản Việt thường làm việc theo lối Tây phương, vốn liếng hay để ở ngân hàng, có kim cương vàng bạc ngoại tệ, hay thuê tư an toàn của ngân hàng mà cất giữ, các toán cán bộ "*Kiểm kê Tư sản*" đến đóng trụ ở nhà không mất công cho lắm trong việc tịch thu gia sản. Đối với người Hoa nổi danh trong lịch sử và văn học Việt Nam về tài chôn giấu của cải trong các hang động khuất nẻo hay hầm mộ xây cất ly kỳ, thì các toán cán bộ đào xới lung tung từ trên xuống dưới từ trong ra ngoài để kiếm vàng bạc. Dĩ nhiên cộng đồng Hoa lần này không đến nỗi mất sạch và bỏ mạng như lần ba anh em Tây Sơn "kiểm kê tư sản Hoa kiều" trong thế kỷ 18, nhưng những gì họ còn che giấu được không phải là nhiều.

Nhưng không bỏ mạng không có nghĩa là được yên thân làm ăn như cũ. Theo chính sách chung, các tư sản Hoa cũng phải đi các vùng kinh tế mới. Riêng cho tư sản Hoa vùng Sàigòn, Đảng CSVN khoanh cho một vùng gọi là khu kinh tế mới Gia Lành ở Lâm Đồng để trồng dâu nuôi tằm dệt lụa. Đến đó thì cuộc chiến tranh giữa hai đảng CS anh em Việt Hoa bùng nổ ở biên giới phía Bắc. Đối với Trung Quốc, việc điều động vài ba binh đoàn nơi vùng biên địa thì chẳng qua là một cuộc tập trận quy mô có thiệt hại thật sự nhưng chấp nhận được để huấn quân, nhưng đối với một nước nhỏ như Việt Nam, thì phải gồng lên tối đa. Kế hoạch năm năm lần thứ nhất sau 1975 của Đảng bị bể tan tành, mặt khác Đảng đã phải chuẩn bị bỏ thủ đô Hànội cho địch chiếm, dời đô vào Đà Lạt để kéo dài đường tiếp vận của địch trước khi phản công chỉ cốt dạy cho đảng CSVN một bài học, và dĩ nhiên bài học này đã được học theo cách thế riêng.

Tại miền Nam, cộng đồng Hoa thấy không còn đất dung thân, điều đình với Đảng xin cho họ đi nơi khác làm lại cuộc đời. Đảng đã tống xuất hết cộng đồng Hoa miền Bắc, tất nhiên không tiếc gì mà không cho người Hoa miền Nam ra đi. Người Hoa nào có thân nhân tại hải ngoại, như tại Mỹ, Canada, Pháp hay Úc, thì Đảng chấp nhận cho đi chính thức đoàn tụ gia đình. Có thể nói năm 1978, nếu đảng CSVN có ký kết với HCR của Liên Hiệp Quốc một thỏa ước về ODP, lúc ký kết, Đảng chỉ nhằm kiếm một con đường tống xuất người Hoa ra khỏi nước mà thôi. Trong hai năm 1978-79, các gia đình người Việt đến nạp đơn đều được cơ quan phụ trách xuất cảnh trả lời "chương trình này chỉ dành cho người Hoa". Gia đình Việt nào có vàng để hối lộ cán bộ thì mới được "tạm coi như gốc Hoa" để nhận đơn. Hoa Kỳ phản đối tình trạng nhận Việt mà biến thành toàn Hoa này, nên kể từ 80-81 trở về sau, người Việt mới được nhận đơn, và dĩ nhiên không ưu tiên nào cả. Người Hoa kể từ khi nạp đơn đến khi được lên máy bay trung bình chỉ mất ba năm, người Việt thì phải chờ từ sáu tới 10 năm. Và mặc

dù có kiên nhẫn chờ, trong số 100 công dân Việt được rời Việt Nam theo chương trình ODP hiện nay, người Việt gốc Việt chưa đạt tới con số phân nửa.

Nhưng dĩ nhiên không phải người Hoa nào cũng có thân nhân gần đủ điều kiện ở hải ngoại để bảo lãnh cho mình. Cộng đồng Hoa bèn xin Đảng CSVN cho họ đi bằng đường thủy. Đảng chấp nhận: chế độ ra đi bán chính thức bắt đầu. Bộ Nội vụ cùng các ngành Công an được trao phụ trách chương trình này. Mỗi đầu người Hoa phải nộp 12 cây vàng phân phối như sau: sáu cây cho trung ương, sáu cây cho chủ tàu—chủ tàu thường mất ba cho công an địa phương và biên phòng, chỉ còn được dùng có ba còn lại để mua tàu, trang bị lương thực dụng cụ cần thiết cho chuyến hải hành. Những người Việt có của chìm còn giấu được, hoặc có các thân nhân giàu có ở hải ngoại gửi về, muốn đi bán chính thức cũng được nhưng phải thêm ba cây nữa để công an phụ trách biến mình thành người gốc Hoa.

Thủ tục ra đi khá giản dị. Công an địa phương thân chinh đưa di dân bán chính thức đến bãi. Tại nơi này, một công an đại diện Bộ Nội vụ đọc một quyết định có tên những người được ra đi, ai được gọi đến tên mới được xuống tàu thuyền. Và dĩ nhiên những người Việt Trần Thị Tèo, Nguyễn Văn Ba đều biến thành Lương Huê, Âu Thắng Tài... Bản quyết định này sau khi đọc xong, công an giữ lại chứ không trao cho chủ tàu mang theo. Đoàn di dân khốn khổ này đi những con tàu ọp ẹp chạy sông đương đầu gì nổi với sóng dữ Thái Bình Dương. Họ chết lên chết xuống thảm thê làm cả thế giới xúc động. Chẳng ai có thể bảo họ là di dân kinh tế được vì gia sản bị tịch thu, nghề nghiệp cũ không cho làm, còn bị đẩy lên rừng lên núi, con cái không cho học tới cấp ba của Trung học, đi xin việc mới thì bị lý lịch "con địa chủ tư sản" (nặng như con sĩ quan "ngụy" vậy) không cơ quan công ty nào chịu nhận.

Nhưng thông cảm thì thông cảm, các nước Đông Nam Á đã có quá nhiều người Hoa rồi. Và tại những nước này, cộng đồng Hoa cũng khống chế nền kinh tế nội địa nhiều hay ít cả, làm đau đầu các chính quyền Phi, Nam Dương cũng như Mã Lai. Cái gương cộng đồng Hoa ở Mã Lai mạnh đến nỗi tách riêng ra làm một nước mới là Singapore làm cho các nước có người Hoa cư ngụ đều ngán ngẩm hết. Bởi thế các nước Đông Nam Á theo dõi và khi khám phá ra đảng CSVN đã cho mướn một chiếc tàu sắt cho một lúc 6,000 người Hoa thì cũng nhất tề phản đối. Đảng CSVN đành cho tàu sắt trở về, cùng yêu cầu công an biên phòng bắt nhốt trên hình thức số di dân này, cũng đưa đi cải tạo nhưng tại một trại riêng rất thoải mái, người ở trại vẫn được về Sàigòn lãnh quà và tiền thân nhân nước ngoài cho... Rồi sau một thời gian vừa phải, mới tha những con người tội nghiệp này về nguyên quán. Sau vụ này, chương trình cho ra đi bán chính thức chấm dứt với một màn kịch kết thúc là một đại tá công an phụ trách chương trình này đã chia vàng không đều, bị đưa ra làm con dê tế thần trấn an dư luận quốc tế, lãnh đủ án tử hình với những viên đạn AK của các đồng chí cũ.

Một thời gian sau, một phần vì Trung ương Đảng đã thấm thía bài học của Trung Quốc, một phần vì chính sách quốc doanh hóa toàn thể hoạt động công thương nghiệp ở thành phố và tập thể hóa ruộng đất ở nông thôn đã thất bại khá rõ ràng (lần đầu tiên trong lịch sử, người dân Nam kỳ lục tỉnh kể cả Sàigòn đã phải ăn bo bo, khoai mì khoai lang luộc thay cho cơm), một phần nữa vì phe Đổi mới đã hình thành và lớn mạnh ở miền Nam, Đảng đã đổi chính sách đối với người Hoa.

Ở đây người viết xin ngưng một chút để trình bày về tình trạng sứ quân và sự lớn mạnh của phe Đổi mới của miền Nam. Trước hết là bất cứ đoàn thể nào cũng phải có nội quy, kỹ luật nội bộ mới tồn tại được. Ngay dăm ba thiếu niên bụi đời tụ tập nhau lại thành băng đảng, chúng cũng phải đặt ra luật lệ để ràng buộc, thường được gọi là luật giang hồ đi nữa thì cũng vẫn cứ là luật. Các Đảng cộng sản từ lâu vẫn nổi danh là có kỹ luật sắt máu nhất, đến độ chỉ có những đảng ghê rợn như Quốc Xã của Hitler, Phát xít của Mussolini mới có thể so sánh được. Ngoài điểm chung nhất đó, mỗi đảng do yếu tố chủng tộc, văn hóa và địa lý chính trị lại có những sắc thái riêng. Riêng đảng CSVN, được tạo dựng lâu đời, từ 1925-30, đương nhiên có những luật lệ và truyền thống riêng. Truyền thống thứ nhất là các đảng viên, dù bất đồng ý đến đâu đi nữa, cũng không được giết hại nhau. Do truyền thống này, trong khi các đảng cộng sản Nga, Tàu thanh trừng nội bộ giết đồng chí đến cả triệu người, đảng CSVN cho tới hiện nay vẫn không chia phe để giết nhau, dù bất đồng ý kiến thì thiếu gì (?)

Truyền thống thứ hai là khi thành công, nắm được chính quyền nơi đâu, thì đảng viên cán bộ được trao quyền cai trị nơi này phải là người địa phương, hoặc đã chiến đấu tại địa phương này lâu năm. Chức vụ đầu tỉnh (bí thư tỉnh ủy không thể trao cho một đảng viên ở nơi xa lại tới. Do truyền thống này, dù có thời kỳ đảng viên cán bộ của Mặt trận bị hất cẳng khá nhiều ra khỏi guồng máy thống trị, nói chung đảng viên miền Nam (gồm những người sinh trưởng ở miền Nam và những người gốc miền Bắc nhưng đã vào Nam sống và chiến đấu lâu năm, thí dụ như một Nguyễn Văn Linh, gốc Bắc rõ ràng, nhưng về thành phần chính trị, Việt Nam cũng như quốc tế vẫn xếp đương sự vào dân miền Nam).

Các Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy) được trao phó quyền hạn rất lớn, bao gồm luôn cả lập pháp lẫn hành pháp. Chính sách chung do Trung ương

Đảng ban hành, nhưng áp dụng như thế nào thì toàn quyền do Tỉnh ủy Thành ủy quyết định. Dân trong tỉnh được ăn đủ no, sản xuất tốt, Trung ương sẽ tuyên dương tỉnh ủy, dân đói và sản xuất tồi, cũng gõ đầu tỉnh ủy thành ủy trước tiên. Về an ninh thì phương sách cai trị theo lối sứ quân này hữu hiệu vô cùng. Tỉnh ủy muốn bắt ai thì bắt, báo cáo sau, nên trấn áp nhân dân rất hữu hiệu. Vị samourai sáng lập ra dòng họ chúa Đức Xuyên ở Nhật Bản đã để di chúc cẩm nang cho con cháu là phải cai trị theo lối này. Hậu quả là dòng họ Đức Xuyên cầm quyền chúa 300 năm (chữ văn hoa gọi là làm Tướng quân Mạc phủ) đến tận khi đụng độ với hạm đội tối tân của Mỹ do Perry chỉ huy.

Các đảng viên cán bộ Nam bộ quy tụ quanh ba đảng viên tiến bộ nhất, hướng về Tây phương nhiều nhất là Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Trần Bạch Đằng, tăng cường tùy thời điểm với Mai Chí Thọ, Võ Văn Kiệt, khi còn làm bí thư thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (chúng tôi tạm không dùng từ Sàigòn vì muốn nhấn mạnh thành phố Hồ Chí Minh có diện tích lớn hơn Sàigòn nhiều, bao gồm luôn các huyện Thủ Đức, Củ Chi, Gò Vấp, Bình Chánh và mở rộng ra tới biển với huyện Duyên Hải). Dùng quyền hạn sứ quân của mình, trong lúc Hànội còn chìm đắm trong đêm trung cổ kiểu Staline, Võ Văn Kiệt đã cho dân Sàigòn kinh doanh cá thể, cho mở các quán cà phê để nhạc Tây phương với đèn màu, nâng hối suất chính thức lên bằng hối suất chợ đen mỗi ngày để thu hút ngoại tệ, khuyến khích Việt kiều về du lịch, thăm quê hương và thân nhân, tăng lương cho công nhân viên cao nhất nước với lý do "phụ cấp đất đỏ". Cần ghi nhận lúc đó chưa hề có vụ Đông Âu nổi dậy nào hết mà phe Đổi mới đã tung hoành dữ dội trong những tỉnh mình quản lý rồi (các tỉnh ủy Tiền Giang Hậu Giang còn cho phép người của mình trực tiếp giao thiệp với ngoại quốc để mua nguyên vật liệu, sản phẩm cần thiết để tái sản xuất, không thông qua Bộ Ngoại thương ở Hànội). Mới đầu Trung ương miền Bắc còn ráng nhịn vì trong lý thuyết của Đảng có phương châm: *"Ai làm nhiều hưởng nhiều, ai làm ít hưởng ít. Ai không làm không hưởng,* ngoại trừ những người già, tàn tật hay mất sức lao động".

Các tỉnh phía Nam sản xuất được rất nhiều thứ có thể bán ra khắp nước và cả ngoại quốc nữa để kiếm ngoại tệ. Trung ương Đảng đòi chia những ngoại tệ này cho các tỉnh ngoài Bắc theo một tỷ lệ nào đó. Mới đầu thì không có chuyện gì, nhưng khi Trung ương đòi lấy tới 70% thì các tỉnh ủy miền Nam viện dẫn nguyên tắc "có làm có hưởng" nêu trên để từ chối. Riêng sự kiện đó đã đủ gây căng thẳng giữa Bắc và Nam, trung ương và địa phương rồi, Võ Văn Kiệt lại đi quá xa trên đường Đổi mới (xin nhắc lại lúc đó Gorbachev chưa cải tổ được gì nhiều ở Nga và vụ Đông Âu chưa xảy ra) bằng cách ra thông cáo tuyển mộ tất cả các sĩ quan chế độ cũ đi cải tạo về có bằng Cử nhân Luật hoặc tốt nghiệp Quốc gia Hành chánh để cho đi học một khóa Pháp chế Xã hội chủ nghĩa, trước khi bổ nhiệm làm Phó phường hành chánh cho các quận huyện thành phố Hồ Chí Minh. Tới đây phe bảo thủ giáo điều miền bắc đã đủ bằng cớ để kết án Võ Văn Kiệt vào tội "hữu khuynh và xa rời chuyên chính vô sản", để cách chức đương sự, đưa về Hànội cho làm một chức vụ ngồi chơi sơi nước trong nhiều năm.

Nhưng tình hình kinh tế mỗi ngày một suy đồi làm phe Đổi mới của miền Nam mỗi ngày một thắng thế. Thậm chí đến độ mỗi khi có vấn đề gì quan trọng, các tỉnh ủy miền Nam họp riêng với nhau một cách công khai trước khi họp với Trung ương. Và trên thực tế, Trung ương Đảng đành chấp nhận có hai thứ Việt Nam. Trên mọi văn bản chính thức, để tranh cái tiếng là không thống nhất, Đảng sử dụng từ ngữ mới là *"các tỉnh phía Nam"*. Khoảng năm 1985, lớp trẻ Sàigòn không ngạc nhiên gì cả khi đọc một thông cáo của Bộ Giáo dục đòi hỏi là học sinh muốn thi vô Đại học, phải là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhưng điều kiện này "không áp dụng cho các tỉnh phía Nam".

Trong một bối cảnh lịch sử như vậy, Thành ủy Sàigòn và các tỉnh ủy miền Nam đi đến một thỏa hiệp mới với cộng đồng Hoa. Thỏa hiệp này gồm có những điều khoản như thế nào thì chắc chúng ta phải đợi một thời gian nữa mới biết được. Căn cứ vào những gì được áp dụng trên thực tế, chúng ta có thể đoán được các điểm chính sau: chính sách kỳ thị người Hoa được chấm dứt toàn bộ, mọi cưỡng chế đi kinh tế mới không còn (những người đã lỡ đi trước đây được phép trở về nơi cũ), người Hoa được phép kinh doanh cũng như làm công nghiệp nhẹ trở lại. Nhưng dĩ nhiên không còn được tự tung tự tác và khép kín như trước 1975 nữa. Mỗi tổ hợp sản xuất, mỗi công ty của người Hoa đều phải có sự hiện diện của người Việt tại một số chức vụ của ban kỹ sư và giám đốc, tỷ lệ công nhân gốc Việt phải được duy trì. . . Người Hoa viện cớ cần nâng cao năng suất, xin được tuyển những người Việt có khả năng chuyên môn, lao động giỏi, phe Đổi mới cũng chấp thuận—ai cũng muốn biết nếu dùng cán bộ miền Bắc thì tổ hợp hay công ty cầm chắc phá sản với tốc độ phi mã.

Chính sự thỏa hiệp giữa phe Đổi mới và cộng đồng Hoa này đã làm nền kinh tế miền Nam phục hồi tương đối, đến độ vào thời kỳ Mai Chí Thọ tạm nắm quyền thành ủy Sàigòn, đương sự đã hãnh diện tuyên bố là dân số Sàigòn chỉ có bốn triệu mà tổng sản lượng về hàng hóa tiêu dùng đã chiếm 70% của cả nước. Người Hoa, tạm thời

LTS— Thế Uyên, nhà văn, đã có nhiều tác phẩm xuất bản ở trong nước trước 1975. Ông rời Việt Nam đến Mỹ, định cư tại tiểu bang Washington, từ 1988, đã viết lại, với ba tác phẩm xuất bản, và nhiều bài báo đăng trên các báo Việt ngữ hải ngoại, trong đó có những tùy bút, tạp ghi, truyện ngắn, ký, đăng trên nhật báo Người Việt và tạp chí Thế Kỷ 21.

Thế Uyên còn là nhà biên khảo. Trong bài "Thế lực kinh tế của người Hoa đối với Việt số 22" (đăng hai kỳ trên Thế Kỷ 21, số 21 và số sau), Thế Uyên cho thấy ông nặng lòng với đất nước, dân tộc, và làm việc với tinh thần trách nhiệm.

Độc giả có thể sẽ không đồng ý với quan điểm lịch sử và cách lý giải vấn đề "người Hoa" trong phạm trù kinh tế, chính trị. Nhưng chắc chắn chúng ta phải vui mừng khi thấy một vấn đề "gai góc", dễ bị ngộ nhận trong lúc này, đã được Thế Uyên đưa ra dưới ánh sáng của tự do tư tưởng, tự do phát biểu. Thế Kỷ 21 đón nhận những góp ý từ mọi phía.

Vì bài biên khảo này khá dài, nên tòa soạn cho đi hai kỳ báo. Sau đây là nội dung tóm lược toàn bài (để độc giả tiện theo dõi).

I. Người Hoa tại miền Bắc của Việt Nam.
II. Người Hoa tại miền Nam của Việt Nam:
A. Thời kỳ Nam tiến.
B. Thời kỳ Pháp thuộc.
III. Người Hoa sau tháng Tư, 1975:
A. Tại miền Nam.
B. Tại hải ngoại.
IV. Thử nhìn từ thập niên 90 sang thế kỷ 21.

được yên tâm sinh sống và làm ăn, đã huy động thêm vốn liếng và hàng hóa của Hồng Kông và Singapore, về sau thêm cả của Đài Loan nữa, để đầu tư và tồn tại. Với thỏa hiệp mới này, cộng đồng Hoa lại ăn nên làm ra trông thấy, sung túc hơn người Việt địa phương nhiều. Tại bất cứ một nơi giải trí nào, từ vũ trường, hàng quán, đến các trung tâm giải trí lớn như khu hồ Kỳ Hòa (Viện Hóa Đạo, Việt Nam Quốc Tự cũ), Đầm Sen (thuộc quận 6) cho tới Đà Lạt, Long Hải, Vũng Tàu, người Hoa chiếm đa số hiện diện. Dĩ nhiên là họ thôi không vượt biên nữa. Có thể nói từ khi có thỏa hiệp giữa phe Đổi mới và cộng đồng Hoa, người Hoa thường chỉ rời Việt Nam bằng diện ODP đoàn tụ gia đình mà thôi.

Nhưng dù cộng đồng Hoa đã phục hồi về phương diện kinh tế, họ vẫn không nắm được ưu thế tuyệt đối như thời trước 1975. Tại miền Nam, đây là lần đầu tiên trong lịch sử, kể từ khi có vụ thảm sát của Tây Sơn ở Biên Hòa, cộng đồng gặp một đối thủ mạnh hơn mình. Họ đã phải thỏa hiệp với ít nhiều thua thiệt để tồn tại. Và dĩ nhiên, là người Hoa thuần thục trong việc giao thương quốc tế, họ đã dần dà tạo dựng được *một thế lực kinh tế* tứ giác ngấm ngầm: Sàigòn, Hồng Kông, Singapore, và Cali (USA) và vai trò của họ, trong sự phát triển của tình hình chính trị quốc tế hiện tại, sẽ mỗi ngày một mạnh hơn, mở rộng sẵn sang thế kỷ 21.

B. Tại hải ngoại

Người Hoa ra hải ngoại lập nghiệp cũng có những vấn đề khó khăn riêng của họ. Dĩ nhiên dù định cư tại Úc, Canada, Pháp hay Hoa Kỳ, điều đầu tiên họ làm là thiết lập quan hệ với cộng đồng Hoa cố cựu tại các nơi này. Đến lúc đó mới nảy sinh một sự kiện bất ngờ là người Hoa khám phá ra rằng, do sự đồng hóa từ từ ôn hòa trong 21 năm của Việt Nam Cộng Hòa, họ đã bị Việt hóa khá nhiều mà không hay. Bởi thế, cùng là gốc Hoa cả, nhưng giữa những người Hoa gốc Việt và những người Hoa cố cựu như tại California chẳng hạn, khoảng ngăn cách không phải là nhỏ. Trong sinh hoạt, trong tập quán, nhất là do nói giỏi tiếng Việt, họ thấy họ gần gũi nhiều những người Việt di tản di dân và tị nạn. Từ tình trạng này nẩy sinh một hiện tượng khá phổ biến: một thành phần quan trọng của người Hoa đã dựa vào vốn liếng của cộng đồng Hoa cố cựu tại địa phương để mở những cơ sở kinh doanh hướng về người Việt. Làm như thế, họ dễ thành công vì có ưu thế trội bật là giỏi tiếng Việt và am hiểu phong tục tập quán cũng như thói quen ẩm thực của người Việt.

Địa hạt đầu tiên họ thành công dễ dàng nhất là địa hạt ẩm thực. Ở Việt Nam nội địa cho tới giờ cũng chẳng thấy ai chê các quán ăn Tàu, kể cả các đảng viên cán bộ của đảng CSVN. Các tiệm ăn lớn nổi danh từ thời trước tháng Tư, 75 vẫn cứ tồn tại và phát đạt, từ Đồng Khánh, Bát Đạt tới Tân Lạc Viên. Ở hải ngoại, người Việt lại chẳng có lý do gì để chê các tiệm ăn Tàu. Địa hạt thứ hai họ cũng thành công dễ dàng là địa hạt cung cấp phẩm vật Á Châu, nhất là Việt Nam, cho dân Việt địa phương. Các chợ Á Châu, các *Oriental market* xuất hiện khắp thế giới. Với những thực phẩm sản phẩm người Tàu người Việt cùng thích thì quá dễ giải quyết. Đối với những sản phẩm mà chỉ người Việt mới thích, thí dụ như các món mắm, thì đã có Thái Lan để đặt hàng. Với số vốn lớn vô cùng tận của cộng đồng Hoa cố cựu, những người Hoa đi sau hợp tác với người đi trước lập được một hệ thống du nhập và phân phối hàng hóa Á Châu vô cùng trải rộng. Có thể nói không một chợ Á Châu nào, dù là do người Việt làm chủ, lại không nằm trong hệ thống phân phối này. Có thể nói trước tháng Tư, 75, cộng đồng Hoa ở nội địa Việt Nam, đã nắm toàn bộ hệ thống tạp hóa và phân phối như thế nào thì hiện nay ở hải ngoại, dù ở Mỹ hay Úc, người Hoa cũng đã thành công như thế.

Một dịch vụ nữa, có thể nói là dịch vụ của thời hiện đại, là dịch vụ gửi quà và chuyển tiền về Việt Nam, người Hoa cũng khống chế toàn diện dễ dàng. Lý do phát xuất từ hoàn cảnh nhất định của thời kỳ 1978-80: người Hoa rời Việt Nam, dù đi bán chính thức hay đi chính thức, đều bị công an và quan thuế khám xét rất kỹ. Dấu vài ba ngàn đô la tiền giấy thì còn có thể được, chuyển toàn bộ tài sản của mình ra hải ngoại thì rất khó. Những người Hoa được ra đi tạo ra giải pháp *chuyển của* rất độc đáo: họ trao tiền bạc quý kim cho những người Hoa ở lại, lấy một receipt bé xíu, đôi khi cũng chẳng cần mẩu giấy này, một lời nói, một điện thoại hay điện tín xuyên lục địa nói bằng ám hiệu cũng là đủ để khi tới nơi tái định cư, thân nhân của người Hoa kia sẽ trao đủ lại bằng ngoại tệ địa phương hay quý kim tương đương.

Người Hoa dù ở đâu trên thế giới đều giữ chữ tín rất cao, bởi thế hệ thống chuyển của này hoạt động hữu hiệu. Người Việt bèn xin ké vô, dĩ nhiên với điều kiện chịu sở phí cần thiết, thường là 10 đến 15% số tiền gửi. Lý do là trong rất nhiều năm, ngoại trừ thời kỳ Võ Văn Kiệt nắm Thành ủy Sàigòn và thời kỳ kể từ khi Nguyễn Văn Linh lên nắm Tổng Bí thư đảng (từ 1987), hối suất dành cho thân nhân gửi tiền về giúp đỡ gia đình quá thấp, thiệt thòi cho cả hai bên bờ đại dương. Vậy tại sao lại không nhờ người Hoa, dù có tổn phí, nhưng bà con quê nhà sẽ nhận được tiền theo hối suất chợ đen thường cao hơn rất nhiều hối suất chính thức?

Một dịch vụ nữa cũng rất lời là dịch vụ gửi quà, gửi thuốc men. Cái gì chứ thuốc men thì cần vô cùng nên ngay cho dù ở thời kỳ phe bảo thủ giáo điều, vừa theo Staline vừa theo Mao, chính quyền CSVN cũng vẫn phải mở cửa cho thuốc men về. Liên Xô chỉ có một thứ thuốc để viện trợ cho Việt Nam là thuốc chống sốt rét, uống một viên vô là thấy trời đất quay cuồng liền, nằm lết bết cả buổi mới hoàn hồn. Trong những năm đầu của thập niên 80, người Hoa nắm cả hai đầu, đầu hải ngoại lẫn đầu Việt Nam. Mãi sau này phe Đổi mới mới cho người của họ nhảy ra chia sẻ bớt đầu Việt Nam, dưới dạng các công ty đôi khi mang cái tên cầu kỳ rắc rối như thần chú, thí dụ như "*Công ty Cung ứng Vật tư Y tế thành phố Hồ Chí Minh*".

Nhưng dù là quà hay thuốc men, thì cũng chỉ là sản phẩm tiêu thụ, tiêu dùng, sự lời lãi dễ nhìn thấy và dễ tính toán. Nhưng về chuyện gửi tiền, thì do hoàn cảnh độc đáo của Đông Nam Á và Việt Nam, mọi sự phức tạp hơn nhiều. Lấy thí dụ 100 đô la Mỹ do một ông chồng Việt ở Cali gửi cho vợ ở Sàigòn chẳng hạn. Trước hết là số tiền này có thể không hề ra khỏi Hoa Kỳ. Người Hoa nhận tiền Mỹ chỉ báo cho đầu dây ở Sàigòn địa chỉ người nhận. Người Hoa Sàigòn chỉ việc mang số tiền Việt tương đương với hối suất chợ đen ngày hôm đó (hối suất chợ đen to tứ giác người Hoa: Sàigòn-Hồng Kông-Singapore-USA ấn định) cho bà vợ Sàigòn. Thế là xong, ba bên cùng vui vẻ, cùng có lợi. Chỉ có đảng CSVN là thiệt vì không sơ múi gì trong hệ thống chuyển tiền độc đáo này—bởi thế sau 86 họ đã phải nâng hối suất chính thức lên bằng hối suất chợ đen (xin nhắc lại hối suất này do người Hoa quy định) để cạnh tranh giành số ngoại tệ này với người Hoa.

Ba bên cùng có lợi đã là nhiều. Trên thực tế đôi khi tới bốn bên cùng có lợi, chứ không phải là ba. Phe thứ tư là Hồng Kông hay Singapore, đôi khi thêm một chút Thái Lan. Lý do vì đầu dây ở Sàigòn chỉ phải trao cho thân nhân người gửi tiền tiền Việt Nam, chứ không phải đồng đô la Mỹ, Canada hay Úc. Bởi thế đã có hiện tượng đầu dây Sàigòn nhập cảng hàng hóa của Hồng Kông và Singapore (do người Hoa sản xuất tất nhiên), bán đi lấy tiền Việt trao cho thân chủ. Xét về phương diện này, ông chồng Việt đi cày hai *job* ở California đâu có ngờ khi mình gửi tiền về nuôi vợ con ở miền Nam, lại đóng góp một phần vào việc làm thịnh vượng cho "ngũ hổ kinh tế" của Đông Á.

Đó là phần nhận định về hoạt động kinh tế của người Hoa kể từ khi xuất ngoại sau tháng Tư, 75. Còn về phía người Việt? Dĩ nhiên người Việt cũng năng nổ hoạt động, lao động và kinh doanh như ai. Nhưng lại vẫn chữ nhưng tai hại này, với nhiều thua thiệt ngay tự khởi điểm.

Trước hết những tư sản Việt ở Việt Nam Cộng Hòa đã không nhiều và giàu bằng tư sản Hoa, lại hoảng hốt di tản nên số tài sản mang theo không được nhiều—xin nhắc là người Hoa mãi vài năm sau mới đặt vấn đề ra đi, đủ thì giờ chuẩn bị và chuyển của cải vốn liếng. Còn về các tướng tá tham nhũng, trước 75 một nhật báo lớn Sàigòn đã thử liệt kê xem có bao nhiêu ông "tướng bẩn" tích lũy được một triệu đô la ở ngoại quốc, thì mặc dù nhà báo có khuynh hướng hay phóng đại một chút cho giật gân, danh sách đưa ra không quá 10 người. Giả thử sau khi di tản, các tướng tá đó có giữ nguyên được một triệu ấy, thì số tiền ấy không phải là lớn để đầu tư ở Hoa Kỳ hay Canada. Mua một cái nhà bốn phòng ngủ (có vị tướng tá nào có dưới năm con chăng?), trang bị xong, mua một cái xe mới, mở một tiệm vàng hay tiệm ăn cỡ trung nữa là thấy đã cạn tiền mặt dự trữ.

Có thể nói tài tham nhũng cao hơn tài cầm quân của mấy tướng tá đó đã góp phần quan trọng trong việc đưa miền Nam đến chỗ sập tiệm, nhưng mức độ tham nhũng, khả năng tham nhũng của các vị này thua xa một ông Marcos của Phi Luật Tân (báo chí Mỹ ước định hai vợ chồng ông này đỡ nhẹ của Mỹ và dân Phi từ 500 triệu đến một tỷ đô la) hay một vài nhà độc tài khác ở Trung và Nam Mỹ trước đây. Vậy số hàng

quán đông đảo của cộng đồng Việt hiện nay phát xuất chủ yếu từ một nguồn vốn khác, chân chính hơn. Thường thường là cả hai vợ chồng đi làm ba job, ăn tiêu tiện tặn để tích lũy trong nhiều năm một số vốn từ 50,000 đến 100,000, rồi vay thêm ngân hàng mà đầu tư vào một số cơ sở Mỹ gọi là *small business* (Mỹ định nghĩa *small business* là cơ sở mượn từ 500 nhân viên trở xuống), thường là một tiệm ăn, tiệm phở, đôi khi một chợ Á Châu nhỏ, hoặc một cây xăng, sử dụng không quá 10 nhân viên đa số là con cháu.

Đã kinh doanh thì ai cũng ham kinh doanh cái gì nhiều lời, và lời nhanh. Người Việt thấy dịch vụ gửi tiền quà là một dịch vụ "thơm" bậc nhất nên một số thương gia Việt đã nhảy vô tranh thương với người Hoa trong địa hạt này. Dĩ nhiên người Việt là một đối thủ lợi hại của người Hoa, nhưng người Việt chưa kịp phát triển rộng hệ thống của mình thì bị đụng đầu với các "Ủy ban chống Kinh tài Cộng sản".

Những người ôn hòa của các ủy ban này thì chỉ hô hào, biểu tình, dựng hàng rào người cản trở khách hàng ra vô. Một số thành phần quá khích ưa bạo động khủng bố thì đi xa hơn là một sự chụp nón cối: họ đốt nhà, đốt xe, phá hoại một loạt năm cửa hàng chuyển tiền gửi quà của người Việt tại tiểu bang California. Những hoạt động khủng bố này không nhằm gây đổ máu, mà chỉ nhằm mục tiêu *không cho người Việt kinh doanh* trong việc gửi quà, chuyển tiền về Việt Nam. Còn người Hoa thì cứ việc kinh doanh thoải mái tiếp tục, và lần này độc quyền, một mình một chợ.

Cả nhà đi cầy ba bốn job, bận đến độ vợ chồng không còn sức khỏe và thì giờ ngủ với nhau nữa mới tích lũy được một số vốn khiêm tốn để kinh doanh. Vậy không ai dại gì mở cửa tiệm gửi tiền gửi quà hay kinh doanh bất cứ dịch vụ liên quan chính thức tới nội địa Việt Nam nữa. Sự kiện này làm chúng ta nhớ tới phong trào "tị địa" của các nhà ái quốc chân chính nhưng bảo thủ diều hâu của Nam kỳ khi quân Pháp xâm chiếm miền Nam. Thời kỳ đó, chính người Việt đã làm cho người Việt bỏ trống chỗ trên địa hạt kinh tế cho người Hoa độc quyền cả nửa thế kỷ, với hậu quả đến giờ vẫn chưa gỡ xong một cách thỏa đáng. Bây giờ, sang thập kỷ 80 và 90, hiện tượng đó lại xảy ra một lần nữa.

Một chuyên gia kinh tế nhận xét rằng hiện tượng người Việt ra khỏi mọi hoạt động kinh doanh hướng về nội địa Việt Nam không phải chỉ vì khoản thương vụ một năm 700 triệu Mỹ kim (quà và tiền) hiện nay mà nhằm những con số thương vụ của những dịch vụ sẽ có trong tương lai. Sự phong tỏa kinh tế CSVN của Mỹ và một số đồng minh vẫn được duy trì thực chất không phải vì những truyện MIA, Cao Miên hay cải tạo và nhân quyền chưa được giải quyết. Chuyên gia này, vốn dân kinh tế gia tốt nghiệp Đại học Mỹ, cho rằng Mỹ thực ra đang chờ đảng CSVN biến đổi, đưa ra một siêu Đặng Tiểu Bình với *bát hiện đại* kiểu Việt Nam, lúc đó sẽ tái lập bang giao.

Tình hình quốc tế hiện nay, nhất là sau vụ Đông Âu, cho thấy điều kiện của Mỹ không phải ảo tưởng xa vời. Và sau bang giao bình thường Mỹ-Việt nội địa được thiết lập thì nhiều dịch vụ doanh thương lớn sẽ được tung ra. Dịch vụ đầu tiên hay được bàn tới ngay từ bây giờ là dịch vụ du lịch Việt Nam. Bây giờ bộ Ngoại giao Mỹ còn xếp Việt Nam vào vùng đất "nguy hiểm" cho du lịch (đi khảo cứu, dò thị trường, đi dạy học, chữa bệnh cho dân nghèo hay thăm bà con họ hàng hoặc lấy vợ. . . thì cứ việc tùy nghi), dân Mỹ đi *vacation* vẫn tránh vùng đất này. Nhưng một khi có bang giao bình thường thì lại khác. Một chuyên viên về du lịch của CSVN, tốt nghiệp tại một nước Đông Âu, đã đăng một bài biên khảo tính toán như sau: Với lối đổi quân và thay phiên phục vụ của quân đội và chính quyền Mỹ trước đây, bốn triệu người Mỹ đã đến phục vụ tại Việt Nam. Những người ấy đa số đều muốn trở về vùng đất của "*Vietnam War*" thăm ít nhất một lần nữa. Bây giờ đã đứng tuổi, tài chính đa số vững vàng, họ sẽ đi cùng vợ con, ước lượng chung là 12 triệu người Mỹ sẽ đến du lịch Việt Nam trong thập niên 90. Mỗi người chi ra trung bình 3,000 đô la, 3,000 nhân với 12 triệu là. . . từng này ngoại tệ.

Con số của ông chuyên gia về du lịch Đông Âu kia đưa ra không phải là quá đáng. Vậy ai sẽ đứng ra lo cho 12 triệu ông bà Mỹ đi du lịch Việt Nam đây? Ông bạn chuyên gia kinh tế nói trên, có lẽ không cảm tình với người Hoa cho lắm, nhận xét rằng chắc chắn sẽ do những người Mỹ da trắng hợp tác với người Hoa để cùng làm. Lời lãi chia nhau. Còn người Việt, với thế hệ sau học giỏi, cónhiều bằng chuyên môn thì mướn các cô cậu đó làm công cho mình trong văn phòng, với thế hệ già, nhất là sĩ quan cải tạo sang sau thì mướn cho làm một chân *janitor* hay *custodian*. . .

Phần chót: Thử nhìn từ thập niên 90 sang thế kỷ 21

Nhìn về nội địa Việt Nam *về phương diện thuần túy kinh tế*, tương lai của dân tộc Việt không mấy khá. Đảng CSVN đã đổi mới quá chậm, cũng như các vua quan triều Nguyễn trước đây đã đặt vấn đề duy tân quá muộn màng. Trong tương lai, giả thử đảng CSVN có xoay một vòng táo bạo như tại Liên Xô hay hơn nữa, như Ba Lan, Hung. . . chăng nữa, thì cũng là quá trễ.

Quá trễ vì nhiều lý do khác nhau. Trước hết là lý do nội bộ. Chính sách bế quan tỏa cảng kéo dài quá lâu làm thui chột mọi tài năng của các thế hệ kế tiếp, chính sách giáo dục đặt sai chủ đích, quá nặng về chính trị, nên không đào tạo được một tầng lớp chuyên viên tối cần thiết cho việc phát triển quốc gia. Thứ hai là lý do vị trí

kinh tế hiện nay của Việt Nam trong vùng Đông Á quá thấp kém. Phía Bắc có Nhật Bản quá hùng mạnh, điều đó không còn gì để thắc mắc. Nhưng bây giờ lại có sự xuất hiện của *ngũ hổ kinh tế Châu Á* là Nam Hàn, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore và Thái Lan. Không ai chối cãi sự cần thiết của chín năm chống Pháp giành độc lập, nhưng đảng CSVN đã vô cùng lầm lẫn khi phát động cuộc chiến chống miền Nam và Mỹ. Đã thế 200 ông già Minh Mạng trong Ủy ban Chấp hành Trung ương Đảng lại còn lầm lẫn gây gổ để chia lìa với Trung Hoa lục địa và sa lầy vào cuộc chiến tranh tiêu hao ở Cao Miên. . . Trong lúc tả xung hữu đột tùm lum như thế thì các nước Châu Á khác đã cố gắng xây dựng thành công cho nước mình một nền kinh tế khá phồn thịnh. Bây giờ sang thập kỷ 90, Việt Nam mới bắt đầu nhập cuộc về kinh tế với một dân tộc nghèo mạt rệp, mất sức lao động và không có khả năng kỹ thuật cao, làm sao cạnh tranh cho lại những nước trong vùng Đông Á.

Cái phao cứu sinh từ bao nhiêu năm của CSVN là Liên Xô thì bây giờ với chính sách của Gorbachev từ bỏ việc thực hiện cách mạng vô sản trên toàn thế giới để lo cho dân Nga đủ bánh mì ăn no và áo ấm về mùa lạnh trước đã, việc viện trợ cho các nước anh em trong đó có Việt Nam sẽ giảm xuống mức tối thiểu. Quay về phía Mỹ thì cường quốc này đương nhiên có những điều kiện của họ, trong đó điều kiện gay nhất thường không được nói ra vẫn là Việt Nam phải có *những người lãnh đạo mới và một thể chế mới* bảo đảm sinh mạng những kiều dân Mỹ và bảo đảm những tài sản Mỹ cùng vốn đầu tư vào Việt Nam. Và cho dù trong những năm tới đảng CSVN có chấp nhận biến hình đổi chất như Ba Lan hay Hung chăng nữa thì *"thời của Việt Nam"* cũng đã qua rồi. Số tiền có thể dùng cho ngoại viện, số vốn có thể dùng để đầu tư của Mỹ đã bị thu hút hầu hết về Trung Quốc, Đông Âu và cả Liên Xô nữa, đâu còn bao nhiêu cho Việt Nam.

Cuộc chiến tranh lạnh chấm dứt mang lại đủ thiệt thòi cho những quốc gia thuộc thế giới thứ ba. Một giáo sư sử gia Mỹ đã ngậm ngùi nhận xét: ngay cả từ ngữ "thế giới thứ ba" cũng không còn ý nghĩa sau khi chiến tranh lạnh đã đi qua. Hãy nhìn một Cam Ranh thì rõ. Chẳng ai ép buộc gì hải quân Liên Xô cũng rút khỏi Nam Thái Bình Dương trở về biển Bắc xa vời. Phía Mỹ cũng thế, ngay căn cứ Subic Bay ở Phi bây giờ cũng chẳng còn là tối cần thiết: đã hòa với Trung Quốc, nay lại hòa cả với Liên Xô, đâu cần duy trì những căn cứ không hải lực tốn kém như thế nữa. Nói chi tới một vịnh Cam Ranh của Việt Nam. . . Do đó có thể nói không sợ sai cho lắm là Việt Nam Sẽ Là Một Vùng Đất Bị Lãng Quên Trong Thập Kỷ 90 của thế kỷ này.

Vẫn xét về phương diện kinh tế,con đường thoát cuối cùng, chẳng vinh quanh gì nhưng hy vọng là sẽ mang lại đủ cơm ăn áo mặc tối thiểu cho dân là con đường hướng về vùng Bắc Mỹ bên kia Thái Bình Dương. Nếu những người lãnh đạo tương lai ở Việt Nam sáng suốt chọn sớm con đường này ngày nào thì dân Việt Nam được nhờ ngày ấy. Còn nếu ngoan cố duy trì đường lối bảo thủ diều hâu bắt nguồn từ thời Minh Mạng, thì thế giới cũng như hàng xóm láng giềng ở cõi Đông Á sẽ để mặc cho dân Việt ăn đói mặc rách sang thế kỷ 21 luôn.

Cũng đứng về phương diện kinh tế nhìn về các cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại, chúng ta thấy rõ các cộng đồng này còn quá trẻ và nghèo, *nếu so sánh với* những cộng đồng Hoa, Nhật, Phi hay Đại Hàn. Các thành viên của cộng đồng còn phải ráng vượt chặng đầu tiên của công cuộc di dân lập nghiệp, chưa thể tham dự hữu hiệu vào các chính quyền địa phương do đó cũng chẳng thể tác động bao nhiêu vào bất cứ chính sách nào của các quốc gia mình định cư. Cũng do đặc tính là còn nghèo, cộng đồng Việt không có khả năng tài chính để tài trợ bất cứ một công cuộc lớn nào, dù là công cuộc phục quốc hay quang phục. Chúng ta đừng quên rằng nếu dân tộc Do Thái thành công trong việc phục hồi quốc gia Israel ở Palestine, thì nguyên nhân chính vẫn là do thế lực kinh tế mạnh ghê rợn của họ ở các nước Âu Châu cũng như Bắc Mỹ.

Cái vốn lớn nhất của cộng đồng, và cũng là thứ vốn có thể dùng để yểm trợ cho dân tộc Việt Nam nội địa trong tương lai là thành phần chuyên viên kỹ thuật của thế hệ thứ hai. Bây giờ thành phần *quân phiệt bảo thủ diều hâu* còn đang cố gắng dùng mọi cách, kể cả bạo lực và khủng bố để khống chế cộng đồng, thì thành phần chuyên viên ấy chưa xuất hiện rõ nét, chưa vươn lên được hàng lãnh đạo. Nhưng với tương lai không xa lắm, có thể trong những năm cuối cùng của thế kỷ này, những ông Minh Mạng ở nội địa và những ông Minh Mạng ở hải ngoại ấy cũng sẽ bị đào thải, đào thải, vì tuổi tác đã cao và đào thải vì mình đã trở thành những kỳ đà cản mũi tiến về phía trước của cả một dân tộc đầy sức sống như Việt Nam.

Đến lúc đó thế hệ lãnh đạo mới của Việt Nam nội địa cũng như Việt Nam hải ngoại đều sẽ phải giải quyết một dữ kiện kinh tế không thể xóa bỏ được là Thế Lực Kinh Tế Của Người Hoa như đã trình bày trong bài này. Dù gì thì gì, thể chế hay chính sách gì chăng nữa, tương lai của Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ tùy thuộc rất nhiều ở cách thế chúng ta giải bài toán kinh tế này trong những năm sắp tới. K

THẾ UYÊN

Tháng Chín, 1990

Thời sự tháng qua

LÊ THỤY

Năm 1991 và Tân Mùi đã khởi đầu một cách đầy lo âu và vất vả đối với Việt Nam, tình trạng kinh tế ngưng trệ ngày càng trầm trọng hơn tại Hoa Kỳ và nhiều nước khác trên thế giới, trong khi cuộc khủng hoảng vùng Vịnh Perse, nay càng đến gần vực thẳm của chiến tranh hơn.

Năm "Con Ngựa" đã đi qua, nhưng năm "Con Dê" đi tới, đã chẳng mang đến được bao nhiêu lạc quan, sáng sủa... như mọi người vẫn hằng mong đợi ở tuổi con vật này.

Việt Nam với bao nhiêu khó khăn trước mặt

Kể từ đầu năm 1991, Liên Xô—quốc gia đồng minh thân thiết và viện trợ chủ yếu cho Cộng Sản Việt Nam từ bấy lâu nay, đã chính thức thay thế việc viện trợ và trả nợ lâu dài, bằng sự mậu dịch đặt trên căn bản thương mãi thuần túy.

Từ đây kết thúc chế độ viện trợ dễ dãi, bán như... cho, mà Việt Nam sẽ phải mua mọi thứ của Liên Xô, từ xăng dầu, đến nguyên vật liệu (sắt, thép, bông...), phân bón, hóa chất ... đều phải thanh toán bằng ngoại tệ mạnh (chủ yếu là dollar, chứ không còn là đồng Roubles!) và phải theo giá thị trường quốc tế.

Cho đến năm 1990, Liên Xô vẫn cung cấp cho cộng sản Việt Nam tất cả các nhu cầu về bông sợi, 90 phần trăm nhu cầu về xăng dầu, 80 phần trăm các loại phân bón. . . mà dù với giá "thỏa thuận" cũng đã phải chi trả đến 1.3 tỉ đô la rồi!

Với giá thị trường và thanh toán bằng ngoại tệ mạnh, tức tăng ít nhất gấp ba giá trị trên, thì làm sao Việt Nam có thể trả cho được, trong khi họ chẳng còn nguồn ngoại tệ nào khác hay số hàng hóa nào để xuất cảng thêm nữa cả!

Hôm 27 tháng Chạp, bản tin của thông tấn xã Cộng Sản Việt Nam VNA thuật lại lời của Đỗ Mười, Thủ tướng, cho biết hiện nay Việt Nam khan hiếm ngoại tệ trầm trọng nên quyết định đình chỉ tất cả việc nhập cảng các loại hàng hóa không cần thiết trong năm 1991.

Theo Đỗ Mười, hàng năm, Việt Nam vẫn phải nhập cảng đến ba triệu tấn dầu và sản phẩm dầu, 2.5 triệu tấn phân bón, 400,000 tấn sắt và thép, 60,000 tấn bông cùng các khối lượng lớn về hóa chất và trang thiết bị khác. . .

Ngoài việc cắt đứt việc nhập cảng các loại hàng hóa "không cần thiết", mà đứng đầu là xe hơi, xe gắn máy... Đỗ Mười cho biết thêm là Nhà nước cũng đã nghĩ đến việc giảm bớt số công nhân viên. . . đương nhiên sẽ tăng thêm lực lượng cho khối người thất nghiệp của Việt Nam hiện nay đã lên đến xấp xỉ sáu triệu người.

Chính từ tình hình thất nghiệp này, mà Việt Nam đã đình chỉ việc giải ngũ một số bộ đội vì không muốn tung ra xã hội một số người không nghề nghiệp cụ thể và tiếp tục thất nghiệp nữa.

Kinh tế xuống thấp, chính trị cứng ngắc

Trong khi đó, tình hình kinh tế của Việt Nam tiếp tục đi xuống thêm, không phương cứu vãn.

Tuần báo "Thanh Niên", phát hành tại Sàigòn trong tuần lễ từ 23 đến 30 tháng Mười Hai, 1990 cho biết giá sinh hoạt tại Sàigòn nói riêng và toàn Việt Nam nói chung, tiếp tục tăng thêm làm cho đời sống dân chúng ngày càng điêu đứng hơn.

Tuần báo "Thanh Niên" ghi nhận: "Giá vàng tại thành phố HCM tăng từng ngày", và cho biết giá mới nhất là 329,000 đồng VN/chỉ, tại thành phố này.

Tờ báo cũng cho biết giá vàng tại các thành phố khác nhau. . . thấp nhất 325,000 đồng/chỉ, tại Cần Thơ và cao nhất 352,000 đồng/chỉ, tại Hà Bắc.

Vẫn theo tuần báo này, giá đô la tại Sàigòn hiện nay là 7,230 đồng đổi một đô la Mỹ, tức tăng 200 đồng so với ngay tuần trước.

Ngân hàng Ngoại thương cũng điều chỉnh giá chính thức, từ ngày 18 tháng Mười Hai: mua vào 6,800 đồng/đô la và bán ra 6,890 đồng/đô la.

Báo "Thanh Niên" cũng đăng tiếp là giá một số mặt hàng thông dụng khác, như: gạo trắng tại Sàigòn, Nha Trang: 1,500 đồng/kg, Hànội: 1,850 đồng/kg, Long Xuyên: 1,350 đồng/kg... Ngoài ra, các tờ "Sàigòn Giải Phóng" và "Tuổi Trẻ" cũng cùng lúc đăng tải chỉ thị của Ủy ban Nhân dân Thành phố HCM, kêu gọi các ngành, các cấp có trách nhiệm tổ chức cho dân chúng vui Tết Tân Mùi "không được tổ chức xa hoa, phung phí tiền của, chống nhậu nhẹt say sưa, cờ bạc, mê tín. . ."

Chỉ thị này cho dân đốt pháo trong ba ngày tết nhưng "cấm các cơ quan nhà nước, các đơn vị kinh tế quốc doanh, lực lượng võ trang, các đoàn thể đốt pháo trong mọi trường hợp".

Hôm 21 tháng Chạp, tờ báo

"Nation" của Thái Lan, đăng tải nội dung cuộc phỏng vấn Đỗ Mười, thì ông này đã lập lại lập trường cũ rích của mình là "Bác bỏ mọi triển vọng về một hệ thống chính trị đa nguyên sẽ được thiết lập tại Việt Nam".

Đỗ Mười cho biết "Các sự đổi mới chính trị sẽ chỉ được cho phép, nếu nằm trong khuôn khổ của Đảng Cộng Sản Việt Nam".

Cùng lúc, Đỗ Mười cũng nhìn nhận:

"Trong thời gian gần đây *có một số người* tại Việt Nam đã tỏ ra mong muốn có một chế độ đa nguyên chính trị ở trong nước".

Nhưng Đỗ Mười khẳng định tiếp rằng:

"Một chế độ đa nguyên sẽ chỉ đưa đến *hỗn loạn* và làm cho dân chúng *đau khổ thêm*." Nói về Đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam, kỳ VII, sẽ được triệu tập vào tháng Năm này, Đỗ Mười cho biết Đại hội này cũng sẽ thảo luận về các đường hướng chính trị tương lai cho Việt Nam, tuy nhiên chắc chắn không phải là một chế độ đa nguyên rồi!"

Võ Văn Kiệt, phó Thủ tướng, cũng nhìn nhận trong khóa họp cuối năm 1990 của Quốc hội Cộng Sản Việt Nam:

"Năm 1991 là năm khởi đầu cho một giai đoạn cực kỳ khó khăn, nếu đảng và nhà nước không kịp thời nhận rõ và cải thiện trên mọi lãnh vực, đặc biệt trên lãnh vực kinh tế và chính trị trong nước".

Kinh tế Hoa Kỳ ngưng trệ

Trong cuộc phỏng vấn đầu năm 1991, dành cho nhà báo David Frost, của hệ thống truyền hình PBS, Tổng thống Hoa Kỳ George Bush nhìn nhận là nhiều phần của nền kinh tế Hoa Kỳ rõ ràng đã rơi vào sự ngưng trệ. Tuy nhiên theo ông tình hình vẫn được mô tả là nhẹ nhàng và sẽ "chấm dứt chỉ trong vòng vài tháng nữa mà thôi".

Sự nhìn nhận của Tổng thống Bush được đưa ra giữa lúc có các bản báo cáo kinh tế cho thấy các sự sa sút rõ rệt, cộng với sự gia tăng thất nghiệp—những hiện tượng mà một phần đã do cuộc khủng hoảng vịnh Perse gây nên.

Nhiều kinh tế gia tiên đoán tình hình trì trệ kinh tế này sẽ tiếp tục kéo dài ít nhất đến giữa năm 1991.

Ông Michael Boskin, Giám đốc Hội đồng Tư vấn Kinh tế của Hoa Kỳ, trên chương trình "Today" của hệ thống truyền hình NBC, cho rằng: "Nền kinh tế có vẻ đang lâm vào tình trạng trì trệ thật, tôi nghĩ rằng thời gian trì trệ sẽ khá ngắn và tam cá nguyệt tệ nhất của sự trì trệ này, có lẽ là tam cá nguyệt cuối cùng của năm 1990 vừa qua".

Giám đốc Boskin cho rằng cuộc khủng hoảng vùng vịnh Perse là nguyên nhân chính của các khó khăn trong nền kinh tế, và tình hình vùng vịnh Perse sớm khả quan chừng nào, nền kinh tế Hoa Kỳ sớm phục hồi chừng ấy.

Trong khi đó, Bộ Lao động Hoa Kỳ hôm 4 tháng Giêng loan báo là tỉ lệ thất nghiệp tại Hoa Kỳ đã đạt đến mức cao nhất từ hơn ba năm nay, trong tháng Chạp 1990, với 6.1 phần trăm. Tính ra đã có hơn một triệu người gia nhập đạo quân thất nghiệp tại Hoa Kỳ, kể từ tháng Sáu 1990 cho đến cuối năm này.

Bộ Lao động Hoa Kỳ cho biết trong tam cá nguyệt cuối cùng của năm 1990, đã có đến 515,000 người mất công việc làm, trên toàn quốc Hoa Kỳ, cũng là tam cá nguyệt có số người mất công việc làm cao nhất, tính từ tam cá nguyệt của thời kỳ suy thoái sau cùng của nền kinh tế Mỹ, vào các năm 1981, 1982.

Một cuộc thăm dò của tuần báo "Newsweek" trong tuần lễ đầu năm 1991, trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ, cho thấy có ít nhất là bốn trong năm người Mỹ được thăm dò, đều nghĩ rằng tình trạng ngưng trệ kinh tế đang diễn ra trên toàn nước Mỹ. (84 phần trăm số người trả lời cuộc thăm dò cho rằng Hoa Kỳ đang ở trong tình trạng ngưng trệ kinh trệ).

Tình hình vùng vịnh cực kỳ căng thẳng

Trong khi ngày càng đến gần thời hạn cuối cùng để buộc Iraq phải rút hết quân xâm lược ra khỏi Kuwait, theo nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, là ngày 15 tháng Giêng, thì hiểm họa một cuộc chiến bùng nổ tại đây cũng ngày càng đến gần hơn.

Hoa Kỳ đã đưa đến nơi đây (tính đến ngày 10 tháng Giêng) 375,000 quân, lực lượng đa quốc vào khoảng 200,000 quân khác, để đối đầu với đạo quân Iraq đã vượt quá khỏi mức triệu quân, khi các đợt quân mới được bổ sung thêm, cho đến lứa tuổi 17, theo luật tổng động viên của nước này.

Nỗ lực hòa bình cuối cùng của Hoa Kỳ, là cuộc gặp gỡ của hai Ngoại trưởng James Baker và Ngoại trưởng Iraq, Tariq Aziz, hôm 9 tháng Giêng tại Geneva, Thụy Sĩ, đã không mang lại kết quả khả quan nào hết.

Sau sáu tiếng rưỡi đồng hồ họp bàn, Ngoại trưởng Baker đã tuyên bố với báo chí, là: "Thật đáng tiếc, tôi không nghe được điều gì để cho thấy lập trường linh động của phía Iraq".

"Nếu Iraq không chấp nhận để rút hết khỏi Kuwait vào ngày 15 tháng Giêng, theo thời hạn quy định của Liên Hiệp Quốc, thì chính là họ đã chấp nhận một cuộc đối đầu quân sự, mà họ không thể nào thắng được".

Về phía Iraq, Ngoại trưởng Tariq Aziz đã nhất định đòi phải thảo luận về vấn đề Palestine, nếu muốn tìm một giải pháp cho Kuwait.

Ngoại trưởng Iraq đưa ra luận cứ nói rằng cần phải giải

quyết vấn đề hòa bình và an ninh toàn vùng Trung Đông.

Ngoại trưởng Iraq tuy đọc kỹ bức thư của Tổng thống Bush chuyển gởi cho Tổng thống Saddam Hussein, nhưng từ chối nhận, vì cho rằng ngôn ngữ trong thư không tương xứng với ngôn ngữ trao đổi giữa hai nguyên thủ quốc gia.

Trong cuộc họp báo tại tòa Bạch Ốc, sau khi được thông báo về kết quả cuộc họp của hai Ngoại trưởng Hoa Kỳ và Iraq tại Geneva, Tổng thống Bush cho hay ông thất vọng trước kết qủả cuộc họp ở Geneva. Iraq không hề có chút linh động nào cả".

Các tin khác

● *Hãng thông tấn Reuter* hôm 9 tháng Giêng, thuật rằng nhà cầm quyền Việt Nam ra lệnh cấm các loại xe hơi di chuyển xa hơn 500 km, hầu tiết kiệm nhiên liệu.

Đây là một chiến dịch nhằm đối phó với giá nhiên liệu ngày càng tăng trên thế giới, đồng thời giải quyết tình trạng khan hiếm nhiên liệu do việc Liên Xô không còn cung cấp các loại nhiên liệu cho Việt Nam với giá rẻ nữa.

Quy định này cũng nói đến việc cấm di chuyển bằng xe hơi giữa Hànội và Sàigòn, trung tâm thương mại chính yếu ở phía Nam, cách nhau 1,700 km.

● *Công ty thương mại Sumitomo Corp. M.T.T.* hôm 7 tháng Giêng cho biết công ty này sẽ lập các văn phòng đại diện tại Hànội và Sàigòn, trong tháng Hai hay tháng Ba 1991.

Các công ty thương mại Nhật Bản khác, như Nissho Corp., Toyo Menka Kaisha, Kanematsu Gosho, cũng đã lập văn phòng đại diện tại Việt Nam từ trước rồi.

● *Nữ nghệ sĩ trẻ đẹp của Philippines (Phi Luật Tân)*, Lea Salonga sẽ được phép tái tạo nhân vật đã mang lại danh vọng cho cô trong suốt hơn năm qua, trong vở ca kịch "Miss Saigon", trên sânkhấu Broadway, New York. Vở *Miss Saigon* thu được thành công rực rỡ tại London (Anh Quốc), sẽ được trình diễn tại Broadway, từ tháng Ba tới.

Nữ nghệ sĩ Lea trước đây đã bị tổ chức nghệ sĩ Actors' Equity của Hoa Kỳ chống đối việc xuất hiện của cô trên sân khấu Broadway vì nại cớ rằng tại Hoa Kỳ thiếu gì nghệ sĩ mà phải mời đến cô.

Vở "Miss Saigon" sẽ trình diễn một số buổi ra mắt tại rạp hát Broadway từ ngày 23 tháng Ba và sẽ bắt đầu trình diễn cho công chúng, kể từ ngày 11 tháng Tư.

Số vé được đặt mua trước, nay đã lên đến tổng giá trị là 31 triệu đô la đạt kỷ lục về trường hợp mua vé trước trong lịch sử của Broadway.

● *Hãng hàng không Việt Nam* đã né được lệnh cấm vận của Hoa Kỳ, bằng cách đi thuê được một phản lực cơ Boeing 737 của Hòa Lan, mà Hànội hy vọng sẽ gia tăng được mức vận chuyển hành khách cho hãng Hàng không của họ, trong vùng Á Châu.

Hàng không Việt Nam thuê lại chiếc Boeing 737-300 này, của hãng Transavia, một chi nhánh của hãng hàng không Hòa Lan KLM và trong hợp đồng cho thuê bao gồm cả việc "cho mượn" một phi hành đoàn, yểm trợ kỹ thuật cũng như cung cấp các bộ phận rời, để thay thế, và phải trả mỗi tháng là 500,000 đô la.

● "*Luật làm ăn cá thể*" đã được Hànội ban hành hôm 3 tháng Giêng, với hy vọng sẽ giúp phát triển các ngành làm ăn tư nhân trong khi vẫn ngăn chận được tệ làm ăn gian dối và các tội trạng kinh tế khác.

Luật này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng Tư, cho phép các công dân thường, từ 18 tuổi trở lên được đứng ra làm ăn cá thể.

● *Lần đầu tiên* một phái đoàn chuyên viên Hoa Kỳ đã đến Hànội từ hôm 2 tháng Giêng để được phép tham khảo các tài liệu và hồ sơ lịch sử của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam, hầu giúp tìm ra tung tích của khoảng 2,288 quân nhân Hoa Kỳ vẫn còn bị ghi mất tích trong khi phục vụ trong vùng Đông Nam Á Châu.

Các phái đoàn Hoa Kỳ trước đây đến Việt Nam để tìm tung tích quân nhân Hoa Kỳ mất tích, thường chỉ dựa trên một số trường hợp cụ thể đã được biết đến, qua các chứng nhân hay tài liệu đã được công bố, chứ không hề được phép lục lọi các tài liệu chưa được phổ biến.

● *Một phái đoàn kinh tế gia Hoa Kỳ* đã đến thăm Việt Nam và được Đỗ Mười tiếp kiến hôm 15 tháng Chạp tại Hànội.

Phái đoàn này thuộc các viện đại học Harvard, Bucknell cũng như viện đại học California, đặt dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Miller Cale. Phái đoàn kinh tế Hoa Kỳ đã thông báo cho Đỗ Mười về các vấn đề kinh tế thế giới cũng như các mối liên lạc quốc tế.

Họ cũng đã trao đổi các quan điểm với Đỗ Mười về sự phát triển xã hội kinh tế của Việt Nam, và bầy tỏ ước mong của họ về việc đẩy mạnh sự hợp tác kinh tế với Việt Nam.

● *Cựu Ngoại trưởng Việt Nam Cộng Hòa*, Trần Văn Đỗ, đã qua đời tại một bệnh viện ở miền Bắc Paris, Pháp, hôm 20 tháng Mười Hai, 1990. Ông hưởng thọ 86 tuổi.

Bác sĩ Đỗ là một nhân vật chính trị quốc tế, và các hoạt động suốt năm thập niên qua của ông, đã gắn liền với lịch sử hiện đại của Việt Nam, nhất là của miền Nam Việt Nam.

Ông đã được cả thế giới biết đến lần đầu tiên, trong giai đoạn chót của Hội ghị Geneve 1954, chia cắt Việt Nam thành hai miền Nam, Bắc.

Báo chí Tây phương lúc đó đã tường thuật là B.S. Đỗ đã khóc khi biết rằng giải pháp chia đôi đã được chấp nhận.

K

LÊ THỤY

Sách báo Trong tháng

NGUYỄN NAM ANH

NGOÀI GIẤC NGỦ, *Thơ* THƯỜNG QUÁN, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 130 trang. Đề giá 11MK.

Thường Quán là một nhà thơ "khó" trong ngôn ngữ, trong thể điệu, trong tư duy. Khó đến với người đọc, khó để người đọc theo. Chữ nghĩa ông làm người ta sững lại. Những hình ảnh trong thơ nhảy vọt, từ "băng tần" này sang "băng tần" khác trong một nhịp điệu bất thường, ngược ngạo.

Thơ Thường Quán có đôi chỗ gặp thơ Thanh Tâm Tuyền.

Cần mua, xin liên lạc
Nhà xuất bản Văn Nghệ
10881 Oak Street
Stanton, CA 90680
(714) 527-5761

KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI, *Khảo luận* của NGUYỄN VĂN XUÂN, Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 120 trang. Đề giá 7MK.

Đây là tác phẩm đã được nhà xuất bản Thời Mới ấn hành năm 1969. Hai mươi mốt năm sau Văn Nghệ tái bản.

Ở mục lục cuốn sách (tr.121) người ta thấy tác phẩm chia làm *sáu phần*.

Phần một là "Văn Nghệ Miền Nam Nhìn Từ Miền Trung" và phần chót là "Một Thời Mới".

Khoan nói tính luận lý trong các phân đoạn. Nếu người đọc mở sách ra từ trang đầu và lật dò đến trang chót sẽ thấy tác phẩm gồm *năm phần*.

Phần mở của sách là *Văn Nghệ Miền Nam Nhìn Từ Miền Trung* và phần một là *Văn Nghệ Miền Bắc Di Chuyển Vào Nam Và Tại Sao Văn Học Miền Nam Căn Bản Là Nói và Trình Diễn*.

Người đọc có cảm tưởng cuốn sách viết về văn nghệ miền Nam dưới mắt nhìn của một nhà khảo cứu người (miền) Trung. Hay nói cách khác đứng từ góc cạnh của người miền Trung, nhà biên khảo xem xét văn nghệ miền Nam. Cách nào nghe ra cũng không ổn. Kể cả những mục tựa của nó.

Cuốn sách được tác giả hoàn thành trên giường bệnh vào Hè 1967. Người ta không hiểu tại sao nhà Văn Nghệ tái bản một cuốn sách mà vấn đề do tác phẩm đặt ra đã mất hết màu sắc. Đó là chưa kể cách đặt vấn đề của tác giả.

Liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

NHỤC BỒ ĐOÀN, Thiên hạ đệ nhất phong lưu tiểu thuyết của LÝ NGƯ. Bản Việt ngữ của Long Vân VŨ HUY QUANG. Xuân Thu xuất bản. Sách dày 255 trang. Đề giá 18MK.

Đây là một tác phẩm được dịch giả Long Vân Vũ Huy Quang tổng hợp từ hai văn bản, một là *bản thảo viết tay* Việt ngữ, ký tên Vĩnh Thanh (dịch từ Hoa Văn của Tình Ẩn tiên sinh).

Bản thứ hai là bản Anh ngữ nhan đề Jou Pu Tuan của Richard Martin (cuốn này dịch từ bản Đức ngữ của Franz Kuhn). Cuốn của Franz Kuhn được dịch dựa trên hai văn bản Nhật ngữ và Hoa ngữ.

Đó là nói về bản dịch.

Về tác giả: Lý Ngư (1611-1680) là một nhà soạn kịch, tiểu thuyết gia, tiểu luận gia, đạo diễn, họa sĩ, người Chiết Giang, Quảng Tây. Lâm Ngữ Đường gọi Lý Ngư là một bậc thầy về nghệ thuật sống.

Về tác phẩm: Nhục Bồ Đoàn là một tác phẩm lớn trong kho tàng văn học Trung Quốc, nó có những điểm tương đồng với Kim Bình Mai.

Liên lạc:
Nhà xuất bản Xuân Thu
P.O.Box 97
Los Alamitos, CA 90720

KHÔNG CÓ MÂY TRÊN THÀNH PHỐ LOS ANGELES, *Tập truyện và Tùy bút* của LÊ UYÊN PHƯƠNG, Tân Thư xuất bản. Sách dày 220 trang. Đề giá 12MK.

Người ta thường nghe và biết Lê Uyên Phương như một nhạc sĩ / ca sĩ, ít ai biết Lê Uyên Phương còn là một người cầm bút. Lê Uyên Phương là một ngạc nhiên trong giới viết lách. Tôi nghĩ rằng người ta đã bất công khi—từ bao lâu nay—không nhìn ra nhà văn Lê Uyên Phương. Những giòng chữ của anh cũng có sức lôi cuốn như âm nhạc của anh vậy.

Những tựa đề trong tập sách của anh đơn giản nhưng đầy âm điệu. Anh cho người đọc cái cảm tưởng là anh viết dễ dàng, nhưng rõ ràng là để viết nên những dòng chữ "Không có mây trên thành phố Los Angeles", Lê Uyên Phương đã viết với đầy đủ trách nhiệm và trí tuệ của một người cầm bút chân chính. Xin cám ơn bạn đã cho chúng tôi thưởng thức một tác phẩm văn học đích thực trong thế giới chữ nghĩa vốn nhẹ nhổm hôm nay, tại đây. (NNA)

MỤC LỤC CHỈ DẪN

THẾ KỶ 21

Từ số 19 đến số 21
Xếp theo mẫu tự A, B, C
Tên bài, loại bài, tác giả, số báo, số trang

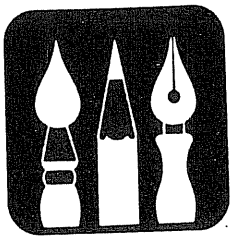

A

Áp lực kinh tế của người Hoa đối với Việt Nam, *Biên khảo*, THẾ UYÊN, *21*, 64-73

B

Bệnh mất trí nhớ Trung Hoa, *Tiểu luận*, PHƯƠNG LỆ CHI / ĐẶNG HOÀNG dịch, *19*, 24-27

"Buồn bã, đất nước như một nồi cám heo", *Phỏng vấn Nhật Tiến*, N.N.A., *19*, 68-70

Bên lề hội luận, *Ghi chép*, QUẢN MỸ LAN, *20*, 72

Bàn về lãnh đạo, *Tiểu luận*, VƯƠNG HỮU BỘT, *21*, 9-12

Ba điều tâm niệm cho binh sĩ Hoa Kỳ tham chiến tại Trung Đông, Hí họa, GÚC, *21*, 14

Bàn về một khía cạnh của bản kiến nghị Bùi Tín, *Bình luận*, TÔN THẤT THIỆN, *21*, 15-16

Borges và chính tôi, *Tùy bút*, JORGE LUIS BORGES, *21*, 47

C

Chờ, *Thơ*, NGUYỄN TẤN HƯNG, 19-67

Cánh đồng cho em, *Truyện*, HOÀNG MAI ĐẠT, *20*, 22-29

Chuyện ông Bùi Tín, *Ghi nhận*, NGUYỄN HỮU CHUNG, *21*, 13-14

Chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội nào cho nước Việt Nam hậu cộng sản, *Tham luận*, NGUYỄN VĂN ÁI, *21*, 23-26

Cáo phó: Chủ nghĩa cộng sản cáo chung, *21*, 33

Canh bạc, *Truyện*, NGÔ NGUYÊN DŨNG, *21*, 35-39

Cũng đời em ngày nọ, *Thơ*, HUỲNH LIỄU NGẠN, *21*, 46

Chuyện cổ tích Đông phương, *Thơ*, KHOA HỮU, *21*, 51

Chùa hay nhà thờ, *Chữ và Nghĩa*, ĐỖ TỈNH, *21*, 77-78

D - Đ

Dân chủ đa nguyên, *Tham luận*, VƯƠNG HỮU BỘT, *19*, 9-15

Đọc thơ Khánh Trường, *Thơ*, ĐỖ QUÝ TOÀN, *19*, 67

Đấu cờ tướng, *Truyện phóng tác*, ĐỖ QUÁN ANH, *19*, 79-82

Đường qua, *Thơ*, NHƯ CHI, *20*, 41

Điều xác tín, *Thơ*, OCTAVIO PAZ/NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch, *20*, 55-57

Đấu cờ tướng, *Truyện phóng tác*, ĐỖ QUÁN ANH, *20*, 82-84

Đặt vấn đề cơ chế dân chủ đa nguyên, *Tham luận* (Tóm lược), TRẦN THANH HIỆP, *21*, 17-22

Dấu lìa ngõ ý, *Truyện*, NGUYỄN THỊ LONG AN, *21*, 44-46

Đôi mắt, *Truyện*, TRẦN MỘNG TÚ, *21*, 48-55

Đấu cờ tướng, *Truyện phóng tác*, ĐỖ QUÁN ANH, *21*, 79-82

G

Gặp gỡ lần đầu tại Washington, *Thời sự Tháng qua*, LÊ THỤY, *19*, 71-73

Góp ý về vấn đề Quốc-Cộng, *Góp ý*, VƯƠNG HỮU BỘT, *20*, 16-17

K

Không lời, *Hí họa*, VẸT, *19*, 11

Không lời, *Hí họa*, VẸT, *19*, 23

Không lời, *Hí họa,* VẸT, *20,* 17

Không lời, *Hí họa,* GÚC *20,* 76

Không lời, *Hí họa,* VẸT, *21,* 26

L

Lục bát mộng du, *Thơ,* NGUYỄN MẠNH TRINH, *20,* 52

Lời nói cũ, *Thơ,* TRẦN SA, *21,* 42

M

Một khía cạnh mới của báo chí hải ngoại, *Tham luận,* NGUYỄN QUANG, *20,* 10-11

Một chuyến ra khơi (và nhiều sách khác), *Sách báo Trong tháng,* NGUYỄN NAM ANH, *20,* 85

Mù Sương, Sớm Mai Huế, *Thơ,* HOÀNG XUÂN SƠN, *21,* 34

Một vài nét về Iossip Brodski, *Giới thiệu và dịch thơ* I.B., DIỄM CHÂU, *21,* 56-58

N

Những chặng đường tiến tới dân chủ đa nguyên, *Tham luận,* LƯU VĂN VỊNH, *19,* 20-23

Ni gauche, Ni droite, *Thơ,* NGUYỄN BÁ TRẠC, *19,* 51

Những đóng góp của văn học nữ quyền vào phê bình văn học mới, *Bình luận Văn học,* ĐÀO TRUNG ĐẠO, *19,* 52-61

Nhã nhặt ca, *Thơ,* TRẦN DẠ TỪ, *19,* 59

Nhìn lại phong trào Nhân văn Giai phẩm, *Tiểu luận,* NGUYỄN HƯNG QUỐC, *19,* 62-67

Nếu nợ là Huế. . ., *Chữ và Nghĩa,* ĐỖ TỈNH, *19,* 74-75

Nực cười châu chấu. . . kéo xe, *Hí họa,* GÚC, *20,* 14

Người đàn bà bị tai nạn, *Truyện,* VŨ QUÍ HẠO NHIÊN, *20,* 44-49

Như ta nghe mưa, *Thơ,* OCTAVIO PAZ / THẠCH CHƯƠNG dịch, *20,* 54

Nhờ đâu Boris Yeltsin leo cao?, *Tiểu luận,* MIKHAIL ZARAEV / LÊ SƠN lược dịch, *21,* 27-33

Octavio Paz: Nobel văn chương 1990, *Thư Hoa Thịnh Đốn,* BÙI BẢO TRÚC, *19,* 42-44

P

Phía bên kia mặt trời, *Truyện,* HÀN SONG TƯỜNG, *19,* 36-39

Phạm Duy, buổi chiều và những dự phóng tiếp nối, *Nghe nhạc,* LÊ KIM ĐÍNH, *19,* 47-50

Phù sinh, *Thơ,* KHOA HỮU, *20,* 29

Phượng à, Phượng à, về Quê hương ta, *Giới thiệu,* ĐỖ QUÝ TOÀN, *20,* 50-52

Phổ biến bản "Dự thảo Cương lĩnh". . ., *Thời sự Tháng qua,* LÊ THỤY, *21,* 74-76

Q

Quà tăng, *Thơ,* NGUYỄN ĐỨC VINH, *20,* 53

S

Sàigòn cũ, *Thơ,* TRẦN TUẤN, *19,* 31

San Francisco, thánh địa của nhà thơ đang đi tìm công chúng, Giới thiệu, ELGY GILLESPIE, NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG *dịch, 19,* 45-46

Sinh nhật, *Thơ,* LƯU HY LẠC, *19,* 69

Sân sau, *Truyện,* TẠ THÁI, *20,* 40-43

Sông Côn Mùa Lũ,. . ., *Sách báo Trong tháng,* NGUYỄN NAM ANH, *21,* 83-85

T

Thử tìm một phương cách để thiết lập dân chủ ở Việt Nam, *Bình luận Chính trị,* NGUYỄN HỮU CHUNG, *19,* 16-19

Trước giá vẽ âm thầm: Huỳnh Văn Nương, *Nhân vật,* LÊ PHỤC SINH, *19,* 40-41

Tản Đà ngông như thế nào?, *Trong cõi Người ta,* VƯƠNG HỮU CÔNG TỬ, *19,* 76-78

Từ chốn lưu đày (và các sách khác), *Sách báo Trong tháng,* NGUYỄN NAM ANH, *19,* 83-85

Thành thật nhưng không mất trí nhớ, *Tham luận,* NGUYỄN HỮU CHUNG, *20,* 18-19

Tâm ảnh, *Truyện,* TRẦN VŨ, *20,* 30-38

Trâm anh, *Thơ,* NGUYỄN HOÀNG NAM, *20,* 39

Thù, *Thơ,* TRẦM PHỤC KHẮC, *20,* 53

Thử đề nghị một phương pháp giảng dạy Việt ngữ trong các học đường Úc, *Biên khảo,* BỬI KHẢI, *20,* 58-67

Từ nghị định Doumer, 1898 đến dụ Thành Thái 1906, *Góp ý,* BẰNG VŨ, *20,* 68-69

Tóm lược nội dung cuộc hội luận về Dân chủ Đa nguyên, *Ghi lại,* VŨ THIỆN HÂN và NGUYỄN VĂN HUY, *20,* 70-76

Tham nhũng, buôn lậu, hối lộ. . ., *Thời sự Tháng qua,* LÊ THỤY, *20,* 77-79

Tiên thiên và hậu nghiệm, *Chữ và Nghĩa,* ĐỖ TỈNH, *20,* 80-81

Thơ xuôi, *Thơ,* MARVIN COHEN, NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch, *21,* 63

U

Uất ca, *Thơ,* Nguyễn Mạnh An Dân, *21,* 37

V

Vấn đề Quốc Cộng trong cuộc tranh đấu loại trừ chế độ CSVN, *Tham luận,* TÔN THẤT THIỆN, *20,* 12-15

Vũ trụ không có trung tâm, *Tham luận,* PHƯƠNG LỆ CHI, *20,* 20-21

X

Xuân xưa Huế vàng, *Truyện ngắn,* TÚY HỒNG, *19,* 28-35

Xem tập truyện Có Yêu Em Không? Của Khánh Trường, *Đọc sách,* PHẠM VĂN HẢI, *21,* 59-63

Y

Yêu người độ lượng, *Truyện,* HOÀNG DU THỤY, *21,* 40-43

20 họa sĩ Việt Nam hải ngoại triển lãm nghệ thuật tạo hình tại Quận Cam

Quận Cam -- Hai mươi họa sĩ Việt Nam hải ngoại đã đóng góp tranh tượng, đồ họa, cây hoa trong một cuộc triển lãm nghệ thuật tạo hình đầu tiên tại Phòng Triển Lãm Nghệ Thuật Thế Kỷ nằm trên đường Moran, thị xã Westminster, Little Saigon.

Trong buổi tiếp tân khai mạc hồi 5 giờ chiều Thứ Bảy 19 tháng Giêng, 1991 với sự hiện diện của các họa sĩ và dưới sự chủ tọa của Thị trưởng thị xã Westminster Chuck Smith hơn 100 khách và thân hữu của phòng tranh đã đến xem tranh.

Ngay trong buổi khai mạc, tranh của các họa sĩ Nguyễn Thị Hợp, Bé Ký, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức, Nghiêu Đề, và Khánh Trường đã lọt mắt xanh những người thưởng ngoạn nghệ thuật.

Phòng triển lãm sẽ kéo dài đến hết ngày Chủ Nhật 17 tháng Hai 1991.

Tuần lễ từ 9 đến 17 tháng Hai 1991 có thêm triển lãm Hoa Phong Lan của Ngô Bảo.

Được biết phòng tranh đầu tiên của 20 họa sĩ Việt Nam hải ngoại gồm Bé Ký, Cao Trung, Hồ Thành Đức, Khánh Trường, Lê Chi, Nghiêu Đề, Ngô Bảo, Nguyên Khai, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Tam, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Việt, Phạm Hoàng, Quảng Thành, Thái Bá và Trương Thị Thịnh.

Đa số các họa sĩ nói trên hiện cư ngụ tại vùng Los Angeles Orange County và San Diego. Các họa sĩ ở xa gửi tranh về có Nguyễn Trọng Khôi (Boston, MA), Trương Thị Thịnh (San Jose, CA), Đinh Cường (Washington, DC).

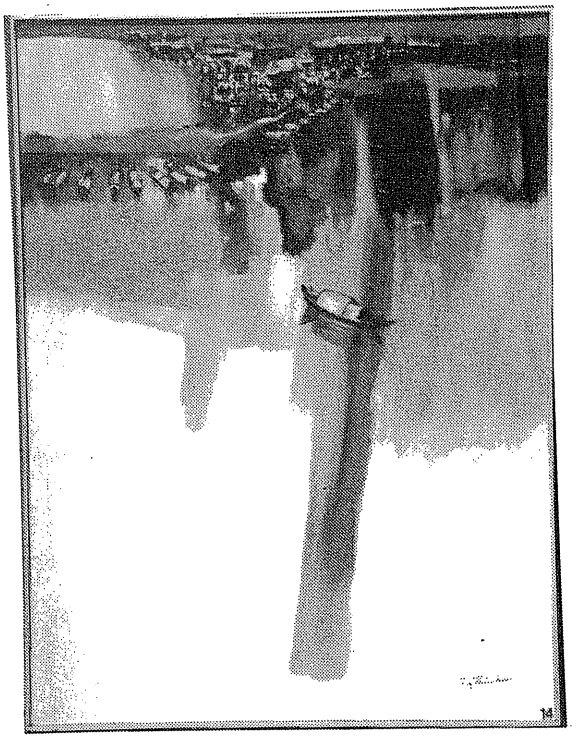

TRUONG THI THINH
Market by the riverside
Oil

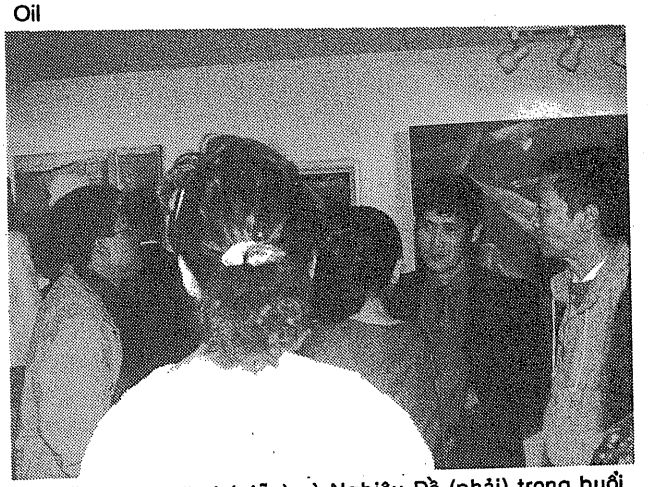

Họa sĩ Nguyên Khai (giữa) và Nghiêu Đề (phải) trong buổi khai mạc phòng Triển Lãm Nghệ Thuật tạo hình của 20 họa sĩ Việt Nam hải ngoại chiều thứ Bảy 19 tháng Giêng, 1991.

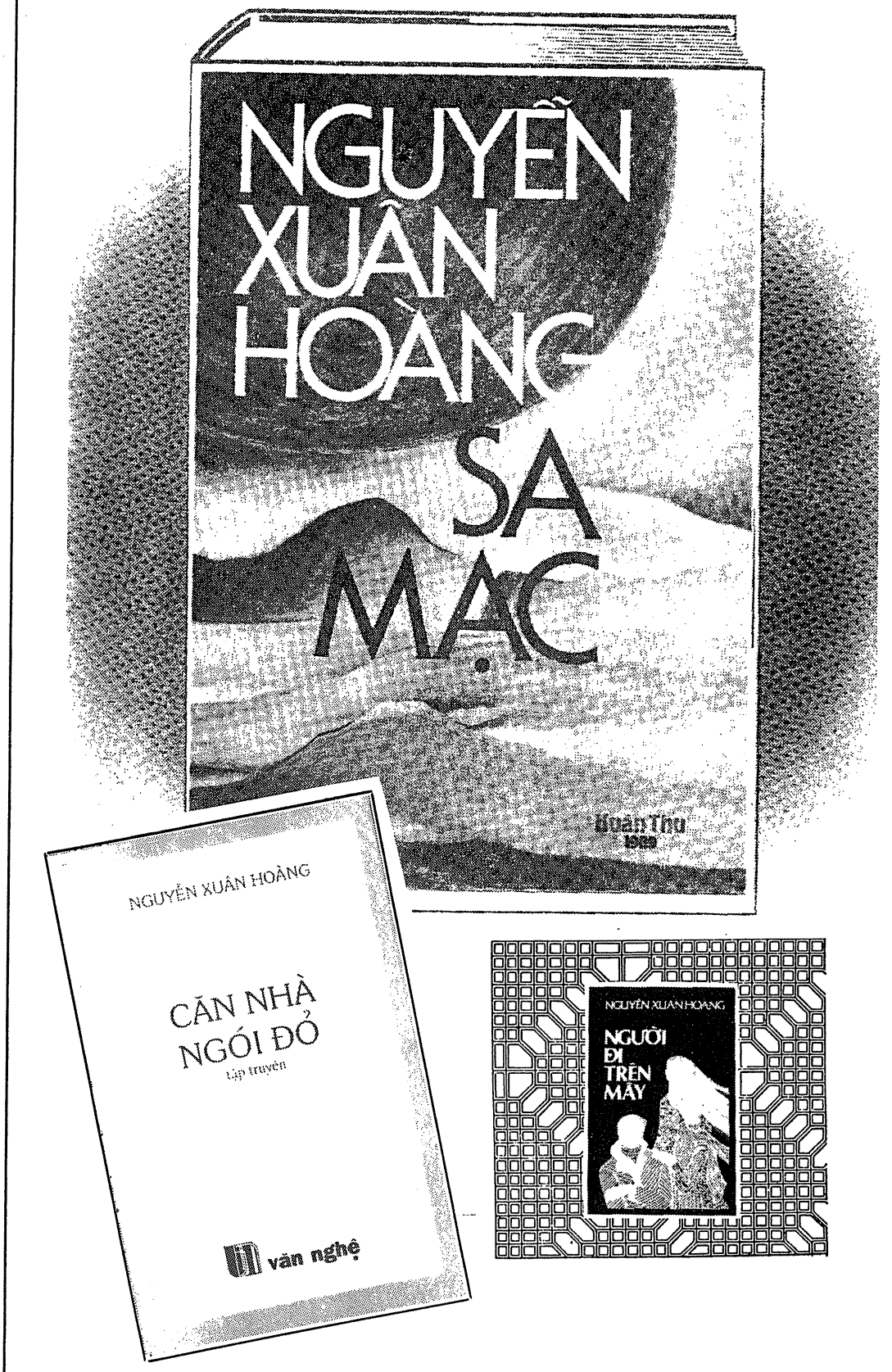
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
SA MẠC
Quân Thu
1989
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ
tập truyện
văn nghệ
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY

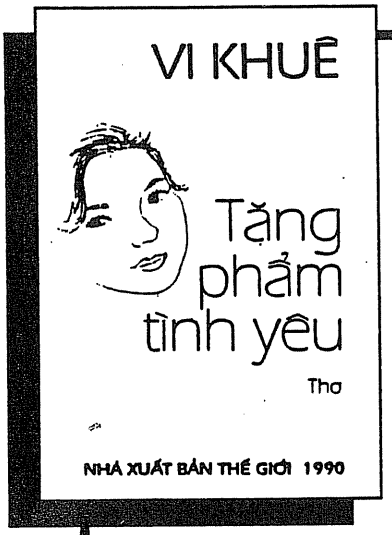

Mua để tặng nhau
tặng phẩm trang nhã nhất:

TẶNG PHẨM TÌNH YÊU

Tập thơ thứ ba của

Vi Khuê

Rạng rỡ thiên nhiên
thắm thiết tình cảm
nồng nàn tình yêu
tràn ngập hình ảnh quê hương

TẶNG PHẨM TÌNH YÊU, tập thơ thứ ba của *Vi Khuê* do nhà xuất bản THẾ GIỚI phát hành khắp hải ngoại. Có bán tại các hiệu sách lớn.
Giá 10 mk + cước phí xa, gần. Sách có lời đề tặng của tác giả, xin hỏi mua tại:
Vi Khuê
5649 Mt Burnside Way - Burke, Virginia 22015

* CHẾ ĐỘ Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU:
Nguyên nhân biến đổi?
đang diễn biến ra sao?
* NGƯỜI VIỆT TẠI ĐÔNG ÂU:
Hoàn cảnh?
Suy nghĩ?
Tâm tư?
Đang tranh đấu gì?
Việt Nam sẽ biến đổi?
Khả năng đóng góp của người Việt hải ngoại?
Sức mạnh chuyển động của người Việt trong nước?

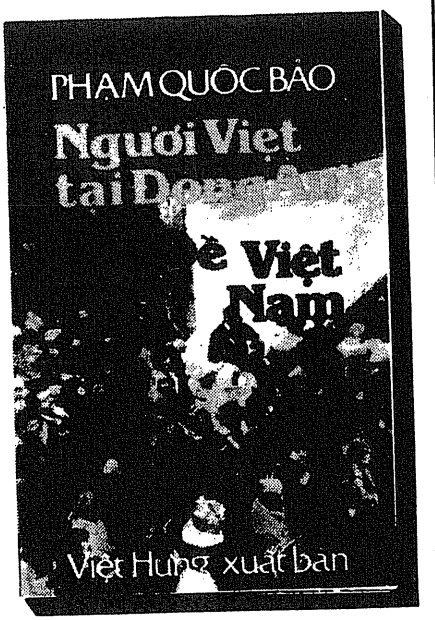

Mua sách lẻ, chi phiếu quốc tế xin đề:
Ngọc Hương Ngô Phạm
14381 Pleasant St.
Garden Grove, CA 92643
USA
Điện thoại: (714) 531-2124

MUỐN TRỞ THÀNH CA SĨ VIDEO

- Muốn giọng ca và hình ảnh mình được lưu lại trên băng video để lưu niệm
- Thu hình với hệ thống tối tân, nhiều máy, để lấy những hình ảnh nổi nhất của bạn, do toán chuyên viên truyền hình thực hiện
- Thu thanh với đủ loại nhạc đệm thích hợp cho từng giọng ca.
- Có cơ hội tham dự các cuộc thi ca hát và diễn xuất dành riêng cho người thích nhạc tài tử như bạn
- Giá cả nhẹ nhàng vừa túi tiền mọi người

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc

Ông LÊ VĂN KHOA

VBC

14901 Moran St., Westminster, CA 92683

(714) 892-9414

BÁC SĨ NHA KHOA

PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN D.D.S.

14044 Magnolia Ave., # 125, Westminster, CA 92683

(Thương xá mới xây cất góc đường Magnolia & Westminster)

Tel: (714) 893-6768

* Tiến sĩ Nha Khoa tại University of Oklahoma
* Cử nhân hóa học

Giảng sư Đại học California Southern College of Medical & Dental
Đã từng cộng tác với nhiều Trung Tâm Nha Khoa danh tiếng tại vùng Trung Mỹ
Đang hành nghề chính thức tại California và Oklahoma
Hội viên của Hội American Dental Association
California Dental Association Oklahoma Dental Association
Tác giả sách "Tuổi Trẻ và Nụ Cười Nha Khoa Thẩm Mỹ" đã phát hành có bán tại các nhà sách VN

CHÚNG TÔI ĐẶC BIỆT SĂN SÓC HÀM RĂNG QUÝ VỊ TRÊN HAI LÃNH VỰC

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

— Bệnh nướu răng, bị sưng nướu, tuốt nướu, chảy máu khi đánh răng
— Làm sạch và đánh trắng răng
— Tẩy răng trắng (Bleaching)
— Lấy gân máu - Rott canal treatment
— Bọc răng, làm răng giả đủ loại
— Nha khoa phòng ngừa định kỳ

NHA KHOA THẨM MỸ

— Cosmetic Bonding chữa răng đổi màu, sứt mẻ thành răng đều đặn trắng như ngà.
— Chỉnh răng — Chữa răng mọc lệch
— Răng không đều. Răng có kẻ hở

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

(714) 893-6768

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10AM - 7PM
Khẩn cấp không cần hẹn cứ vô

Luật Sư

VŨ QUANG LÂM

ATTORNEY AT LAW

Với Sự Cộng Tác Của Luật Sư

JOSEPH P. DOWNS

Luật Sư tại các Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ,
Tòa Án Tiểu Bang California và Indiana

Phụ Trách:

- **LUẬT DI TRÚ:**
  Đoàn Tụ O.D.P., Di Dân, Nhập Quốc Tịch
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
  Lập Công Ty, Tổ Hợp, Khế Ước, Thương Vụ, Xuất Nhập Cảng...
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
  Sang, Thuê Nhà Cửa, Cơ Sở Thương Mại
- **HOẠCH ĐỊNH TÀI SẢN:**
  Di Chúc, Thừa Kế, v.v...
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  Ly Dị, Cấp Dưỡng, Phân Chia Tài Sản
- **HÌNH LUẬT:**
  Say Rượu, Lừa Gạt, Trộm Cắp, v.v...
- **KHAI KHÁNH TẬN TÀI SẢN**
- **LUẬT THUẾ VỤ:**
  Thuế Cá Nhân, Thuế Thương Mại

TAI NẠN XE CỘ

TAI NẠN NGHỀ NGHIỆP

TAI NẠN SIÊU THỊ

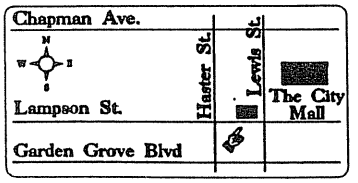

Tham Khảo Miễn Phí

QUÍ VỊ CÓ THỂ THAM KHẢO TRỰC TIẾP VỚI LUẬT SƯ

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy: *10 AM - 7 PM*
Chúa Nhật: *Làm việc theo hẹn*

12431 LEWIS ST., SUITE 102
GARDEN GROVE, CA 92640
(Trong khu Cityview Office Plaza)
Tel: (714) 748-4634
Fax: (714) 748-4637

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU

hân hạnh giới thiệu

sách mới phát hành tháng 12 năm 1990:

Con Rồng Việt Nam (610p, bìa cứng) hồi ký chánh trị 1913-1987, của Bảo Đại	$30.00
Đại Nam Quấc Âm Tự Vị (1210p, bìa cứng) của Paulus Huỳnh Tịnh Của	32.00
Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Tự Điển (1474p, bìa cứng) của Trịnh Vân Thanh	40.00
Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến (2273p, trọn bộ 3 cuốn) của Nguyễn Tấn Long	60.00
Ba Chàng Tị Nạn Độc Thân (284p) tiểu thuyết, của Hoàng Việt	12.00
Cụm A22 (228p, tình báo chiến lược Hànội tại dinh Độc Lập) của Trần Trung Quân	13.00
Đệ Nhất Phu Nhân (1240p, trọn bộ 2 cuốn) của Hoàng Trọng Miên	32.00
Đi Về Nơi Hoang Dã (264p) tiểu thuyết, của Nhật Tuấn	11.00
Đỏ Và Vàng (524p) tiểu thuyết, của Xuân Vũ	16.00
Đường Về Dân Ca (192p) biên khảo, của Phạm Duy	12.00
Ký Sự Đi Tây (180p) của Đỗ Kh.	10.00
Lịch Tử Vi Năm Tân Mùi 1991 (490p)	13.00
Mạng Người Lá Rụng (459p, tức Đường Đi Không Đến tập 3) của Xuân Vũ	16.00
Một Tù Binh Mỹ Ở Việt Nam (316p) của Duyên Anh	13.00
Người Tù Trong Cấm Thành (The Last Emperor, 366p) cuộc đời vua Phổ Nghi	13.00
Nhục Bồ Đoàn (260p) thiên hạ đệ nhất phong lưu tiểu thuyết, của Lý Ngư	18.00
Ó Đen (538p) hồi ký vượt biên của Lý Tống	18.00
Tình Dục Cho Tuổi Trên 40 (312p) tủ sách giáo dục sinh lý, của Bác Sĩ Đỗ Thế Nhân	18.00
Tự Vị Thế Kỷ (390p) tập truyện ngắn, của Xuân Vũ	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 1: Tình Khúc Mùa Xuân	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 2: Giáng Sinh	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 3: Tình Khúc Mùa Thu	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 4: Nghệ Sĩ Với Cây Đàn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 5: Tình Khúc Buồn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 6: Chuyện Chúng Mình	14.00
(Tuyển Tập 1 cho đến 6 có phần hòa âm dành cho dương cầm)	
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 7: Độc Tấu Guitare	12.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 8: Những Tình Khúc Bất Tử	10.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 9: Nhạc Pháp Lời Việt	10.00
Văn Học Từ Điển (374p) phần tiểu sử tác giả, của Thanh Tùng	11.00
Văn Phạm Việt Nam (462p) có thêm phần ngôn ngữ học, của Bùi Đức Tịnh	16.00

Xin gửi thư về Nhà Xuất Bản Xuân Thu để nhận được Thư Mục đầy đủ.
Gửi thư mua sách thẳng tại Xuân Thu được bớt từ 10% đến 30%.

Nói đến sách, nghĩ ngay đến một địa chỉ đáng tin cậy:

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720
(213) 430-3828

cuốn sách được chờ đợi nhiều nhất
của tác giả **Giải Khăn Sô Cho Huế**

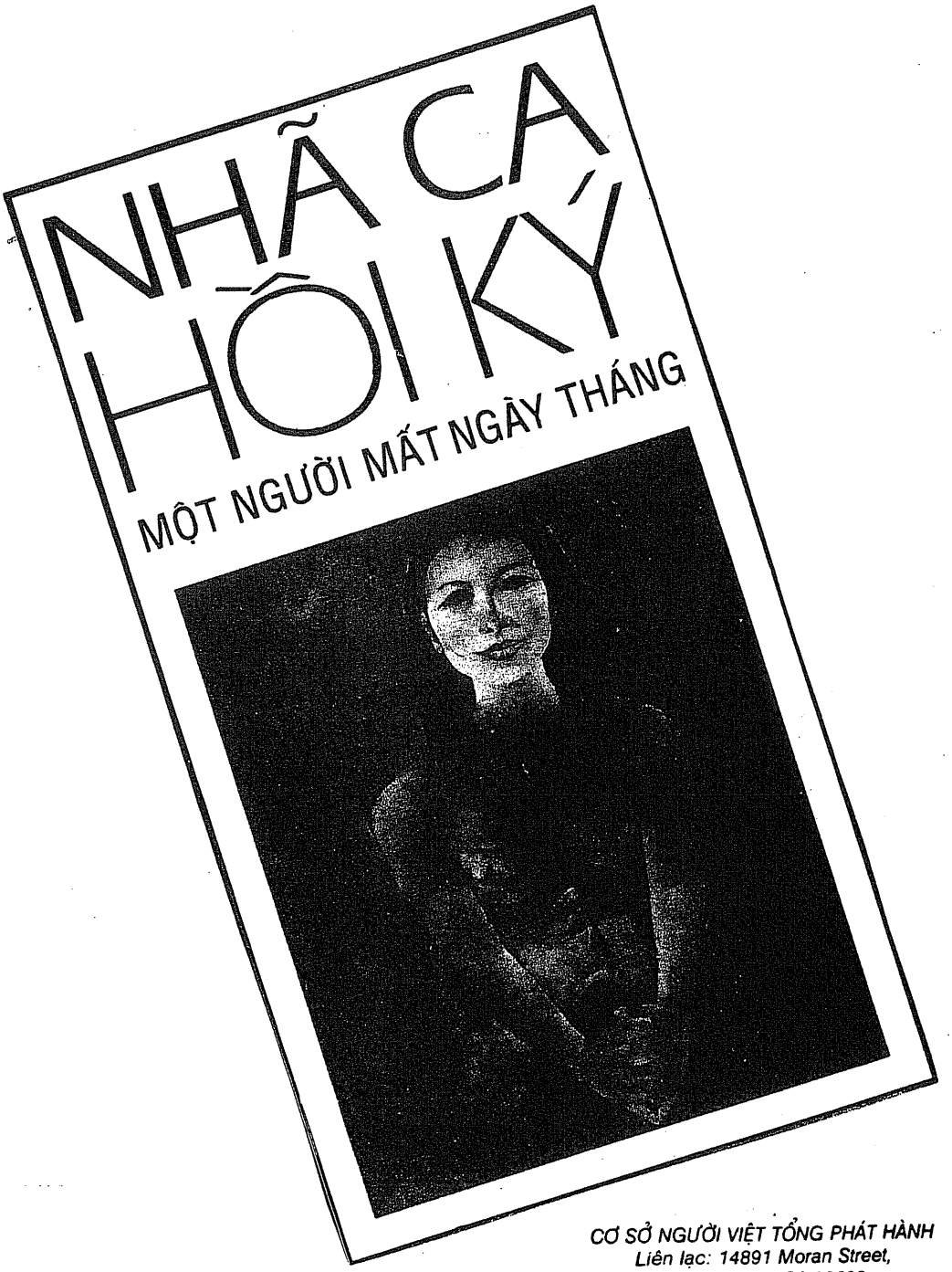

CƠ SỞ NGƯỜI VIỆT TỔNG PHÁT HÀNH
Liên lạc: 14891 Moran Street,
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414. Fax (714) 894-1381

600 trang - Giá bán: 24 Mỹ kim

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Bác Sĩ

Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

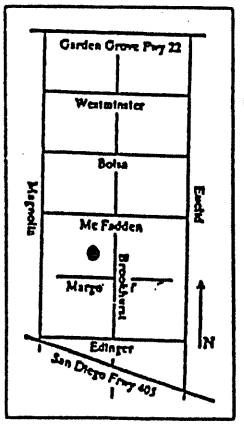

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị
Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Thế Kỷ 21
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 892-9414

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:** Điện thoại: _____

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Con Đường Giáo Dục

VÀ CÁCH DẠY HỌC THUỘC NGAY

Tổ chức: TRUNG GIANG LIỆP HỘ

404 S.Garfield Ave, #2. Monterey Park, CA.91754.U.S.A.

ooooooo

Với cộng tác

của tất cả mọi người VN trên Thế giới: biến mỗi mái nhà nên **Một ngôi trường** Chữ Việt, mỗi phụ huynh thành **Một Giáo chức** cho Gia đình, thay Đuốc văn minh soi rạng Ngàn-Nam Cõi-Bắc.

Dậy hai lớp: 1. Vần Chữ Việt: (28 giờ biết đọc)
2. Văn Hóa V.N. (cho tuổi trẻ biết tinh thần văn minh của Dân tộc)

Ban Tổ chức sẽ công hiến:

CON ĐƯỜNG GIÁO DỤC VÀ CÁCH DẠY HỌC THUỘC NGAY:

* Hướng dẫn con em nên người có đức, biết tự trọng, biết liêm sỉ, biết giữ vững cương thường, bảo tồn Quốc thể.
* Đào tạo trí nhớ, trí quan sát, tri suy luận, cho trẻ thuộc ngay, tiến mau và xuất sắc tại trường Quốc ngoại.

Sẽ gửi đến phụ huynh:

mỗi tuần 5 bài, dậy học từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, đánh số thứ tự: dễ trước khó sau, như dắt trẻ leo từng bậc thang, để phụ huynh không tài nào bỏ sót một ngày dậy học. Bỏ một ngày thì ngày hôm sau lủng tủng.

Phụ huynh chỉ phải dậy con mỗi ngày ½ giờ, trước khi đi ngủ, nhẹ nhàng, khoan khoái, ngon giấc điệp, xin chớ ngại ngùng:

Nhằm đúng sáng Thứ Hai mỗi tuần, gửi cho Ban Tổ chức một Bao thơ cỡ 15 x 23cm dán 50¢ tem, ngoài nước Mỹ dán 96¢. Bao thơ viết sẵn tên và địa chỉ của Phụ huynh để Ban Tổ chức gửi bài. Phía trên góc trái Bao thơ, viết tên và Địa chỉ Bạn Tổ chức. Phía dưới góc trái, viết rõ tên lớp nào quí vị muốn dậy, chỉ một lớp thôi, mới đủ thì giờ.

Cộng thêm: mỗi tuần một ngân phiếu cỡn con 3$50 Mỹ kim đề tên Ban Tổ chức nhận lãnh, trả thù lao cho Đại Đoàn Thư ký tí hon. Công việc của mỗi chú là photo bài vở rất kỹ lưỡng, để trước khó sau, xếp vào Bao thơ gửi gấp kịp thời. Về phần Tài liệu và Học phẩm: tất cả đều miễn phí.

@ Ngày nào các phụ huynh nhận được Bài vở đợt thứ nhất, tức Tổng khai giảng. Từ đây, hai bên trao đổi liên tiếp.

Tờ Quảng Bá này đăng một thời gian ngắn vì Ban Tổ chức không đủ ngân khoản. Vị nào bắt gặp, vui lòng sao nhiều copies gửi ít nhất 5 bạn hiền, thành một giây chuyền giáo dục khắp năm châu, cho tròn bổn phận với Giang sơn.

Nặng lòng: Cầu khẩn tất cả mọi người chúng ta, hy sinh cho Đất nước: **Bách niên chi kế mạc như thụ nhân.**
Kế hoạch 100 năm chi bằng dậy trẻ.

TRUNG GIANG LIỆP HỘ.

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

TUYỂN TẬP Thi Viết Văn Hè 88

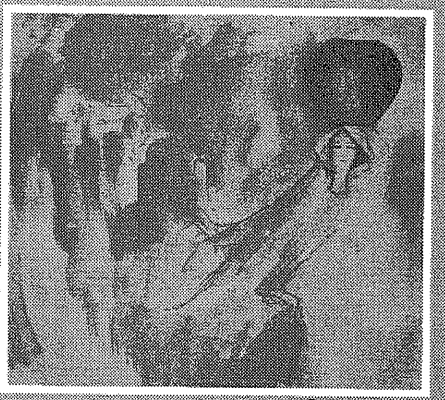

NGƯỜI VIỆT

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

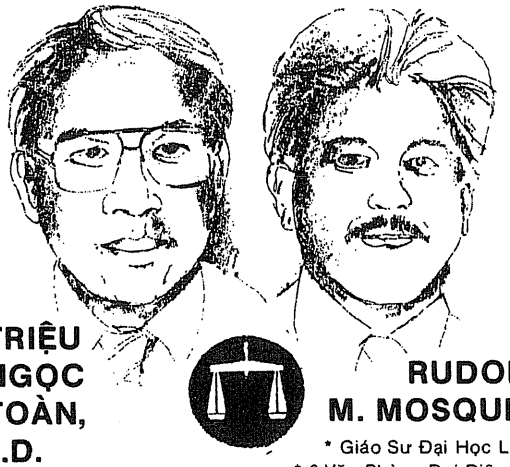

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- ĐỔI BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH
  * Vì Xe Cộ:
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  * Trượt Ngã Siêu Thị
  * Sơ Xuất Y Tế
- HÌNH LUẬT
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- LUẬT ĐỊA ỐC:
- DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:
- LUẬT THƯƠNG MẠI:
- KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:
- LUẬT GIA ĐÌNH:
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- DI CHÚC THỪA KẾ

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ **2-7: 10AM-7PM**
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LY CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

- **Los Angeles Office**
  3807 Wilshire Blvd., Suite 500
  Los Angeles, CA 90010
  Toll Free: **1-800-331-4725**

- **Westminster Office:**
  9211 Bolsa Ave., suite 222
  Westminster, CA 92683
  (Cạnh Siêu Thị 99)

Bộ Chữ Việt Nam

©Viet Nguyen 1984 ©VN Labs 1990

Trên IBM PC & PS/1 & PS/2

Do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Quốc Tế.

Dbase III&IV
Foxbase
Microsoft Word V4&V5
Norton Editor
PC-Write
Personal Editor
Professional Write
Quattro & Quattro Pro
Volkswriter V1&2&3&4
VP-Planner
Wordstar V4&V5
WordPerfect V4&V5
Works V1&V2
Ventura Publisher V1&V2&V3

Diplomat Software, Inc.

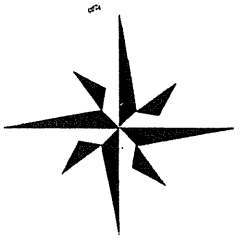

VN Labs
3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường

- **VN.COM version 7.7:** dùng tiếng Việt với Wordstar V4 & 5, Microsoft Word V4 & 5, Volkswriter V3 & 4, PC-Write, WordPerfect V4.2 & 5.0 & 5.1, Ventura Publisher V1.1 & 2.0 & 3.0, Dbase, Spreadsheets, vv.. trên mọi loại IBM PC/XT/AT và PS/2, in trên hầu hết các loại dot matrix và laser printers cùng Postscript printers. Chạy với mọi loại display adapters: EGA, CGA, MCGA, VGA, Hercules, Genius, Taxan, WYSE, vv.. Cách xử dụng vô cùng dễ dàng và tiện lợi.
- **VN Labs Word Processor:** đầy đủ tiện nghi, menu tiếng Việt, dùng mouse.
- **Nơi duy nhất chế tạo tiếng Việt đánh chữ trước, dấu sau trong các software thị trường,** không bị hạn chế vào một word processor.
- Bộ Chữ Việt Nam do VN Labs hiện đang được xử dụng tại nhiều cơ sở báo chí và các tổ chức Quốc Tế: Người Việt, SàiGòn Nhỏ, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Lý Tưởng, Liên Hiệp Quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, World Vision International, vv..
- **Tiếng Việt in nền đen chữ trắng ra Laserjet.**

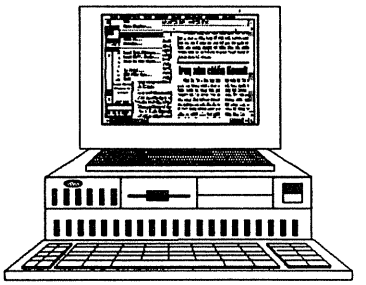

عربي
Ελληνικά
עִבְרִית
Русский

International Desktop

Software lấy bản An Sao $25
(dùng code Bộ Chữ VN Labs)

Nhìn, đánh, in tiếng Việt cho tên tuổi vào Computer và in ra Bản An Sao trong hạn lịch sách 1901 - 2000. In trên dot matrix hoặc Laserjet printer. Vui lòng liên lạc:

Thày Bói tại gia

Lá Số Tử Vi Computer $15

Do Cosmos Systems. Lời giải vô cùng tinh tường. Vui lòng gửi $15 cùng tên, tuổi, địa chỉ, nam hoặc nữ, về Cosmos Systems.

COSMOS SYSTEMS
P.O.Box 2482
Mission Viejo, CA 92690-0482
(714) 582-8233

VN FontsCD 55 kiểu chữ Việt tuyệt vời $195

Dùng với Corel Draw và Windows. Fonts lớn, nhỏ, đủ kiểu, đủ cỡ, tiện cho việc làm tựa đề, ấn loát, bích chương, vv.. có thể chuyển vào Ventura Publisher.

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

ABR — FACR — FACNM

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN,
ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ
VÀ TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC

10051 Bolsa Avenue, # A-2,
Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 / 839-4321

- Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah
- Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC
- Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC
- Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC
- Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC.
- Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA
- Nguyên Bác sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN
- Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley.

Những máy móc tối tân định các bệnh: Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.

- Truy tầm và hợp tác với các Bác Sĩ chuyên môn để trị liệu các Bệnh Ung Thư Ngực, Cổ, Tử Cung, Bao Tử, Ruột, Phổi v.v...

Dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.

Giá 3.00 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK